ThS. TRƯƠNG NGỌC THƠI
chuyên Lê Khiết, QN)

907
H561D

Chuẩn kiến thức

Hướng dẫn
ÔN THI TỐT NGHIỆP
TRUNG HỌC PHỔ THÔNG
môn
LỊCH SỬ

DVL.012826

(Tái bản, lần thứ nhất, theo cấu trúc đề thi mới nhất của Bộ GD&ĐT)

907
H561D

ThS. TRƯƠNG NGỌC THƠI

HƯỚNG DẪN ÔN THI TỐT NGHIỆP THPT
MÔN
LỊCH SỬ

THEO CẤU TRÚC ĐỀ THI CỦA
BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

(Tái bản lần thứ nhất)

56359

THƯ VIỆN TỈNH BÌNH THUẬN
ĐVL / 12826 / 13

NHÀ XUẤT BẢN THANH HÓA

NHÀ XUẤT BẢN THANH HÓA
248 Trần Phú – P. Ba Đình – TP. Thanh Hóa
Điện thoại: (037) 3852281 – 3722347 – 3853548
Fax: (037) 3853548
E-mail: nxbthanhhoa@yahoo.com

HƯỚNG DẪN ÔN THI TN THPT MÔN LỊCH SỬ

ThS. TRƯƠNG NGỌC THƠI

Chịu trách nhiệm xuất bản:
NGUYỄN HỮU CHÚC

Biên tập:
LÊ DẦN

Trình bày bìa:
THÁI VĂN

In 1.000 cuốn, khổ 16 × 24cm tại Công ti TNHH MTV In Tín Lộc - TP.Hồ Chí Minh.
Số ĐKKHXB: 452 – 2012/CXB/63 – 20/ThaH.
QĐXB số: 412/QĐ – ThaH, ngày 31/12/2012.
In xong và nộp lưu chiểu quý I năm 2013.

Lời nói đầu

Cùng các em học sinh thân mến!

Để kịp thời giúp các em nắm thật vững kiến thức, chuẩn bị cho kỳ thi tốt nghiệp năm học 2009 – 2010 và nhiều năm học sau này, chúng tôi biên soạn cuốn: **"HƯỚNG DẪN ÔN THI TỐT NGHIỆP THPT MÔN LỊCH SỬ"** theo chương trình ôn thi mới nhất của Bộ Giáo dục và Đào tạo vừa ban hành.

Sách viết dưới dạng vừa cung cấp kiến thức cơ bản, cô đọng, dễ nhớ, dễ hiểu để các em có điều kiện học tập và tiếp thu nhanh kiến thức môn Lịch sử lớp 12 trong thời gian ngắn.

Ngoài phần kiến thức cơ bản, chúng tôi còn giới thiệu một số đề thi tốt nghiệp trong những năm 2006 đến năm 2008 để các em tham khảo thêm về các dạng đề thi tốt nghiệp của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Nắm vững kiến thức cơ bản trong sách, các em sẽ vững tin bước vào các kì thi đang chờ đợi phía trước. Đây là tài liệu cần thiết và bổ ích cho các em học sinh lớp 12 cũng như các bạn đồng nghiệp.

Trong quá trình biên soạn, chắc không thể tránh khỏi những thiếu sót. Rất mong nhận được sự góp ý từ quý thầy, cô giáo dạy bộ môn Lịch sử cũng như các em học sinh yêu quý từ mọi miền đất nước.

Chúng tôi xin trân trọng cảm ơn.

TÁC GIẢ

CẤU TRÚC CHƯƠNG TRÌNH THI TỐT NGHIỆP THPT
MÔN LỊCH SỬ

I. PHẦN CHUNG CHO TẤT CẢ THÍ SINH

1 LỊCH SỬ THẾ GIỚI HIỆN ĐẠI TỪ NĂM 1945 ĐẾN NĂM 2000

- Sự hình thành trật tự thế giới mới sau Chiến tranh thế giới thứ II (1945 – 1949)
- Liên Xô và các nước Đông Âu (1945 – 1991). Liên bang Nga (1991 – 2000)
- Các nước Đông Bắc Á
- Các nước Đông Nam Á và Ấn Độ
- Các nước châu Phi và Mĩ La tinh
- Nước Mĩ
- Tây Âu
- Nhật Bản
- Quan hệ quốc tế trong và sau thời kì Chiến tranh lạnh
- Cách mạng khoa học – công nghệ và xu thế toàn cầu hoá nửa sau thế kỉ XX
- Tổng kết lịch sử thế giới hiện đại từ năm 1945 đến năm 2000

2 LỊCH SỬ VIỆT NAM TỪ 1919 ĐẾN NĂM 2000

- Phong trào dân tộc dân chủ ở Việt Nam từ năm 1919 đến năm 1925
- Phong trào dân tộc dân chủ ở Việt Nam từ năm 1925 đến năm 1930
- Phong trào cách mạng 1930 – 1935
- Phong trào dân chủ 1936 -1939
- Phong trào giải phóng dân tộc và Tổng khởi nghĩa tháng Tám (1939 – 1945). Nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà ra đời
- Nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà từ sau ngày 02 - 9 - 1945 đến trước ngày 19 -12 - 1946
- Những năm đầu của cuộc kháng chiến toàn quốc chống thực dân Pháp (1946 – 1950)
- Bước phát triển mới của cuộc kháng chiến toàn quốc chống thực dân Pháp (1951- 1953)
- Cuộc kháng chiến toàn quốc chống thực dân Pháp kết thúc (1953-1954)
- Xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc, đấu tranh chống đế quốc Mĩ và chính quyền Sài Gòn ở miền Nam (1954 - 1965)

- Nhân dân hai miền trực tiếp chiến đấu chống đế quốc Mĩ xâm lược. Nhân dân miền Bắc vừa chiến đấu vừa sản xuất (1965 – 1973)

- Cuộc đấu tranh trên mặt trận ngoại giao. Hiệp định Pari năm 1973 về chấm dứt chiến tranh, lập lại hoà bình ở Việt Nam

- Khôi phục và phát triển kinh tế- xã hội ở miền Bắc, giải phóng hoàn toàn miền Nam (1973 – 1975)

- Việt Nam trong năm đầu sau thắng lợi của kháng chiến chống Mĩ cứu nước năm 1975

- Việt Nam xây dựng chủ nghĩa xã hội và đấu tranh bảo vệ Tổ quốc (1976- 1986)

- Đất nước trên đường đổi mới đi lên CNXH (1986- 2000)

- Tổng kết lịch sử Việt Nam từ năm 1919 đến năm 2000

II. PHẦN TỰ CHỌN

1 LỊCH SỬ THẾ GIỚI TỪ NĂM 1945 ĐẾN NĂM 2000

a. Theo chương trình cơ bản

- Sự hình thành trật tự thế giới mới sau Chiến tranh thế giới thứ II (1945 – 1949)
- Liên Xô và các nước Đông Âu (1945 – 1991). Liên bang Nga (1991 – 2000)
- Các nước Đông Bắc Á
- Các nước Đông Nam Á và Ấn Độ
- Các nước châu Phi và Mĩ La tinh
- Nước Mĩ
- Tây Âu
- Nhật Bản
- Quan hệ quốc tế trong và sau thời kì Chiến tranh lạnh
- Cách mạng khoa học – công nghệ và xu thế toàn cầu hoá nửa sau thế kỉ XX
- Tổng kết lịch sử thế giới hiện đại từ năm 1945 đến năm 2000

2 LỊCH SỬ VIỆT NAM TỪ NĂM 1919 ĐẾN NĂM 2000

- Phong trào dân tộc dân chủ ở Việt Nam từ năm 1919 đến năm 1925
- Phong trào dân tộc dân chủ ở Việt Nam từ năm 1925 đến năm 1930
- Phong trào cách mạng 1930 – 1935
- Phong trào dân chủ 1936 -1939
- Phong trào giải phóng dân tộc và Tổng khởi nghĩa tháng Tám (1939 – 1945). Nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà ra đời

- Nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà từ sau ngày 02-9-1945 đến trước ngày 19-12- 1946

- Những năm đầu của cuộc kháng chiến toàn quốc chống thực dân Pháp (1946 – 1950)

- Bước phát triển mới của cuộc kháng chiến toàn quốc chống thực dân Pháp (1951- 1953)

- Cuộc kháng chiến toàn quốc chống thực dân Pháp kết thúc (1953-1954)

- Xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc, đấu tranh chống đế quốc Mĩ và chính quyền Sài Gòn ở miền Nam (1954 - 1965)

- Nhân dân hai miền trực tiếp chiến đấu chống đế quốc Mĩ xâm lược. Nhân dân miền Bắc vừa chiến đấu vừa sản xuất (1965 – 1973)

- Cuộc đấu tranh trên mặt trận ngoại giao. Hiệp định Pari năm 1973 về chấm dứt chiến tranh, lập lại hoà bình ở Việt Nam

- Khôi phục và phát triển kinh tế- xã hội ở miền Bắc, giải phóng hoàn toàn miền Nam (1973 – 1975)

- Việt Nam trong năm đầu sau thắng lợi của kháng chiến chống Mĩ cứu nước năm 1975

- Việt Nam xây dựng chủ nghĩa xã hội và đấu tranh bảo vệ Tổ quốc (1976- 1986)

- Đất nước trên đường đổi mới đi lên CNXH (1986- 2000)

- Tổng kết lịch sử Việt Nam từ năm 1919 đến năm 2000

b. Theo chương trình Nâng cao

1 LỊCH SỬ THẾ GIỚI TỪ NĂM 1945 ĐẾN NĂM 2000

- Sự hình thành trật tự thế giới mới sau Chiến tranh thế giới thứ II (1945 – 1949)
- Liên Xô và các nước Đông Âu (1945 – 1991, Liên bang Nga (1991 – 2000)
- Trung Quốc và bán đảo Triều Tiên
- Các nước Đông Nam Á
- Các nước châu Phi và Mĩ La- tinh
- Nước Mĩ
- Tây Âu
- Nhật Bản
- Quan hệ quốc tế trong và sau thời kì Chiến tranh lạnh
- Cách mạng khoa học – công nghệ và xu thế toàn cầu hoá nửa sau thế kỉ XX
- Tổng kết lịch sử thế giới hiện đại từ năm 1945 đến năm 2000

2 LỊCH SỬ VIỆT NAM TỪ 1919 ĐẾN NĂM 2000

- Những chuyển biến mới về kinh tế và xã hội ở Việt Nam sau Chiến tranh thế giới thứ I.
- Phong trào dân tộc dân chủ ở Việt Nam từ năm 1919 đến năm 1925
- Phong trào dân tộc dân chủ ở Việt Nam từ năm 1925 đến năm 1930
- Phong trào cách mạng 1930 – 1935
- Phong trào dân chủ 1936 -1939
- Phong trào giải phóng dân tộc 1939 -1945
- Cao trào kháng Nhật cứu nước và Tổng khởi nghĩa tháng Tám năm 1945. Nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà ra đời
- Nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà từ sau ngày 02 – 9 – 1945 đến trước 19 - 12 - 1946
- Những năm đầu của cuộc kháng chiến toàn quốc chống thực dân Pháp (1946 – 1950)
- Bước phát triển mới của cuộc kháng chiến toàn quốc chống thực dân Pháp (1951- 1953)
- Cuộc kháng chiến toàn quốc chống thực dân Pháp kết thúc (1953-1954)
- Miền Bắc thực hiện những nhiệm vụ kinh tế - xã hội, miền Nam đấu tranh chống Mĩ- Diệm, giữ gìn hoà bình (1954 – 1960)
- Xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc, chiến đấu chống chiến lược "Chiến tranh đặc biệt" của đế quốc Mĩ ở miền Nam (1961 – 1965)
- Chiến đấu chống chiến lược "Chiến tranh cục bộ" ở miền Nam và chiến tranh phá hoại lần thứ nhất của đế quốc Mĩ (1965 – 1968)
- Chiến đấu chống chiến lược "Việt Nam hoá chiến tranh" ở miền Nam và chiến tranh phá hoại miền Bắc lần thứ hai của đế quốc Mĩ (1969 – 1973)
- Cuộc đấu tranh trên mặt trận ngoại giao. Hiệp định Pari năm 1973 về chấm dứt chiến tranh, lập lại hoà bình ở Việt Nam
- Khôi phục và phát triển kinh tế - xã hội ở miền Bắc, giải phóng hoàn toàn miền Nam (1973 – 1975)
- Việt Nam trong năm đầu sau thắng lợi của kháng chiến chống Mĩ cứu nước năm 1975
- Việt Nam xây dựng chủ nghĩa xã hội và đấu tranh bảo vệ Tổ quốc (1976- 1986)
- Việt Nam trên đường đổi mới đi lên CNXH (1986- 2000)
- Tổng kết lịch sử Việt Nam từ năm 1919 đến năm 2000

O PHẦN I

LỊCH SỬ THẾ GIỚI HIỆN ĐẠI PHẦN TỪ NĂM 1945 ĐẾN NAY (2000)

Chương I

BỐI CẢNH QUỐC TẾ SAU CHIẾN TRANH THẾ GIỚI THỨ II (1945 – 1949)

BÀI 1

SỰ HÌNH THÀNH TRẬT TỰ THẾ GIỚI MỚI SAU CHIẾN TRANH THẾ GIỚI THỨ II (1945 – 1949)

I HỘI NGHỊ IANTA (02 – 1945) VÀ NHỮNG THOẢ THUẬN CỦA BA CƯỜNG QUỐC

1. Hoàn cảnh lịch sử

- Đầu năm 1945, nhiều vấn đề quan trọng và cấp bách đặt ra trước các cường quốc Đồng minh. Đó là:

+ Nhanh chóng đánh bại hoàn toàn các nước phát xít;

+ Tổ chức lại thế giới sau chiến tranh;

+ Phân chia thành quả chiến thắng giữa các nước thắng trận.

- Trong bối cảnh đó, một cuộc hội nghị quốc tế được triệu tập tại Ianta (Liên Xô) từ ngày 04 đến 11 - 02 - 1945.

2. Hội nghị đưa ra những quyết định quan trọng

- Tiêu diệt tận gốc chủ nghĩa phát xít Đức và chủ nghĩa quân phiệt Nhật Bản. Sau khi đánh bại nước Đức phát xít, Liên Xô sẽ tham chiến chống Nhật ở châu Á.

- Thành lập tổ chức Liên hợp quốc nhằm duy trì hoà bình và an ninh thế giới.

- Thoả thuận về việc đóng quân tại các nước nhằm giải giáp quân đội phát xít và phân chia phạm vi ảnh hưởng ở châu Âu và châu Á.

Toàn bộ những quyết định của hội nghị Ianta cùng những thoả thuận sau đó của ba cường quốc đã trở thành khuôn khổ của trật tự thế giới mới, thường được gọi là "Trật tự hai cực Ianta".

II SỰ THÀNH LẬP LIÊN HỢP QUỐC

1. Hoàn cảnh lịch sử

- Từ ngày 25 - 4 đến ngày 26 - 6 - 1945, một hội nghị quốc tế lớn đã họp tại Xan Phranxixcô (Mĩ) để thông qua bản Hiến chương và tuyên bố thành lập Liên hợp quốc.

- Ngày 24 – 10 – 1945, bản Hiến chương Liên hiệp quốc có hiệu lực.

2. Mục đích

Duy trì hoà bình và an ninh thế giới, phát triển các mối quan hệ hữu nghị giữa các dân tộc và tiến hành sự hợp tác quốc tế giữa các nước trên cơ sở tôn trọng nguyên tắc bình đẳng và quyền tự quyết của các dân tộc.

3. Nguyên tắc hoạt động

- Bình đẳng chủ quyền giữa các quốc gia và quyền tự quyết của các dân tộc.
- Tôn trọng toàn vẹn lãnh thổ và độc lập chính trị của tất cả các nước.
- Không can thiệp vào công việc nội bộ của bất kì nước nào.
- Giải quyết các tranh chấp quốc tế bằng biện pháp hoà bình.
- Chung sống hoà bình và sự nhất trí giữa 5 nước lớn.

4. Các cơ quan

* Đại hội đồng: Gồm tất cả các nước thành viên, có quyền hành rộng rãi. Mỗi năm Đại hội đồng họp một kì để thảo luận tất cả các vấn đề hoặc công việc thuộc phạm vi Hiến chương quy định.

* Hội đồng Bảo an: Là cơ quan giữ vai trò trọng yếu hàng đầu trong việc duy trì hoà bình an ninh thế giới.

* Ban Thư kí: Cơ quan hành chính - tổ chức của Liên hợp quốc, đứng đầu là Tổng thư kí với nhiệm kì 5 năm.

Ngoài ra còn có Hội đồng Kinh tế - Xã hội, Hội đồng Quản thác, Toà án Quốc tế...

Đến năm 2006, Liên hợp quốc có 192 quốc gia thành viên.

Từ tháng 9 -1977, Việt Nam trở thành thành viên thứ 149 của Liên hợp quốc.

III SỰ HÌNH THÀNH HAI HỆ THỐNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VÀ TƯ BẢN CHỦ NGHĨA

Vấn đề nước Đức

+ Sau Chiến tranh thế giới thứ II, quân đội Liên Xô chiếm đóng vùng lãnh thổ phía Đông nước Đức, Anh chiếm vùng Tây Bắc, Mĩ chiếm vùng phía Nam, Pháp chiếm một phần lãnh thổ phía Tây.

+ Tháng 12 - 1946, Mĩ và Anh đã tiến hành riêng rẽ việc hợp nhất hai khu vực chiếm đóng của mình nhằm chia cắt lâu dài nước Đức. Cuối cùng, tháng 6 - 1949, Mĩ - Anh - Pháp đã hợp nhất các vùng chiếm đóng và lập ra Nhà nước Cộng hoà Liên bang (CHLB) Đức.

+ Với sự giúp đỡ của Liên Xô, các lực lượng dân chủ ở Đông Đức đã thành lập Nhà nước Cộng hoà Dân chủ (CHDC) Đức vào tháng 10 - 1949.

Như thế, trên lãnh thổ Đức đã xuất hiện hai nhà nước Đức với chế độ chính trị và con đường phát triển khác nhau.

Vấn đề Đông Âu và Tây Âu

+ Trong những năm 1945 - 1947, các nước Đông Âu đã xây dựng bộ máy Nhà nước dân chủ nhân dân và tiến hành xây dựng chủ nghĩa xã hội, từng bước *hình thành hệ thống các nước dân chủ nhân dân - xã hội chủ nghĩa.*

+ Ở Tây Âu, hầu hết các nước bị chiến tranh tàn phá nặng nề. Vào lúc đó, Mĩ đề ra "Kế hoạch phục hưng châu Âu" (còn gọi là "Kế hoạch Mácsan") nhằm viện trợ các nước Tây Âu khôi phục kinh tế, đồng thời tăng cường ảnh hưởng và sự khống chế của Mĩ đối với các nước này. *Hệ thống tư bản chủ nghĩa cũng hình thành theo sự định hướng của Mĩ.*

Chương II

LIÊN XÔ VÀ CÁC NƯỚC ĐÔNG ÂU (1945 - 1991) LIÊN BANG NGA (1991 - 2000)

BÀI 2

LIÊN XÔ VÀ CÁC NƯỚC ĐÔNG ÂU (1945 - 1991)

LIÊN BANG NGA (1991 - 2000)

I LIÊN XÔ VÀ CÁC NƯỚC ĐÔNG ÂU TỪ NĂM 1945 ĐẾN GIỮA NHỮNG NĂM 70

1. Liên Xô

a) Công cuộc khôi phục kinh tế ở Liên Xô (1945 - 1950)

Hoàn cảnh lịch sử

Liên Xô là nước chịu tổn thất nặng nề nhất trong cuộc Chiến tranh thế giới thứ II: Hơn 27 triệu người chết; 1710 thành phố, hơn 70.000 làng mạc, gần 32.000 nhà máy, xí nghiệp bị tàn phá.

Những thành tựu đạt được

- Hoàn thành thắng lợi kế hoạch 5 năm (1946 - 1950) trước thời hạn 9 tháng.

- Nền sản xuất công nghiệp được phục hồi năm 1947. Đến năm 1950 sản lượng công nghiệp tăng 73% so với trước chiến tranh.

- Sản xuất nông nghiệp năm 1950 đạt mức trước chiến tranh.

- Khoa học – kĩ thuật phát triển nhanh chóng. Năm 1949, Liên Xô chế tạo thành công bom nguyên tử, phá vỡ thế độc quyền vũ khí nguyên tử của Mĩ.

b) Liên Xô tiếp tục xây dựng cơ sở vật chất - kĩ thuật của CNXH (từ năm 1950 đến nửa đầu những năm 70)

Từ năm 1950 đến năm 1975, Liên Xô đã thực hiện nhiều kế hoạch dài hạn nhằm tiếp tục xây dựng cơ sở vật chất - kĩ thuật của CNXH.

- Về công nghiệp, trở thành cường quốc công nghiệp đứng thứ hai trên thế giới (sau Mĩ), chiếm khoảng 20% tổng sản lượng công nghiệp toàn thế giới.

- Về nông nghiệp, sản lượng nông phẩm trong những năm 60 tăng trung bình khoảng 16%/năm.

- Về khoa học - kĩ thuật, năm 1957, Liên Xô là nước đầu tiên phóng thành công vệ tinh nhân tạo của Trái Đất. Năm 1961, phóng con tàu vũ trụ Phương Đông đưa nhà du hành vũ trụ Gagarin bay vòng quanh Trái Đất.

- Về mặt xã hội, có những thay đổi rõ rệt. Tỉ lệ công nhân chiếm hơn 55% số người lao động trong cả nước. Trình độ học vấn của người dân được nâng cao, gần 3/4 số dân đạt trình độ trung học và đại học.

Liên Xô trở thành trụ cột của hệ thống xã hội chủ nghĩa, là chỗ dựa cho hoà bình và phong trào cách mạng thế giới.

2. Các nước Đông Âu

a) Sự ra đời của các nước dân chủ nhân dân Đông Âu

- Trong những năm 1944 - 1945, khi Hồng quân Liên Xô truy kích quân đội phát xít qua vùng Đông Âu, nhân dân Đông Âu nổi dậy giành chính quyền và thành lập Nhà nước dân chủ nhân dân.

+ Cộng hoà Nhân dân Ba Lan (1944), Cộng hoà Nhân dân Rumani (1944), Cộng hoà Nhân dân Hunggari (1945), Cộng hoà Tiệp Khắc (1945), Cộng hoà Nhân dân Liên Bang Nam Tư (1945), Cộng hoà Nhân dân Anbani (1945), Cộng hoà Nhân dân Bungari (1946).

+ Riêng Đông Đức, với sự giúp đỡ của Liên Xô, tháng 10 – 1949 nước Cộng hoà Dân chủ Đức được thành lập.

b) Công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở các nước Đông Âu

- Trong những năm 50 - 1975, các nước Đông Âu thực hiện kế hoạch 5 năm nhằm xây dựng cơ sở vật chất - kĩ thuật của chủ nghĩa xã hội trong điều kiện khó khăn.

- Với sự giúp đỡ có hiệu quả của Liên Xô và sự cố gắng vượt bậc của nhân dân, các nước Đông Âu đã giành được nhiều thành tựu to lớn.

+ Về công nghiệp: Xây dựng được nền công nghiệp dân tộc, điện khí hoá toàn quốc, nâng sản lượng công nghiệp lên gấp chục lần.

+ Về nông nghiệp: Đáp ứng nhu cầu lương thực, thực phẩm cho nhân dân.

+ Về khoa học – kĩ thuật: Từ những nước nghèo, Đông Âu trở thành quốc gia công – nông nghiệp.

3. Quan hệ hợp tác giữa các nước xã hội chủ nghĩa

a) Quan hệ kinh tế, văn hoá, khoa học - kĩ thuật

- Ngày 08 - 01 - 1949, Hội đồng tương trợ kinh tế (viết tắt là SEV) được thành lập gồm các nước: Liên Xô, Anbani, Ba Lan, Bungari, Hunggari, Rumani, Tiệp Khắc; sau này có thêm các nước CHDC Đức (1950), Cộng hoà Nhân dân Mông Cổ (1962), Cộng hoà Cuba (1972), Cộng hoà Xã hội chủ nghĩa Việt Nam (1978).

- Mục tiêu của SEV là tăng cường sự hợp tác giữa các nước xã hội chủ nghĩa, thúc đẩy sự tiến bộ về khoa học - kĩ thuật, không ngừng nâng cao mức sống của các thành viên.

b) Quan hệ chính trị - quân sự

- Ngày 14 - 5 - 1955, các nước Anbani, Ba Lan, Bungari, CHDC Đức, Hunggari, Liên Xô, Rumani, Tiệp Khắc đã họp tại Vácsava, cùng nhau kí Hiệp ước hữu nghị, hợp tác và tương trợ đánh dấu sự ra đời của Tổ chức Hiệp ước Vácsava.

- Mục tiêu: thành lập liên minh phòng thủ về quân sự và chính trị của các nước xã hội chủ nghĩa châu Âu.

II LIÊN XÔ VÀ CÁC NƯỚC ĐÔNG ÂU TỪ GIỮA NHỮNG NĂM 70 ĐẾN NĂM 1991

1. Sự khủng hoảng của chế độ xã hội chủ nghĩa ở Liên Xô

a. Tình hình

- Năm 1973, cuộc khủng hoảng dầu mỏ bùng nổ đã tác động mạnh mẽ đến tình hình chính trị, kinh tế, tài chính của nhiều nước trên thế giới.

- Đảng và Nhà nước Liên Xô chậm đề ra những biện pháp để thích nghi với tình hình mới. Vì vây, đến cuối những năm 70 - đầu những năm 80 của thế kỉ XX, kinh tế Liên Xô dần bộc lộ dấu hiệu suy thoái. Đời sống chính trị có những diễn biến phức tạp, xuất hiện tư tưởng và một số nhóm đối lập chống lại Đảng Cộng sản và Nhà nước Xô viết.

b) Công cuộc cải tổ (1985 - 1991)

- Tháng 3 - 1985, M.Goócbachốp lên nắm quyền lãnh đạo Đảng và Nhà nước Liên Xô, đã đưa ra đường lối tiến hành cải tổ.

- Sau 6 năm tiến hành cải tổ, do phạm nhiều sai lầm nên tình hình không được cải thiện, đất nước Xô viết lâm vào tình trạng khủng hoảng toàn diện.

c) Sự sụp đổ của Liên bang Xô viết

- Ngày 19 - 8 - 1991, một cuộc chính biến nhằm lật đổ Góócbachốp nổ ra nhưng thất bại. Sau đó, Góócbachốp tuyên bố từ chức Tổng Bí thư Đảng Cộng sản Liên Xô, yêu cầu giải tán Uỷ ban Trung ương Đảng. Đảng Cộng sản Liên Xô bị đình chỉ hoạt động, Chính phủ Liên bang bị tê liệt.

- Ngày 21 - 12 - 1991, 11 nước cộng hoà trong Liên bang kí hiệp định thành lập cộng đồng các quốc gia độc lập (SNG).

- Ngày 25 - 12 - 1991, sụp đổ chế độ xã hội chủ nghĩa ở Liên Xô sau 74 năm tồn tại.

2. Sự khủng hoảng của chế độ xã hội chủ nghĩa ở các nước Đông Âu

- Vào những năm cuối của thập kỉ 70 - đầu thập kỉ 80, nền kinh tế Đông Âu lâm vào tình trạng trì trệ.

- Nhân dân các nước Đông Âu giảm sút lòng tin vào Đảng và Nhà nước. Sự bất bình của họ ngày càng tăng lên.

- Ban lãnh đạo Đảng và Nhà nước ở các nươc Đông Âu có những cố gắng để điều chỉnh sự phát triển kinh tế. Nhưng cuối cùng bị bế tắc, làm cho khủng hoảng ngày thêm gay gắt.

- Các nước Đông Âu chấp nhận tình trạng đa nguyên, đa đảng và tiến hành tổng tuyển cử, chấm dứt chế độ xã hội chủ nghĩa. Các nước Đông Âu lần lượt từ bỏ chủ nghĩa xã hội, tuyên bố là nước cộng hoà.

3. Nguyên nhân sụp đổ chế độ xã hội chủ nghĩa ở Liên Xô và các nước Đông Âu

- Xây dựng chủ nghĩa xã hội mang tính chủ quan, duy ý chí, cơ chế tập trung quan liêu bao cấp. Sự thiếu dân chủ và công bằng trong xã hội.

- Không bắt kịp bước phát triển của cuộc cách mạng khoa học - kĩ thuật tiên tiến.

- Khi tiến hành cải tổ lại phạm sai lầm trên nhiều mặt.

- Sự chống phá của các thế lực thù địch trong và ngoài nước.

III LIÊN BANG NGA TỪ NĂM 1991 ĐẾN NĂM 2000

Sau khi Liên Xô tan rã, Liên bang Nga là "quốc gia kế tục Liên Xô".

- Về kinh tế, trong những năm 1990 – 1995, tốc độ tăng trưởng bình quân hàng năm của GDP luôn là số âm. Từ năm 1997 trở đi, kinh tế được phục hồi và phát triển.

- Về chính trị, tháng 12 - 1993 bản Hiến pháp Liên bang Nga được ban hành, quy định thể chế Tổng thống Liên bang.

- Về đối nội, Nga phải đối mặt với hai thách thức lớn là tình trạng không ổn định do sự tranh chấp giữa các đảng phái và những vụ xung đột sắc tộc.

- Về mặt đối ngoại, một mặt Nga ngả về phương Tây với hi vọng nhận được sự ủng hộ về chính trị và sự viện trợ về kinh tế; mặt khác, khôi phục và phát triển mối quan hệ với các nước châu Á.

- Từ đầu năm 2000, chính phủ của Tổng thống Putin cố gắng phát triển kinh tế, củng cố nhà nước pháp quyền, ổn định tình hình xã hội và nâng cao vị thế quốc tế của nước Nga.

Chương III

CÁC NƯỚC Á, PHI VÀ MĨ LATINH (1945 - 2000)

BÀI 3

CÁC NƯỚC ĐÔNG BẮC Á

I NÉT CHUNG VỀ KHU VỰC ĐÔNG BẮC Á

- Trước Chiến tranh thế giới thứ II, các nước Đông Bắc Á (trừ Nhật Bản) đều bị chủ nghĩa thực dân nô dịch. Từ sau năm 1945, tình hình khu vực có nhiều biến chuyển.

- Từ nửa sau thế kỉ XX, khu vực Đông Bắc Á đã đạt được sự trưởng thành nhanh chóng về kinh tế. Hàn Quốc, Hồng Công, Đài Loan trở thành những "con rồng" kinh tế ở châu Á. Nhật Bản trở thành nền kinh tế lớn thứ hai thế giới.

II TRUNG QUỐC

1. Sự thành lập nước Cộng hoà Nhân dân Trung Hoa và thành tựu 10 năm đầu xây dựng chế độ mới (1949 - 1959)

a. Cuộc nội chiến:

- Cuộc nội chiến kéo dài hơn 3 năm (1946 - 1949).

- Ngày 20 - 7 - 1946, Tưởng Giới Thạch phát động cuộc chiến tranh chống Đảng Cộng sản.

- Từ tháng 7 - 1946 đến tháng 6 - 1947, Quân giải phóng Trung Quốc thực hiện chiến lược phòng ngự tích cực. Sau giai đoạn này, Quân giải phóng chuyển sang phản công, tiến quân vào các vùng do Đảng Quốc dân kiểm soát.

- Cuối năm 1949, cuộc nội chiến kết thúc, toàn bộ lục địa Trung Quốc được giải phóng. Tập đoàn Tưởng Giới Thạch thất bại, phải tháo chạy ra Đài Loan.

- Ngày 01 - 10 - 1949, nước Cộng hoà Nhân dân Trung Hoa chính thức thành lập, đứng đầu là Chủ tịch Mao Trạch Đông.

b. Ý nghĩa:

- Chấm dứt hơn 100 năm nô dịch của đế quốc, xoá bỏ tàn dư phong kiến.

- Đưa nước Trung Hoa bước vào kỉ nguyên độc lập, tự do và tiến lên chủ nghĩa xã hội.

- Ảnh hưởng sâu sắc tới phong trào giải phóng dân tộc thế giới.

c. Công cuộc khôi phục kinh tế và cải cách

- Nhiệm vụ hàng đầu của nhân dân Trung Quốc là đưa đất nước thoát khỏi nghèo nàn, lạc hậu, phát triển kinh tế, xã hội, văn hoá và giáo dục.

- Từ năm 1953, Trung Quốc thực hiện kế hoạch 5 năm đầu tiên (1953 - 1957). Nhờ nỗ lực lao động của toàn dân và sự giúp đỡ của Liên Xô, kế hoạch 5 năm hoàn thành thắng lợi. Bộ mặt đất nước Trung Quốc có nhiều thay đổi rõ rệt.

- Về đối ngoại, thi hành chính sách ngoại giao tích cực nhằm củng cố hoà bình và thúc đẩy sự phát triển của phong trào cách mạng thế giới.

Ngày 18 - 01 - 1950, Trung Quốc thiết lập quan hệ ngoại giao với Việt Nam.

2. Trung Quốc trong những năm không ổn định (1959 - 1978)

- Về đối nội, từ năm 1959 đến năm 1978, Trung Hoa lâm vào tình trạng không ổn định về kinh tế, chính trị, xã hội. Với việc đề ra và thực hiện đường lối "Ba ngọn cờ hồng" với mong muốn nhanh chóng xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội.

Hậu quả là từ năm 1959, trong cả nước nạn đói diễn ra trầm trọng, đời sống nhân dân khó khăn, sản xuất ngừng trệ, đất nước không ổn định.

Những khó khăn về kinh tế đã dẫn tới biến động về chính trị. Biểu hiện:

+ Trong nội bộ ban lãnh đạo Trung Quốc xảy ra sự bất đồng gay gắt về đường lối, dẫn tới sự tranh giành quyền lực.

+ Từ năm 1969 đến năm 1978, trong nội bộ ban lãnh đạo vẫn tiếp tục diễn ra cuộc tranh giành quyền lực gay gắt.

- Về đối ngoại, ủng hộ cuộc đấu tranh chống Mĩ xâm lược của nhân dân Việt Nam cũng như cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc của nhân dân các nước Á, Phi và Mĩ Latinh. Cũng trong thời kì này, đã xảy ra những cuộc xung đột ở biên giới giữa Trung Quốc với Ấn Độ (1962), giữa Trung Quốc với Liên Xô (1969). Tháng 2 - 1972, Tổng thống Mĩ Níchxơn sang thăm Trung Quốc, mở đầu quan hệ mới theo chiều hướng hoà dịu giữa hai nước.

3. Công cuộc cải cách - mở cửa (từ năm 1978)

- Tháng 12 - 1978, Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc đề ra đường lối mới, mở đầu cho công cuộc cải cách kinh tế - xã hội. Đường lối này được nâng lên thành đường lối chung của Đại hội XII (tháng 9 - 1982), đặc biệt là Đại hội XIII (tháng 10 - 1987) của Đảng: lấy phát triển kinh tế làm trung tâm; tiến hành cải cách và mở cửa, chuyển nền kinh tế kế hoạch hoá tập trung sang kinh tế thị trường xã hội chủ nghĩa, nhằm hiện đại hoá và xây dựng chủ nghĩa xã hội mang màu sắc Trung Quốc, với mục tiêu biến Trung Quốc thành quốc gia giàu mạnh, dân chủ và văn minh.

- Thực hiện đường lối cải cách, đất nước Trung Quốc có những biến đổi căn bản.

+ Khoa học - kĩ thuật, văn hoá và giáo dục đạt nhiều thành tựu quan trọng.

+ Năm 1964, Trung Quốc thử thành công bom nguyên tử.

+ Từ tháng 11 - 1999 đến tháng 3 - 2003, Trung Quốc đã phóng 4 con tàu "Thần Châu" và ngày 15 - 10 - 2003, tàu "Thần Châu 5" cùng nhà du hành Dương Lợi Vĩ đã bay vào vũ trụ.

- Về đối ngoại, Trung Quốc có nhiều thay đổi.

+ Đã bình thường hoá quan hệ với Liên Xô, Việt Nam, Mông Cổ, khôi phục quan hệ ngoại giao với Inđônêxia...

+ Mở rộng quan hệ hữu nghị, hợp tác với các nước trên thế giới; có nhiều đóng góp trong việc giải quyết các tranh chấp quốc tế.

BÀI 4

CÁC NƯỚC ĐÔNG NAM Á VÀ ẤN ĐỘ

I CÁC NƯỚC ĐÔNG NAM Á

1. Sự thành lập các quốc gia độc lập ở Đông Nam Á

a. Vài nét chung về quá trình đấu tranh giành độc lập

- Trước Chiến tranh thế giới thứ II, hầu hết các nước trong khu vực (trừ Thái Lan) đều là thuộc địa của đế quốc Âu - Mĩ.

- Trong Chiến tranh thế giới thứ II, Đông Nam Á trở thành thuộc địa của Nhật Bản.

- Giữa tháng 8 – 1945, nhân dân Đông Nam Á đứng lên đấu tranh, nhiều nước giành được độc lập.

+ Ngày 17 - 8 - 1945, nhân dân Inđônêxia tuyên bố độc lập và thành lập nước Cộng hoà Inđônêxia.

THƯ VIỆN TỈNH BÌNH THUẬN
ĐVL ' 12826 ' 13

+ Tháng 8 – 1945, nhân dân Việt Nam tiến hành Tổng khởi nghĩa; ngày 02 – 9 – 1945, nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà ra đời.

+ Tháng 8 – 1945, nhân dân các bộ tộc Lào nổi dậy, đến ngày 12 – 10, nước Lào tuyên bố độc lập.

- Sau đó, thực dân Âu – Mĩ quay trở lại tái chiếm Đông Nam Á. Nhân dân các nước Đông Nam Á lại tiến hành kháng chiến chống xâm lược.

+ Với thắng lợi của chiến dịch Điện Biên Phủ Việt Nam (1954) buộc Pháp phải kí kết Hiệp định Giơnevơ công nhận các quyền dân tộc cơ bản của Việt Nam, Lào, Campuchia.

+ Tháng 5 - 1949, Hà Lan phải công nhận Cộng hoà Liên bang Inđônêxia và ngày 15 - 8 - 1950, nước Cộng hoà Inđônêxia thống nhất được thành lập.

+ Các nước Âu – Mĩ lần lượt công nhận độc lập của các nước Philíppin (1946), Miến Điện (1948), Mã Lai (1957), Xingapo (1959), Việt Nam, Lào, Campuchia (1975), Brunây (1984), Đông Timo (2002).

b. Lào (1945 – 1975)

** Cuộc kháng chiến chống Pháp (1945 - 1954)*

- Giữa tháng 8 - 1945, Nhật Bản đầu hàng Đồng minh vô điều kiện. Nắm thời cơ thuận lợi, ngày 23 – 8 - 1945, nhân dân Lào nổi dậy giành chính quyền. Ngày 12 - 10, chính phủ Lào ra mắt quốc dân và tuyên bố độc lập.

- Tháng 3 - 1946, thực dân Pháp trở lại tái chiếm Lào. Nhân dân Lào một lần nữa phải cầm súng kháng chiến bảo vệ nền độc lập của mình.

- Dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Đông Dương và sự giúp đỡ của quân tình nguyện Việt Nam, cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp ở Lào ngày càng phát triển.

- Sau chiến thắng Điện Biên Phủ, Hiệp định Giơnevơ (1954), Pháp phải công nhận độc lập chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ của Lào, thừa nhận địa vị hợp pháp của các lực lượng kháng chiến Lào.

** Cuộc kháng chiến chống Mĩ (1954 - 1975)*

- Ngay sau khi Hiệp định Giơnevơ về Đông Dương vừa kí kết, Mĩ đã lập tức hất cẳng Pháp, âm mưu biến Lào thành thuộc địa kiểu mới. Từ đây, nhân dân Lào lại phải cầm súng chống kẻ thù mới là đế quốc Mĩ.

- Dưới sự lãnh đạo của Đảng Nhân dân Cách mạng Lào (thành lập ngày 22 - 3 - 1955), cuộc đấu tranh của nhân dân Lào diễn ra cả trên ba mặt trận: quân sự - chính trị - ngoại giao và giành được nhiều thắng lợi.

- Nhân dân Lào lần lượt đánh bại các kế hoạch chiến tranh của Mĩ, đến đầu những năm 70 vùng giải phóng được mở rộng với 4/5 đất đai.

- Tháng 2 - 1973, Hiệp định Viêng Chăn được kí kết về lập lại hoà bình và thực hiện hoà hợp dân tộc ở Lào.

- Mùa xuân năm 1975, cuộc Tổng tiến công và nổi dậy của quân dân Việt Nam thắng lợi đã cổ vũ và tạo điều kiện cho cách mạng Lào tiến lên giành thắng lợi hoàn toàn. Từ tháng 5 đến tháng 12 - 1975, quân dân Lào đã nổi dậy giành chính quyền trong cả nước.

- Ngày 02 - 12 - 1975, nước Cộng hoà Dân chủ Nhân dân Lào chính thức thành lập. Từ đó, nước Lào bước sang thời kì mới - xây dựng đất nước và phát triển kinh tế - xã hội.

c. Campuchia

- Đầu tháng 10 - 1945, thực dân Pháp quay trở lại xâm lược và thống trị Campuchia. Nhân dân Campuchia tiến hành cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp.

- Sau chiến thắng Điện Biên Phủ, Chính phủ Pháp phải kí Hiệp định Giơnevơ về Đông Dương, công nhận độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của Campuchia.

- Từ năm 1954 đến đầu năm 1970, chính phủ Xihanúc thực hiện đường lối hoà bình trung lập.

- Sau cuộc đảo chính lật đổ Xihanúc ngày 18 - 3 - 1970 của thế lực tay sai Mĩ, Campuchia bị kéo vào quỹ đạo của cuộc chiến tranh thực dân kiểu mới của Mĩ trên bán đảo Đông Dương.

- Ngày 17 - 4 - 1975, thủ đô Phnôm Pênh được giải phóng, cuộc kháng chiến chống Mĩ của nhân dân Campuchia kết thúc thắng lợi.

- Ngay sau đó, nhân dân Campuchia lại phải tiếp tục cuộc đấu tranh chống tập đoàn Khơme đỏ do Pôn Pốt cầm đầu phản bội cách mạng thi hành chính sách diệt chủng, tàn sát hàng triệu người dân vô tội.

- Ngày 7 - 01 - 1979, thủ đô Phnôm Pênh được giải phóng khỏi chế độ Khơme đỏ diệt chủng, Campuchia bước vào thời kì hồi sinh, xây dựng lại đất nước.

- Từ năm 1979 ở Campuchia đã diễn ra cuộc nội chiến giữa lực lượng của Đảng Nhân dân Cách mạng với các phe phái đối lập, chủ yếu là lực lượng Khơme đỏ. Cuộc nội chiến kéo dài hơn một thập kỉ, gây nhiều tổn thất cho đất nước.

- Ngày 23 - 10 - 1991, Hiệp định hoà bình về Campuchia được kí kết tại Pari. Sau cuộc tổng tuyển cử tháng 9 - 1993, Quốc hội mới đã thông qua Hiến pháp, tuyên bố thành lập Vương quốc Campuchia do N.Xihanúc làm Quốc vương. Từ đó, Campuchia bước sang một thời kì mới.

2. Quá trình xây dựng và phát triển của các nước Đông Nam Á

a. Nhóm 5 nước sáng lập ASEAN

- Sau khi giành được độc lập, nhóm 5 nước sáng lập ASEAN đều tiến hành công nghiệp hoá, xây dựng nền kinh tế tự chủ. Tập trung đẩy mạnh phát triển các ngành công nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng nội địa thay thế hàng nhập khẩu.

- Thành tựu: đáp ứng được nhu cầu của nhân dân, phát triển một số ngành chế biến, chế tạo giải quyết nạn thất nghiệp.

- Từ những năm 60 – 70 trở đi, các nước này chuyển sang chiến lược lấy xuất khẩu làm chủ đạo, thực hiện chính sách "mở cửa" nền kinh tế, thu hút vốn đầu tư và kĩ thuật của nước ngoài, tập trung hàng hoá để xuất khẩu, phát triển ngoại thương.

- Thành tựu: tỉ trọng công nghiệp trong nền kinh tế quốc dân đã lớn hơn nông nghiệp, mậu dịch đối ngoại tăng trưởng nhanh.

b. Nhóm các nước Đông Dương

- Sau khi giành được độc lập, các nước Đông Dương, về cơ bản đã phát triển nền kinh tế tập trung, và đã đạt được một số thành tựu, nhưng còn gặp nhiều khó khăn.

- Trong thời kì xây dựng đất nước, mặc dù đã đạt được một số thành tựu bước đầu, nhưng Lào vẫn là nước nông nghiệp. Công nghiệp và dịch vụ chưa phát triển. Từ cuối những năm 80 của thế kỉ XX, Lào thực hiện công cuộc đổi mới, kinh tế có những bước phát triển khá nhanh, đời sống các dân tộc được cải thiện.

- Từ sau khi thành lập Vương quốc (1993), tình hình chính trị dần dần ổn định, Campuchia bước vào giai đoạn phục hồi kinh tế và xây dựng, đạt được một số thành tựu đáng kể.

3. Các nước khác ở Đông Nam Á

- Nền kinh tế Brunây có nét khác 5 nước nói trên. Hầu như toàn bộ kinh tế Brunây đều dựa vào nguồn thu từ dầu mỏ và khí tự nhiên. Lương thực, thực phẩm phải nhập tới 80%. Từ giữa những năm 80 của thế kỉ XX, chính phủ tiến hành điều chỉnh các chính sách cơ bản nhằm đa dạng hoá nền kinh tế.

- Sau gần 30 năm thi hành chính sách tự lực hướng nội, Mianma có tốc độ tăng trưởng kinh tế chậm chạp. Từ cuối năm 1988, chính phủ tiến hành cải cách kinh tế và "mở cửa", do đó nền kinh tế có sự khởi sắc. Tốc độ tăng trưởng GDP năm 1995 là 7%, năm 2000 : 6,2%.

4. Sự ra đời và phát triển của tổ chức ASEAN

a. Hoàn cảnh

- Sau khi giành được độc lập, các nước ở Đông Nam Á còn gặp nhiều khó khăn nên có nhu cầu hợp tác với nhau cùng phát triển. Đồng thời muốn hạn chế ảnh hưởng của các thế lực bên ngoài đối với khu vực.

- Ngày 8 - 08 - 1967, Hiệp hội các nước Đông Nam Á (viết tắt theo tiếng Anh là ASEAN) được thành lập tại Băng Cốc (Thái Lan) với sự tham gia của 5 nước: Inđônêxia, Malaixia, Xingapo, Thái Lan và Philíppin.

b. Quá trình hoạt động

- Trong giai đoạn đầu (1967 - 1975), ASEAN là một tổ chức non yếu, sự hợp tác trong khu vực còn trong trạng thái khởi đầu, chưa có vị trí trên trường quốc tế. Từ giữa những năm 70, ASEAN có những bước tiến mới.

- Năm 1984, sau khi giành được độc lập, Brunây gia nhập và trở thành thành viên thứ 6 của ASEAN.

- Ngày 22 - 7 - 1992, Việt Nam và Lào tham gia Hiệp ước Bali. Tiếp đó, tháng 7 - 1995, Việt Nam trở thành thành viên thứ 7 của ASEAN. Tháng 7 - 1997, Lào và Mianma gia nhập ASEAN, và tháng 4 - 1999 Campuchia được kết nạp vào tổ chức này.

- Như vậy, từ năm nước sáng lập ban đầu, ASEAN đã phát triển thành 10 năm thành viên. Từ đây, ASEAN đẩy mạnh hoạt động hợp tác kinh tế, xây dựng Đông Nam Á thành khu vực hoà bình, ổn định để cùng phát triển.

II ẤN ĐỘ

1. Cuộc đấu tranh giành độc lập

- Sau Chiến tranh thế giới thứ II, cuộc đấu tranh chống thực dân Anh, đòi độc lập dưới sự lãnh đạo của Đảng Quốc đại bùng lên mạnh mẽ.

- Trước sức ép của phong trào đấu tranh đã làm cho thực dân Anh phải nhượng bộ, hứa sẽ trao quyền tự trị cho Ấn Độ và người Anh sẽ rời khỏi Ấn Độ trước tháng 7 - 1948.

- Trên cơ sở thoả thuận này, ngày 15 - 8 - 1947, Ấn Độ đã tách thành hai quốc gia: Ấn Độ và Pakixtan.

- Trước sức ép của phong trào quần chúng, thực dân Anh buộc phải công nhận độc lập hoàn toàn của Ấn Độ. Ngày 26 - 01 - 1950, Ấn Độ tuyên bố độc lập và thành lập nước cộng hoà.

- Sự thành lập nước Cộng hoà Ấn Độ đánh dấu thắng lợi to lớn của nhân dân Ấn Độ, có ảnh hưởng quan trọng đến phong trào giải phóng dân tộc trên thế giới.

2. Công cuộc xây dựng đất nước

- Trong thời kì xây dựng đất nước, Ấn Độ đạt được nhiều thành tựu về nông nghiệp và công nghiệp.

- Nhờ tiến hành cuộc "cách mạng xanh" trong nông nghiệp, từ giữa những năm 70 của thế kỉ XX, Ấn Độ đã tự túc được lương thực và đến năm 1995, là nước xuất khẩu gạo đứng thứ ba trên thế giới.

- Trong các lĩnh vực văn hoá, giáo dục và khoa học - kĩ thuật, Ấn Độ có những bước tiến nhanh chóng và hiện nay đang cố gắng vươn lên hàng các cường quốc và công nghệ phần mềm, công nghệ hạt nhân, công nghệ vũ trụ... Cuộc "cách mạng chất xám" bắt đầu từ những năm 90 đã đưa Ấn Độ thành một trong những nước sản xuất phần mềm lớn nhất thế giới.

- Về đối ngoại, Ấn Độ theo đuổi chính sách hoà bình, trung lập tích cực, luôn luôn ủng hộ cuộc đấu tranh giành độc lập của các dân tộc.

- Ấn Độ thiết lập quan hệ ngoại giao với Việt Nam ngày 07 - 01 - 1972.

BÀI 5

CÁC NƯỚC CHÂU PHI VÀ MĨ LATINH

I CÁC NƯỚC CHÂU PHI

1. Vài nét về cuộc đấu tranh giành độc lập

Sau Chiến tranh thế giới thứ II, phong trào đấu tranh bùng nổ sớm nhất ở Bắc Phi, sau đó lan ra các khu vực khác khác.

- Mở đầu là cuộc binh chiến của sĩ quan và binh lính yêu nước Ai Cập lật đổ vương triều Pharúc, chỗ dựa của thực dân Anh, lập nên nước Cộng hoà Ai Cập (18 – 6 – 1953).

- Từ năm 1952 đến năm 1958 hàng loạt nước giành được độc lập: Libi, Angiêri,Tuynidi, Marốc, Xuđăng, Gana, Ghinê...

- Đặc biệt, lịch sử ghi nhận năm 1960 là "Năm châu Phi" với 17 nước được trao trả độc lập.

- Từ sau năm 1975, nhân dân các thuộc địa còn lại ở châu Phi hoàn thành cuộc đấu tranh đánh đổ nền thống trị thực dân cũ, giành độc lập dân tộc và quyền sống của con người.

- Tháng 02 - 1990, chính quyền Nam Phi đã tuyên bố từ bỏ chính sách phân biệt chủng tộc (gọi là Apácthai).

2. Tình hình phát triển kinh tế - xã hội

- Sau khi giành được độc lập, các nước châu Phi bắt tay vào công cuộc xây dựng đất nước, phát triển kinh tế - xã hội, đã thu được những thành tựu bước đầu.

- Nhiều nước châu Phi còn nằm trong tình trạng lạc hậu, không ổn định và khó khăn do xung đột, đảo chính, nội chiến diễn ra liên miên; đói nghèo, bệnh tật và mù chữ; sự bùng nổ về dân số; nợ nần và sự phụ thuộc vào nước ngoài v.v...

- Tổ chức thống nhất châu Phi (OAU) thành lập tháng 5 - 1963, đến năm 2002 đổi thành Liên minh châu Phi (AU), Liên minh châu Phi đang triển khai nhiều chương trình chiến lược vì sự phát triển của châu lục.

II CÁC NƯỚC MĨ LATINH

1. Vài nét về quá trình giành và bảo vệ độc lập dân tộc

- Sau Chiến tranh thế giới thứ II, Mĩ tìm cách biến Mĩ Latinh thành "sân sau" của mình và xây dựng các chế độ độc tài thân Mĩ.

- Cuộc đấu tranh chống chế độ độc tài thân Mĩ bùng nổ và phát triển. Tiêu biểu là thắng lợi của cách mạng Cuba dưới sự lãnh đạo của Phiđen Cátxtơrô. Ngày 01 - 01 - 1959 chế độ Batixta sụp đổ, nước Cộng hoà Cuba ra đời do Phiđen Cátxtơrô đứng đầu.

- Vào các thập niên 60 - 70, phong trào đấu tranh chống Mĩ và chế độ độc tài thân Mĩ ở khu vực càng phát triển và thu nhiều thắng lợi.

- Cao trào đấu tranh vũ trang bùng nổ mạnh mẽ ở Mĩ Latinh nên khu vực này được gọi là "lục địa bùng cháy". Phong trào đấu tranh vũ trang chống chế độ độc tài ở các nước Vênêxuêla, Goatêmala, Côlômbia, Pêru, Nicaragoa, Chilê, En Xanvađo... đã diễn ra liên tục.

2. Tình hình phát triển kinh tế - xã hội

- Sau khi khôi phục độc lập, giành được chủ quyền, các nước Mĩ Latinh bước vào thời kì xây dựng và phát triển kinh tế - xã hội, đạt được nhiều thành tựu đáng khích lệ. Một số nước trở thành nước công nghiệp mới (NICs) như Braxin, Áchentina, Mêhicô.

- Trong thập niên 80 của thế kỉ XX, nhiều nước Mĩ Latinh rơi vào tình trạng suy thoái kinh tế nặng nề, lạm phát tăng nhanh, khủng hoảng trầm trọng, nợ nước ngoài chồng chất, dẫn đến những biến động về chính trị.

- Bước sang thập niên 90, nền kinh tế Mĩ Latinh có chuyển biến tích cực hơn. Tuy nhiên, tình hình kinh tế của nhiều nước Mĩ Latinh còn gặp không ít khó khăn, mâu thuẫn xã hội là vấn đề nổi bật, tham nhũng đã trở thành quốc nạn và ngăn cản sự phát triển kinh tế.

Chương IV

MĨ, TÂY ÂU, NHẬT BẢN (1945 - 2000)

BÀI 6

NƯỚC MĨ

I NƯỚC MĨ TỪ NĂM 1945 ĐẾN NĂM 1973

1. Sự phát triển kinh tế

- Sau Chiến tranh thế giới thứ II, nền kinh tế Mĩ phát triển mạnh mẽ.

- Khoảng 20 năm sau chiến tranh, Mĩ trở thành trung tâm kinh tế - tài chính lớn nhất thế giới.

- Nguyên nhân:

+ Lãnh thổ Mĩ rộng lớn, tài nguyên thiên nhiên phong phú, nguồn nhân lực dồi dào, trình độ kĩ thuật cao, năng động, sáng tạo.

+ Mĩ lợi dụng chiến tranh để làm giàu, thu lợi nhuận từ buôn bán vũ khí.

+ Mĩ áp dụng thành tựu khoa học – kĩ thuật để nâng cao năng suất lao động.

+ Các tổ hợp công nghiệp - quân sự, các công ti, tập đoàn tư bản lũng đoạn Mĩ có sức sản xuất, cạnh tranh lớn và có hiệu quả trong và ngoài nước.

+ Các chính sách và biện pháp điều tiết của Nhà nước đóng vai trò quan trọng thúc đẩy kinh tế Mĩ phát triển.

2. Về khoa học - kĩ thuật

- Là nước khởi đầu cuộc cách mạng khoa học – kĩ thuật hiện đại và đã đạt được nhiều thành tựu to lớn.

- Là một trong những nước đi đầu trong các lĩnh vực chế tạo công cụ sản xuất mới (máy tính điện tử, máy tự động), vật liệu mới (pôlime, vật liệu tổng hợp); năng lượng mới (năng lượng nguyên tử, nhiệt hạch); chinh phục vũ trụ (đưa người lên Mặt trăng năm 1969), và đi đầu cuộc "cách mạng xanh" trong nông nghiệp v.v...

3. Về chính trị - xã hội

- Từ 1945 đến đầu những năm 70, nước Mĩ đã trải qua năm đời tổng thống (từ H.Truman đến R.Níchxơn), mỗi tổng thống đều đưa ra một chương trình cải cách những vấn đề xã hội.

- Mĩ thực hiện chính sách đối nội nhằm ngăn chặn, đàn áp phong trào đấu tranh của công nhân và các lực lượng tiến bộ.

- Xã hội Mĩ không ổn định, nhiều mâu thuẫn xã hội nảy sinh. Cuộc đấu tranh của nhân dân Mĩ diễn ra dưới nhiều hình thức.

- Về đối ngoại, Mĩ triển khai chiến lược toàn cầu với tham vọng làm bá chủ thế giới. Mặc dù các chiến lược cụ thể mang những tên gọi khác nhau, nhưng chiến lược toàn cầu của Mĩ nhằm thực hiện ba mục tiêu chủ yếu:

+ Ngăn chặn và tiến tới xoá bỏ chủ nghĩa xã hội trên thế giới.

+ Đàn áp phong trào giải phóng dân tộc, phong trào công nhân và cộng sản quốc tế.

+ Khống chế, chi phối các nước tư bản đồng minh phụ thuộc vào Mĩ.

Để thực hiện các mục tiêu chiến lược trên đây, chính sách cơ bản của Mĩ là dựa vào sức mạnh, trước hết là sức mạnh quân sự và kinh tế để khống chế các nước.

II NƯỚC MĨ TỪ NĂM 1973 ĐẾN NĂM 1991

- Năm 1973, do tác động của cuộc khủng hoảng năng lượng thế giới, kinh tế Mĩ lâm vào một cuộc khủng hoảng và suy thoái, kéo dài tới năm 1982.

- Từ năm 1983 trở đi, kinh tế Mĩ phục hồi và phát triển trở lại, nhưng cũng chỉ ở tốc độ trung bình so với Tây Âu và Nhật Bản. Tuy vẫn là nước đứng đầu thế giới về sức mạnh kinh tế - tài chính, nhưng tỉ trọng của kinh tế Mĩ giảm sút nhiều so với trước.

- Với Hiệp định Pari (1973) về Việt Nam, Mĩ rút quân về nước, các chính quyền Mĩ tiếp tục triển khai "chiến lược toàn cầu", thực hiện sự đối đầu với Liên Xô thông qua cuộc Chiến tranh lạnh.

- Từ giữa những năm 80, Mĩ - Xô thực hiện chính sách đối thoại và hoà hoãn. Đến tháng 12 – 1989, Mĩ và Liên Xô tuyên bố chấm dứt Chiến tranh lạnh, mở ra thời kì mới trên trường quốc tế.

III NƯỚC MĨ TỪ NĂM 1991 ĐẾN NĂM 2000

- Trong suốt thập kỉ 90, kinh tế Mĩ vẫn đứng đầu thế giới.

- Khoa học - kĩ thuật của Mĩ vẫn tiếp tục phát triển mạnh mẽ.

- Về chính trị và đối ngoại, trong thập kỉ 90, chính quyền B.Clinton theo đuổi ba mục tiêu cơ bản của chiến lược "Cam kết và mở rộng". Đó là:

+ Bảo đảm an ninh của Mĩ với lực lượng quân sự mạnh, sẵn sàng chiến đấu.

+ Tăng cường khôi phục và phát triển tính năng động và sức mạnh của nền kinh tế Mĩ

+ Sử dụng khẩu hiệu "Thúc đẩy dân chủ" để can thiệp vào công việc nội bộ của nước khác.

- Sau khi Chiến tranh lạnh kế thúc (1989), trật tự hai cực Ianta tan rã (1991), Mĩ tìm cách vươn lên chi phối, lãnh đạo thế giới. Tuy nhiên thế giới không bao giờ chấp nhận, vụ khủng bố ngày 11 – 9 – 2001 đã chứng tỏ điều đó.

BÀI 7

TÂY ÂU

I TÂY ÂU TỪ NĂM 1945 ĐẾN NĂM 1950

- Chiến tranh thế giới thứ II đã để lại cho các nước Tây Âu nhiều hậu quả nặng nề.

+ Nhiều thành phố, nhà máy, bến cảng, khu công nghiệp, đường giao thông bị tàn phá. Hàng triệu người chết, mất tích hoặc bị tàn phế.

+ Ở Pháp, năm 1945 sản xuất công nghiệp chỉ bằng 38% và nông nghiệp chỉ bằng 50% so với năm 1938; Italia tổn thất khoảng 1/3 của cải quốc gia.

- Tuy nhiên, với sự cố gắng của từng nước và viện trợ của Mĩ trong khuôn khổ "Kế hoạch Mácsan", đến khoảng năm 1950, kinh tế các nước tư bản Tây Âu đã cơ bản phục hồi, đạt mức trước chiến tranh.

- *Về chính trị:*

+ Củng cố chính quyền của giai cấp tư sản.

+ Ổn định tình hình chính trị - xã hội.

+ Hàn gắn vết thương chiến tranh, khôi phục kinh tế.

+ Liên minh chặt chẽ với Mĩ.

+ Tìm cách trở lại các thuộc địa cũ của mình.

- Tóm lại, từ 1945 đến 1950, với sự viện trợ của Mĩ, các nước tư bản Tây Âu đã cơ bản ổn định và phục hồi về mọi mặt, trở thành lực lượng đối trọng với khối xã hội chủ nghĩa Đông Âu vừa mới hình thành.

II TÂY ÂU TỪ NĂM 1950 ĐẾN NĂM 1973

* *Về kinh tế:*

- Từ thập niên 50 đến đầu những năm 70, nền kinh tế của các nước tư bản chủ yếu ở Tây Âu đều có sự phát triển nhanh.

- Từ đầu thập niên 70 trở đi, Tây Âu đã trở thành một trong ba trung tâm kinh tế - tài chính lớn của thế giới (cùng với Mĩ và Nhật Bản). Các nước tư bản chủ yếu ở Tây Âu như Anh, Pháp, CHLB Đức, Italia, Thuỵ Điển, Phần Lan v.v... đều có nền khoa học - kĩ thuật phát triển cao, hiện đại.

- Sở dĩ các nước Tây Âu phát triển kinh tế nhanh như vậy là do một số yếu tố sau:

+ Các nước này đã phát triển và áp dụng thành công các thành tựu của cách mạng khoa học - kĩ thuật hiện đại.

+ Nhà nước đóng vai trò lớn trong việc quản lí, điều tiết, thúc đẩy nền kinh tế.

+ Các nước tư bản ở Tây Âu đã tận dụng tốt các cơ hội bên ngoài như nguồn viện trợ của Mĩ, tranh thủ được giá nguyên liệu rẻ từ các nước thuộc thế giới thứ ba, hợp tác có hiệu quả trong khuôn khổ của Cộng đồng châu Âu (EC) v.v...

+ Sự nỗ lực phấn đấu của chính người dân lao động ở các nước này.

* Về chính trị, đánh dấu sự tiếp tục phát triển của nền dân chủ tư sản ở Tây Âu, đồng thời cũng ghi nhận những biến động đáng chú ý trên chính trường nhiều nước trong khu vực.

* Về mặt đối ngoại, trong khuôn khổ của chiến tranh lạnh và trật tự thế giới hai cực Ianta, từ năm 1950 đến năm 1973, nhiều nước tư bản Tây Âu một mặt vẫn tiếp tục chính sách liên minh chặt chẽ với Mĩ, mặt khác đã nỗ lực mở rộng hơn nữa quan hệ đối ngoại.

III TÂY ÂU TỪ NĂM 1973 ĐẾN NĂM 1991

* *Về kinh tế:*

- Do tác động của cuộc khủng hoảng năng lượng thế giới, cũng như Mĩ và Nhật Bản, từ 1973 nhiều nước tư bản chủ yếu ở Tây Âu bị lâm vào khủng hoảng và suy thoái hoặc phát triển không ổn định kéo dài đến đầu thập niên 90.

- Tuy vẫn là một trong ba trung tâm kinh tế - tài chính lớn của thế giới, nhưng kinh tế tư bản chủ nghĩa ở Tây Âu gặp không ít khó khăn. Sự phát triển thường diễn ra xen kẽ với khủng hoảng, suy thoái và lạm phát, thất nghiệp.

- Tây Âu luôn gặp phải sự cạnh tranh quyết liệt từ phía Mĩ, Nhật Bản và các nước công nghiệp mới (NICs). Quá trình "nhất thể hoá" Tây Âu trong khuôn khổ Cộng đồng châu Âu (EC) vẫn còn nhiều khó khăn và trở ngại.

* *Về chính trị - xã hội:*

- Bên cạnh sự phát triển, nền dân chủ tư sản Tây Âu vẫn tiếp tục bộc lộc những mặt trái của nó. Tình trạng phân hoá giàu nghèo ngày càng lớn.

- Các tệ nạn xã hội vẫn thường xuyên xảy ra, trong đó tội phạm maphia là rất điển hình ở Italia.

* *Về đối ngoại:*

- Tháng 11 – 1972, việc kí kết hiệp định về những cơ sở của quan hệ giữa Cộng hoà Liên bang Đức và Cộng hoà Dân chủ Đức làm cho tình hình Tây Âu có dịu đi.

- Tiếp đó về việc các nước Tây Âu tham gia Định ước Henxinki về an ninh và hợp tác châu Âu (1975).

- Tháng 11 - 1989, bức tường Béclin bị phá bỏ, sau đó không lâu, nước Đức đã tái thống nhất (03 - 10 - 1990).

IV TÂY ÂU TỪ NĂM 1991 ĐẾN NĂM 2000

* *Về kinh tế:*

- Bước vào đầu thập kỉ 90, nền kinh tế nhiều nước Tây Âu đã trải qua một đợt suy thoái ngắn.

- Từ khoảng 1994 trở đi kinh tế Tây Âu đã bắt đầu phục hồi và phát triển trở lại.

- Tây Âu trở thành một trong ba trung tâm kinh tế - tài chính thế giới.

* *Về chính trị và đối ngoại:*

- Về chính trị đối nội, các nước Tây Âu trong thập niên cuối cùng của thế kỉ XX cơ bản là ổn định.

- Về đối đối ngoại, có sự điều chỉnh quan trọng trong bối cảnh chiến tranh lạnh đã kết thúc, trật tự thế giới hai cực Ianta tan rã. Cụ thể:

+ Anh vẫn duy trì liên minh chặt chẽ với Mĩ.

+ Pháp và Đức trở thành những đối trọng với Mĩ trong nhiều vấn đề quốc tế quan trọng.

+ Các nước Tây Âu đều chú ý mở rộng quan hệ không chỉ với các nước tư bản phát triển khác mà còn cả với các nước đang phát triển ở Á, Phi, Mĩ Latinh cũng như với các nước Đông Âu và Liên Xô cũ.

- Từ sau ngày 11- 9 - 2001, những vụ khủng bố của các lực lượng Hồi giáo cực đoan luôn đe doạ nền an ninh của nhiều nước Tây Âu.

V LIÊN MINH CHÂU ÂU (EU)

- Ngày 18 - 4 – 1951, sáu nước Tây Âu (gồm Pháp, Đức, Italia, Bỉ, Hà Lan, Lúcxămbua) đã thành lập "Cộng đồng than - thép châu Âu".

- Ngày 25 - 3 - 1957 sáu nước này lại kí Hiệp ước Rôma, thành lập "Cộng đồng năng lượng nguyên tử châu Âu" và "Cộng đồng kinh tế châu Âu" (EEC).

- Đến ngày 01 - 7 - 1967, ba tổ chức trên đã được hợp nhất lại thành "Cộng đồng châu Âu" (EC), và tháng 12 - 1991 các nước thành viên EC đã kí tại Hà Lan bản Hiệp ước Maxtrích (Hà Lan), có hiệu lực từ 01 - 01 - 1993, đổi tên thành Liên minh châu Âu (EU).

- Trong tháng 6 – 1979, đã diễn ra cuộc bầu cử Nghị viện châu Âu đầu tiên. Tháng 3 - 1995, 7 nước EU huỷ bỏ việc kiểm soát đối với việc đi lại của công dân các nước này qua biên giới của nhau. Ngày 1 - 1 - 1999, đồng tiền chung châu Âu (EURO) đã được chính thức đưa vào sử dụng ở 11 nước EU.

- Như vậy, đến cuối thập kỉ 90, EU đã trở thành tổ chức liên kết chính trị - kinh tế vào hàng lớn nhất hành tinh, chiếm khoảng hơn ¼ năng lực sản xuất của toàn thế giới.

BÀI 8

NHẬT BẢN

I NHẬT BẢN TỪ NĂM 1945 ĐẾN NĂM 1952

- Sự thất bại trong Chiến tranh thế giới thứ II đã để lại cho Nhật Bản những hậu quả hết sức nặng nề.

- Sau chiến tranh, Nhật Bản đã bị quân Mĩ chiếm đóng từ năm 1945 đến năm 1952, nhưng Chính phủ Nhật vẫn được phép tồn tại và hoạt động.

- Về chính trị:

+ Bộ Chỉ huy tối cao lực lượng Đồng minh đã thi hành một số biện pháp để loại bỏ chủ nghĩa quân phiệt và bộ máy chiến tranh của Nhật Bản.

+ Toà án Quân sự Viễn Đông đã xét xử tội phạm chiến tranh Nhật Bản.

+ Hiến pháp mới có hiệu lực từ ngày 03 - 5 – 1947, quy định Nhật Bản là nước quân chủ lập hiến, nhưng thực tế là theo chế độ dân chủ đại nghị tư sản dựa trên ba nguyên tắc cơ bản là: chủ quyền của toàn dân, vai trò tượng trưng của Thiên hoàng và hoà bình, tôn trọng những quyền cơ bản của con người.

+ Nhật Bản cam kết từ bỏ việc tiến hành chiến tranh, không dùng hoặc đe doạ sử dụng vũ lực trong quan hệ quốc tế, không duy trì quân đội thường trực, chỉ có lực lượng phòng vệ dân sự bảo đảm an ninh, trật tự trong nước.

- Về kinh tế

Trong thời kì bị chiếm đóng (1945 - 1952), SCAP đã thực hiện ba cuộc cải cách lớn:

+ Thủ tiêu chế độ kinh tế tập trung, trước hết là giải tán các "Daibatxu" (các tập đoàn, công ti độc quyền còn mang nhiều tính chất dòng tộc);

+ Cải cách ruộng đất, quy định địa chủ chỉ được sở hữu không quá 3 hécta ruộng, số còn lại Chính phủ đem bán cho nông dân.

+ Dân chủ hoá lao động thông qua và thực hiện các đạo luật về lao động.

- Chính sách đối ngoại:

+ Nhật Bản chủ trương liên minh chặt chẽ với Mĩ, Nhật sớm kí kết Hiệp ước hoà bình Xan Phranxicô (08 - 9 - 1951), chấm dứt chế độ chiếm đóng của Đồng minh vào năm 1952.

+ Cùng ngày, Hiệp ước An ninh Nhật - Mĩ được kí kết, đặt nền tảng cho cho quan hệ giữa hai nước. Theo đó, Nhật Bản chấp nhận sự bảo hộ hạt nhân của Mĩ, để cho Mĩ đóng quân và xây dựng căn cứ quân sự trên lãnh thổ Nhật Bản.

II NHẬT BẢN TỪ NĂM 1952 ĐẾN NĂM 1973

** Về kinh tế:*

- Từ năm 1952 đến năm 1960, kinh tế Nhật Bản có bước phát triển nhanh. Từ năm 1960 đến năm 1973, kinh tế Nhật bước vào giai đoạn phát triển "thần kì".

- Từ đầu những năm 70 trở đi, Nhật Bản trở thành một trong ba trung tâm kinh tế - tài chính lớn của thế giới (cùng với Mĩ và Tây Âu).

- Nhật Bản rất coi trọng phát triển giáo dục và khoa học - kĩ thuật, luôn tìm cách đẩy nhanh sự phát triển bằng cách mua bằng phát minh sáng chế.

- Nguyên nhân phát triển kinh tế của Nhật Bản:

+ Ở Nhật Bản, con người được coi là vốn quý nhất, nhân tố quyết định hàng đầu.

+ Vai trò lãnh đạo, quản lí có hiệu quả của Nhà nước.

+ Chế độ làm việc suốt đời, chế độ hưởng lương theo thâm niên và chủ nghĩa nghiệp đoàn xí nghiệp được coi là ba "kho báu thiêng liêng" làm cho các công ti có sức mạnh và tính cạnh tranh cao.

+ Nhật Bản biết áp dụng các thành tựu khoa học - kĩ thuật hiện đại để nâng cao năng suất, chất lượng, hạ giá thành sản phẩm.

+ Chi phí cho quốc phòng của Nhật Bản thấp.

+ Nhật Bản đã tận dụng tốt các yếu tố bên ngoài để phát triển như tranh thủ các nguồn viện trợ của Mĩ sau chiến tranh, dựa vào Mĩ về mặt quân sự để giảm chi phí quốc phòng, lợi dụng các cuộc chiến tranh ở Triều Tiên (1950 - 1953) và Việt Nam (1954 - 1975) để làm giàu.

- Tuy nhiên, nền kinh tế Nhật Bản vẫn phải đối mặt với những thách thức:

+ Lãnh thổ Nhật Bản không rộng, dân số đông, tài nguyên khoáng sản rất nghèo nàn, thiếu nguyên, nhiên liệu.

+ Cơ cấu vùng kinh tế của Nhật Bản thiếu cân đối, tập trung chủ yếu vào ba trung tâm là Tôkiô, Ôxaca và Nagôia.

+ Nhật Bản luôn gặp sự cạnh tranh quyết liệt của Mĩ, Tây Âu, các nước công nghiệp mới (NICs).

* *Về mặt chính trị:*

- Từ 1955 đến năm 1993, Đảng Dân chủ Tự do (LDP) liên tục cầm quyền ở Nhật Bản.

- Nhật Bản chủ trương xây dựng "Nhà nước phúc lợi chung", tăng thu nhập quốc dân lên gấp đôi trong vòng 10 năm (1960 – 1970).

* *Về đối ngoại:*

- Nhật Bản liên minh chặt chẽ với Mĩ. Hiệp ước an ninh Mĩ - Nhật kí năm 1951 có giá trị 10 năm, sau đó có giá trị vĩnh viễn.

- Năm 1956, Nhật Bản đã bình thường hoá quan hệ ngoại giao với Liên Xô và cũng trong năm này Nhật Bản thành thành viên của Liên hợp quốc.

III NHẬT BẢN TỪ NĂM 1973 ĐẾN NĂM 1991

Về kinh tế

+ Sau giai đoạn phát triển thần kì, do tác động của cuộc khủng hoảng năng lượng thế giới, từ năm 1973 trở đi, sự phát triển kinh tế của Nhật Bản thường xen kẽ với những giai đoạn suy thoái.

+ Từ nửa sau những năm 80, Nhật Bản đã vươn lên thành siêu cường tài chính số một thế giới với lượng dự trữ vàng và ngoại tệ gấp 3 lần của Mĩ. Nhật Bản cũng là chủ nợ lớn nhất thế giới.

Về đối ngoại

+ Với sức mạnh kinh tế - tài chính ngày càng lớn, từ nửa năm sau những năm 70, Nhật Bản cố gắng đưa ra chính sách đối ngoại mới như "học thuyết Phucưđa" (1977) và "học thuyết Kaiphu" (1991).

+ Nhật Bản thiết lập quan hệ ngoại giao với Việt Nam ngày 21 - 9 - 1973.

IV NHẬT BẢN TỪ NĂM 1991 ĐẾN NĂM 2000

- Về kinh tế, trong thập niên 90, dù có suy thoái kinh tế nhưng Nhật Bản vẫn là một trong ba trung tâm kinh tế-tài chính của thế giới.

- Về khoa học - kĩ thuật, Nhật Bản tiếp tục phát triển trình độ cao. Tính đến năm 1992 Nhật Bản đã phóng 49 vệ tinh và hợp tác có hiệu quả với Mĩ, Nga trong các chương trình vũ trụ quốc tế.

- Về văn hoá, Nhật Bản vẫn lưu giữ được những giá trị truyền thống và bản sắc văn hoá của mình.

- Về chính trị, sau 38 năm Đảng Dân chủ Tự do liên tục cầm quyền (1955 - 1993), từ năm 1993 đến năm 2000 các đảng đối lập hoặc liên minh các đảng phái khác nhau đã tham gia chấp chính, tình hình xã hội Nhật Bản có phần không ổn định.

- Về đối ngoại:

+Tiếp tục duy trì liên minh chặt chẽ với Mĩ.

+ Coi trọng quan hệ với Tây Âu và mở rộng hoạt động đối ngoại với các đối tác khác trên phạm vi toàn cầu.

+ Từ đầu những năm 90, Nhật Bản nỗ lực vươn lên thành một cường quốc chính trị để xứng đáng với vị thế siêu cường kinh tế của mình.

Chương V

QUAN HỆ QUỐC TẾ (1945 - 2000)

BÀI 9

QUAN HỆ QUỐC TẾ TRONG VÀ SAU THỜI KÌ CHIẾN TRANH LẠNH

I MÂU THUẪN ĐÔNG - TÂY VÀ SỰ KHỞI ĐẦU CỦA CHIẾN TRANH LẠNH

- Sau Chiến tranh thế giới thứ II, hai cường quốc Liên Xô và Mĩ nhanh chóng chuyển sang thế đối đầu, dần dần đi tới tình trạng chiến tranh lạnh.

- Trước hết, đó là sự đối lập nhau về mục tiêu và chiến lược giữa hai cường quốc.

+ Liên Xô chủ trương duy trì hoà bình an ninh thế giới, bảo vệ những thành quả của chủ nghĩa xã hội và đẩy mạnh phong trào cách mạng thế giới.

+ Ngược lại, Mĩ ra sức chống phá Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa, đẩy lùi phong trào cách mạng nhằm thực hiện mưu đồ bá chủ thế giới.

- Nhưng cũng sau chiến tranh, Mĩ đã vươn lên thành một nước tư bản giàu mạnh nhất, vượt xa các nước tư bản khác, nắm độc quyền vũ khí nguyên tử. Mĩ tự cho mình có quyền lãnh đạo thế giới.

- Sự kiện được xem là khởi đầu cho chính sách chống Liên Xô gây nên tình trạng Chiến tranh lạnh của Mĩ là bản thông điệp của Tổng thống Truman gửi Quốc hội Mĩ ngày 12 – 3 -1947.

- Vào đầu tháng 6 - 1947, Mĩ đề ra "kế hoạch Mácsan". Ngày 04 – 4 -1949, Mĩ thành lập khối quân sự - tổ chức Hiệp ước Bắc Đại Tây Dương (NATO).

- Trước những hoạt động đe dọa đó, nhất là việc tham gia của CHLB Đức vào NATO, tháng 5 - 1955 Liên Xô và các nước Đông Âu (Anbani, Ba Lan, Hunggari, Bungari, CHDC Đức, Tiệp Khắc, Rumani) đã thành lập tổ chức Hiệp ước Vácsava, một liên minh chính trị-quân sự mang tính chất phòng thủ của các nước xã hội chủ nghĩa châu Âu.

- Sự ra đời của NATO và tổ chức Hiệp ước Vácsava là những sự kiện cuối cùng đánh dấu sự xác lập của cục diện hai cực, hai phe. Chiến tranh lạnh đã bao trùm cả thế giới.

II SỰ ĐỐI ĐẦU ĐÔNG - TÂY VÀ CÁC CUỘC CHIẾN TRANH CỤC BỘ

1. Cuộc chiến tranh xâm lược Đông Dương của thực dân Pháp (1945 - 1954)

- Ngay sau chiến tranh thế giới thứ II, thực dân Pháp đã quay lại tiến hành cuộc chiến tranh xâm lược ba nước Việt Nam, Lào, Campuchia. Đến cuối tháng 12 - 1946, cuộc chiến đã lan rộng trên toàn Đông Dương.

- Vượt qua muôn vàn khó khăn gian khổ, nhân dân ba nước Đông Dương đã kiên cường kháng chiến. Sau khi cách mạng Trung Quốc thành công (01 - 10 - 1949), cuộc kháng chiến của Việt Nam có điều kiện liên lạc và nhận được sự ủng hộ, giúp đỡ của Liên Xô, Trung Quốc và các nước xã hội chủ nghĩa. Từ năm 1950, Mĩ viện trợ cho Pháp và can thiệp ngày càng sâu vào cuộc chiến tranh Đông Dương. Từ đó, cuộc chiến tranh Đông Dương ngày càng chịu sự tác động của hai phe.

- Sau chiến thắng Điện Biên Phủ, Hội nghị Giơnevơ (7 – 1954) đã công nhận độc lập chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của Việt Nam, Lào, Campuchia. Cuộc chiến ở Đông Dương đã chấm dứt, nhưng Việt Nam tạm thời bị chia cắt làm hai miền, lấy vĩ tuyến 17 làm ranh giới quân sự.

2. Cuộc chiến tranh Triều Tiên (1950 - 1953)

- Sau Chiến tranh thế giới thứ II, theo thỏa thuận giữa các nước Đồng minh, quân đội Liên Xô chiếm đóng miền Bắc, quân đội Mĩ chiếm đóng miền Nam, lấy vĩ tuyến 38 làm giới tuyến phân chia tạm thời. Năm 1948, hai chính quyền được thành lập riêng rẽ là Đại Hàn Dân Quốc (8 – 1948) và Cộng hoà Dân chủ Nhân dân Triều Tiên (9 – 1948).

- Sau hơn ba năm chiến tranh, với những tổn thất nặng nề của cả hai bên, ngày 27 – 7 – 1953, Hiệp định đình chiến được kí kết giữa Trung Quốc - Triều Tiên với Mĩ - Hàn Quốc. Theo đó, vĩ tuyến 38 vẫn là ranh giới quân sự giữa hai miền Bắc, Nam Triều Tiên. Cuộc chiến tranh Triều Tiên là "sản phẩm" của Chiến tranh lạnh và là sự đụng đầu giữa hai phe.

3. Cuộc chiến tranh xâm lược Việt Nam của đế quốc Mĩ (1954 - 1975)

- Sau Hiệp định Giơnevơ 1954 về Đông Dương, Mĩ đã nhanh chóng hất cẳng Pháp, dựng lên chính quyền Ngô Đình Diệm, âm mưu chia cắt lâu dài Việt Nam, biến miền Nam Việt Nam thành thuộc địa kiểu mới và căn cứ quân sự của Mĩ. Nhưng mưu đồ của Mĩ đã vấp phải ý chí quật cường và cuộc đấu tranh anh dũng của nhân dân Việt Nam.

- Chiến tranh Việt Nam đã trở thành cuộc chiến tranh cục bộ lớn nhất phản ánh mâu thuẫn giữa hai phe. Nhưng cuối cùng, mọi chiến lược chiến tranh của Mĩ đều bị phá sản. Tháng 01-1973, Hiệp định Pari được kí kết. Theo đó, Mĩ cam kết tôn trọng các quyền dân tộc cơ bản là độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của Việt Nam, rút quân khỏi Việt Nam, cam kết không dính líu hoặc can thiệp về quân sự đối với nước ta.

- Nhân dân ba nước Đông Dương đoàn kết tiến hành cuộc kháng chiến chống Mĩ cứu nước, đến năm 1975 giành thắng lợi hoàn toàn.

- Tóm lại, trong thời kì Chiến tranh lạnh, hầu như mọi cuộc chiến tranh hoặc xung đột quân sự ở các khu vực trên thế giới, với những hình thức và mức độ khác nhau, đều liên quan tới sự "đối đầu" giữa hai cực Xô - Mĩ.

III XU THẾ HOÀ HOÃN ĐÔNG - TÂY VÀ CHIẾN TRANH LẠNH CHẤM DỨT

1. Xu thế hoà hoãn Đông – Tây

- Đầu những năm 70 xu hướng hoà hoãn Đông – Tây đã xuất hiện với những cuộc gặp gỡ thương lượng Xô - Mĩ.

+ Ngày 9 – 11 – 1972, hai nước Đức: Cộng hoà Dân chủ và Cộng hoà Liên bang đã kí kết tại Bon Hiệp định về những cơ sở của quan hệ giữa Đông Đức và Tây Đức.

+ Cũng trong năm 1972, hai siêu cường Liên Xô, Mĩ đã thỏa thuận về việc hạn chế vũ khí chiến lược và kí Hiệp ước về việc hạn chế hệ thống phòng chống tên lửa (ABM), sau đó là Hiệp định hạn chế vũ khí tiến công chiến lược (gọi tắt là SALT-1).

+ Đầu tháng 8 - 1975, 33 nước châu Âu cùng với Mĩ, Canađa đã kí kết Định ước Henxinki, khẳng định những nguyên tắc trong quan hệ giữa các quốc gia như bình đẳng, chủ quyền, sự bền vững của đường biên giới, giải quyết hoà bình các tranh chấp.

2. Chiến tranh lạnh chấm dứt

- Từ đầu những năm 70, hai siêu cường Xô - Mĩ đã tiến hành những cuộc gặp cấp cao, nhất là từ năm 1985 khi Goócbachốp lên cầm quyền ở Liên Xô.

- Tháng 12 - 1989, trong cuộc gặp không chính thức tại đảo Manta (Địa Trung Hải). Tổng Bí thư Đảng Cộng sản Liên Xô Goócbachốp và Tổng thống Mĩ Busơ đã chính thức cùng tuyên bố chấm dứt Chiến tranh lạnh.

- Chiến tranh lạnh chấm dứt đã mở ra nhiều hướng và những điều kiện giải quyết hoà bình các vụ tranh chấp, xung đột đang diễn ra ở nhiều khu vực trên thế giới.

IV THẾ GIỚI SAU CHIẾN TRANH LẠNH

- Sau nhiều năm trì trệ và khủng hoảng kéo dài, tới những năm 1989 - 1991 chế độ xã hội chủ nghĩa đã bị tan rã ở các nước Đông Âu và Liên bang Xô viết.

- Ngày 28 - 6 - 1991, Hội đồng Tương trợ kinh tế (SEV) tuyên bố giải thể và sau đó ngày 01 - 7 – 1991, tổ chức Hiệp ước Vácsava chấm dứt hoạt động. Với "cực" Liên Xô tan rã, hệ thống thế giới của các nước xã hội chủ nghĩa không còn tồn tại và trật tự thế giới hai cực Ianta đã sụp đổ. Thế "hai cực" của hai siêu cường không còn nữa, Mĩ là "cực" duy nhất còn lại.

- Từ sau năm 1991, tình hình thế giới đã diễn ra những thay đổi to lớn và phức tạp.

Một là, trật tự thế giới hai cực đã sụp đổ nhưng trật tự thế giới mới lại đang trong quá trình hình thành.

Hai là, sau Chiến tranh lạnh, hầu như các quốc gia đều điều chỉnh chiến lược phát triển, tập trung vào phát triển kinh tế.

Ba là, sự tan rã của Liên Xô đã tạo cho Mĩ một lợi thế tạm thời. Giới cầm quyền Mĩ ra sức thiết lập trật tự thế giới một cực để Mĩ làm bá chủ thế giới.

Bốn là, sau Chiến tranh lạnh, hoà bình thế giới được củng cố, nhưng ở nhiều khu vực tình hình lại không ổn định với những cuộc nội chiến, xung đột quân sự đẫm máu kéo dài.

- Bước sang thế kỉ XXI, với sự tiến triển của xu thế hoà bình, hợp tác và phát triển, các dân tộc hi vọng về một tương lai tốt đẹp của lòai người. Nhưng cuộc tấn công khủng bố bất ngờ vào nước Mĩ ngày 11- 9 - 2001 đã mở đầu cho một thời kì biến động lớn trong tình hình thế giới.

Chương VI

CÁCH MẠNG KHOA HỌC - CÔNG NGHỆ VÀ XU THẾ TOÀN CẦU HOÁ

BÀI 10

CÁCH MẠNG KHOA HỌC - CÔNG NGHỆ VÀ XU THẾ TOÀN CẦU HOÁ NỬA SAU THẾ KỈ XX

I CUỘC CÁCH MẠNG KHOA HỌC - CÔNG NGHỆ

1. Nguồn gốc và đặc điểm

a. Nguồn gốc

- Do những đòi hỏi của cuộc sống, của sản xuất nhằm đáp ứng nhu cầu vật chất và tinh thần ngày càng cao của con người.

- Do tình hình bùng nổ dân số thế giới và sự vơi cạn nghiêm trọng các nguồn tài nguyên thiên nhiên.

- Những đòi hỏi bức thiết đó đặt ra cho cuộc cách mạng khoa học - kĩ thuật phải giải quyết, trước hết là chế tạo và tìm kiếm những công cụ sản xuất mới có kĩ thuật và năng suất cao, tạo ra những vật liệu mới.

b. Đặc điểm

- Khoa học trở thành lực lượng sản xuất trực tiếp, khác với cuộc cách mạng công nghiệp thế kỉ XVIII.

- Trong cuộc cách mạng khoa học - kĩ thuật hiện đại, mọi phát minh kĩ thuật đều bắt nguồn từ nghiên cứu khoa học. Khoa học gắn liền với kĩ thuật, khoa học đi trước mở đường cho sản xuất.

2. Những thành tựu tiêu biểu

- Trong lĩnh vực khoa học cơ bản, loài người đã đạt được những thành tựu hết sức to lớn, những bước nhảy vọt chưa từng thấy trong lịch sử các ngành Toán học, Vật lí học, Hoá học, Sinh học,...

- Trong lĩnh vực công nghệ đã xuất hiện những phát minh quan trọng, những thành tựu to lớn trong các lĩnh vực: những công cụ sản xuất mới, những nguồn năng lượng mới, những vật liệu mới, công nghệ sinh học với những đột phá phi thường, những tiến bộ thần kì trong giao thông vận tải, chinh phục vũ trụ...

- Những thập niên gần đây, công nghệ thông tin đã phát triển mạnh mẽ.

- Tác động tích cực:

+ Tăng năng suất lao động, nâng cao không ngừng mức sống và chất lượng cuộc sống con người.

+ Tạo nên những thay đổi lớn về cơ cấu dân cư, chất lượng nguồn nhân lực, sự hình thành một thị trường thế giới với xu thế toàn cầu hoá.

- Hạn chế:

+ Gây nên tình trạng ô nhiễm môi trường.

+ Gây ra những tai nạn lao động và giao thông, các loại dịch bệnh mới...

+ Việc chế tạo những loại vũ khí hiện đại có thể tiêu diệt nhiều lần sự sống trên hành tinh.

II XU THẾ TOÀN CẦU HOÁ VÀ ẢNH HƯỞNG CỦA NÓ

- Một hệ quả quan trọng của cách mạng khoa học - công nghệ là từ đầu những năm 80 của thế kỉ XX, nhất là sau chiến tranh lạnh, trên thế giới đã diễn ra xu thế toàn cầu hoá.

- Xét về bản chất, toàn cầu hoá là quá trình tăng lên mạnh mẽ những mối liên hệ, những ảnh hưởng tác động lẫn nhau, phụ thuộc lẫn nhau của tất cả các khu vực, các quốc gia, các dân tộc trên thế giới.

- Những biểu hiện chủ yếu của xu thế toàn cầu hoá ngày nay là:

+ Sự phát triển nhanh chóng của quan hệ thương mại quốc tế.

+ Sự phát triển và tác động to lớn của các công ti xuyên quốc gia.

+ Sự sáp nhập và hợp nhất các công ti thành những tập đoàn lớn.

+ Sự ra đời của các tổ chức liên kết kinh tế, thương mại, tài chính quốc tế và khu vực.

- Toàn cầu hoá là thời cơ lịch sử. Đó vừa là cơ hội rất to lớn cho sự phát triển mạnh mẽ của các nước, đồng thời cũng tạo ra thách thức là nếu bỏ lỡ thời cơ thì sẽ bị tụt hậu rất xa.

- Việt Nam cũng nằm trong xu thế chung đó. Đại hội Đảng lần thứ IX đã khẳng định: "Nắm bắt cơ hội, vượt qua thách thức, phát triển mạnh mẽ trong thời kì mới, đó là vấn đề có ý nghĩa sống còn đối với Đảng và nhân dân ta".

BÀI 11

NHẬN ĐỊNH CHUNG VỀ LỊCH SỬ THẾ GIỚI TỪ SAU CHIẾN TRANH THẾ GIỚI THỨ II ĐẾN NĂM 2000

I NHỮNG NỘI DUNG CHỦ YẾU CỦA LỊCH SỬ THẾ GIỚI TỪ SAU NĂM 1945

1. Sau Chiến tranh thế giới thứ II, một trật tự thế giới đã được xác lập. Đó là trật tự thế giới hai cực Ianta với đặc trưng nổi bật là thế giới như phân đôi, chia thành hai phe tư bản chủ nghĩa và xã hội chủ nghĩa do hai siêu cường Mĩ và Liên Xô đứng đầu mỗi phe.

2. Với thắng lợi của các cuộc cách mạng dân chủ nhân dân ở các nước Đông Âu, chủ nghĩa xã hội đã vượt ra khỏi phạm vi một nước, trở thành một hệ thống thế giới.

3. Ngay sau Chiến tranh thế giới thứ hai, một cao trào giải phóng dân tộc đã dấy lên mạnh mẽ ở các nước Á, Phi và Mĩ Latinh.

4. Trong nửa sau thế kỉ XX, hệ thống đế quốc chủ nghĩa đã có những biến chuyển quan trọng.

- Mĩ đã vươn lên trở thành nước đế quốc giàu mạnh nhất.

- Nhờ có sự điều chỉnh kịp thời, nền kinh tế các nước tư bản đã tăng trưởng khá liên tục, đưa lại những thay đổi về chất trong cơ cấu cũng như xu hướng phát triển và hình thành các trung tâm kinh tế lớn của thế giới.

- Dưới tác động to lớn của cách mạng khoa học - kĩ thuật, nhất là sự phát triển mạnh mẽ của lực lượng sản xuất, các nước tư bản ngày càng có xu hướng liên kết kinh tế khu vực, tiêu biểu là sự ra đời từ hơn 40 năm qua của Cộng đồng kinh tế châu Âu (EEC) mà ngày nay là Liên minh châu Âu (EU). Mĩ, EU và Nhật Bản đã trở thành ba trung tâm kinh tế lớn của thế giới. Mặc dù có sự phát triển như thế, chủ nghĩa tư bản vẫn không thể khắc phục được những mâu thuẫn vốn có của nó.

5. So với các giai đoạn lịch sử thế giới trước đây, chưa bao giờ các quan hệ quốc tế lại mở rộng và đa dạng như trong nửa sau thế kỷ XX

- Những nét nổi bật của quan hệ quốc tế từ sau Chiến tranh thế giới thứ II là:

+ Tình trạng đối đầu gay gắt giữa hai siêu cường, hai phe mà đỉnh cao là tình trạng *Chiến tranh lạnh* kéo dài tới hơn bốn thập kỉ.

+ Tuy nhiên, các quốc gia vẫn *cùng tồn tại hoà bình, vừa đấu tranh, vừa hợp tác*. Cả hai siêu cường cũng như các nước khác đều ý thức về những hiểm họa khủng khiếp không lường hết được của một cuộc chiến tranh hạt nhân. Cuối cùng, chiến tranh lạnh chấm dứt, thế giới chuyển dần sang xu thế hoà hoãn và hoà dịu, đối thoại và hợp tác phát triển.

6. Từ sau Chiến tranh thế giới thứ II, một cuộc cách mạng khoa học – kĩ thuật đã diễn ra với quy mô, nội dung và nhịp điệu chưa từng thấy cùng những hệ quả về nhiều mặt là vô cùng to lớn.

- Sự phát triển của cách mạng khoa học - kĩ thuật, xu thế toàn cầu hoá đã diễn ra như một làn sóng nhanh ra thế giới. Có thể nói toàn cầu hoá đòi hỏi các quốc gia phải có lời giải đáp và sự thích ứng để vừa kịp thời vừa khôn ngoan, tránh việc bỏ lỡ cơ hội và tụt hậu hết sức nguy hiểm.

II XU THẾ PHÁT TRIỂN CỦA THẾ GIỚI NGÀY NAY

- Sau Chiến tranh lạnh, hầu như tất cả các quốc gia đều ra sức điều chỉnh chiến lược phát triển lấy kinh tế làm trọng điểm.

- Sau Chiến tranh, quan hệ giữa các nước lớn theo chiều hướng đối thoại, thỏa hiệp, tránh xung đột trực tiếp nhằm tạo nên một môi trường quốc tế thuận lợi giúp họ vươn lên mạnh mẽ, xác lập một vị trí ưu thế trong trật tự thế giới mới.

- Tuy hoà bình và ổn định là xu thế chủ đạo của tình hình thế giới sau chiến tranh lạnh, nhưng ở nhiều khu vực vẫn diễn ra nội chiến và xung đột.

- Những năm 90 sau Chiến tranh lạnh, thế giới đã và đang chứng kiến xu thế toàn cầu hoá diễn ra ngày càng mạnh mẽ.

- Toàn cầu hoá là xu thế phát triển khách quan. Đối với các nước đang phát triển, đây vừa là thời cơ thuận lợi, vừa là thách thức gay gắt trong sự vươn lên của đất nước.

- Loài người đã bước sang thế kỉ XXI. Mặc dù còn gặp không ít khó khăn gian khổ và thách thức gay gắt, các dân tộc ngày càng có tiếng nói chung, đoàn kết cùng nhau đấu tranh vì một thế giới hoà bình ổn định, hợp tác phát triển vì công bằng hạnh phúc cho mỗi con người, cho mỗi dân tộc trên hành tinh.

O PHẦN II

LỊCH SỬ VIỆT NAM TỪ NĂM 1919 ĐẾN NAY (2000)

Chương I

VIỆT NAM TỪ NĂM 1919 ĐẾN NĂM 1930

BÀI 12

PHONG TRÀO DÂN TỘC DÂN CHỦ Ở VIỆT NAM TỪ NĂM 1919 ĐẾN NĂM 1925

I NHỮNG CHUYỂN BIẾN MỚI VỀ KINH TẾ, CHÍNH TRỊ, VĂN HOÁ, XÃ HỘI Ở VIỆT NAM SAU CHIẾN TRANH THẾ GIỚI THỨ I

- Các nước đế quốc thắng trận đã cùng nhau phân chia lại thế giới, thiết lập một trật tự hoà bình, an ninh mới.
- Hậu quả của chiến tranh, khủng hoảng kinh tế ở các nước tư bản chủ nghĩa và ảnh hưởng của cuộc cách mạng tháng mười Nga (tháng 11 - 1917) .
- Giai cấp công nhân các nước đã thành lập những tổ chức riêng của mình. Các đảng cộng sản ở các nước tư bản chủ nghĩa, các nước thuộc địa và nửa thuộc địa lần lượt ra đời.
- Quốc tế Cộng sản (Quốc tế thứ ba) được thành lập ở Mátxcova (tháng 3 - 1919) đảm nhận sứ mệnh tập hợp và lãnh đạo phong trào cách mạng vô sản và phong trào giải phóng dân tộc ở các nước trên thế giới.

Các điều kiện khách quan đó của thế giới đã ảnh hưởng lớn đến sự phát triển của phong trào giải phóng dân tộc Việt Nam.

II CHÍNH SÁCH THỐNG TRỊ CỦA THỰC DÂN PHÁP Ở VIỆT NAM

1. Chính sách khai thác thuộc địa lần thứ hai của thực dân Pháp

a. Nguyên nhân:

- Chiến tranh thế giới đã làm cho nền kinh tế của Pháp bị tổn thất nặng nề.
- Để hàn gắn và khôi phục nền kinh tế sau chiến tranh, nhà cầm quyền Pháp vừa tìm cách thúc đẩy sản xuất trong nước, vừa tăng cường đầu tư khai thác thuộc địa, trước hết là các nước ở Đông Dương.

b. Quá trình khai thác:

- Vốn đầu tư: Chỉ trong vòng 6 năm (1924 - 1929), số vốn đầu tư vào Đông Dương, chủ yếu là Việt Nam lên đến 4 tỉ phrăng.

- Các lĩnh vự khai thác:

+ Nông nghiệp, Pháp đầu tư vốn nhiều nhất để mở các đồn điền cao su.

+ Công nghiệp, tư bản Pháp chú trọng đầu tư vào khai thác mỏ, trước hết là mỏ than.

+ Thương nghiệp, trước hết là ngoại thương có sự tăng tiến hơn trước. Quan hệ giao lưu buôn bán nội địa cũng được đẩy mạnh.

+ Giao thông vận tải phát triển nhằm phục vụ công cuộc khai thác và vận chuyển nguyên vật liệu, lưu thông hàng hoá trong và ngoài nước.

+ Thi hành các biện pháp tăng thuế nặng, nên ngân sách Đông Dương thu được năm 1930 tăng gấp 3 lần so với năm 1912.

2. Chính sách chính trị, văn hoá, giáo dục của thực dân Pháp

a. Về chính trị:

- Mọi quyền hành nắm trong tay người Pháp.
- Thi hành một vài cải cách chính trị - hành chính để đối phó với những biến động đang diễn ra ở Đông Dương, như đưa thêm số người Việt vào trong các phòng Thương mại và Canh nông ở các thành phố lớn.
- Lập Viện dân biểu Trung Kì (tháng 02 - 1926), Viện dân biểu Bắc Kì (tháng 4 - 1926).

b. Về Văn hoá, giáo dục:

- Hệ thống giáo dục được mở rộng gồm các cấp tiểu học, trung học, cao đẳng và đại học. Mô hình giáo dục có tính hiện đại đang hình thành ở Đông Dương.
- Cơ sở xuất bản, in ấn xuất hiện ngày càng nhiều với hàng chục tờ báo, tạp chí chữ Pháp và chữ Quốc ngữ.
- Nhà cầm quyền Pháp sử dụng báo chí, văn hoá...để phục vụ công cuộc khai thác và thống trị của chúng.
- Các trào lưu tư tưởng, khoa học - kĩ thuật phương Tây có điều kiện tràn vào Việt Nam. Các yếu tố văn hoá truyền thống, văn hoá mới tiến bộ và ngoại lai nô dịch cùng tồn tại, đan xen, đấu tranh với nhau.

3. Những chuyển biến mới về kinh tế và giai cấp xã hội ở Việt Nam

a. Chuyển biến về kinh tế:

- Qua cuộc khai thác thuộc địa lần thứ hai, nền kinh tế của tư bản thực dân Pháp ở Đông Dương có bước phát triển mới. Thực dân Pháp có đầu tư kĩ thuật và nhân lực, song rất hạn chế. Cơ cấu kinh tế Việt Nam vẫn mất cân đối.
- Sự chuyển biến ít nhiều về kinh tế có tính chất cục bộ ở một số vùng, còn lại phổ biến vẫn trong tình trạng lạc hậu, nghèo nàn. Kinh tế Đông Dương vẫn bị cột chặt vào kinh tế Pháp và Đông Dương vẫn là thị trường độc chiếm của tư bản Pháp.

b. Chuyển biến về giai cấp xã hội:

Do tác động của chính sách khai thác thuộc địa trên quy mô lớn và chính sách thống trị của thực dân Pháp, cơ cấu giai cấp xã hội ở Việt Nam có những biến chuyển mới.

- Giai cấp địa chủ bị phân hoá thành ba bộ phận khá rõ rệt: tiểu địa chủ, trung địa chủ và đại địa chủ. Một bộ phận đại địa chủ làm tay sai cho Pháp, một bộ phận tiểu và trung địa chủ có tinh thần dân tộc chống thực dân Pháp và tay sai.

- Giai cấp nông dân bị đế quốc, phong kiến thống trị, bị tước đoạt ruộng đất, bần cùng hoá, không có lối thoát. Mâu thuẫn giữa nông dân Việt Nam với đế quốc Pháp và phong kiến tay sai hết sức gay gắt. Nông dân là lực lượng cách mạng to lớn của dân tộc.

- Giai cấp tiểu tư sản phát triển nhanh về số lượng. Họ có tinh thần dân tộc, chống thực dân Pháp và tay sai. Đặc biệt bộ phận học sinh, sinh viên, trí thức rất nhạy cảm với thời cuộc và tha thiết canh tân đất nước, nên rất hăng hái tham gia vào các cuộc đấu tranh vì độc lập, tự do của dân tộc.

- Giai cấp tư sản Việt Nam ra đời sau Chiến tranh thế giới thứ I. Vừa mới ra đời đã bị tư sản Pháp chèn ép, nên số lượng ít, kinh tế yếu. Tư sản Việt Nam có khuynh hướng kinh doanh độc lập nên ít nhiều có khuynh hướng dân tộc và dân chủ.

- Giai cấp công nhân Việt Nam ngày càng đông đảo. Đến năm 1929, trong các doanh nghiệp của người Pháp ở Đông Dương, chủ yếu là ở Việt Nam, giai cấp công nhân có trên 22 vạn người. Giai cấp công nhân Việt Nam bị ba tầng áp bức bóc lột của đế quốc thực dân, phong kiến và tư sản bản xứ, chủ yếu là bọn đế quốc thực dân. Họ có quan hệ gắn bó với giai cấp nông dân, có truyền thống yêu nước bất khuất của dân tộc, sớm chịu ảnh hưởng của trào lưu cách mạng vô sản trên thế giới nên đã nhanh chóng vươn lên để trở thành một động lực mạnh mẽ của phong trào dân tộc theo khuynh hướng cách mạng tiên tiến của thời đại.

4. Những mâu thuẫn cơ bản trong xã hội Việt Nam

- Mâu thuẫn dân tộc, giữa dân tộc Việt Nam với thực dân Pháp.
- Mâu thuẫn giai cấp, giữa giai cấp nông dân với địa chủ phong kiến.

II PHONG TRÀO DÂN TỘC DÂN CHỦ Ở VIỆT NAM TỪ NĂM 1919 ĐẾN NĂM 1925

1. Hoạt động của Phan Bội Châu, Phan Châu Trinh và một số người Việt Nam sống ở nước ngoài.

a. Hoạt động của Phan Bội Châu

- Sau những năm bôn ba hoạt động ở Nhật Bản và Trung Quốc không thành, Phan Bội Châu bị bọn quân phiệt Trung Quốc bắt giam từ năm 1913, đến năm 1917 mới được thả tự do.

- Dưới ảnh hưởng của Cách mạng tháng Mười Nga và sự ra đời của nước Nga Xô viết đã bắt đầu đến với ông như một ánh sáng mới.

- Tháng 6 – 1925, trong khi chưa thể thay đổi được tổ chức, thay đổi phương lược đấu tranh thích hợp với biến chuyển mới của đất nước và thời đại thì Phan Bội Châu bị thực dân Pháp bắt tại Thượng Hải (Trung Quốc) đưa về nước, bị kết án tù rồi đưa về an trí ở Huế. Từ đó trở đi, Phan Bội Châu không thế tiến theo nhịp sống đấu tranh mới của dân tộc.

b. Hoạt động của Phan Châu Trinh

- Vào đầu năm 1922, Phan Châu Trinh đến Mácxây. Nhân dịp vua Khải Định sang dự cuộc triển lãm thuộc địa khuyếch trương cái gọi là "công lao khai hoá" của Pháp, Phan Châu Trinh viết *Thất điều thư* vạch ra 7 tội đáng chém của Khải Định. Phan Châu Trinh còn tổ chức diễn thuyết lên án chế độ quân chủ và quan trường ở Việt Nam, tiếp tục hô hào *"Khai dân trí, chấn dân khí, hậu dân sinh"*...

- Tháng 6 - 1925, Phan Châu Trinh về nước. Ông tiếp tục hoạt động, đả phá chế độ quân chủ, đề cao dân quyền. Nhiều tầng lớp nhân dân, nhất là thanh niên rất mến mộ và hưởng ứng hoạt động của Phan Châu Trinh.

c. Hoạt động của một số người Việt Nam sống ở nước ngoài

- Sau Chiến tranh thế giới thứ I, nhiều Việt kiều tại Pháp đã tham gia hoạt động yêu nước, chuyển tài liệu, sách báo tiến bộ về nước. Năm 1925, "Hội những người lao động trí óc ở Đông Dương" ra đời.

- Năm 1923, tại Quảng Châu (Trung Quốc), Lê Hồng Phong, Hồ Tùng Mậu, Nguyễn Công Viễn v..v.. lập ra tổ chức Tâm tâm xã. Ngày 19 – 6 – 1924, Phạm Hồng Thái mưu sát toàn quyền Méclanh ở Sa Diện (Quảng Châu), vụ mưu sát không thành nhưng nó đã nhóm lên ngọn lửa chiến đấu của nhân dân ta.

2. Hoạt động của tư sản, tiểu tư sản và công nhân Việt Nam

a. Hoạt động của giai cấp tư sản

- Ngay từ khi mới ra đời, tư sản Việt Nam đã tổ chức cuộc tẩy chay tư sản Hoa Kiều, vận động người Việt Nam chỉ mua hàng của người Việt Nam.

- Năm 1923, đại chủ và tư sản Việt Nam đấu tranh chống tư bản Pháp độc quyền cảng Sài Gòn, độc quyền xuất cảng lúa gạo Nam Kì.

- Một số tư sản và địa chủ lớn ở Nam Kì (Bùi Quang Chiêu, Nguyễn Phan Long..) lập ra *Đảng Lập hiến* (1923).

b. Hoạt động của tiểu tư sản

- Sau chiến tranh, các tầng lớp tiểu tư sản trí thức (gồm sinh viên, học sinh, viên chức, nhà văn, nhà báo ..v..v..) sôi nổi đấu tranh đòi quyền tự do dân chủ.

- Một số tổ chức chính trị như *Việt Nam nghĩa đoàn, Hội Phục Việt*, Đảng *Thanh niên* ra đời với nhiều hoạt động phong phú sôi động (mít tinh, biểu tình, bãi khoá v..v..). Nhiều tờ báo tiến bộ lần lượt ra đời. Báo tiếng Pháp có các tờ *Chuông rè, An Nam trẻ, Người nhà quê;* báo tiếng Việt có tờ *Hữu thanh, Tiếng dân, Đông Pháp thời báo, Thực nghiệp dân báo*....Họ lập ra những nhà xuất bản tiến bộ như *Nam đồng thư xã* (Hà Nội), *Cường học thư xã* (Sài Gòn), *Quan hải tùng thư* (Huế)...

- Trong phong trào yêu nước dân chủ công khai hồi đó có một số sự kiện nổi bật là cuộc đấu tranh đòi nhà cầm quyền Pháp thả Phan Bội Châu (1925), các cuộc truy điệu, để tang Phan Châu Trinh (1926).

c. Các cuộc đấu tranh của công nhân

- Những năm đầu sau chiến tranh, các cuộc đấu tranh của công nhân tuy còn lẻ tẻ và tự phát. Ngay từ năm 1920, công nhân Sài Gòn - Chợ Lớn đã thành lập Công hội (bí mật) do Tôn Đức Thắng đứng đầu.

- Tháng 8 - 1925, thợ máy xưởng Ba Son tại cảng Sài Gòn bãi công, không chịu sửa chữa chiến hạm Misơlê của Pháp trước khi chiến hạm này chở lính sang tham gia đàn áp phong trào đấu tranh cách mạng của nhân dân và thủy thủ Trung Quốc. Cuộc bãi công Ba Son thắng lợi đánh dấu bước tiến mới của phong trào công nhân Việt Nam.

3. Hoạt động của Nguyễn Ái Quốc

- Sau hơn 8 năm bôn ba hầu khắp các châu lục trên thế giới, cuối năm 1917 Nguyễn Tất Thành trở lại Pháp, gia nhập Đảng Xã hội Pháp.

- Ngày 18 - 6 - 1919, thay mặt những người Việt Nam yêu nước tại Pháp, với tên gọi mới là Nguyễn Ái Quốc gửi đến Hội nghị Vécxai *Bản yên sách của nhân dân An Nam*. Bản yêu sách đòi chính phủ Pháp và các nước đồng minh thừa nhận các quyền tự do, dân chủ và quyền bình đẳng của dân tộc Việt Nam.

- Giữa năm 1920, Nguyễn Ái Quốc đọc bản *Sơ thảo lần thứ nhất luận cương về vấn đề dân tộc thuộc địa* của V.I.Lênin đăng trên báo *Nhân đạo* của Đảng Xã hội Pháp. Luận cương của Lênin đã giúp Nguyễn Ái Quốc khẳng định muốn cứu nước và giải phóng dân tộc là phải đi theo con đường cách mạng vô sản.

- Ngày 25 – 12 - 1920, Nguyễn Ái Quốc tham dự Đại hội đại biểu toàn quốc của Đảng Xã hội Pháp tại thành phố Tua. Người đã đứng về phía đa số đại biểu bỏ phiếu tán thành gia nhập Quốc tế Cộng sản và thành lập Đảng Cộng sản Pháp. Nguyễn Ái Quốc trở thành đảng viên cộng sản, đồng thời là một trong những người tham gia thành lập Đảng Cộng sản Pháp.

- Năm 1921, cùng với một số người yêu nước của Angiêri, Marốc, Tuynidi... Nguyễn Ái Quốc lập ra *Hội Liên hiệp thuộc địa* ở Pari để tập hợp tất cả những người dân thuộc địa sống trên đất Pháp. Cơ quan ngôn luận của Hội là báo *Người cùng khổ* do Người làm chủ nhiệm kiêm chủ bút. Người còn viết nhiều bài cho các báo *Nhân đạo, Đời sống công nhân* ...và đặc biệt là cuốn *Bản án chế độ thực dân Pháp (1925).*

- Tháng 6 - 1923, Nguyễn Ái Quốc bí mật rời nước Pháp sang Liên Xô dự *Hội nghị Quốc tế Nông dân* (Tháng 10 - 1923). Người ở lại Liên Xô, vừa nghiên cứu, học tập, viết bài cho báo *Sự thật* của Đảng Cộng sản Liên Xô, tạp chí *Thư tín Quốc tế của* Quốc tế Cộng sản. Tại Đại hội Quốc tế Cộng sản lần thứ V (1924), Nguyễn Ái Quốc trình bày lập trường quan điểm của mình về vị trí chiến lược của cách mạng các nước thuộc địa, về mối quan hệ giữa phong trào công nhân ở các nước đế quốc với phong trào cách mạng ở các nước thuộc địa.

- Ngày 11 - 11 - 1924, Nguyễn Ái Quốc đến Quảng Châu (Trung Quốc) để trực tiếp tuyên truyền, giáo dục lí luận, xây dựng tổ chức cách mạng giải phóng dân tộc cho nhân dân Việt Nam.

BÀI 13

PHONG TRÀO DÂN TỘC DÂN CHỦ Ở VIỆT NAM TỪ NĂM 1925 ĐẾN NĂM 1930

I SỰ RA ĐỜI VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA BA TỔ CHỨC CÁCH MẠNG

1. Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên

- Tháng 11 - 1924, khi về đến Quảng Châu (Trung Quốc), Nguyễn Ái Quốc mở lớp huấn luyện đào tạo cán bộ. Phần lớn học viên là thanh niên, học sinh, trí thức Việt Nam yêu nước. *Họ học làm cách mạng, học cách hoạt động bí mật*. Phần lớn số học viên đó sau khi học xong *"bí mật về nước truyền bá lý luận giải phóng dân tộc và tổ chức nhân dân"*. Một số người được gửi sang học tại Trường Đại học Phương Đông ở Mátxcơva (Liên Xô) hoặc Trường Quân sự Hoàng Phố (Trung Quốc). Nguyễn Ái Quốc lựa chọn một số thanh niên tích cực trong Tâm tâm xã để tổ chức thành nhóm Cộng sản đoàn (02 - 1925).

- Tháng 6 – 1925, Nguyễn Ái Quốc thành lập *Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên* nhằm tổ chức và lãnh đạo quần chúng đoàn kết lại, kịch liệt tranh đấu để đánh đổ đế quốc chủ nghĩa Pháp và tay sai để tự cứu mình .

- Báo Thanh niên là cơ quan ngôn luận của Hội do Nguyễn Ái Quốc sáng lập. Số báo đầu tiên ra ngày 21 - 6 - 1925.

- Đầu năm 1927, tác phẩm *Đường Kách mệnh* được xuất bản.

Báo Thanh niên và sách *Đường Kách mệnh* đã trang bị lý luận cách mạng cho cán bộ của Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên để tuyên truyền giai cấp công nhân và các tầng lớp nhân dân Việt Nam.

- Từ cuối năm 1928, sau khi có chủ trương "*vô sản hoá*", nhiều cán bộ của Hội đã đi sâu vào các nhà máy, xí nghiệp, đồn điền cùng lao động và sống với công nhân để tuyên truyền và vận động cách mạng. Phong trào quần chúng phát triển mạnh mẽ.

2. Tân Việt cách mạng Đảng

- Ngày 14 - 7 - 1925, một số tù chính trị cũ ở Trung Kì cùng một nhóm sinh viên Trường Cao đẳng Sư phạm Hà Nội lập ra Hội Phục Việt (1925) sau đó đổi thành Hội Hưng Nam. Tháng 7 - 1926, Hội đổi tên là Việt Nam Cách mạng đảng và đến tháng 7 - 1927, lại đổi tên là Việt Nam Cách mạng đồng chí hội. Đến 14 - 7 – 1928, Hội họp Đại hội tại Huế, quyết định đổi tên thành *Tân Việt Cách mạng đảng* (Đảng Tân Việt).

- Đảng Tân Việt chủ trương lãnh đạo quần chúng ở trong nước và liên lạc với các dân tộc bị áp bức trên thế giới để đánh đổ đế quốc chủ nghĩa nhằm thiết lập một xã hội bình đẳng và bác ái. Đảng tập hợp những trí thức nhỏ và thanh niên tiểu tư sản yêu nước. Địa bàn hoạt động chủ yếu ở Trung Kì.

- Đảng Tân Việt ra đời và hoạt động trong điều kiện Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên phát triển mạnh nên tư tưởng cách mạng của Nguyễn Ái Quốc và đường lối của Hội có ảnh hưởng cuốn hút nhiều đảng viên trẻ, tiên tiến của đảng Tân Việt.

- Một số đảng viên tiên tiến đã chuyển sang Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên. Số đảng viên tiên tiến còn lại thì tích cực chuẩn bị để tiến tới thành lập một chính đảng theo tư tưởng cách mạng của Nguyễn Ái Quốc, của học thuyết Mác - Lênin.

3. Việt Nam Quốc dân đảng và khởi nghĩa Yên Bái

a. Việt Nam Quốc dân đảng

- Thành lập ngày 25 – 12 - 1927. Hạt nhân đầu tiên của đảng là Nam đồng thư xã, một nhà xuất bản tiến bộ do Phạm Tuấn Tài lập ra đầu năm 1927.

- Những người sáng lập: Nguyễn Thái Học, Phó Đức Chính, Phạm Tuấn Tài, Nguyễn Khắc Nhu...

- Việt Nam Quốc dân đảng theo theo khuynh hướng cách mạng dân chủ tư sản, đại biểu cho tư sản dân tộc Việt Nam. Lúc mới thành lập, đảng này chưa có chính cương rõ ràng mà chỉ nêu chung chung là: *Trước làm dân tộc cách mạng, sau làm thế giới cách mạng.*

- Bản Chương trình hành động công bố năm 1929 nêu nguyên tắc tư tưởng: "Tự do – Bình đẳng – Bác ái". Chương trình hoạt động của Đảng chia thành 4 thời kì. Thời kì cuối cùng là bất hợp tác với Chính phủ Pháp và triều đình nhà Nguyễn, cổ động bãi công, *đánh đuổi giặc Pháp, đánh đổ ngôi vua, thiết lập dân quyền.*

- Việt Nam Quốc dân đảng chủ trương tiến hành cách mạng bằng bạo lực, chú trọng lấy lực lượng chủ lực. Tổ chức cơ sở của Đảng trong quần chúng rất ít. Địa bàn hoạt động của Đảng chỉ bó hẹp trong một số địa phương ở Bắc Kì còn ở Trung Kì không đáng kể.

b. Khởi nghĩa Yên Bái

- Tháng 02 - 1929, Việt Nam Quốc dân đảng tổ chức vụ ám sát tên trùm mộ phu Badanh ở Hà Nội. Thực dân Pháp đã tiến hành cuộc khủng bố dã man.

- Bị động trước tình thế, những cán bộ lãnh đạo chủ chốt của Việt Nam Quốc dân đảng quyết định dốc hết lực lượng để thực hiện cuộc bạo động cuối cùng với ý tưởng: "không thành công cũng thành nhân !".

- Cuộc khởi nghĩa của Việt Nam Quốc dân đảng nổ ra đêm 09 – 02 - 1930 ở Yên Bái. Cùng đêm, khởi nghĩa nổ ra ở Phú Thọ, Sơn Tây, sau đó là Hải Dương, Thái Bình...Ở Hà Nội có cuộc ném bom của quân khởi nghĩa để phối hợp.

- Cuộc khởi nghiã của Việt Nam Quốc dân đảng bị thất bại nhanh chóng, song đã cổ vũ lòng yêu nước và ý chí căm thù của nhân dân Việt Nam đối với thực dân Pháp và tay sai. Hành động yêu nước, tấm gương hi sinh của các chiến sĩ Yên Bái là sự nối tiếp truyền thống yêu nước bất khuất của dân tộc Việt Nam.

- Vai trò lịch sử của Việt Nam Quốc dân đảng với tư cách là một chính đảng cách mạng trong phong trào dân tộc vừa mới xuất hiện đã chấm dứt cùng với sự thất bại của khởi nghĩa Yên Bái.

II ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM RA ĐỜI

1. Sự xuất hiện các tổ chức cộng sản năm 1929

- Năm 1929, phong trào đấu tranh của công nhân, nông dân, tiểu tư sản và các tầng lớp nhân dân yêu nước khác phát triển, kết thành một làn sóng dân tộc dân chủ ngày càng lan rộng.

- Cuối tháng 3 - 1929, một số hội viên tiên tiến của Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên ở Bắc Kì họp tại số nhà 5D phố Hàm Long (Hà Nội) lập ra Chi bộ cộng sản đầu tiên ở Việt Nam gồm có 7 đảng viên. Chi bộ mở rộng cuộc vận động để thành lập một Đảng Cộng sản nhằm thay thế cho Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên.

- Tháng 5 - 1929, Đại hội lần thứ nhất của Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên họp tại Hương Cảng. Tại đại hội, đoàn đại biểu Bắc Kì đặt vấn đề thành lập ngay Đảng Cộng sản, song không được đại hội chấp nhận nên đã bỏ đại hội về nước.

- Ngày 17 - 6 – 1929, đại biểu các tổ chức cơ sở cộng sản ở miền Bắc họp đại hội quyết định thành lập *Đông Dương Cộng sản đảng*, thông qua *Tuyên ngôn, Điều lệ* của Đảng, ra báo *Búa liềm* làm cơ quan ngôn luận và cử ra Ban chấp hành Trung ương của Đảng.

- Khoảng tháng 8 - 1929, các cán bộ lãnh đạo tiên tiến trong Tổng bộ và Kì bộ Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên ở Nam Kì cũng đã quyết định lập *An Nam Cộng sản đảng*.

- Một số đảng viên tiên tiến của Đảng Tân Việt cũng tích cực vận động lập các chi bộ cộng sản và xúc tiến việc chuẩn bị lập Đảng Cộng sản. Tháng 9 - 1929, những người cộng sản trong Tân Việt tuyên bố thành lập *Đông Dương Cộng sản liên đoàn*.

- Sự ra đời của ba tổ chức cộng sản lúc bấy giờ là một xu thế khách quan của cách mạng giải phóng dân tộc ở Việt Nam.

- Các tổ chức cộng sản trên đã nhanh chóng phát triển tổ chức cơ sở Đảng và quần chúng trong nhiều địa phương, tiếp tục tổ chức và lãnh đạo các cuộc đấu tranh của quần chúng.

- Nhưng các tổ chức đó đều hoạt động riêng rẽ, tranh giành ảnh hưởng của nhau, thậm chí công kích lẫn nhau làm cho phong trào cách mạng trong cả nước có nguy cơ chia rẽ lớn.

- Giữa lúc đó, Nguyễn Ái Quốc được tin báo Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên phân liệt thành hai nhóm, mỗi nhóm tổ chức thành một Đảng Cộng sản. Người liền rời khỏi Xiêm sang Trung Quốc để thống nhất các tổ chức cộng sản.

2. Hội nghị thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam

a. Hoàn cảnh lịch sử

- Với chức trách là phái viên của Quốc tế Cộng sản có quyền quyết định mọi vấn đề liên quan tới phong trào cách mạng ở Đông Dương. Nguyễn Ái Quốc triệu tập đại biểu của Đông Dương Cộng sản đảng đến Cửu Long để bàn việc thống nhất Đảng.

- Từ ngày 06 – 01 – 1930, Hội nghị hợp nhất Đảng họp ở Cửu Long (Hương Cảng) do Nguyễn Ái Quốc chủ trì. Dự hội nghị có Trịnh Đình Cửu và Nguyễn Đức Cảnh là đại biểu của Đông Dương Cộng sản đảng, Châu Văn Liêm và Nguyễn Thiệu là đại biểu của An Nam Cộng sản đảng.

b. Nội dung Hội nghị

- Nguyễn Ái Quốc đã phê phán những quan điểm sai lầm của mỗi tổ chức cộng sản riêng rẽ và nêu rõ chương trình của Hội nghị.

- Hội nghị đã thảo luận và nhất trí thống nhất các tổ chức cộng sản thành một Đảng duy nhất lấy tên là Đảng Cộng sản Việt Nam, thông qua Chính cương vắn tắt, Sách lược vắn tắt của Đảng..do Nguyễn Ái Quốc soạn thảo. Đó là Cương lĩnh cách mạng đầu tiên của Đảng.

+ Cương lĩnh xác định đường lối chiến lược cách mạng Đảng là tiến hành cuộc *“tư sản dân quyền cách mạng và thổ địa cách mạng để đi tới xã hội cộng sản”*.

+ Nhiệm vụ của cách mạng là đánh đổ đế quốc Pháp, bọn phong kiến và tư sản phản cách mạng làm cho nước Việt Nam được độc lập tự do; lập chính phủ công nông binh; tổ chức quân đội công nông, tịch thu ruộng đất của đế quốc và bọn phản động cách mạng chia cho dân cày nghèo, tiến hành cách mạng ruộng đất, v.v...

+ Lực lượng cách mạng là công nông tiểu tư sản, trí thức. Còn phú nông, trung tiểu địa chủ và tư bản thì lợi dụng hoặc trung lập, đồng thời phải liên lạc với các dân tộc bị áp bức và giai cấp vô sản thế giới.

+ Đảng Cộng sản Việt Nam, đội tiên phong của giai cấp vô sản sẽ giữ vai trò lãnh đạo cách mạng.

Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng cộng sản Việt Nam do Nguyễn Ái Quốc soạn thảo tuy còn vắn tắt song đây là một cương lĩnh giải phóng dân tộc sáng tạo, sớm kết hợp đúng đắn về vấn đề dân tôc và giai cấp. Độc lập và tự do là tư tưởng cốt lõi của cương lĩnh này.

Hội nghị hợp nhất các tổ chức cộng sản Việt Nam mang tầm vóc lịch sử của một đại hội thành lập Đảng.

c. Ý nghĩa thành lập Đảng

- Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời là kết quả tất yếu của cuộc đấu tranh dân tộc và giai cấp của nhân dân Việt Nam.

- Đảng là sản phẩm của sự kết hợp chủ nghĩa Mác - Lênin với phong trào công nhân và phong trào yêu nước Việt Nam trong thời đại mới.

- Đảng ra đời mở ra bước ngoặt vĩ đại trong lịch sử Việt Nam.

- Đảng ra đời là sự chuẩn bị tất yếu đầu tiên có tính quyết định cho những bước phát triển nhảy vọt tiếp theo trong lịch sử dân tộc Việt Nam.

MỘT SỐ SỰ KIỆN LỊCH SỬ VIỆT NAM (1919 - 1930) ĐÁNG NHỚ

Thời gian	Sự kiện
1) Ngày 18 - 6 - 1919	Nguyễn Ái Quốc gửi đến Hội nghị Vécxai *Bản yên sách của nhân dân An Nam*. Bản yêu sách đòi chính phủ Pháp và các nước đồng minh thừa nhận các quyền tự do, dân chủ và quyền bình đẳng của nhân dân An Nam.
2) Ngày 06 - 7 - 1920	Nguyễn Ái Quốc đọc Sơ thảo lần thứ nhất Luận cương của Lênin về vấn đề dân tộc và thuộc địa. Tìm thấy con đường cứu nước cho dân tộc ta.
3) Ngày 25 – 12 - 1920	Nguyễn Ái Quốc tham dự Đại hội của Đảng Xã hội Pháp tại thành phố Tua, bỏ phiếu tán thành Quốc tế Cộng sản và tham gia thành lập Đảng Cộng sản Pháp.
4) Tháng 10 – 1921	Nguyễn Ái Quốc tham gia thành lập Hội Liên hiệp thuộc địa.
5) Tháng 4 – 1922	Nguyễn Ái Quốc tham gia sáng lập tờ báo Người cùng khổ của Hội Liên hiệp thuộc địa ở Pháp.
6) Ngày 19 – 6 – 1924	Phạm Hồng Thái mưu sát toàn quyền Đông Dương Méc -lanh.
7) Tháng 6 – 1925	Nguyễn Ái Quốc thành lập Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên ở Quảng Châu – Trung Quốc.
8) Ngày 24 – 3 – 1926	Phan Châu Trinh mất tại Sài Gòn.
9) Ngày 25 – 12 – 1927	Thành lập tổ chức Việt Nam Quốc dân đảng.
10) Ngày 14 – 7 – 1928	Tân Việt cách mạng đảng ra đời.
11) Tháng 6 – 1929	Đông Dương Cộng sản đảng thành lập.
12) Tháng 8 – 1929	An Nam Cộng sản đảng ra đời.
13) Tháng 9 - 1929	Thành lập Đông Dương Cộng sản liên đoàn.
14) Ngày 6 – 01 – 1930	Hội nghị hợp nhất ba tổ chức cộng sản để đi đến thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam.
15) Ngày 03 – 02 – 1930	Kỉ niệm ngày thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam.
16) Ngày 09 – 02 - 1930	Nổ ra cuộc khởi nghĩa Yên Bái của Việt Nam Quốc dân đảng.
17) Ngày 12 – 9 – 1930	Cuộc biểu tình của hơn 2 vạn nông dân ở Hưng Nguyên - Nghệ An.
18) Tháng 10 - 1930	Hội nghị lần thứ nhất của Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam.

Chương II

VIỆT NAM TỪ NĂM 1930 ĐẾN NĂM 1945

BÀI 14

PHONG TRÀO CÁCH MẠNG 1930 - 1935

I VIỆT NAM TRONG NHỮNG NĂM 1929 - 1933

1. Tình hình kinh tế

- Từ năm 1930, kinh tế Việt Nam bước vào thời kì suy thoái. Khủng hoảng trong nông nghiệp. Sản lượng công nghiệp suy giảm. Xuất nhập khẩu đình đốn. Hàng hoá khan hiếm, giá cả đắt đỏ.

- Khủng hoảng kinh tế ở Việt Nam rất nặng nề so với các thuộc địa khác của Pháp cũng như so với các nước trong khu vực.

2. Tình hình xã hội

- Hậu quả lớn nhất của cuộc khủng hoảng kinh tế là làm trầm trọng thêm tình trạng đói khổ của các tầng lớp nhân dân lao động:

+ Nhiều công nhân bị sa thải, người có việc làm thì lương ít ỏi.

+ Nông dân phải chịu cảnh thuế cao, vay nợ nặng lãi....Ruộng đất bị địa chủ người Pháp và người Việt chiếm đoạt. Họ bị bần cùng hoá.

+ Các tầng lớp nhân dân lao động khác cũng không tránh khỏi tác động xấu của khủng hoảng kinh tế.

- Mâu thuẫn xã hội ngày càng sâu sắc, trong đó có hai mâu thuẫn cơ bản là mâu thuẫn giữa dân tộc Việt Nam với thực dân Pháp và mâu thuẫn giữa nông dân với địa chủ phong kiến.

- Vì vậy, trong những năm cuối thập niên 20 của thế kỉ XX, phong trào công nhân và phong trào yêu nước phát triển mạnh mẽ lôi cuốn đông đảo các tầng lớp nhân dân tham gia. Đầu năm 1930, sau khi cuộc khởi nghĩa Yên Bái bị thất bại, thực dân Pháp tiến hành khủng bố trắng những người yêu nước Việt Nam, làm tăng thêm mâu thuẫn và tình trạng bất ổn định trong xã hội.

II PHONG TRÀO CÁCH MẠNG 1930 - 1931 VỚI ĐỈNH CAO XÔ VIẾT NGHỆ - TĨNH

1. Phong trào cách mạng 1930 - 1931

- Trong bối cảnh của cuộc khủng hoảng kinh tế và phong trào cách mạng dâng cao, ngay sau khi ra đời, Đảng Cộng sản Việt Nam kịp thời lãnh đạo phong trào đấu tranh của quần chúng công – nông khắp cả nước.

+ Từ tháng 02 đến tháng 04 – 1930, nổ ra nhiều cuộc đấu tranh của công nhân, nông dân. Mục tiêu đấu tranh là đòi cải thiện đời sống: Công nhân đòi tăng lương, giảm giờ làm. Nông dân đòi giảm sưu, giảm thuế. Bên cạnh đó, cũng xuất hiện những khẩu hiệu chính trị.

+ Tháng 5, trên phạm vi cả nước bùng nổ nhiều cuộc đấu tranh nhân ngày Quốc tế Lao động 01 – 5.

+ Từ tháng 6, 7, 8 năm 1930, liên tục nổ ra các cuộc đấu tranh của công nhân, nông dân và các tầng lớp lao động khác trên phạm vi cả nước.

+ Sang tháng 9, phong trào đấu tranh dâng cao, nhất là ở hai tỉnh Nghệ An và Hà Tĩnh. Những cuộc biểu tình của nông dân (có vũ trang tự vệ) với hàng nghìn người tham gia kéo đến huyện lị, tỉnh lị đòi giảm sưu, giảm thuế. Các cuộc đấu tranh này được công nhân Vinh – Bến Thủy hưởng ứng.

- Hệ thống chính quyền thực dân, phong kiến bị tê liệt, tan rã ở nhiều huyện, xã. Nhiều tên tri huyện, lí trưởng bỏ trốn hoặc đầu hàng.

- Trong tình hình đó, nhiều cấp ủy Đảng ở thôn xã lãnh đạo nhân dân đứng ra làm chủ vận mệnh của mình, tự quản lí đời sống chính trị, kinh tế, văn hoá, xã hội ở địa phương, làm chức năng của chính quyền, mà trong lịch sử gọi là Xô viết Nghệ - Tĩnh.

2. Xô Viết Nghệ - Tĩnh

- Tại Nghệ An, Xô viết ra đời ngay sau các cuộc biểu tình từ tháng 9 - 1930 ở các xã huyện Thanh Chương, Nam Đàn, một phần huyện Anh Sơn, Nghi Lộc, Hưng Nguyên, Diễn Châu. Ở Hà Tĩnh, Xô viết hình thành ở các xã thuộc huyện Can Lộc, Nghi Xuân, Hương Khê vào cuối năm 1930, đầu năm 1931. Các Xô viết đã thực hiện quyền làm chủ của quần chúng, điều hành mọi mặt đời sống xã hội.

+ Về chính trị, quần chúng được tự do tham gia hoạt động trong các đoàn thể cách mạng, tự do hội họp. Các đội tự vệ đỏ và tòa án nhân dân được thành lập.

+ Về kinh tế, thi hành các biện pháp: chia ruộng đất công cho dân cày nghèo; bãi bỏ thuế thân, thuế chợ, thuế đò, thuế muối; xoá nợ cho người nghèo, tu sửa cầu cống, đường giao thông; thành lập các hình thức tổ chức sản xuất để nông dân giúp đỡ nhau.

+ Về văn hoá - xã hội, mở các lớp dạy chữ Quốc ngữ; các tệ nạn xã hội cũ như mê tín, dị đoan, tệ rượu chè, cờ bạc, trộm cắp...bị xoá bỏ. Trật tự trị an được giữ vững; tinh thần đoàn kết, giúp đỡ nhau trong nhân dân được xây dựng.

Xô viết Nghệ - Tĩnh là đỉnh cao của phong trào cách mạng 1930 - 1931 và là nguồn cổ vũ mạnh mẽ quần chúng nhân dân trong cả nước.

3. Hội nghị lần thứ nhất Ban chấp hành Trung ương lâm thời Đảng Cộng sản Việt Nam (tháng 10 - 1930)

- Giữa lúc phong trào cách mạng của quần chúng đang diễn ra quyết liệt, Ban chấp hành Trung ương lâm thời của Đảng Cộng sản Việt Nam họp Hội nghị lần thứ nhất tại Hương Cảng (Trung Quốc) vào tháng 10 - 1930.

- Hội nghị đã quyết định đổi tên Đảng Cộng sản Việt Nam thành Đảng Cộng sản Đông Dương; cử ra Ban Chấp hành Trung ương chính thức do Trần Phú làm Tổng Bí thư và thông qua Luận cương chính trị của Đảng.

- Nội dung của luận cương:

+ Xác định những vấn đề chiến lược và sách lược của cách mạng Đông Dương. Cách mạng Đông Dương lúc đầu là cuộc cách mạng tư sản dân quyền, sau đó sẽ tiếp tục phát triển, bỏ qua thời kì tư bản chủ nghĩa, tiến thẳng lên con đường xã hội chủ nghĩa.

+ Hai nhiệm vụ chiến lược của cách mạng là đánh phong kiến và đánh đế quốc. Hai nhiệm vụ này có quan hệ khăng khít với nhau.

+ Động lực cách mạng là giai cấp công nhân và nông dân. Lãnh đạo cách mạng là giai cấp công nhân với đội tiên phong của nó là Đảng Cộng sản.

+ Luận cương chính trị cũng nêu rõ hình thức và phương pháp đấu tranh, về mối quan hệ giữa cách mạng Việt Nam và cách mạng thế giới.

Tuy nhiên, Luận cương còn có những mặt hạn chế, như chưa nêu được mâu thuẫn chủ yếu của xã hội Đông Dương, không đưa ngọn cờ dân tộc lên hàng đầu mà nặng về đấu tranh giai cấp và cách mạng ruộng đất; đánh giá không đúng khả năng cách mạng của tầng lớp tiểu tư sản dân tộc, khả năng lôi kéo một bộ phận trung, tiểu địa chủ tham gia mặt trận dân tộc thống nhất chống đế quốc và tay sai.

4. Ý nghĩa lịch sử và bài học kinh nghiệm của trào cách mạng 1930 - 1931

- Phong trào khẳng định đường lối đúng đắn của Đảng, quyền lãnh đạo của giai cấp công nhân đối với cách mạng các nước ở Đông Dương.

- Từ phong trào, khối liên minh công – nông hình thành, công nhân và nông dân đã đoàn kết với nhau trong đấu tranh cách mạng.

- Phong trào cách mạng 1930 - 1931 được đánh giá cao trong phong trào cộng sản và công nhân quốc tế. Quốc tế Cộng sản đã công nhận Đảng Cộng sản Đông Dương là bộ phận độc lập trực thuộc Quốc tế Cộng sản.

- Phong trào cách mạng 1930 - 1931 đã để lại cho Đảng ta nhiều bài học kinh nghiệm quý báu về công tác tư tưởng, về xây dựng khối liên minh công - nông và mặt trận dân tộc thống nhất, về tổ chức và lãnh đạo quần chúng đấu tranh..vv.

- Phong trào có ý nghĩa như cuộc tập dượt đầu tiên của Đảng và quần chúng cho Tổng khởi nghĩa tháng Tám sau này.

III PHONG TRÀO CÁCH MẠNG 1932 - 1935

1. Cuộc đấu tranh phục hồi phong trào cách mạng

- Chính sách của thực dân Pháp: Khi phong trào cách mạng 1930 - 1931 lắng xuống, thực dân Pháp vẫn tiếp tục thi hành chính sách khủng bố và mị dân.

+ Khủng bố: hàng vạn người bị bắt bớ, tù đày. Các trại giam và nhà tù chật ních tù chính trị như nhà tù Hỏa Lò (Hà Nội), Khám Lớn (Sài Gòn), nhà tù Côn Đảo, Kon Tum, Lao Bảo, Sơn La... Từ năm 1931 đến giữa năm 1932, hầu hết các ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Xứ ủy Bắc Kì, Trung Kì, Nam Kì bị bắt.

+ Mị dân: thực dân Pháp dùng những thủ đoạn mị dân, lừa bịp lôi kéo các tầng lớp quan lại, địa chủ, tư sản, trí thức, mê hoặc nhân dân. Về chính trị , chúng cho tăng số đại diện người Việt vào cơ quan lập pháp cấp Kì; về kinh tế, chúng cho người bản xứ được tham gia đấu thầu một số công trình thủy lợi, cầu đường ; về giáo dục, chúng cho tổ chức lại Trường Cao đẳng Đông Dương và Trường Luật để thu hút con em tầng lớp trên; lợi dụng các giáo phái để chia rẽ phong trào nhân dân.

- Đấu tranh hồi phục phong trào: Những người cộng sản vẫn kiên cường đấu tranh phù hợp với điều kiện của mình. Những đảng viên trong tù kiên trì bảo vệ lập trường, quan điểm cách mạng của Đảng, tổ chức vượt ngục, những đảng viên không bị bắt thì tìm cách gây dựng lại tổ chức Đảng và quần chúng. Một số đảng viên đang hoạt động ở Trung Quốc và Thái Lan trở về nước hoạt động.

- Tháng 6 - 1932, Ban lãnh đạo Trung ương thảo ra chương trình hành động của Đảng. Chương trình hành động nêu chủ trương đấu tranh đòi các quyền tự do dân chủ cho nhân dân lao động, thả tù chính trị, bãi bỏ các thứ thuế bất công, củng cố và phát triển các đoàn thể cách mạng của quần chúng.

- Nhiều cuộc đấu tranh của công nhân đã nổ ra: năm 1932 có 230 cuộc, năm 1933 có 244 cuộc, tập trung ở các tỉnh Quảng Nam, Quảng Ngãi, Sài Gòn, Gia Định. Nông dân các tỉnh Gia Định, Long Xuyên, Trà Vinh, Khánh Hoà, Ninh Thuận, Bình Thuận, Cao Bằng, Lạng Sơn liên tiếp có các cuộc đấu tranh.

- Đến cuối năm 1933, các tổ chức Đảng dần dần được phục hồi và củng cố. Đầu năm 1934, Ban lãnh đạo Hải ngoại được thành lập do Lê Hồng Phong đứng đầu. Cuối năm 1934 đầu năm 1935, các xứ ủy Bắc Kì, Trung Kì, Nam Kì được lập lại.

- Đầu năm 1935, các tổ chức Đảng và phong trào được phục hồi.

2. Đại hội đại biểu lần thứ nhất Đảng Cộng sản Đông Dương (tháng 3 - 1935)

- Từ ngày 27 đến ngày 31 - 3 - 1935, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ nhất của Đảng họp tại Ma Cao (Trung Quốc).

- Sau khi đánh giá tình hình, Đại hội xác định 3 nhiệm vụ của Đảng trong thời gian trước mắt là: củng cố sự phát triển Đảng; tranh thủ quần chúng rộng rãi; chống chiến tranh đế quốc.

- Đại hội thông qua Nghị quyết chính trị, Điều lệ Đảng, các nghị quyết về vận động công nhân, nông dân, binh lính, phụ nữ; về công tác trong các dân tộc thiểu số, về đội tự vệ và cứu tế đỏ.

- Đại hội bầu ra Ban Chấp hành Trung ương gồm 13 người và bầu Lê Hồng Phong làm Tổng Bí thư của Đảng. Nguyễn Ái Quốc được cử làm đại diện của Đảng bên cạnh Quốc tế Cộng sản.

- Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ nhất của Đảng đánh dấu mốc quan trọng: Đảng đã khôi phục được hệ thống tổ chức từ trung ương đến địa phương, từ trong nước đến ngoài nước, cũng như khôi phục được các tổ chức quần chúng.

BÀI 15

PHONG TRÀO DÂN CHỦ 1936 – 1939

I TÌNH HÌNH THẾ GIỚI VÀ TRONG NƯỚC

1. Tình hình thế giới

- Từ đầu những năm 30 của thế kỉ XX, bọn phát xít cầm quyền một số nước như Đức, Italia, Nhật Bản ráo riết chạy đua vũ trang, chuẩn bị chiến tranh thế giới.

- Tháng 7 - 1935, Quốc tế Cộng sản tiến hành Đại hội lần thứ VII tại Mátxcơva (Liên Xô). Đại hội xác định kẻ thù là chủ nghĩa phát xít và nhiệm vụ trước mắt của giai cấp công nhân là chống chủ nghĩa phát xít nhằm mục tiêu đấu tranh giành dân chủ, bảo vệ hoà bình, thành lập mặt trận nhân dân rộng rãi.

- Tháng 6 - 1936, Mặt trận nhân dân lên cầm quyền ở Pháp. Chính phủ mới đã cho thi hành một số cải cách tiến bộ ở thuộc địa.

2. Tình hình trong nước

- Về chính trị:

+ Chính phủ Pháp cử phái viên sang điều tra tình hình Đông Dương.

+ Ở Việt Nam có nhiều đảng phái chính trị hoạt động. Trong đó Đảng Cộng sản Đông Dương là đảng mạnh nhất, có tổ chức chặt chẽ và có chủ trương rõ ràng.

- Về kinh tế:

Sau cuộc khủng hoảng kinh tế thế giới 1929 - 1933, chính quyền thực dân Pháp ở Đông Dương tập trung đầu tư, khai thác thuộc địa để bù đắp sự thiếu hụt cho kinh tế "chính quốc".

+ Về nông nghiệp, chính sách của chính quyền thực dân tạo mọi điều kiện cho tư bản Pháp chiếm đoạt ruộng đất của nông dân, làm cho 2/3 nông dân không có ruộng hoặc chỉ có ít ruộng.

+ Về công nghiệp, ngành khai thác mỏ được đẩy mạnh.

+ Về thương nghiệp, chính quyền thực dân độc quyền bán thuốc phiện, rượu, muối, thu được lợi nhuận rất cao. Hàng xuất khẩu chủ yếu là khoáng sản, nông sản. Nhập cảng máy móc thiết bị và hàng công nghiệp tiêu dùng.

Nhìn chung, những năm 1936 - 1939 là thời kì phục hồi và phát triển nền kinh tế ở Việt Nam, nhưng chỉ tập trung vào một số ngành đáp ứng có nhu cầu chiến tranh. Nền kinh tế Việt Nam vẫn lạc hậu và lệ thuộc kinh tế Pháp.

- Về xã hội: Đời sống các tầng lớp nhân dân vẫn gặp nhiều khó khăn do chính sách tăng thuế của chính quyền thuộc địa.

+ Số công nhân thất nghiệp còn nhiều. Ngay cả những người có việc làm, mức lương vẫn không bằng thời kì trước khủng hoảng.

+ Nông dân không đủ ruộng cày. Họ còn chịu mức địa tô cao và nhiều thủ đoạn bóc lột khác của địa chủ cường hào, những hủ tục cưới cheo, đình đám...

+ Tư sản dân tộc có ít vốn nên chỉ lập được những công ti nhỏ, phải chịu thuế cao, bị tư bản Pháp chèn ép.

+ Nhiều người trong giới tiểu tư sản trí thức thất nghiệp. Công chức nhận được mức lương thấp. Các tầng lớp lao động khác phải chịu thuế khoá nặng nề, sinh hoạt đắt đỏ.

Đời sống đa số nhân dân khó khăn, cực khổ. Chính vì thế họ hăng hái tham gia phong trào đấu tranh đòi tự do, cơm áo dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Đông Dương.

II PHONG TRÀO DÂN CHỦ 1936 - 1939

1. Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương tháng 7 - 1936

- Tháng 7 - 1936, Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương do Lê Hồng Phong chủ trì họp ở Thượng Hải (Trung Quốc). Hội nghị dựa theo Nghị quyết Đại hội lần thứ VII của Quốc tế Cộng sản, căn cứ vào tình hình cụ thể ở Việt Nam để định ra đường lối và phương pháp đấu tranh.

- Hội nghị xác định: nhiệm vụ chiến lược của cách mạng tư sản dân quyền Đông Dương là chống đế quốc và phong kiến; nhiệm vụ trực tiếp, trước mắt là đấu tranh chống chế độ phản động thuộc địa, chống phát xít, chống nguy cơ chiến tranh, đòi tự do, dân sinh, dân chủ, cơm áo và hoà bình.

- Phương pháp đấu tranh là kết hợp các hình thức công khai và bí mật, hợp pháp và bất hợp pháp.

- Hội nghị chủ trương thành lập Mặt trận thống nhất nhân dân phản đế Đông Dương.

- Đảng Cộng sản Đông Dương kêu gọi các đảng phái chính trị, các tổ chức quần chúng và nhân dân Đông Dương hành động, đấu tranh cho dân chủ. Phong trào đấu tranh quần chúng lan rộng trong cả nước.

- Tiếp đó, Hội nghị Trung ương các năm 1937 và 1938 bổ sung và phát triển nội dung cơ bản của Nghị quyết hội nghị Trung ương tháng 7 - 1936. Tại Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương tháng 3 - 1938, Mặt trận thống nhất nhân dân phản đế Đông Dương đổi thành *Mặt trận thống nhất dân chủ Đông Dương*, gọi tắt là *Mặt trận dân chủ Đông Dương.*

2. Những phong trào đấu tranh tiêu biểu

a) Đấu tranh đòi các quyền tự do, dân sinh, dân chủ

- Năm 1936, được tin Quốc hội Pháp cử phái đoàn sang điều tra tình hình Đông Dương, Đảng chủ trương phát động và tổ chức các tầng lớp nhân dân hội họp, thảo ra bản "dân nguyện" để gửi tới phái đoàn, tiến tới triệu tập Đông Dương Đại hội vào tháng 8 – 1936.

- Ngày 15 - 9 - 1936, chính phủ thực dân ra lệnh giải tán uỷ ban hành động, cấm hội họp. Phong trào Đông Dương Đại hội đạt được một số mục đích:

+ Đông đảo quần chúng giác ngộ, đoàn kết đấu tranh đòi quyền sống.

+ Đảng Cộng sản Đông Dương thu được một số kinh nghiệm về phát động và lãnh đạo phong trào đấu tranh công khai, hợp pháp.

- Đầu năm 1937, phái viên của Chính phủ Pháp G. Gôda sang điều tra tình hình Đông Dương. Lợi dụng sự kiện này, Đảng tổ chức quần chúng mít tinh "đón rước", nhưng thực chất là biểu dương lực lượng để đòi yêu sách về dân sinh, dân chủ.

- Trong những năm 1937 – 1939, các cuộc mít tinh, biểu tình đòi quyền sống của các tầng lớp nhân dân vẫn tiếp tục diễn ra. Đặc biệt là cuộc đấu tranh nhân ngày 01 – 5 – 1938. Các cuộc mít tinh được tổ chức công khai ở Hà Nội và nhiều nơi khác, thu hút đông đảo quần chúng tham gia.

b) Đấu tranh nghị trường

- Trong cuộc bầu cử vào Viện Dân biểu Trung Kì (8 – 1937), Viện dân biểu Bắc Kì, Hội đồng Kinh tế lí tài Đông Dương (1939) và Hội đồng Quản hạt Nam Kì (1939), Đảng vận động đưa người của Mặt trận Dân chủ Đông Dương ra ứng cử.

- Mục đích của đấu tranh nghị trường:

+ Mở rộng lực lượng của Mặt trận Dân chủ Đông Dương.

+ Vạch trần chính sách phản động của bọn thực dân Pháp và tay sai.

+ Bênh vực quyền lợi của nhân dân lao động.

c) Đấu tranh trên lĩnh vực báo chí

- Đảng đã xuất bản nhiều tờ báo công khai: Tiền phong, Dân chúng, Lao động, Tin tức...

- Báo chí cách mạng trở thành mũi xung kích trong những phong trào lớn của cuộc vận động dân chủ, dân sinh thời kì 1936 – 1939.

- Trong thời gian này, nhiều sách chính trị - lí luận, các tác phẩm hiện thực phê phán ra đời.

- Cuộc đấu tranh của Đảng trên lĩnh vực báo chí trong những năm 1936 - 1939 đã thu được kết quả to lớn, trước hết về văn hoá - tư tưởng. Đông đảo các tầng lớp nhân dân được giác ngộ về con đường cách mạng của Đảng.

3. Ý nghĩa lịch sử và bài học kinh nghiệm của phong trào dân chủ 1936 - 1939

* Ý nghĩa lịch sử

- Cuộc vận động dân chủ 1936 - 1939 là một phong trào quần chúng rộng lớn, có tổ chức, dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Đông Dương.

- Bằng sức mạnh đoàn kết của quần chúng, đã buộc chính quyền của thực dân phải nhượng bộ một số yêu sách cụ thể, trước mắt về dân sinh, dân chủ.

- Qua phong trào, quần chúng được giác ngộ về chính trị, đã tham gia Mặt trận dân tộc thống nhất, trở thành lực lượng chính trị hùng hậu của cách mạng; cán bộ được tập hợp thành đội ngũ đông đảo và trưởng thành.

* Bài học kinh nghiệm

Trong quá trình đấu tranh, Đảng Cộng sản Đông Dương tích lũy được nhiều bài học kinh nghiệm:

- Bài học về xây dựng Mặt trận thống nhất.

- Bài học về tổ chức, lãnh đạo quần chúng đấu tranh công khai, hợp pháp.

- Bài học về đấu tranh tư tưởng trong nội bộ Đảng và với đảng phái chính trị phản động.

- Đồng thời, Đảng thấy được những hạn chế của mình trong công tác mặt trận, vấn đề dân tộc...

*Có thể nói, phong trào dân chủ **1936 - 1939** như cuộc diễn tập, chuẩn bị cho cuộcTổng khởi nghĩa tháng Tám sau này.*

BÀI 16

PHONG TRÀO GIẢI PHÓNG DÂN TỘC VÀ TỔNG KHỞI NGHĨA THÁNG TÁM (1939 – 1945).

NƯỚC VIỆT NAM DÂN CHỦ CỘNG HOÀ RA ĐỜI

I TÌNH HÌNH VIỆT NAM TRONG NHỮNG NĂM 1939 - 1945

1. Tình hình chính trị

- Ngày 01 - 9 - 1939, Chiến tranh thế giới thứ II bùng nổ. Tháng 6 - 1940, quân đội Đức kéo vào nước Pháp, Chính phủ Pháp đầu hàng Đức.

- Ở Đông Dương, chính quyền mới của Pháp thực hiện một loạt chính sách vơ vét sức người, sức của của Việt Nam dốc vào cuộc chiến tranh.

- Cuối tháng 9 - 1940, quân Nhật vượt biên giới Việt - Trung vào miền Bắc Việt Nam. Quân Pháp nhanh chóng đầu hàng. Phát xít Nhật giữ nguyên bộ máy thống trị của thực dân Pháp, dùng nó để bóc lột kinh tế phục vụ cho nhu cầu chiến tranh và đàn áp phong trào cách mạng. Việt Nam bị đặt dưới ách thống trị của Nhật - Pháp.

- Ở Việt Nam lúc này không chỉ có những đảng phái thân Pháp mà cả những đảng phái thân Nhật, như Đại Việt, Phục Quốc...

- Tháng 6 - 1941, Đức tấn công Liên Xô. Cuộc chiến đấu của nhân dân Liên Xô trong cuộc chiến tranh vệ quốc đã cổ vũ mạnh mẽ phong trào cách mạng Việt Nam.

- Sang năm 1945, ở mặt trận châu Âu, phát xít Đức liên tiếp bị thất bại nặng nề. Ở châu Á – Thái Bình Dương, quân Nhật thua to nhiều nơi. Ở Đông Dương, ngày 09 – 3 – 1945, Nhật đảo chính Pháp. Lợi dụng cơ hội đó, quần chúng nhân dân sẵn sàng đứng lên khởi nghĩa.

2. Tình hình kinh tế - xã hội

a. Kinh tế:

- Thực dân Pháp thi hành chính sách *Kinh tế chỉ huy*. Chúng tăng mức thuế cũ, đặt thêm mức thuế mới... đồng thời sa thải bớt công nhân, viên chức, giảm tiền lương, tăng giờ làm... Chúng kiểm soát gắt gao sản xuất và phân phối, ấn định giá cả...

- Khi Nhật vào Đông Dương, Pháp buộc phải để cho Nhật sử dụng phương tiện giao thông, kiểm soát hệ thống đường sắt và các tàu biển. Nhật còn bắt chính quyền thực dân Pháp hằng năm nộp cho chúng khoản tiền lớn.

- Quân Nhật còn cướp ruộng đất của nông dân, bắt nông dân nhổ lúa, ngô để trồng đay, thầu dầu phục vụ cho nhu cầu chiến tranh.

- Nhật yêu cầu chính quyền thực dân Pháp xuất cảng các nguyên liệu, chiến lược sang Nhật với giá rẻ so với giá của thị trường thế giới như than, sắt, cao su, xi măng v.v...

- Một số công ti của Nhật đầu tư vào những ngành phục vụ cho nhu cầu quân sự như khai thác mănggan, sắt ở Thái Nguyên, phốt phát ở Lào Cai, crôm ở Thanh Hoá.

b. Xã hội:

- Chính sách vơ vét bóc lột của Pháp - Nhật đã đẩy nhân dân ta tới chỗ cùng cực. Hậu quả là cuối năm 1944 đến năm 1945 có tới 2 triệu đồng bào ta chết đói.

- Tất cả các giai cấp, tầng lớp xã hội ở nước ta, trừ bọn tay sai đế quốc, đại địa chủ tư sản mại bản, đều bị ảnh hưởng bởi chính sách bóc lột của Pháp - Nhật.

Những biến chuyển đó của tình hình thế giới và trong nước đặt ra cho Đảng ta phải nắm bắt kịp thời tình hình có đánh giá chính xác, đề ra đường lối đấu tranh phù hợp.

II PHONG TRÀO GIẢI PHÓNG DÂN TỘC TỪ THÁNG 9 - 1939 ĐẾN THÁNG 3 -1945

1. Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương tháng 11 - 1939

Tháng 11 - 1939, Hội nghị Ban chấp hành Trung ương Đảng triệu tập tại Bà Điểm (Hóc Môn - Gia Định) do Nguyễn Văn Cừ, Tổng Bí thư chủ trì

- Hội nghị xác định nhiệm vụ, mục tiêu đấu tranh trước mắt của cách mạng Đông Dương là đánh đổ đế quốc và bọn tay sai, giải phóng các dân tộc Đông Dương, làm cho Đông Dương hoàn toàn độc lập.

- Hội nghị chủ trương tạm gác khẩu hiệu cách mạng ruộng đất và đề ra khẩu hiệu tịch thu ruộng đất của bọn thực dân đế quốc và địa chủ phản bội quyền lợi của dân tộc, chống tô cao, lãi nặng. Khẩu hiệu lập chính quyền Xô viết công nông binh được thay thế bằng khẩu hiệu Chính quyền Dân chủ cộng hoà.

- Về phương pháp đấu tranh, Đảng chuyển từ đấu tranh đòi dân sinh, dân chủ sang đấu tranh đánh đổ chính quyền của đế quốc và tay sai; từ hoạt động hợp pháp, nửa hợp pháp sang hoạt động bí mật, bất hợp pháp.

- Đảng chủ chương thành lập Mặt trận Thống nhất Dân tộc phản đế Đông Dương thay cho Mặt trận Dân chủ Đông Dương.

Nghị quyết Hội nghị Trung ương Đảng tháng 11 – 1939 đánh dấu bước chuyển hướng quan trọng – đặt nhiệm vụ giải phóng dân tộc lên hàng đầu, đưa nhân dân ta bước vào thời kì trực tiếp vận động cứu nước.

2. Những cuộc đấu tranh mở đầu thời kì mới

** Cuộc khởi nghĩa Bắc Sơn (27 - 9 - 1940)*

Mặc dù thực dân Pháp đã nhượng bộ mọi yêu sách, Nhật vẫn thực hiện kế hoạch đánh chiếm Đông Dương.

- Ngày 22 - 9 - 1940, quân Nhật vượt qua biên giới Việt - Trung, đánh chiếm Lạng Sơn, ném bom Hải Phòng, đổ bộ lên Đồ Sơn

- Ở Lạng Sơn, quân Pháp bị tổn thất nặng nề. Số lớn quân Pháp đầu hàng, số còn lại rút chạy về Thái Nguyên qua đường Bắc Sơn.

- Đêm 27 - 9 - 1940, nhân dân Bắc Sơn dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ địa phương đã nổi dậy đánh quân Pháp, chiếm đồn Mỏ Nhài. Ngụy quyền ở Bắc Sơn tan rã. Nhân dân làm chủ châu lị và các vùng lân cận. Đội du kích Bắc Sơn được thành lập.

- Tuy Pháp và Nhật mâu thuẫn với nhau, nhưng đều hoảng sợ trước lực lượng cách mạng, đã nhanh chóng cấu kết lại. Mấy hôm sau Nhật thả tù binh Pháp và cho quân Pháp trở lại đóng các đồn bốt ở Lạng Sơn. Thực dân Pháp tiến hành khủng bố phong trào cách mạng Bắc Sơn. Chúng đốt phá làng bản, dồn làng, tập trung dân, bắt giết những người tham gia khởi nghĩa.

- Ý nghĩa và bài học kinh nghiệm của khởi nghĩa Bắc Sơn:

+ Nó mở đầu cho phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc sau khi có chủ trương chuyển hướng đấu tranh của Đảng.

+ Khởi nghĩa Bắc Sơn giúp Đảng ta rút ra những bài học quý báu về khởi nghĩa vũ trang, chọn thời cơ, quyết tâm giành thắng lợi.

** Cuộc khởi nghĩa Nam Kì (23 - 11 - 1940)*

- Tháng 11 – 1940, xảy ra cuộc xung đột giữa thực dân Pháp và Xiêm (Thái Lan). Chính quyền thực dân Pháp bắt thanh niên Việt Nam và Cao Miên đi làm bia đỡ đạn. Nhân dân Nam Kì và binh lính đấu tranh không đưa lính ra mặt trận.

- Trong bối cảnh đó, Xứ ủy Nam Kì chuẩn bị phát động nhân dân khởi nghĩa và cử đại biểu ra Bắc xin chỉ thị của Trung ương.

- Từ ngày 06 đến 09 - 11 - 1940, Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương lần thứ 7 được triệu tập tại Đình Bảng (Từ Sơn - Bắc Ninh), đề ra chủ trương trong tình hình mới. Hội nghị quyết định đình chỉ khởi nghĩa vũ trang ở Nam Kì vì thời cơ chưa chín muồi.

- Người mang chỉ thị hoãn khởi nghĩa Nam Kì của Trung ương Đảng khi về đến Sài Gòn thì bị địch bắt. Lệnh khởi nghĩa Xứ ủy đã đến tận địa phương, nên cuộc khởi nghĩa vẫn nổ ra đúng thời gian quy định là đêm rạng sáng 23 - 11 - 1940.

- Khởi nghĩa bùng nổ từ miền Đông đến miền Tây Nam Bộ; Biên Hoà, Gia Định, Chợ Lớn, Tân An, Bến Tre, Trà Vinh, Cần Thơ, Sóc Trăng, Bạc Liêu, Rạch Giá, Mĩ Tho, Vĩnh Long. Chính quyền cách mạng đã thành lập ở nhiều nơi. Từ trong khởi nghĩa, lần đầu tiên xuất hiện cờ đỏ sao vàng.

- Do kế hoạch bị lộ, thực dân Pháp đã kịp thời đối phó. Chúng cho máy bay ném bom tàn sát nhân dân những vùng nổi dậy, bắt nhiều người.

- Lực lượng nghĩa quân còn lại phải rút về Đồng Tháp và U Minh để củng cố lực lượng.

Cuộc khởi nghĩa Nam Kì chứng tỏ tinh thần yêu nước của các tầng lớp nhân dân Việt Nam, sẵn sàng đứng lên chiếu đấu chống quân thù.

* *Cuộc binh biến Đô Lương (13 - 1 - 941)*

Trong khi thực dân Pháp khủng bố dữ dội những người tham gia khởi nghĩa Nam Kì, tại miền Trung những binh lính người Việt trong quân đội Pháp đã làm binh biến, chống lại việc Pháp đưa binh lính người Việt sang Lào đánh nhau với quân Thái Lan.

- Ngày 13 - 01 - 1941, binh lính đồn Chợ Rạng (Nghệ An) dưới sự chỉ huy của Đội Cung (Nguyễn Văn Cung) đã nổi dậy. Tối hôm đó, họ đã đánh chiếm đồn Đô Lương rồi lên ô tô tiến về Vinh để phối hợp với binh lính ở đây chiếm thành. Nhưng kế hoạch không thực hiện được. Quân Pháp đã kịp thời đối phó. Hôm sau, toàn bộ binh lính tham gia nổi dậy bị bắt. Ngày 11 - 02 - 1941, Đội Cung bị sa vào tay giặc

- Ngày 24 - 4 - 1941, thực dân Pháp xử bắn Đội Cung cùng 10 đồng chí của ông. Nhiều người khác bị kết án khổ sai đưa đi đày,

* ***Kết luận:*** Trong thời gian 3 tháng, 3 cuộc nổi dậy liên tiếp nổ ra ở 3 miền đất nước, do nhiều tầng lớp nhân dân và binh lính tham gia đã nêu cao tinh thần bất khuất của dân tộc. Các cuộc nổi dậy đã thất bại vì điều kiện chưa chín muồi, nhưng "*Đó là những tiến súng báo hiệu cho cuộc khởi nghĩa toàn quốc, là bước đầu đấu tranh bằng vũ lực của các dân tộc Đông Dương*".

3. Nguyễn Ái Quốc trực tiếp lãnh đạo cách mạng. Hội nghị lần thứ 8 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương (5 – 1941)

- Ngày 28 - 01 - 1941, Nguyễn Ái Quốc về nước trực tiếp lãnh đạo cách mạng. Sau một thời gian chuẩn bị, Người triệu tập và chủ trì Hội nghị Trung ương lần thứ 8 tại Pắc Bó (Hà Quảng - Cao Bằng) từ ngày 10 đến 19 - 5 - 1941.

- Hội nghị khẳng định nhiệm vụ chủ yếu trước mắt của cách mạng là giải phóng dân tộc.

- Hội nghị tạm gác khẩu hiệu cách mạng ruộng đất, nêu khẩu hiệu giảm tô, giảm thuế, chia lại ruộng đất công, tiến tới thực hiện người cày có ruộng.

- Hội nghị chủ trương thành lập Chính phủ nhân dân. Thay tên các Hội Phản đế thành Hội Cứu quốc, thành lập Việt Nam độc lập đồng minh gọi tắt là Việt Minh thay cho Mặt trận thống nhất dân tộc phản đế Đông Dương và giúp đỡ việc lập mặt trận ở các nước Lào, Campuchia.

- Hội nghị xác định hình thái cuộc khởi nghĩa ở nước ta là đi từ khởi nghĩa từng phần tiến lên tổng khởi nghĩa và nhấn mạnh: chuẩn bị khởi nghĩa vũ trang là nhiệm vụ trung tâm của toàn Đảng, toàn dân.

Hội nghị lần thứ 8 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng đã hoàn chỉnh chủ trương chuyển hướng đấu tranh được đề ra từ hội nghị Trung ương tháng 6 - 11 - 1939, nhằm giải quyết mục tiêu số một của cách mạng là độc lập dân tộc và đề ra nhiều chủ trương sáng tạo thực hiện mục tiêu ấy.

- Ngày 19 - 5 - 1941, *Việt Nam độc lập đồng minh* (gọi tắt là *Việt Minh)* ra đời. Năm tháng sau, *Tuyên ngôn, Chương trình, Điều lệ Việt Minh* công bố chính thức. Chương trình cứu nước của Việt Minh được đông đảo các tầng lớp nhân dân ủng hộ.

4. Chuẩn bị tiến tới khởi nghĩa giành chính quyền

a. Xây dựng lực lượng cho khởi nghĩa vũ trang

- Xây dựng lực lượng chính trị:

+ Một trong những nhiệm vụ cấp bách của Đảng là vận động quần chúng tham gia Việt Minh. Cao Bằng là nơi thí điểm cuộc vận động xây dựng các *Hội cứu quốc* trong mặt trận Việt Minh. Đến năm 1942, khắp các châu ở Cao Bằng đều có hội cứu quốc, trong đó có ba châu "hoàn toàn". Tiếp đó, Ủy ban Việt Minh tỉnh Cao Bằng và Ủy ban Việt Minh lâm thời liên tỉnh Cao - Bắc - Lạng được thành lập.

+ Ở nhiều tỉnh miền Bắc, một số tỉnh miền Trung, ở Hà Nội, Hải Phòng hầu hết các "*Hội phản đế*"chuyển thành *"Hội Cứu quốc"* đồng thời nhiều hội cứu quốc mới được thành lập.

+ Năm 1943, Đảng đưa ra bản *Đề cương Văn hoá Việt Nam* , vận động thành lập *Hội văn hoá cứu quốc Việt Nam* và *Đảng dân chủ Việt Nam* đứng trong Mặt trận Việt Minh. Đảng cũng tăng cường công tác vận động binh lính người Việt trong quân đội Pháp, những ngoại kiều ở Đông Dương chống phát xít.

- Xây dựng lực lượng vũ trang:

+ Sau cuộc khởi nghĩa Bắc Sơn thất bại, một bộ phận lực lượng khởi nghĩa vũ trang chuyển sang xây dựng thành những đội du kích hoạt động ở những cứ địa Bắc Sơn - Vũ Nhai.

+ Bước sang năm 1941, những đội du kích Bắc Sơn lớn mạnh lên và thống nhất lại thành *Trung đội cứu quốc quân I* (14 - 02 - 1941). Cứu quốc quân phát động chiến tranh du kích trong 8 tháng (từ tháng 7 - 1941 đến tháng 02 - 1942) để đối phó với sự vây quét của địch, sau đó phân tán thành nhiều bộ phận để chấn chỉnh lực lượng, gây dựng cơ sở chính trị trong quần chúng tại các tỉnh Thái Nguyên, Tuyên Quang, Lạng Sơn. Ngày 15 - 9 - 1941, *Trung đội cứu quốc II* ra đời.

- *Xây dựng căn cứ địa:*

+ Công tác xây dựng căn cứ địa cách mạng cũng được Đảng quan tâm. Vùng Bắc Sơn - Vũ Nhai được xây dựng thành căn cứ địa cách mạng.

+ Năm 1941, sau khi về nước, Nguyễn Ái Quốc chọn Cao Bằng để xây dựng căn cứ địa dựa trên cơ sở lực lượng chính trị được tổ chức và phát triển. Đó là hai trung tâm căn cứ địa đầu tiên của cách mạng nước ta.

b. Gấp rút chuẩn bị cho cuộc khởi nghĩa vũ trang giành chính quyền

- Từ đầu năm 1943, cuộc chiến tranh thế giới chuyển biến có lợi cho cách mạng. Hồng quân Liên Xô chuyển sang phản công quân Đức, sự thất bại của chủ nghĩa phát xít đã rõ ràng. Tình hình đó đòi hỏi Đảng ta đẩy mạnh hơn nữa công tác chuẩn bị cho cuộc khởi nghĩa giành chính quyền.

- Từ ngày 25 đến 28 - 02 - 1943, Ban Thường vụ Trung ương Đảng họp ở Võng La (Đông Anh - Phúc Yên). Hội nghị đã vạch ra một kế hoạch cụ thể về công việc chuẩn bị toàn diện cho cuộc khởi nghĩa vũ trang

- Tại các tỉnh vùng núi phía Bắc công cuộc chuẩn bị khởi nghĩa diễn ra khẩn trương. Ở căn cứ Bắc Sơn - Vũ Nhai, Cứu quốc quân hoạt động mạnh, tuyên truyền vũ trang, gây dựng cơ sở chính trị, mở rộng khu căn cứ. Trong quá trình đó, *Trung đội cứu quốc III* ra đời (25 – 02 - 1944). Ở căn cứ Cao Bằng, những đội tự vệ vũ trang, đội du kích được thành lập . Năm 1943, Ban Việt Minh liên tỉnh Cao - Bắc - Lạng lập ra 19 ban "*xung phong Nam tiến*" để liên lạc với căn cứ địa Bắc Sơn - Vũ Nhai và phát triển lực lượng xuống các tỉnh miền xuôi.

- Ngày 07 - 5 - 1944, Tổng bộ Việt Minh ra chỉ thị cho các cấp "*Sửa soạn khởi nghĩa*" và kêu gọi nhân dân "*Sắm vũ khí đuổi thù chung*".

- Ngày 22 - 12 - 1944, theo lệnh Chủ tịch Hồ Chí Minh, *Đội Việt Nam tuyên truyền giải phóng quân được thành lập*. Sau khi ra đời, đội đã đánh thắng liên tiếp ở hai trận ở Phay Khắt và Nà Ngần (Cao Bằng). Căn cứ Cao - Bắc - Lạng được củng cố và mở rộng.

Công cuộc chuẩn bị vẫn tiếp tục cho đến trước ngày Tổng khởi nghĩa.

III KHỞI NGHĨA VŨ TRANG GIÀNH CHÍNH QUYỀN

1. Khởi nghĩa từng phần (từ tháng 3 đến tháng 8 - 1945)

* Nhật đảo chính Pháp:

- Đầu năm 1945, Hồng quân Liên Xô tiến đánh Béclin, sào huyệt cuối cùng của phát xít Đức. Một loạt nước Đông Âu được giải phóng.

- Ở mặt trận châu Á - Thái Bình Dương, quân đồng minh giáng cho Nhật những đòn nặng nề.

- Ở Đông Dương, lực lượng Pháp theo phái Đờ Gôn ráo riết hoạt động, chờ thời cơ phản công quân Nhật, mâu thuẫn Nhật - Phấp trở nên gây gắt.

- Trước tình hình đó, quân Nhật ra tay trước. Vào lúc 20 giờ ngày 09 - 3 - 1945, Nhật đảo chính Pháp. Quân Pháp chống cự yếu ớt một vài nơi rồi mau chóng đầu hàng. Sau khi hất cẳng Pháp, phát xít Nhật tuyên bố cái gọi là"*giúp dân tộc Đông Dương xây dựng nền độc lập*". Chúng dựng lên chính phủ bù nhìn Trần Trọng Kim và đưa Bảo Đại lên làm "Quốc trưởng".

* Chủ trương của Đảng:

- Đêm 09 – 3 – 1945, đang lúc Nhật đảo chính Pháp, Ban Thường vụ Trung ương Đảng họp tại làng Đình Bảng (Từ Sơn - Bắc Ninh), ngày 12 - 3 - 1945, Ban Thường vụ Trung ương Đảng ra chỉ thị "*Nhật-Pháp bắn nhau và hành động của chúng ta*". Bản chỉ thị nhận định: Cuộc đảo chính đã tạo nên sự khủng hoảng chính trị sâu sắc, nhưng những điều kiện khởi nghĩa chưa chín muồi. Phát xít Nhật trở thành kẻ thù chính của nhân dân Đông Dương. Khẩu hiệu "Đánh đuổi Pháp - Nhật" được thay bằng khẩu hiệu "Đánh đuổi phát xít Nhật".

- Hình thức đấu tranh từ bất hợp tác, bãi công, bãi thị đến biểu tình, thị uy, vũ trang, du kích và sẵn sàng chuyển qua hình thức tổng khởi nghĩa khi có điều kiện.

- Hội nghị chủ trương phát động "*cao trào kháng Nhật cứu nước mạnh mẽ làm tiền đề cho cuộc tổng khởi nghĩa*".

* Cao trào kháng Nhật cứu nước chuẩn bị tiến tới Tổng khởi nghĩa:

- Ở khu căn cứ địa Cao - Bắc - Lạng, Việt Nam tuyên truyền giải phóng quân và Cứu quốc quân phối hợp với lực lượng chính trị của quần chúng giải phóng hàng loạt châu, huyện. Tại những nơi này, chính quyền nhân dân được thành lập, các hội cứu quốc được củng cố và phát triển.

- Ở Bắc Kì, trước thực tế nạn đói đã diễn ra trầm trọng do chính sách cướp bóc của Pháp-Nhật, Đảng đề ra khẩu hiệu "*Phá kho thóc giải quyết nạn đói*". Khẩu hiệu đã đáp ứng nguyện vọng cấp bách nhất của nông dân, nên tạo thành phong trào đấu tranh mạnh mẽ chưa từng có.

- Đồng thời với phong trào này, làn sóng khởi nghĩa từng phần dâng lên mạnh mẽ. Việt Minh lãnh đạo quần chúng nổi dậy ở Tiên Du (Bắc Ninh), BầnYên Nhân (Hưng Yên)...

- Ở Quảng Ngãi, ngày 11 – 3 – 1945, tù chính trị ở nhà lao Ba Tơ nổi dậy, thành lập chính quyền cách mạng, tổ chức đội du kích Ba Tơ.

- Ở Nam Kì, phong trào Việt Minh hoạt động mạnh, nhất là ở Mĩ Tho và Hậu Giang.

2. Sự chuẩn bị cuối cùng trước ngày Tổng khởi nghĩa

- Từ ngày 15 đến ngày 20 - 4 - 1945, Ban Thường vụ Trung ương Đảng triệu tập hội nghị Quân sự cách mạng Bắc Kì. Hội nghị quyết định thống nhất các lực lượng vũ trang và nửa vũ trang; mở trường đào tạo cấp tốc cán bộ quân sự và chính trị; tích cực phát triển chiến tranh du kích; xây dựng căn cứ địa cách mạng chuẩn bị cho cuộc tổng khởi nghĩa khi thời cơ đến. Uỷ *ban Quân sự cách mạng Bắc Kì* được thành lập có nhiệm vụ chỉ huy các chiến khu miền Bắc và giúp đỡ cả nước về mặt quân sự.

- Ngày 16 - 4 - 1945, Tổng bộ Việt Minh ra chỉ thị thành lập *Ủy ban Dân tộc giải phóng Việt Nam* và Ủy ban Dân tộc giải phóng các cấp.

- Thực hiện quyết định của Đảng, ngày 15 - 5 - 1945, Việt Nam Cứu quốc quân và Việt Nam tuyên truyền giải phóng quân thống nhất thành *Việt Nam Giải phóng quân*.

- Trong tháng 5 - 1945, đồng chí Hồ Chí Minh rời Pắc Bó (Cao Bằng) về Tân Trào (Tuyên Quang). Người chọn Tân Trào làm trung tâm chỉ đạo phong trào cách mạng cả nước.

- Ngày 04 - 6 - 1945, *Khu giải phóng Việt Bắc* được thành lập gồm hầu hết các tỉnh Cao Bằng, Bắc Kạn, Lạng Sơn, Hà Giang, Tuyên Quang, Thái Nguyên và một số vùng thuộc các tỉnh lân cận Bắc Giang, Phú Thọ, Yên Bái, Vĩnh Yên. Tân Trào được chọn làm thủ đô khu giải phóng. *Ủy ban lâm thời giải phóng được thành lập*. Khu giải phóng Việt Bắc trở thành căn cứ địa chính của cách mạng cả nước và là hình ảnh thu nhỏ của nước Việt Nam mới.

Công cuộc chuẩn bị được gấp rút hoàn thành. Toàn dân tộc đã sẵn sàng, đón chờ thời cơ vùng dậy Tổng khởi nghĩa.

3. Tổng khởi nghĩa tháng Tám năm 1945

a) Nhật Bản đầu hàng Đồng minh, lệnh Tổng khởi nghĩa được ban bố

- Ngày 09 - 8 - 1945, Hồng quân Liên Xô tiêu diệt đội quân Quan Đông của Nhật ở Đông Bắc Trung Quốc.

- Ngày 14 - 8 - 1945, Hội đồng tối cao chiến tranh và nội các Nhật họp thông qua quyết định đầu hàng Đồng minh không điều kiện. Trưa ngày 15 - 8 - 1945, Nhật hoàng chính thức tuyên bố đầu hàng trên đài phát thanh của Nhật.

- Quân Nhật ở Đông Dương rệu rã. Chính phủ Trần Trọng Kim hoang mang. Điều kiện khách quan có lợi cho Tổng khởi nghĩa đã đến.

- Ngay từ ngày 13 - 8 - 1945, khi nhận được những thông tin về Nhật đầu hàng, Trung ương Đảng và Tổng bộ Việt Minh lập tức thành lập *Uỷ ban Khởi nghĩa toàn quốc.* 23 giờ cùng ngày Uỷ ban khởi nghĩa toàn quốc ban bố "*Quân lệnh số 1*" chính thức phát lệnh Tổng khởi nghĩa trong cả nước.

- Từ ngày 14 đến ngày 15 - 8 – 1945, *Hội nghị toàn quốc của Đảng* họp ở Tân Trào (Tuyên Quang), thông qua kế hoạch lãnh đạo toàn dân Tổng khởi nghĩa và quyết định những vấn đề quan trọng về chính sách đối nội, đối ngoại sau khi giành được chính quyền.

- Tiếp đó, từ ngày 16 đến ngày 17 - 8 – 1945, *Đại hội quốc dân* được triệu tập ở Tân Trào. Đại hội tán thành Tổng khởi nghĩa của Đảng, thông qua 10 chính sách của Việt Minh, cử ra *Uỷ ban Dân tộc giải phóng Việt Nam* do đồng chí Hồ Chí Minh làm Chủ tịch.

b) Diễn biến cuộc Tổng khởi nghĩa

- Đến giữa tháng 8 - 1945, khí thế cách mạng sục sôi trong cả nước. Từ ngày 14 - 8, một số cấp bộ Đảng và tổ chức Việt Minh tuy chưa nhận được lệnh tổng khởi nghĩa do thông tin liên lạc khó khăn, nhưng đã căn cứ vào tình hình cụ thể của địa phương và vận dụng chỉ thị "*Nhật-Pháp bắn nhau và hành động của chúng ta*" đã phát động nhân dân khởi nghĩa ở nhiều xã, huyện thuộc các tỉnh châu thổ Sông Hồng, Thanh Hoá, Nghệ An, Hà Tĩnh, Thừa Thiên - Huế, Khánh Hoà...

- Chiều 16 - 8 – 1945, theo lệnh của Ủy ban khởi nghĩa, một đơn vị Giải phóng quân do Võ Nguyên Giáp chỉ huy, xuất phát từ Tân Trào tiến về thị xã Thái Nguyên.

- Ngày 18 - 8 - 1945, nhân dân Bắc Giang, Hải Dương, Hà Tĩnh, Quảng Nam giành được chính quyền ở tỉnh lị.

* Ở Hà Nội:

- Chiều 17 - 8, quần chúng nội, ngoại thành tổ chức mít tinh ở Nhà hát Lớn, sau đó xếp thành đội ngũ, đi từ Nhà hát Lớn qua các trung tâm, hô vang các khẩu hiệu: :"*Ủng hộ Việt Minh*", "*Đả đảo bù nhìn*", "*Việt Nam độc lập*"... Ủy ban khởi nghĩa quyết định khởi nghĩa giành chính quyền vào ngày 19 - 8 - 1945.

- Ngày 18 – 8, cờ đỏ sao vàng xuất hiện trên các thành phố chính của Hà Nội.

- Ngày 19 - 8, hàng chục vạn nhân dân nội ngoại thành xuống đường biểu dương lực lượng. Quần chúng cách mạng có sự hỗ trợ của các đội tự vệ chiến đấu, lần lượt chiếm các cơ quan đầu não của địch: Phủ Khâm sai Bắc Bộ, Sở Cảnh sát Trung ương, Sở Bưu điện, Trại Bảo an binh... Tối 19 - 8, cuộc khởi nghĩa giành chính quyền ở Hà Nội thắng lợi.

* Ở Huế:

Ngày 20 - 8, Ủy ban khởi nghĩa tỉnh được thành lập. Ủy ban quyết định giành chính quyền vào ngày 23 - 8. Hàng chục vạn nhân dân nội, ngoại thành kéo về thị uy chiếm các công sở, chính quyền về tay nhân dân.

* Tại Sài Gòn:

- Xứ ủy Nam Kì quyết định khởi nghĩa ở Sài Gòn và các tỉnh vào ngày 25 - 8.

- Sáng 25 - 8, các đơn vị "Xung phong công đoàn", "Thanh niên tiền phong" công nhân, nông dân các tỉnh Gia Định, Biên Hoà, Thủ Dầu Một, Mĩ Tho kéo về thành phố. Quần chúng chiếm Sở Mật thám, Sở Cảnh sát, Nhà ga, Bưu điện, Nhà máy điện... và giành chính quyền.

- Khởi nghĩa thắng lợi ở ba thành phố lớn đã tác động quyết định đến các địa phương trong cả nước. Nhiều nơi từ rừng núi, nông thôn, từ thành thị nối tiếp nhau khởi nghĩa. Đồng Nai Thượng và Hà Tiên là những địa phương giành chính quyền muộn nhất vào ngày 28 - 8.

Như vậy, trừ mấy thị xã do lực lượng của Tưởng Giới Thạch và tay sai chiếm đóng từ trước (Móng Cái, Hà Giang, Lào Cai. Lai Châu, Vĩnh Yên), cuộc tổng khởi nghĩa giành được thắng lợi trên cả nước trong vòng nửa tháng, từ ngày 14 đến ngày 28 - 8 - 1945.

IV NƯỚC VIỆT NAM DÂN CHỦ CỘNG HOÀ ĐƯỢC THÀNH LẬP (02 - 9 - 1945)

- Ngày 25 - 8 - 1945, Chủ tịch Hồ Chí Minh cùng với Trung ương Đảng và Ủy ban dân tộc giải phóng Việt Nam từ Tân Trào về đến Hà Nội.

- Theo đề nghị của Hồ Chí Minh, Ủy ban dân tộc giải phóng Việt Nam cải tổ thành *Chính phủ lâm thời nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà*. Trong những ngày lịch sử này, Hồ Chí Minh soạn thảo bản *Tuyên ngôn độc lập*, chuẩn bị cho mọi công việc Chính phủ lâm thời ra mắt quốc dân.

- Ngày 02 - 9 - 1945, tại quảng trường Ba Đình (Hà Nội) trước cuộc mít tinh lớn của hàng chục vạn nhân dân thủ đô và các vùng lân cận, Chủ tịch Hồ Chí Minh thay mặt Chính phủ lâm thời đọc bản Tuyên ngôn Độc lập, trịnh trọng tuyên bố với quốc dân và thế giới: *Nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà thành lập. "Nước Việt Nam có quyền được hưởng tự do độc lập, và sự thật đã trở thành một nước tự do độc lập".*

- Bản Tuyên ngôn nêu rõ: *"Pháp chạy, Nhật hàng, vua Bảo Đại thoái vị. Dân ta đánh đổ các xiềng xích thực dân gần 100 năm nay để xây dựng nên nước Việt Nam độc lập. Dân ta đánh đổ chế độ quân chủ mấy mươi thế kỉ mà lập nên chế độ dân chủ cộng hoà".*

- Cuối bản Tuyên ngôn, Hồ Chí Minh khẳng định ý chí sắt đá của nhân dân Việt Nam quyết giữ vững nền tự do độc lập vừa giành được: *"Toàn thể dân tộc Việt Nam quyết đem tất cả tinh thần và lực lượng, tính mạng và của cải để giữ vững quyền tự do độc lập ấy".*

- Ngày 02 - 9 - 1945 mãi mãi đi vào lịch sử Việt Nam là một trong những ngày hội lớn nhất, vẻ vang nhất của dân tộc.

V NGUYÊN NHÂN THẮNG LỢI, Ý NGHĨA LỊCH SỬ VÀ BÀI HỌC KINH NGHIỆM CỦA CÁCH MẠNG THÁNH TÁM NĂM 1945

1. Nguyên nhân thắng lợi

- Nguyên nhân khách quan:

Chiến thắng Đồng minh trong cuộc chiến tranh chống phát xít, đặc biệt là chiến thắng phát xít Đức và quân phiệt Nhật Bản của Hồng quân Liên Xô đã cổ vũ tinh thần, củng cố niềm tin cho nhân dân ta trong sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc, tạo thời cơ để nhân dân ta đứng lên Tổng khởi nghĩa.

- Nguyên nhân chủ quan:

+ Dân tộc ta vốn có truyền thống yêu nước nồng nàn, từng trải qua những cuộc đấu tranh kiên cường, bất khuất cho độc lập tự do. Vì vậy, khi Đảng Cộng sản Đông Dương và Mặt trận Việt Minh phất cao cờ cứu nước thì toàn nhân dân nhất tề đứng lên cứu nước, cứu nhà.

+ Cách mạng tháng Tám do Đảng Cộng sản Đông Dương và Hồ Chí Minh lãnh đạo, đã đề ra đường lối chiến lược, chủ trương chỉ đạo chiến lược và sách lược đúng đắn dựa trên cơ sở lí luận Mác - Lênin được vận dụng sáng tạo vào hoàn cảnh Việt Nam.

+ Để giành thắng lợi Cách mạng tháng Tám, Đảng ta có quá trình chuẩn bị trong suốt 15 năm, qua các phong trào cách mạng 1930 - 1931, 1936 - 1939, đã đúc rút những bài học kinh nghiệm thành công và thất bại, đặc biệt là quá trình xây dựng lực lượng chính trị, lực lượng vũ trang, căn cứ địa trong thời kì vận động giải phóng dân tộc 1939 - 1945.

+ Trong những ngày khởi nghĩa, toàn Đảng, toàn dân nhất trí, đồng lòng, không sợ hi sinh, gian khổ, quyết tâm giành độc lập tự do. Các cấp bộ Đảng và chớp thời cơ phát động quần chúng nổi dậy giành chính quyền.

2. Ý nghĩa lịch sử

- Mở ra một bước ngoặt lớn trong lịch sử dân tộc ta. Nó đã phá tan xiềng xích nô lệ của thực dân Pháp hơn 80 năm, ách thống trị của phát xít Nhật gần 5 năm, lật nhào ngai vàng phong kiến ngự trị ngót chục thế kỷ ở nước ta, lập nên nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà - nhà nước do nhân dân lao động làm chủ.

- Đánh dấu bước phát triển nhảy vọt của cách mạng Việt Nam, mở đầu kỉ nguyên mới của dân tộc: kỉ nguyên độc lập, tự do; kỉ nguyên nhân dân lao động nắm quyền, làm chủ đất nước, làm chủ vận mệnh dân tộc; kỉ nguyên giải phóng dân tộc gắn liền với giải phóng xã hội.

- Với thắng lợi của Cách mạng tháng Tám, Đảng Cộng sản Đông Dương trở thành một Đảng cầm quyền, chuẩn bị những điều kiện tiên quyết cho những thắng lợi tiếp theo.

- Đã góp phần chiến thắng chủ nghĩa phát xít trong Chiến tranh thế giới thứ II, đã chọc thủng khâu yếu nhất trong hệ thống thuộc địa của chủ nghĩa đế quốc, góp phần làm suy yếu chúng, cổ vũ mạnh mẽ các dân tộc thuộc địa đấu tranh tự giải phóng, "có ảnh hưởng trực tiếp và rất to lớn đến hai dân tộc bạn là Miên và Lào".

3. Bài học kinh nghiệm

- Bài học về vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin vào thực tiễn Việt Nam.

- Bài học về nắm bắt tình hình thế giới và trong nước để đề ra chủ trương, biện pháp cách mạng phù hợp.

- Bài học về tập hợp, tổ chức các lực lượng yêu nước rộng rãi trong Mặt trận dân tộc thống nhất trên cơ sở liên minh công - nông, tạo nên sức mạnh toàn dân, phân hoá và cô lập cao độ kẻ thù rồi tiến lên đánh bại chúng.

- Bài học về sự linh hoạt kết hợp đấu tranh chính trị với đấu tranh vũ trang, kết hợp với chiến tranh du kích, đấu tranh chính trị và khởi nghĩa từng phần, khởi nghĩa ở nông thôn và thành thị tiến tới Tổng khởi nghĩa.

MỘT SỐ SỰ KIỆN LỊCH SỬ VIỆT NAM (1930 – 1945) ĐÁNG NHỚ

Thời gian	Sự kiện
1) Từ 27 đến 31 – 3- 1935	Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ I của Đảng Cộng sản Đông Dương họp ở Ma Cao – Trung Quốc.
2) Tháng 6 và 7 – 1935	Đoàn đại biểu Đảng Cộng sản Đông Dương do Lê Hồng Phong dẫn đầu tham dự Đại hội lần thứ VII Quốc tế Cộng sản họp ở Matxcơva (Liên Xô).
3) Tháng 7 – 1936	Hội nghị Trung ương lần thứ nhất khoá I của Đảng Cộng sản Đông Dương họp tại Thượng Hải (Trung Quốc) đề ra chủ trương chỉ đạo chiến lược cách mạng Việt Nam thời kì 1936 – 1939.

Thời gian	Sự kiên
4) Ngày 01 – 5 – 1938	Cuộc mít tinh của hơn hai vạn đồng bào ta ở quảng trường nhà Đấu Xảo – Hà Nội.
5) Tháng 11 – 1939	Hội nghị Trung ương lần thứ 6 của Đảng Cộng sản Đông Dương tại Bà Điểm – Hóc Môn – Gia Định.
6) Tháng 9 – 1940	Nhật đánh úp Pháp ở Lạng Sơn, mở đầu xâm lược Đông Dương.
7) Ngày 29 – 10 – 1940	Phan Bội Châu mất tại Huế.
8) Ngày 28 – 01 – 1941	Nguyễn Ái Quốc về nước, sau 30 năm ra đi tìm đường cứu nước.
9) Từ 10 đến 19 – 5 – 1941	Hội nghị Trưng ương lần thứ 8 của Đảng Cộng sản Đông Dương họp tại Pắc Bó (Cao Bằng) do Nguyễn Ái Quốc chủ trì.
10) Ngày 19 – 5 – 1941	Việt Nam độc lập Đồng minh (Mặt trận Việt Minh) được thành lập.
11) Từ năm 1943 đến 1944	Đề cương Văn hoá Việt Nam ra đời và thành lập Hội Văn hoá cứu quốc Việt Nam.
12) Tháng 6 – 1944	Đảng Dân chủ Việt Nam thành lập và tham gia Việt Minh.
13) Ngày 22 – 12 – 1944	Đội Việt Nam tuyên truyền giải phóng quân được thành lập.
14) Ngày 09 – 3 – 1945	Nhật làm cuộc đảo chính hất cẳng Pháp ra khỏi Đông Dương.
15) Tháng 5 – 1945	Hồ Chí Minh từ Pắc Bó (Cao Bằng) về Tân Trào (Tuyên Quang).
16) Ngày 15 – 5 – 1945	Việt Nam giải phóng quân thành lập trên cơ sở thống nhất các lực lượng vũ trang cả nước.
17) Ngày 04 – 6 - 1945	Khu giải phóng Việt Bắc được thành lập.
18) Từ 13 đến 15 – 8 – 1945	Hội nghị toàn quốc của Đảng được triệu tập.
19) Từ 16 đến 17 – 8 - 1945	Đại hội Quốc dân họp ở Tân Trào – Tuyên Quang.
20) Ngày 19 – 8 – 1945	Khởi nghĩa giành chính quyền ở Hà Nội.
21) Ngày 23 – 8 – 1945	Khởi nghĩa thắng lợi ở Huế.
22) Ngày 25 – 8 - 1945	Khởi nghĩa thắng lợi ở Sài Gòn.
23) Ngày 28 – 8 – 1945	Tổng khởi nghĩa tháng Tám giành thắng lợi trong toàn quốc.
24) Ngày 30 – 8 – 1945	Lễ thoái vị của Bảo Đại – ông vua cuối cùng của triều đại phong kiến Việt Nam.
25) Ngày 02 – 9 - 1945	Chủ tịch Hồ Chí Minh đọc Tuyên ngôn Độc lập – tuyên bố khai sinh nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà.

VIỆT NAM TỪ NĂM 1945 ĐẾN NĂM 1954

BÀI 17

NƯỚC VIỆT NAM DÂN CHỦ CỘNG HOÀ TỪ SAU NGÀY 02 – 9 – 1945 ĐẾN TRƯỚC NGÀY 19 – 12 - 1945

I TÌNH HÌNH NƯỚC TA SAU CÁCH MẠNG THÁNG TÁM NĂM 1945

1. Thuận lợi:

- Nhân dân đã giành quyền làm chủ, bước đầu được hưởng tự do, nên rất phấn khởi, gắn bó với chế độ.

- Cách mạng nước ta có Đảng lãnh đạo dày dạng kinh nghiệm, có lãnh tụ sáng suốt là Chủ tịch Hồ Chí Minh.

- Trên thế giới, hệ thống xã hội chủ nghĩa đang hình thành, phong trào giải phóng dân tộc dâng cao ở nhiều nước thuộc địa và phụ thuộc, phong trào đấu tranh vì hoà bình, dân chủ phát triển ở nhiều nước tư bản.

2. Khó khăn: Nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà vừa ra đời đã phải đối mặt với nhiều khó khăn thử thách.

* Về đối ngoại:

- Quân đội các nước Đồng minh, dưới danh nghĩa giải giáp quân Nhật, đã lũ lượt kéo vào nước ta.

+ Từ vĩ tuyến 16 trở ra Bắc, gần 20 vạn quân Trung Hoa Dân quốc đóng ở Hà Nội và hầu hết các tỉnh. Chúng kéo theo bọn tay chân từ các tổ chức phản động như Việt Nam Quốc dân đảng (Việt Quốc), Việt Nam Cách mạng đồng minh hội (Việt Cách).

+ Từ vĩ tuyến 16 trở vào Nam, quân đội Anh tạo điều kiện cho quân Pháp quay trở lại xâm lược nước ta. Lợi dụng tình hình đó bọn phản động ngóc đầu dậy, làm tay sai cho Pháp, chống phá cách mạng.

* Về đối nội:

- Chính quyền cách mạng vừa mới thành lập, chưa được củng cố; lực lượng vũ trang còn non yếu.

- Nền kinh tế nước ta vốn đã lạc hậu, lại bị chiến tranh tàn phá nặng nề. Hậu quả nạn đói cuối năm 1944 đầu năm 1945 chưa được khắc phục. Nạn lụt lớn, làm vỡ đê ở chín tỉnh Bắc Bộ, rồi hạn hán kéo dài. Nhiều xí nghiệp còn nằm trong tay tư bản Pháp. Các cơ sở công nghiệp của ta chưa phục hồi sản xuất. Hàng hoá khan hiếm, giá cả tặng vọt, đời sống nhân dân gặp nhiều khó khăn.

- Về tài chính, ngân sách Nhà nước lúc này hầu như trống rỗng. Chính quyền cách mạng lại chưa quản lí được Ngân hàng Đông Dương. Trong lúc đó, quân Trung Hoa Dân quốc tung ra thị trường các loại tiền của Trung Quốc đã mất giá, làm cho nền tài chính nước ta thêm rối loạn.

- Về văn hoá, di sản văn hoá lạc hậu do chế độ thực dân phong kiến để lại hết sức nặng nề, hơn 90% dân số không biết chữ.

Nước ta đứng trước tình thế hiểm nghèo, khác nào "Ngàn cân treo sợi tóc".

II BƯỚC ĐẦU XÂY DỰNG CHÍNH QUYỀN CÁCH MẠNG, GIẢI QUYẾT NẠN ĐÓI, NẠN DỐT VÀ KHÓ KHĂN VỀ TÀI CHÍNH

1. Xây dựng chính quyền cách mạng

- Ngày 08 – 9 – 1945, Chính phủ cách mạng lâm thời công bố lệnh tổng tuyển cử trong cả nước.

- Ngày 06 - 01 - 1946, hơn 90% cử tri trong cả nước đi bỏ phiếu, bầu vào Quốc hội 333 đại biểu khắp Bắc - Trung - Nam, tượng trưng cho khối đoàn kết toàn dân.

- Ngày 02 - 3 - 1946, tại kì họp đầu tiên tại Hà Nội, Quốc hội thông qua danh sách *Chính phủ Liên hiệp kháng chiến* do Chủ tịch Hồ Chí Minh đứng đầu và lập ra *Ban dự thảo Hiến pháp*. Bản Hiến pháp đầu tiên của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà được Quốc hội thông qua ngày 09 - 11 - 1946.

- Lực lượng vũ trang được xây dựng. *Việt Nam Giải phóng quân* được chấn chỉnh và đổi thành *Vệ quốc đoàn* (9 – 1945). Ngày 22 – 5 – 1945, *Vệ quốc đoàn* được đổi thành *Quân đội Quốc gia Việt Nam*. Cuối năm 1945, lực lượng dân quân, tự vệ tăng lên hàng chục vạn người, có mặt hầu hết các thôn xã, đường phố, xí nghiệp trên khắp cả nước.

2. Giải quyết nạn đói

- Biện pháp cấp thời: Quyên góp, điều hoà thóc gạo giữa các địa phương, nghiêm trị những kẻ đầu cơ tích trữ gạo. Chủ tịch Hồ Chí Minh kêu gọi nhân dân cả nước *"nhường cơm sẻ áo"*. Hưởng ứng lời kêu gọi của Chủ tịch Hồ Chí Minh, trên khắp cả nước, nhân dân ta lập *"Hũ gạo cứu đói"* tổ chức *"Ngày đồng tâm"*, không dùng gạo, ngô, khoai, sắn... nấu rượu.

- Biện pháp lâu dài: tăng gia sản xuất là biện pháp hàng đầu và có tính chất lâu dài. Chủ tịch Hồ Chí Minh kêu gọi *"Tăng gia sản xuất ! Tăng sản xuất ngay! Tăng sản xuất nữa!"*.

Hưởng ứng lời kêu gọi Chủ tịch Hồ Chí Minh, phong trào thi đua tăng gia sản xuất dấy lên khắp cả nước. Dưới khẩu hiệu *"Không một tấc đất bỏ hoang"*.

Nhờ những biện pháp tích cực trên đây, sản xuất nông nghiệp nhanh chóng được phục hồi, nạn đói bị đẩy lùi một bước.

3. Giải quyết nạn dốt

- Ngày 08 - 9 - 1945, Chủ tịch Hồ Chí Minh kí Sắc lệnh thành lập *Nha bình dân học vụ*, là cơ quan chuyên lo việc chống *"giặc dốt"*, và kêu gọi nhân dân trong cả nước tham gia phong trào xóa nạn mù chữ. Trong vòng một năm, từ ngày 08 - 9 - 1945 đến ngày 08 - 9 - 1946, trên toàn quốc đã tổ chức gần 76.000 lớp học, xóa mù chữ cho hơn 2,5 triệu người.

- Trường học các cấp phổ thông và đại học sớm được khai giảng nhằm đào tạo những công dân và cán bộ trung thành, có năng lực phụng sự tổ quốc.

- Nội dung và phương pháp giáo dục bước đầu được đổi mới theo tinh thần dân tộc - dân chủ.

4. Giải quyết khó khăn về tài chính

- Để khắc phục tình trạng trống rỗng về ngân sách, Chính phủ kêu gọi tinh thần tự nguyện đóng góp của nhân dân cả nước. Hưởng ứng cuộc vận động xây dựng *"Quỹ độc lập"*, phong trào *"Tuần lễ vàng"* do Chính phủ phát động, nhân dân ta hăng hái đóng góp tiền, của, vàng, bạc ủng hộ nền độc lập của Tổ quốc.

- Ngày 23 - 01 - 1946, Chính phủ ra sắc lệnh phát hành tiền Việt Nam và đến ngày 23 - 11 - 1946, Quốc hội quyết định cho lưu hành tiền Việt Nam trong cả nước thay cho tiền Đông Dương của Pháp trước đây.

III ĐẤU TRANH CHỐNG NGOẠI XÂM VÀ NỘI PHẢN BẢO VỆ CHÍNH QUYỀN CÁCH MẠNG

1. Kháng chiến chống thực dân Pháp trở lại xâm lược ở Nam Bộ

- Ngày 02 - 9 - 1945, trong khi nhân dân Sài Gòn - Chợ Lớn tổ chức mít tinh chào mừng *"Ngày độc lập"*, thực dân Pháp xả súng vào đám đông, làm 47 người chết và làm nhiều người bị thương.

- Đêm 22 rạng sáng 23 - 9 - 1945, được sự giúp đỡ của quân Anh, thực dân Pháp cho quân đánh úp trụ sở Ủy ban nhân dân Nam Bộ và cơ quan tự vệ thành phố Sài Gòn, mở đầu cuộc chiến tranh xâm lược nước ta lần thứ hai.

- Quân dân Sài Gòn - Chợ Lớn cùng với quân dân Nam Bộ đã nhất tề đứng lên chiến đấu chống xâm lược. Các chiến sĩ lực lượng vũ trang của ta đột nhập sân bay Tân Sơn Nhất, đốt cháy tàu Pháp, đánh kho tàng, phá nhà giam.

- Phối hợp với lực lượng vũ trang đánh địch, nhân dân Sài Gòn - Chợ Lớn đấu tranh triệt phá nguồn tiếp tế của địch, từ chối hợp tác với chúng, dựng chướng ngại vật và chiến lũy trên đường phố. Ngừng các hoạt động trong thành phố làm cho quân Pháp trong thành phố bị bao vây và luôn bị tiến công.

- Trung ương Đảng, Chính phủ và Chủ tịch Hồ Chí Minh huy động lực lượng cả nước chi viện cho Nam Bộ và Nam Trung Bộ kháng chiến. Hàng vạn thanh niên hăng hái gia nhập vào các đoàn quân *"Nam tiến"* . Nhân dân Bắc Bộ và Bắc Trung Bộ còn thường xuyên tổ chức quyên góp tiền, gạo, áo quần, thuốc men... gửi ủng hộ nhân dân Nam Bộ và Nam Trung Bộ kháng chiến.

2. Đấu tranh với quân Trung Hoa Dân quốc và bọn phản cách mạng ở miền Bắc

- Thực hiện sách lược hoà hoãn với quân Trung Hoa Dân quốc

+ Nhượng cho tay sai của Trung Hoa Dân quốc 70 ghế trong Quốc hội không bầu cử, 4 ghế Bộ trưởng trong Chính phủ liên hiệp.

+ Nhân nhượng cho Trung Hoa Dân quốc một số quyền lợi về kinh tế, như cung cấp một phần lương thực, thực phẩm, phương tiện giao thông vận tải, cho phép dùng tiền Trung Quốc trên thị trường.

+ Trong lúc nhân nhượng cho Trung Hoa Dân quốc, Đảng Cộng sản Đông Dương tuyên bố "tự giải tán", nhưng thực ra tạm thời rút vào hoạt động "bí mật", tiếp tục lãnh đạo đất nước, lãnh đạo chính quyền cách mạng.

- Đối với tổ chức phản cách mạng, tay sai của Trung Hoa Dân quốc (Việt Quốc, Việt Cách).

+ Chính quyền cách mạng dựa vào quần chúng, kiên quyết vạch trần âm mưu và hành động chia rẽ, phá hoại của chúng.

+ Những kẻ phá hoại có đủ bằng chứng thì bị trừng trị theo pháp luật.

+ Chính phủ còn ban hành một số sắc lệnh nhằm trấn áp bọn phản cách mạng.

Những biện pháp sách lược nhân nhượng trên đây đã hạn chế các hoạt động chống phá của Trung Hoa Dân quốc và tay sai, làm thất bại âm mưu lật đổ chính quyền cách mạng của quần chúng.

3. Hoà hoãn với Pháp nhằm đẩy quân Trung Hoa Dân quốc ra khỏi nước ta

- Sau khi chiếm đóng các đô thị ở Nam Bộ và Nam Trung Bộ, thực dân Pháp đề ra kế hoạch tiến quân ra Bắc nhằm thôn tính cả nước ta.

- Để thực hiện ý đồ trên, thực dân Pháp điều đình với Chính phủ Trung Hoa Dân quốc, kí Hiệp ước Hoa - Pháp (28 - 02 - 1946) với các điều khoản:

+ Trung Hoa Dân quốc được Pháp trả lại các tô giới và nhượng địa của Pháp trên đất Trung Quốc và được vận chuyển hàng hoá qua cảng Hải Phòng lên Hoa Nam không phải đóng thuế.

+ Pháp được đưa quân ra Bắc thay quân Trung Hoa Dân quốc làm nhiệm vụ giải giáp quân Nhật.

- Hiệp ước Hoa - Pháp đã đặt nhân dân ta trước sự lựa chọn một trong hai con đường: hoặc cầm súng chiến đấu chống thực dân Pháp, không cho chúng đổ bộ lên miền Bắc; hoặc hoà hoãn, nhân nhượng Pháp để tránh tình trạng phải đối phó một lúc nhiều kẻ thù.

- Ngày 03 - 3 - 1946, Ban Thường vụ Trung ương Đảng họp, do Hồ Chí Minh chủ trì, đã chọn giải pháp "hoà để tiến"

- Chiều 06 - 3 - 1946, tại Hà Nội, Chủ tịch Hồ Chí Minh thay mặt Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hoà kí với G.Xanhtơni - đại diện Chính phủ Pháp - bản *Hiệp định Sơ bộ*.

- Nội dung của Hiệp định:

+ Chính phủ Pháp công nhận nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà là một quốc gia tự do, có chính phủ riêng, nghị viện riêng, quân đội riêng, tài chính riêng, và là thành viên Liên bang Đông Dương, nằm trong khối Liên hiệp Pháp.

+ Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hoà thỏa thuận cho 15000 quân Pháp ra miền Bắc thay quân Trung Hoa Dân quốc làm nhiệm vụ giải giáp quân Nhật, số quân này sẽ đóng ở những địa điểm quy định và rút dần trong thời hạn 5 năm.

+ Hai bên ngừng mọi cuộc xung đột ở miền Nam và giữ nguyên quân đội của mình tại vị trí cũ, tạo không khí thuận lợi để đi đến cuộc đàm phán chính thức bàn các vấn đề ngoại giao của Việt Nam, chế độ tương lai của Đông Dương, quyền lợi kinh tế và văn hoá của người Pháp ở Việt Nam.

Kí Hiệp định Sơ bộ 06 - 3 - 1946, tạm thời hoà hoãn với Pháp, ta tránh được cuộc chiến đấu bất lợi vì phải chống lại nhiều kẻ thù cùng một lúc, đẩy được 20 vạn quân Trung Hoa Dân quốc cùng bọn tay sai ra khỏi nước ta, giành thêm thời gian hoà bình củng cố chính quyền cách mạng, chuẩn bị lực lượng mọi mặt cho cuộc kháng chiến lâu dài chống thực dân Pháp về sau.

- Do ta đấu tranh kiên quyết, cuộc đàm phán chính thức giữa hai Chính phủ Việt Nam và Pháp đã được tổ chức tại Phôngtennơblô từ ngày 06 - 7 - 1946. Cuộc đàm phán thất bại. Trong lúc đó tại Đông Dương, quân Pháp tăng cường hoạt động khiêu khích. Quan hệ Việt - Pháp ngày càng căng thẳng, có nguy cơ nổ ra chiến tranh.

- Trước tình hình đó, Chủ tịch Hồ Chí Minh, bấy giờ đang ở thăm nước Pháp với tư cách thượng khách, đã kí với Mutê - đại diện của Chính phủ Pháp tạm bản *Tạm ước* ngày 14 – 9 - 1946, nhân nhượng Pháp một số quyền lợi kinh tế - văn hoá ở Việt Nam. Bản Tạm ước đã tạo điều kiện cho ta có thêm thời gian xây dựng, củng cố lực lượng, chuẩn bị bước vào cuộc kháng chiến toàn quốc chống Pháp lâu dài.

BÀI 18

NHỮNG NĂM ĐẦU CỦA CUỘC KHÁNG CHIẾN TOÀN QUỐC CHỐNG THỰC DÂN PHÁP (1946 - 1950)

I KHÁNG CHIẾN TOÀN QUỐC CHỐNG THỰC DÂN PHÁP BÙNG NỔ

1. Thực dân Pháp bội ước và tiến công nước ta

Sau khi kí Hiệp định Sơ bộ 06 - 3 - 1946 và Tạm ước 14 - 9 - 1946 với Việt Nam, Chính phủ Pháp đã bội ước:

- Ở Nam Bộ và Nam Trung Bộ, thực dân Pháp tiến đánh các vùng tự do của ta.

- Ở Bắc Bộ và Bắc Trung Bộ, hạ tuần tháng 11- 1946, thực dân Pháp khiêu khích tiến công ta ở Hải Phòng và Lạng Sơn.

- Ở Hà Nội, trong các ngày 15 và 16 – 12, quân Pháp bắn súng, ném lựu đạn ở nhiều nơi. Chúng đốt nhà Thông tin ở phố Tràng Tiền, chiếm đóng cơ quan Bộ Tài chính, gây ra vụ tàn sát đẫm máu ở phố Hàng Bún, phố Yên Ninh... Ngày 18 - 12 - 1946, Pháp gửi tối hậu thư đòi chính phủ ta giải tán lực lượng tự vệ chiến đấu, để quân Pháp làm nhiệm vụ giữ trật tự ở Hà Nội. Nếu yêu cầu đó không được chấp nhận thì chậm nhất là vào sáng 20 - 12 - 1946, quân Pháp sẽ chuyển sang hành động!

2. Đường lối kháng chiến chống Pháp của Đảng

- Ngày 12 – 12 – 1946, Ban Thường vụ Trung ương Đảng ra Chỉ thị Toàn dân kháng chiến.

- Ngày 18 và 19 - 12 - 1946, Hội nghị bất thường mở rộng của Ban thường vụ Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương họp tại Vạn Phúc (Hà Đông) dưới sự chủ toạ của Chủ tịch Hồ Chí Minh đã quyết định phát động cả nước kháng chiến.

- Đêm 19 - 12 - 1946, thay mặt Trung ương Đảng và Chính phủ, Chủ tịch Hồ Chí Minh ra *Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến.*

- Ngày 21 - 12 - 1946, Chủ tịch Hồ Chí Minh gửi thư đến nhân dân Việt Nam, nhân dân Pháp và nhân dân các nước Đồng minh.

- Tháng 3 - 1947, Tổng Bí thư Trường Chinh viết tác phẩm *Kháng chiến nhất định thắng lợi* nêu rõ tính chất, mục đích, nội dung và phương châm của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp.

II CUỘC CHIẾN ĐẤU Ở CÁC ĐÔ THỊ VÀ VIỆC CHUẨN BỊ CHO CUỘC KHÁNG CHIẾN LÂU DÀI

1. Cuộc chiến đấu ở các đô thị phía Bắc vĩ tuyến 16

- Ở Hà Nội:

+ Khoảng 20 giờ ngày 19 - 12 - 1946, cuộc chiến đấu bắt đầu. Nhân dân Hà Nội đã đặt các chướng ngại vật ra đường phố để gây cản trở cho việc đi lại của quân Pháp. Trung đoàn Thủ đô được thành lập và tiến đánh những trận quyết liệt ở Bắc Bộ phủ, chợ Đồng Xuân, Nhà Bưu điện v.v..

+ Đến ngày 17 - 02 - 1947, quân ta rút khỏi vòng vây của địch, ra căn cứ an toàn.

- Kết quả:

+ Quân dân Hà Nội đánh gần 200 trận, giết và làm bị thương hàng nghìn tên địch, phá huỷ hàng chục xe cơ giới, 5 máy bay...

+ Giam chân địch trong thành phố, đảm bảo cho Trung ương Đảng, Chính phủ rút về chiến khu an toàn.

- Ở các đô thị khác:

Ở Bắc Giang, Bắc Ninh, Nam Định, Vinh, Huế, Đà Nẵng v.v.. quân ta bao vây, tiến công tiêu diệt nhiều tên địch.

Cuộc chiến đấu ở các đô thị phía Bắc vĩ tuyến 16 đã tạo điều kiện cho cả nước đi vào cuộc kháng chiến lâu dài.

2. Tích cực chuẩn bị cho cuộc kháng chiến lâu dài

- Sau khi rút khỏi Hà Nội, các cơ quan Đảng, Chính phủ, Mặt trận, các đoàn thể....lên tới Việt Bắc.

- Nhân dân ở các đô thị nhanh chóng tản cư ra các vùng hậu phương và tiến hành phá hoại nhà cửa, đường sắt, cầu cống, không cho địch sử dụng. Với những khẩu hiệu *"Vườn không nhà trống"*, *"Tản cư cũng là kháng chiến"*, *"Phá hoại để kháng chiến"*. Đảng, Chính phủ lãnh đạo và tổ chức nhân dân cả nước xây dựng lực lượng kháng chiến về mọi mặt.

- *Về chính trị*, các ủy ban hành chính chuyển thành *Ủy ban kháng chiến hành chính* để thực hiện nhiệm vụ kháng chiến và kiến quốc: mở rộng Mặt trận, thành lập Hội Liên hiệp quốc dân Việt Nam (Liên Việt).

- *Về kinh tế*, Chính phủ đề ra các chính sách nhằm duy trì và phát triển sản xuất, trước hết là sản xuất lương thực.

- *Về quân sự*, Chính phủ quy định mọi người dân từ 18 đến 45 tuổi được tuyển chọn tham gia các lực lượng chiến đấu.

- *Về văn hoá*, phong trào bình dân học vụ tiếp tục được duy trì và phát triển. Trường phổ thông các cấp được xây dựng.

IV CHIẾN DỊCH VIỆT BẮC THU - ĐÔNG 1947 VÀ VIỆC ĐẨY MẠNH KHÁNG CHIẾN TOÀN DÂN, TOÀN DIỆN

1. Chiến dịch Việt Bắc thu – đông năm 1947

* Diễn biến:

- Tháng 3 - 1947, Chính phủ Pháp cử Bôlaéc sang làm Cao ủy Pháp ở Đông Dương, thay Đácgiăngliơ. Bôlaéc vạch ra kế hoạch tiến công Việt Bắc nhằm kết thúc nhanh chiến tranh.

- Thực dân Pháp huy động 12000 quân và hầu hết máy bay ở Đông Dương tiến công Việt Bắc từ ngày 07 - 10 – 1947.

+ Sáng sớm ngày 07 – 10 – 1947, một binh đoàn quân dù đổ xuống chiếm thị xã Bắc Kạn, thị trấn Chợ Mới...

+ Cùng ngày, binh đoàn bộ binh từ Lạng Sơn theo đường số 4 đánh lên Cao Bằng, rồi vòng xuống Bắc Kạn theo Đường số 3 bao vây Việt Bắc ở phía đông và phía bắc.

+ Ngày 09 – 10 – 1947, một binh đoàn hỗn hợp bộ binh và thủy binh từ Hà Nội ngược sông Hồng và sông Lô lên Tuyên Quang, rồi Chiêm Hoá, đánh Đài Thị, bao vây Việt Bắc từ phía tây.

- Khi vừa tiến công Việt Bắc, Đảng ta đã có chỉ thị "*Phải phá tan cuộc tiến công mùa đông của giặc Pháp*".

Trên khắp các mặt trận, quân dân ta đã anh dũng chiến đấu, từng bước đẩy lùi cuộc tiến công của địch.

- Ở Bắc Kạn, quân ta chủ động bao vây và tiến công địch ở Chợ Mới, Chợ Đồn, Chợ Rã, Ngân Sơn, Bạch Thông...buộc Pháp phải rút lui khỏi Chợ Đồn, Chợ Rã cuối tháng 11 - 1947.

- Ở mặt trận hướng đông, quân ta phục kích chặn đánh địch trên Đường số 4, tiêu biểu là trận phục kích ở đèo Bông Lau (30 - 10 - 1947).

- Ở mặt trận hướng tây, quân ta chặn đánh địch nhiều trận trên sông Lô, nổi bật là trận Đoan Hùng, Khe Lau.

* Kết quả:

- Sau hơn hai tháng, cuộc chiến đấu giữa ta và địch đã kết thúc bằng cuộc rút chạy của đại bộ phận quân Pháp khỏi Việt Bắc ngày 19 - 12 - 1947.

- Quân dân ta đã loại khỏi vòng chiến đấu hơn 6000 địch, bắn rơi 16 máy bay, bắn chìm 11 tàu chiến, ca nô, phá hủy nhiều phương tiện chiến tranh.

- Pháp tuy vẫn còn chiếm đóng một số vị trí trên đường số 3, số 4; nhưng không thực hiện được ý đồ "*đánh nhanh, thắng nhanh*".

* Ý nghĩa:

- Với chiến thắng Việt Bắc, cuộc kháng chiến toàn quốc chống thực dân Pháp xâm lược chuyển sang giai đoạn mới.

- Buộc Pháp phải thay đổi chiến lược chiến tranh ở Đông Dương, từ "đánh nhanh, thắng nhanh" sang "đánh lâu dài".

2. Cuộc kháng chiến của ta sau thắng lợi ở Việt Bắc

Sau chiến dịch Việt Bắc thu – đông năm 1947, Đảng và Chính phủ ta chủ trương củng cố chính quyền dân chủ nhân dân từ trung ương đến cơ sở, tăng cường lực lượng vũ trang, đẩy mạnh cuộc kháng chiến toàn dân, toàn diện.

- *Trên mặt trận chính trị:*

+ Đầu năm 1949, Chính phủ quyết định tổ chức bầu cử *Hội đồng nhân dân* và *Ủy ban kháng chiến hành chính* các cấp.

+ Tháng 6 - 1949, Mặt trận Việt Minh và Hội Liên Việt thống nhất thành Mặt trận Liên Việt.

- *Trên mặt trận quân sự:* bộ đội chủ lực đi vào vùng sau lưng địch gây cơ sở kháng chiến, phát triển chiến tranh du kích.

- *Trên mặt trận kinh tế:* Tháng 7 – 1949 thực hiện giảm tô 25%; tháng 7 - 1950, chia lại ruộng đất công và cấp ruộng đất vắng chủ cho nông dân.

- *Trên mặt trận văn hoá, giáo dục:* Tháng 7 - 1950, Chính phủ đề ra chủ trương cải cách giáo dục phổ thông. Hệ thống trường đại học và trung học được xây dựng.

VI HOÀN CẢNH LỊCH SỬ MỚI VÀ CHIẾN DỊCH BIÊN GIỚI THU – ĐÔNG NĂM 1950

1. Hoàn cảnh lịch sử mới của cuộc kháng chiến

* Về phía ta:

- Ngày 01 - 10 - 1949, cách mạng Trung Quốc thành công, nước Cộng hoà Nhân dân Trung Hoa ra đời.

- Ngày 18 - 01 - 1950, Chính phủ nước Cộng hoà Nhân dân Trung Hoa và ngày 30 - 01 - 1950 Chính phủ Liên Xô lần lượt công nhận và đặt quan hệ ngoại giao với nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà.

* Về phía địch:

- Ngày 13 - 5 - 1949, với sự đồng ý của Mĩ, Chính phủ Pháp đề ra kế hoạch Rơve. Với kế hoạch Rơve, Mĩ từng bước can thiệp sâu và *"dính líu"* trực tiếp vào cuộc chiến tranh Đông Dương.

- Ngày 07 - 02 - 1950, Mĩ công nhận Chính phủ bù nhìn Bảo Đại; ngày 08 - 5 - 1950, Mĩ đồng ý viện trợ kinh tế và quân sự cho Pháp, nhằm từng bước nắm quyền điều khiển chiến tranh ở Đông Dương.

- Thực hiện kế hoạch Rơve, từ tháng 6 - 1949 Pháp đưa nhiều vũ khí mới vào Việt Nam, tập trung quân ở Nam Bộ, Trung Bộ ra Bắc, tăng cường hệ thống phòng ngự trên đường số 4, thiết lập *"Hành lang Đông - Tây"* . Trên cơ sở đó, Pháp chuẩn bị một kế hoạch tiến công lên Việt Bắc lần thứ hai, mong giành thắng lợi, nhanh chóng kết thúc chiến tranh.

2. Chiến dịch Biên giới thu – đông năm 1950

a. Mục đích mở chiến dịch của ta:

Để khắc phục khó khăn đó, đưa cuộc kháng chiến phát triển lên bước mới, tháng 6-1950, Đảng và Chính phủ ta quyết định mở chiến dịch Biên giới nhằm:

- Tiêu diệt một bộ phận quan trọng sinh lực địch.

- Mở đường liên lạc với Trung Quốc và thế giới dân chủ.

- Mở rộng và củng cố căn cứ địa Việt Bắc, đồng thời tạo những thuận lợi mới thúc đẩy cuộc kháng chiến tiến lên.

b. Diễn biến của chiến dịch:

- Sáng sớm ngày 16 - 9 - 1950, các đơn vị bộ đội ta nổ súng đánh vào vị trí Đông Khê và đến ngày 18 – 9, đã giành thắng lợi.

- Mất Đông Khê, quân địch ở Thất Khê bị uy hiếp, Cao Bằng bị cô lập.

- Trước nguy cơ bị tiêu diệt, quân Pháp buộc phải rút khỏi Cao Bằng theo đường số 4. Để yểm trợ cho cuộc rút quân này, Pháp huy động quân từ Thất Khê tiến lên Đông Khê để đón cánh quân từ Cao Bằng rút về; đồng thời cho quân đánh lên Thái Nguyên để thu hút bớt chủ lực của ta. Đoán được ý định của địch, quân ta chủ động mai phục, chặn đánh địch nhiều nơi trên đường số 4, khiến cho hai cánh quân này không gặp nhau được.

- Quân Pháp hoảng loạn, phải rút chạy, Đường số 4 được giải phóng ngày 22 – 10 – 1950.

c. Kết quả:

- Loại khỏi vòng chiến đấu hơn 8000 địch, thu trên 3000 tấn vũ khí và phương tiện chiến tranh.

- Giải phóng tuyến biên giới Việt - Trung từ Cao Bằng đến Đình Lập dài 750 km với 35 vạn dân; chọc thủng *"hành lang Đông - Tây"*của Pháp. Kế hoạch Rơve bị phá sản.

d. Ý nghĩa:

- Với chiến thắng Biên giới, con đường nối nước ta với các nước xã hội chủ nghĩa được khai thông.

- Quân đội ta đã trưởng thành, giành được thế chủ động trên chiến trường chính (Bắc Bộ), mở ra bước phát triển mới của cuộc kháng chiến.

BÀI 19

BƯỚC ĐẦU PHÁT TRIỂN CỦA CUỘC KHÁNG CHIẾN TOÀN QUỐC CHỐNG THỰC DÂN PHÁP (1951 - 1953)

I THỰC DÂN PHÁP ĐẨY MẠNH CHIẾN TRANH XÂM LƯỢC ĐÔNG DƯƠNG

1. Mĩ can thiệp sâu vào cuộc chiến tranh xâm lược Đông Dương

- Từ tháng 5 - 1949, Mĩ từng bước can thiệp sâu vào cuộc chiến tranh xâm lược Đông Dương.

- Ngày 23 - 12 - 1950, Mĩ kí với Pháp *Hiệp định phòng thủ chung Đông Dương*.

- Tháng 9 - 1951, Mĩ kí với Bảo Đại *Hiệp ước hợp tác kinh tế Việt - Mĩ* nhằm trực tiếp ràng buộc Chính phủ Bảo Đại vào Mĩ.

2. Kế hoạch Đờ Lát đơ Tátxinhi

- Ngày 06 - 12 - 1950, Chính phủ Pháp cử Đại tướng Đờ Lát đơ Tátxinhi làm Tổng chỉ huy quân đội viễn chinh, kiêm Cao ủy Pháp ở Đông Dương. Đờ Lát đơ Tátxinhi đề ra kế hoạch mới nhằm kết thúc nhanh chiến tranh.

- Nội dung của kế hoạch Đờ Lát đơ Tátxinhi gồm 4 điểm chính:

+ Gấp rút tập trung quân Âu - Phi nhằm xây dựng một lực lượng cơ động chiến lược mạnh, đồng thời ra sức phát triển ngụy quân để xây dựng "quân đội quốc gia".

+ Xây dựng phòng tuyến công sự bằng xi măng cốt sắt, thành lập "vành đai trắng" bao quanh trung du và đồng bằng Bắc Bộ nhằm ngăn chặn quân chủ lực của ta và kiểm soát ta đưa nhân tài, vật lực ra vùng tự do.

+ Tiến hành "chiến tranh tổng lực", bình định, lấn chiếm, vơ vét sức người sức của của nhân dân ta để tăng cường lực lượng của chúng.

+ Đánh phá hậu phương của ta bằng biệt kích, thổ phỉ, gián điệp, kết hợp oanh tạc bằng phi pháo với chiến tranh tâm lí, chiến tranh kinh tế.

II ĐẠI HỘI ĐẠI BIỂU LẦN THỨ II CỦA ĐẢNG (02 - 1951)

1. Hoàn cảnh

Từ ngày 11 đến 19 - 02 - 1951, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ II của Đảng Cộng sản Đông Dương họp ở Vinh Quang - Chiêm Hoá (Tuyên Quang).

2. Nội dung Đại hội

Đại hội thông qua hai bản báo cáo quan trọng:

- *Báo cáo chính trị* do Chủ tịch Hồ Chí Minh trình bày đã tổng kết kinh nghiệm của Đảng qua các chặng đường lịch sử đấu tranh oanh liệt từ ngày ra đời, khẳng định đường lối kháng chiến chống Pháp của Đảng.

- *Báo cáo bàn về cách mạng Việt Nam* do Tổng Bí thư Trường Chinh trình bày, nêu rõ nhiệm vụ cách mạng dân tộc, dân chủ ở nước ta.

- Đại hội quyết định đổi tên Đảng thành *Đảng Lao động Việt Nam* và đưa Đảng ra hoạt động công khai.

- Đại hội thông qua *Tuyên ngôn, Chính cương, Điều lệ mới*; Quyết định xuất bản báo *Nhân dân*, cơ quan ngôn luận của Trung ương Đảng.

- Đại hội bầu ra Ban Chấp hành Trung ương, Hồ Chí Minh được bầu giữ chức vụ Chủ tịch Đảng, Trường Chinh được bầu làm Tổng Bí thư của Đảng.

3. Ý nghĩa:

Đại hội lần thứ II là mốc đánh dấu bước phát triển mới trong quá trình lãnh đạo và trưởng thành của Đảng ta, là "Đại hội kháng chiến thắng lợi".

III HẬU PHƯƠNG KHÁNG CHIẾN PHÁT TRIỂN MỌI MẶT

1. Về chính trị

- Từ ngày 03 đến ngày 07 - 3 - 1951, Đại hội toàn quốc thống nhất Mặt trận Việt Minh và Hội Liên Việt thành một mặt trận duy nhất, lấy tên là *Mặt trận Liên hiệp quốc dân Việt Nam* (Mặt trận Liên Việt).

- Ngày 11 - 3 - 1951, thành lập *Liên minh nhân dân Việt - Miên - Lào* nhằm tăng cường hơn nữa tình đoàn kết giữa nhân dân ba nước Đông Dương.

- Ngày 01 - 5 - 1952, Đại hội anh hùng và chiến sĩ thi đua toàn quốc lần thứ nhất đã tổng kết, biểu dương thành tích của phong trào thi đua ái quốc.

2. Về kinh tế

Năm 1952, Chính phủ đề ra cuộc vận động sản xuất và thực hành tiết kiệm. Cuộc vận động đã lôi cuốn mọi ngành, mọi giới tham gia.

- Sản xuất thủ công nghiệp và công nghiệp về cơ bản đáp ứng nhu cầu về công cụ sản xuất những mặt hàng thiết yếu của đời sống.

- Đi đôi với đẩy mạnh sản xuất, Chính phủ đề ra những chính sách nhằm chấn chỉnh chế độ thuế khoá, xây dựng nền tài chính, ngân hàng, thương nghiệp.

- Để bồi dưỡng sức dân, nhất là nông dân, đầu năm 1953 Đảng và Chính phủ quyết định phát động quần chúng triệt để giảm tô và cải cách ruộng đất.

- Từ tháng 4 - 1953 đến tháng 7 - 1954, ta thực hiện 5 đợt giảm tô và một đợt cải cách ruộng đất.

3. Về văn hoá, giáo dục, y tế

- Ta tiếp tục cuộc cải cách giáo dục (từ năm 1950) thực hiện theo ba phương châm: *phục vụ kháng chiến, phục vụ dân sinh, phục vụ sản xuất*, gắn nhà trường với đời sống xã hội.

- Văn nghệ sĩ hăng hái thâm nhập mọi mặt của đời sống, chiến đấu và sản xuất, hưởng ứng lời dạy của Hồ Chí Minh *"Kháng chiến hoá văn hoá, văn hoá hoá kháng chiến"*.

- Công tác vận động vệ sinh phòng bệnh, thực hiện đời sống mới, bài trừ mê tín dị đoan ngày càng có tính chất quần chúng rộng lớn.

- Công tác chăm lo sức khỏe cho nhân dân được coi trọng. Bệnh viện, bệnh xá, phòng y tế, trạm cứu thương được xây dựng khắp nơi.

IV NHỮNG CHIẾN DỊCH TIẾN CÔNG GIỮ VỮNG QUYỀN CHỦ ĐỘNG TRÊN CHIẾN TRƯỜNG

1. Các chiến dịch ở Trung du và đồng bằng Bắc Bộ (cuối năm 1950 đến giữa năm 1951)

- Trong thời gian từ cuối năm 1950 đến giữa năm 1951, quân ta liên tục mở ba chiến dịch: chiến dịch Trần Hưng Đạo (chiến dịch Trung du), Chiến dịch Hoàng Hoa Thám (Chiến dịch đường số 18), Chiến dịch Quang Trung (chiến dịch Hà - Nam - Ninh).

- Trên đây là những chiến dịch quy mô lớn đầu tiên của bộ đội chủ lực ta đánh vào phòng tuyến kiên cố của Pháp ở Trung du và đồng bằng Bắc Bộ. Nhưng do địa bàn chiến dịch không thuận lợi cho ta, mà có lợi cho địch việc phát huy ưu thế về binh khí và kĩ thuật và cơ động, nên kết quả chiến đấu bị hạn chế.

- Với phương châm chiến lược "đánh chắc thắng" và phương hướng chiến lược "tránh chỗ mạnh đánh chỗ yếu" ta chủ trương mở những chiến dịch tiếp theo ở rừng núi.

2. Chiến dịch Hoà Bình đông - xuân năm 1951 - 1952

- Ngày 09 - 11 - 1951, Đờ Lát đơ Tátxinhi sử dụng một lực lượng quân cơ động lớn tiến đánh Chợ Bến; đến ngày 14 - 11 - 1951, tiến đánh Hoà Bình.

- Từ giữa tháng 11 - 1951 đến cuối tháng 02 - 1952, ta mở chiến dịch phản công địch ở Hoà Bình.

- Chiến dịch Hoà Bình kết thúc sau hơn ba tháng (từ 14 - 11 - 1951 đến ngày 25 - 02 - 1952).

- Kết quả:

+ Ta đã loại khỏi vòng chiến đấu 22 000 tên địch.

+ Ta giải phóng hoàn toàn khu vực Hoà Bình.

Ý nghĩa: Thắng lợi của chiến dịch Hoà Bình là thắng lợi của nghệ thuật chỉ đạo chiến đấu phối hợp giữa chiến trường chính với chiến trường cả nước.

3. Chiến dịch Tây Bắc thu - đông 1952

- Từ ngày 14 - 10 - 1952 đến ngày 10 - 12 - 1952, ta mở chiến dịch Tây Bắc. Cuộc chiến đấu diễn ra ác liệt ở Mộc Châu, Thuận Châu, Lai Châu, Sơn La, Yên Bái.

- Kết thúc chiến dịch, ta đã loại khỏi vòng chiến đấu hơn 13000 địch, giải phóng 28 500 km^2 với hơn 25 vạn dân, gồm toàn tỉnh Nghĩa Lộ, gần hết tỉnh Sơn La (trừ Nà Sản), bốn huyện ở Lai Châu, hai huyện ở Yên Bái, phá một phần âm mưu lập "*Xứ Thái tự trị*" của địch.

4. Chiến dịch Thượng Lào xuân - hè 1953

- Đầu năm 1953, Trung ương Đảng và Chính phủ ta cùng Chính phủ kháng chiến Lào thỏa thuận mở chiến dịch Thượng Lào, nhằm tiêu diệt sinh lực địch, giải phóng đất đai, đẩy mạnh cuộc kháng chiến của nhân dân Lào.

- Chiến dịch đã diễn ra từ ngày 08 - 4 - 1953 đến ngày 18 - 5 - 1953. Trong hơn 1 tháng chiến đấu, liên quân Việt - Lào đã loại khỏi vòng chiến đấu 2800 địch; giải phóng toàn bộ tỉnh Sầm Nưa, một phần tỉnh Xiêng Khoảng và tỉnh Phongxalì với trên 30 vạn dân

Phối hợp với chiến trường chính Bắc Bộ, từ năm 1951 đến năm 1953, ở các chiến trường Trung Bộ và Nam Bộ, quân dân ta đã tận dụng các hình thức chiến tranh du kích, tiêu diệt, tiêu hao nhiều sinh lực địch, phá hủy nhiều tổ chức tề ngụy, nhiều cơ sở kinh tế của chúng.

BÀI 20

CUỘC KHÁNG CHIẾN TOÀN QUỐC CHỐNG THỰC DÂN PHÁP KẾT THÚC (1953 - 1954)

I ÂM MƯU MỚI CỦA PHÁP - MĨ Ở ĐÔNG DƯƠNG: KẾ HOẠCH NAVA

1. Hoàn cảnh ra đời của kế hoạch Nava

- Trải qua tám năm kháng chiến và kiến quốc, lực lượng kháng chiến của nhân dân ta lớn mạnh đáng kể.

- Trong khi đó, phía Pháp bị thiệt hại ngày càng lớn, đến năm 1953 bị loại khỏi vòng chiến đấu hơn 39 vạn quân và tiêu tốn hơn 2000 tỉ phrăng. Vùng chiếm đóng bị thu hẹp. Quân Pháp trên chiến trường ngày càng đi vào thế phòng ngự, bị động.

- Ngày 07 - 5 - 1953, Chính phủ Pháp cử tướng Nava làm Tổng chỉ huy quân đội viễn chinh của Pháp ở Đông Dương. Nava đề ra kế hoạch chiến lược với hi vọng trong 18 tháng giành lấy một thắng lợi quyết định để "*kết thúc chiến tranh trong danh dự*".

2. Nội dung kế hoạch Nava

Kế hoạch Nava được chia thành hai bước:

- *Bước thứ nhất,* trong thu - đông năm 1953 và xuân năm 1954, giữ thế phòng ngự chiến lược ở Bắc Bộ, tiến công chiến lược để bình định miền Trung và Nam Đông Dương.

- *Bước thứ hai,* từ thu - đông năm 1954, chuyển lực lượng ra chiến trường Bắc Bộ, thực hiện tiến công chiến lược, cố giành thắng lợi quân sự quyết định, buộc ta phải đàm phán theo những điều kiện có lợi cho chúng nhằm kết thúc chiến tranh.

- Để thực hiện kế hoạch Nava, từ thu - đông 1953, Nava tập trung quân cơ động ở đồng bằng Bắc Bộ lên đến 44 tiểu đoàn trong tổng số 84 tiểu đoàn ở Đông Dương, tiến hành những cuộc càn quét bình định vùng chiếm đóng, mở rộng hoạt động thổ phỉ, biệt kích ở vùng rừng núi biên giới, mở rộng cuộc tiến công lớn vào Nình Bình, Thanh Hoá (tháng 10 - 1953).... để phá vỡ kế hoạch tiến công của ta.

II CUỘC TIẾN CÔNG CHIẾN LƯỢC ĐÔNG - XUÂN 1953 - 1954

1. Cuộc Tiến công chiến lược Đông - Xuân 1953 - 1954

- Cuối tháng 9 - 1953, Bộ Chính trị Ban Chấp hành Trung ương Đảng họp ở Việt Bắc để bàn về kế hoạch quân sự đông - xuân 1953 - 1954.

- Phương hướng chiến lược của ta trong đông - xuân 1953 - 1954 là *"Tập trung lực lượng mở những cuộc tiến công vào những hướng quan trọng về chiến lược mà địch tương đối yếu, nhằm tiêu diệt một bộ phận sinh lực địch, giải phóng đất đai, đồng thời buộc chúng phải bị động phân tán lực lượng đối phó với ta trên những địa bàn xung yếu mà chúng không thể bỏ, do phải phân tán lực lượng mà tạo ra cho ta những điều kiện thuận lợi mới để tiêu diệt thêm từng bộ phận sinh lực địch của chúng".*

- Trong đông - xuân 1953 – 1954, quân ta mở một loạt chiến dịch tiến công địch ở hầu khắp chiến trường Đông Dương.

+ Ngày 10 - 12 - 1953, một bộ phận chủ lực ta tiến công thị xã Lai Châu, giải phóng toàn bộ Lai Châu (trừ Điện Biên Phủ). Nava phải tăng cường lực lượng lên Điện Biên Phủ. Ta biến Điện Biên Phủ thành nơi tập trung quân thứ hai của địch.

+ Đầu tháng 12 - 1953, liên quân Lào - Việt mở cuộc tiến công địch ở Trung Lào giải phóng một phần thị xã Thà Khẹt; bao vây uy hiếp căn cứ Xênô. Xênô trở thành nơi tập trung quân thứ ba của địch.

+ Cuối tháng 01 - 1954, liên quân Lào - Việt tiến công địch ở Thượng Lào, giải phóng lưu vực sông Nậm Hu, toàn tỉnh Phongxalì. Biến Luông Phabăng và Mường Sài thành nơi tập trung quân thứ tư của địch.

+ Đầu tháng 02 - 1954, quân ta tiến công địch ở Bắc Tây Nguyên; bao vây, uy hiếp Plâycu. Plâycu trở thành nơi tập trung quân thứ năm của địch.

- Phối hợp với mặt trận chính khi quân chủ lực địch bị giam chân và phân tán nhiều nơi, tại các vùng sau lưng địch, phong trào chiến tranh du kích phát triển mạnh

Thắng lợi trong đông - xuân 1953 - 1954 đã chuẩn bị về vật chất và tinh thần cho quân dân ta mở rộng tiến công quyết định Điện Biên Phủ.

2. Chiến dịch lịch sử Điện Biên Phủ (1954)

a. Âm mưu của địch:

- Điện Biên Phủ là một thung lũng rộng lớn nằm ở phía tây rừng núi Tây Bắc, gần biên giới với Lào có vị trị chiến lược then chốt ở Đông Dương và cả ở Đông Nam Á, nên Pháp cố nắm giữ.

- Nava tập trung mọi cố gắng để để xây dựng Điện Biên Phủ thành tập đoàn cứ điểm mạnh nhất ở Đông Dương.

- Địch bố trí thành 3 phân khu: phân khu Bắc gồm các cứ điểm Độc Lập, Bản Kéo; phân khu Trung tâm ở ngay giữa Mường Thanh, nơi đặt cơ quan chỉ huy, có trận địa pháo, kho hậu cần, sân bay, tập trung 2/3 lực lượng; phân khu Nam có cứ điểm Hồng Cúm, trận địa pháo, sân bay. Tổng cộng cả ba phân khu có 49 cứ điểm.

b. Chủ trương của ta:

- Đầu tháng 12 - 1953, Bộ Chính trị Trung ương Đảng họp thông qua kế hoạch tác chiến của Bộ Tổng tư lệnh và quyết định mở chiến dịch Điện Biên Phủ. Mục tiêu của chiến dịch là tiêu diệt địch ở đây, giải phóng vùng Tây Bắc, tạo điều kiện cho Lào giải phóng Bắc Lào.

- Đầu tháng 3 - 1954, công tác chuẩn bị mọi mặt đã hoàn tất. Ngày 13 - 3 - 1954, quân ta nổ súng tấn công tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ.

c. Diễn biến của chiến dịch: Được chia làm ba đợt:

- Đợt 1, từ ngày 13 đến ngày 17 - 3 - 1954; quân ta tiến công tiêu diệt cụm cứ điểm Him Lam và toàn bộ phân khu Bắc. Kết quả, ta loại khỏi vòng chiến đấu gần 2000 địch.

- Đợt 2, từ ngày 30 - 3 đến ngày 26 - 4 - 1954: quân ta đồng loạt tiến công các cứ điểm phía đông khu Trung tâm Mường Thanh như E_1, D_1, C_1, A_1...Ta chiếm phần lớn các cứ điểm của địch tạo thêm điều kiện để bao vây, chia cắt, khống chế địch. Sau đợt này, Mĩ khẩn cấp viện trợ cho Pháp và đe dọa ném bom nguyên tử Điện Biên Phủ; ta kịp thời khắc phục khó khăn về tiếp tế, nâng cao quyết tâm giành thắng lợi.

- *Đợt 3, từ ngày 01 - 5 đến ngày 07 - 5 - 1945:* quân ta đồng loạt tiến công phân khu Trung tâm Mường Thanh và phân khu Nam, lần lượt tiêu diệt các điểm đề kháng còn lại của địch. Chiều 07 - 5, quân ta đánh vào sở chỉ huy địch. 17 giờ 30 ngày 07 - 5 - 1954, tướng Đờ Caxtơri cùng toàn bộ Ban tham mưu bị bắt. Lá cờ *"Quyết chiến quyết thắng"* của quân đội ta phất phới tung bay trên nóc hầm tướng Đờ Caxtơri. Tập đoàn cứ điểm ở Điện Biên Phủ bị tiêu diệt.

- Các chiến trường toàn quốc đã phối hợp chặt chẽ nhằm phân tán, tiêu hao, kìm chân địch, tạo điều kiện cho Điện Biên Phủ giành thắng lợi.

d. Kết quả:

- Cuộc tiến công chiến lược Đông - Xuân 1953 - 1954 và chiến dịch lịch sử Điện Biên Phủ đã toàn thắng. Quân dân ta đã loại khỏi vòng chiến đấu 128 200 địch, thu 19000 súng các loại, phá 162 máy bay, 81 đại bác, giải phóng nhiều vùng rộng lớn trong cả nước.

- Riêng mặt trận Điện Biên Phủ, ta đã loại khỏi vòng chiến đấu 16200 địch trong đó có 1 thiếu tướng, bắn rơi và phá hủy 62 máy bay các loại, thu toàn bộ vũ khí, phương tiện chiến tranh.

e. Ý nghĩa:

- Thắng lợi của cuộc tiến công chiến lược Đông - Xuân 1953 - 1954 và chiến dịch lịch sử Điện Biên Phủ đã đập tan hoàn toàn kế hoạch Nava.

- Giáng.đòn quyết định vào ý chí xâm lược của thực dân Pháp, làm xoay chuyển cục diện chiến tranh, tạo điều kiện thuận lợi cho cuộc đấu tranh ngoại giao của ta giành thắng lợi.

III HIỆP ĐỊNH GIƠNEVƠ 1954 VỀ ĐÔNG DƯƠNG

1. Hội nghị Giơnevơ

- Bước vào đông - xuân 1953 - 1954, đồng thời với cuộc tiến công quân sự, ta đẩy mạnh cuộc đấu tranh ngoại giao, mở ra khả năng giải quyết bằng con đường hoà bình cuộc chiến tranh ở Đông Dương.

- Tháng 01 - 1954, hội nghị ngoại trưởng bốn nước Liên Xô, Mĩ, Anh, Pháp họp tại Béclin đã thỏa thuận về việc triệu tập một hội nghị quốc tế ở Giơnevơ để giải quyết vấn đề Triều Tiên và lập lại hoà bình ở Đông Dương.

- Ngày 08 - 5 -1954, Hội nghị Giơnevơ bắt đầu thảo luận về vấn đề lập lại hoà bình ở Đông Dương. Phái đoàn chính phủ ta do Phó thủ tướng Phạm Văn Đồng làm Trưởng đoàn chính thức được mời họp.

- Căn cứ vào điều kiện cụ thể của cuộc kháng chiến cũng như so sánh lực lượng giữa ta với Pháp và xu thế chung của thế giới là giải quyết các vấn đề tranh chấp bằng thương lượng. Việt Nam đã ký Hiệp định Giơnevơ ngày 21 - 7 - 1954.

2. Hiệp định Giơnevơ

Hiệp định Giơnevơ 1954 về Đông Dương bao gồm các văn bản: Hiệp định đình chỉ chiến sự ở Việt Nam, Lào, Campuchia; bản tuyên bố cuối cùng của hội nghị và các phụ bản khác...

* Nội dung hiệp định Giơnevơ quy định:

- Các nước tham dự Hội nghị cam kết tôn trọng các quyền dân tộc cơ bản của ba nước Việt Nam, Lào, Campuchia; cam kết không can thiệp vào công việc nội bộ của ba nước.

- Các bên tham chiến thực hiện ngừng bắn, lập lại hoà bình trên toàn Đông Dương .

- Các bên tham chiến thực hiện cuộc tập kết chuyển quân, chuyển giao khu vực.

+ Ở Việt Nam quân đội nhân dân Việt Nam và quân đội viễn chinh Pháp tập kết ở hai miền Bắc - Nam, lấy vĩ tuyến 17 (dọc theo sông Bến Hải - Quảng Trị) làm giới tuyến quân sự tạm thời cùng với một khu phi quân sự ở hai bên giới tuyến.

+ Ở Lào, lực lượng kháng chiến tập kết ở hai tỉnh Sầm Nưa và Phongxalì.

+ Ở Campuchia, lực lượng kháng chiến phục viên tại chỗ, không có vùng tập kết.

- Hiệp định cấm việc đưa quân đội, nhân viên quân sự, vũ khí nước ngoài vào các nước Đông Dương và các nước Đông Dương không được tham gia bất kì khối liên minh quân sự nào và không để cho nước khác dùng lãnh thổ của mình vào việc gây chiến tranh hoặc phục vụ mục đích xâm lược.

- Việt Nam tiến tới thống nhất bằng cuộc tổng tuyển cử tự do trong cả nước, sẽ được tổ chức vào tháng 7 - 1956 dưới sự kiểm soát và giám sát của một Ủy ban quốc tế (trong đó Ấn Độ làm chủ tịch, cùng hai nước Ba Lan và Canađa).

- Trách nhiệm thi hành Hiệp định thuộc về những người kí hiệp định Giơnevơ và những người kế tục họ.

* Ý nghĩa của việc kí kết Hiệp định:

- Hiệp định Giơnevơ 1954 về Đông Dương là văn bản pháp lí quốc tế ghi nhận các quyền dân tộc cơ bản của nhân dân các nước Đông Dương và được các cường quốc cùng các nước tham dự Hội nghị cam kết tôn trọng.

- Nó đánh dấu thắng lợi cuộc kháng chiến chống Pháp, song chưa trọn vẹn vì mới giải phóng được miền Bắc. Cuộc đấu tranh cách mạng vẫn phải tiếp tục nhằm giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước.

- Với Hiệp định Giơnevơ, Pháp buộc phải chấm dứt chiến tranh xâm lược, rút hết quân đội về nước; đế quốc Mĩ thất bại trong âm mưu kéo dài, mở rộng, quốc tế hoá chiến tranh xâm lược Đông Dương

VI NGUYÊN NHÂN THẮNG LỢI, Ý NGHĨA LỊCH SỬ CỦA CUỘC KHÁNG CHIẾN CHỐNG PHÁP (1945-1954)

1. Nguyên nhân thắng lợi

- Nhờ lãnh đạo sáng suốt của Đảng, đứng đầu là Chủ tịch Hồ Chí Minh, với đường lối kháng chiến đúng đắn, sáng tạo. Toàn dân, toàn quân đoàn kết, dũng cảm trong chiến đấu, trong lao động sản xuất.

- Nhờ hệ thống chính quyền dân chủ nhân dân trong cả nước, có Mặt trận dân tộc thống nhất được củng cố và mở rộng, có lực lượng vũ trang sớm được xây dựng và không ngừng lớn mạnh, có hậu phương rộng lớn, vững chắc về mọi mặt.

- Nhờ tinh thần đoàn kết của nhân dân ba nước Đông Dương chống kẻ thù chung.

- Nhờ có sự đồng tình, ủng hộ và giúp đỡ của Trung Quốc, Liên Xô và của các nước dân chủ nhân dân khác, của nhân dân Pháp và loài người tiến bộ.

2. Ý nghĩa lịch sử

- Thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Pháp đã chấm dứt cuộc chiến tranh xâm lược, đồng thời chấm dứt ách thống trị của thực dân Pháp trong gần một thế kỉ trên đất nước ta; miền Bắc nước ta được giải phóng, chuyển sang giai đoạn cách mạng xã hội chủ nghĩa, tạo cơ sở để nhân dân ta giải phóng miền Nam, thống nhất Tổ quốc.

- Thắng lợi của cuộc kháng chiến đã giáng đòn nặng nề vào tham vọng xâm lược, âm mưu nô dịch của chủ nghĩa đế quốc sau chiến tranh thế giới thứ II, góp phần làm tan rã hệ thống thuộc địa của chúng, cổ vũ mạnh mẽ tinh thần giải phóng dân tộc trên thế giới, trước hết là các nước châu Á, châu Phi, Mĩ Latinh.

MỘT SỐ SỰ KIỆN LỊCH SỬ VIỆT NAM (1945 - 1954) ĐÁNG NHỚ

Thời gian	Sự kiện
1) Ngày 03 - 9 - 1945	Hội đồng Chính phủ lâm thời họp phiên đầu tiên dưới sự chủ toạ của Chủ tịch Hồ Chí Minh.
2) Ngày 23 - 9 - 1945	Thực dân Pháp đánh chiếm Sài Gòn, nhân dân Nam Bộ, Nam Trung Bộ đứng lên đánh Pháp.
3) Ngày 25 - 11 - 1945	Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương ra chỉ thị "kháng chiến – kiến quốc".
4) Ngày 06 - 01 - 1946	Tổng tuyển cử bầu Quốc hội đầu tiên sau thắng lợi cách mạng tháng Tám 1945 tổ chức trong cả nước.
5) Ngày 02 - 3 - 1946	Quốc hội khóa I họp kỳ đầu tiên thông qua danh sách Chính phủ Liên hiệp chính thức do Hồ Chí Minh làm Chủ tịch.
6) Ngày 6 - 3 - 1946	Hiệp định Sơ bộ về Việt Nam kí kết tại Hà Nội giữa đại diện hai Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hoà và Cộng hoà Pháp.
7) Ngày 29 - 5 - 1946	Hội Liên hiệp quốc dân Việt Nam (Hội Liên Việt) được thành lập.
8) Ngày 31 - 5 đến 20 - 10 - 1946	Chủ tịch Hồ Chí Minh thăm nước Pháp với tư cách thượng khách của Chính phủ Pháp.
9) Tháng 7 - 1946	Đảng Xã hội Việt Nam thành lập và tham gia Hội Liên Việt.
10) Ngày 14 -9 - 1946	Chủ tịch Hồ Chí Minh kí với đại diện chính của Pháp Tạm ước tại Pari.
11) Ngày 09 - 11 - 1946	Kỳ họp thứ 2 Quốc hội khóa I thông qua Hiến pháp đầu tiên của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà.
12) Ngày 18 và 19 - 12 - 1946	Trả lời tối hậu thư ngày 18/12 của Pháp buộc ta đầu hàng, Ban thường vụ Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương họp ở Hà Đông dưới sự chủ toạ của Chủ tịch Hồ Chí Minh, đã quyết định toàn quốc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược.
13) Ngày 19 - 12 - 1946	Chủ tịch Hồ Chí Minh ra "Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến", và cuộc kháng toàn quốc bùng nổ vào lúc 20 giờ ngày 19/12 ở Hà Nội.
14) Từ 19-12-1946 đến 17-02 -1947	Hà Nội và các đô thị phía Bắc (vĩ tuyến 16 trở ra) chiến đấu, mở đầu cuộc kháng chiến toàn quốc chống thực dân Pháp xâm lược.

Thời gian	Sự kiện
15) Từ 07 - 10 đến 19 - 12 - 1947	Chiến dịch Việt Bắc thu đông 1947.
16) Từ 16 - 9 đến 22 – 10 – 1950	Chiến dịch Biên giới thu – đông 1950.
17) Từ 11 đến 19 - 02 - 1951	Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ II của Đảng Cộng sản Đông Dương họp ở Chiêm Hóa (Tuyên Quang).
18) Ngày 03 - 3 - 1951	Thống nhất Mặt trận Việt Minh và Hội Liên Việt thành Mặt trận Liên Việt.
19) Từ 13 - 3 đến 07 – 5 – 1954	Chiến dịch lịch sử Điện Biên Phủ.
20) Từ 08 - 5 đến 21 - 7 - 1954	Hội nghị quốc tế Giơnevơ (họp 26 - 4) bàn giải pháp chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Đông Dương.
21) Ngày 21 - 7 - 1954	Hiệp định Giơnevơ về chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Đông Dương.
22) Ngày 10 - 10 - 1954	Quân đội xâm lược Pháp rút khỏi Hà Nội, cùng ngày quân đội Việt Nam tiến vào tiếp quản thủ đô.

Chương IV

VIỆT NAM TỪ NĂM 1954 ĐẾN NĂM 1975

BÀI 21

XÂY DỰNG CHỦ NGHĨA XÃ HỘI Ở MIỀN BẮC, ĐẤU TRANH CHỐNG ĐẾ QUỐC MĨ VÀ CHÍNH QUYỀN SÀI GÒN Ở MIỀN NAM

(1954 – 1975)

I TÌNH HÌNH VÀ NHIỆM VỤ CÁCH MẠNG NƯỚC TA SAU HIỆP ĐỊNH GIƠNEVƠ NĂM 1954 VỀ ĐÔNG DƯƠNG

- Hiệp định Giơnevơ 1954 về Đông Dương được kí kết, đã chấm dứt cuộc chiến tranh xâm lược Việt Nam, Lào, Campuchia của thực dân Pháp có đế quốc Mĩ giúp sức.

- Về phía ta:

+ Ngày 10 - 10 - 1954, quân ta tiến vào tiếp quản Hà Nội trong không khí tưng bừng của ngày hội giải phóng.

+ Ngày 01 - 01 - 1955, Trung ương Đảng, Chính phủ và Chủ tịch Hồ Chí Minh trở về Thủ đô.

+ Ngày 16 – 5 – 1955, miền Bắc nước ta hoàn toàn giải phóng.

- Về phía Mĩ: ngay sau khi Hiệp định Giơnevơ năm 1954 được kí kết, Mĩ thay Pháp dựng chính quyền Ngô Đình Diệm ở miền Nam, thực hiện âm mưu chia cắt Việt Nam, biến miền Nam thành thuộc địa kiểu mới và căn cứ quân sự của Mĩ.

II MIỀN BẮC HOÀN THÀNH CẢI CÁCH RUỘNG ĐẤT, KHÔI PHỤC KINH TẾ, CẢI TẠO QUAN HỆ SẢN XUẤT (1954 - 1960)

1. Hoàn thành cải cách ruộng đất, khôi phục kinh tế, hàn gắn vết thương chiến tranh (1954 - 1957)

a. Hoàn thành cải cách ruộng đất

- Thực hiện chủ trương của Trung ương, trong hai năm (1954 - 1956), miền Bắc tiến hành cải cách ruộng đất ở 3314 xã thuộc 22 tỉnh đồng bằng và trung du.

- Qua 5 đợt cải cách ruộng đất, đã tịch thu khoảng 81vạn hecta ruộng đất, 10 vạn nghìn trâu bò, 1,8 triệu nông cụ từ tay giai cấp địa chủ đem chia cho trên 2 triệu hộ nông dân lao động.

- Kết quả: Giai cấp địa chủ căn bản bị xoá bỏ. Nông dân đã làm chủ nông thôn, nguyện vọng lâu đời của nông dân là *"người cày có ruộng"* đã được thực hiện.

- Sai lầm: Đấu tố cả những người có công với cách mạng, quy nhầm một số nông dân, cán bộ, đảng viên thành địa chủ.

b. Khôi phục kinh tế, hàn gắn vết thương chiến tranh

- Công cuộc khôi phục kinh tế được toàn dân tích cực hưởng ứng và triển khai trong tất cả các ngành.

+ Trong nông nghiệp, nông dân hăng hái khai khẩn ruộng đất bỏ hoang, bảo đảm cày cấy hết ruộng đất vắng chủ, tăng thêm đàn trâu bò, sắm thêm công cụ. Hệ thống đê điều đã được tu bổ. Nhiều công trình thuỷ nông mới được xây dựng, có tác dụng mở rộng diện tích tưới và tiêu nước.

+ Trong công nghiệp, giai cấp công nhân đã nhanh chóng khôi phục ở hầu hết các cơ sở công nghiệp. Đến cuối năm 1957, miền Bắc có tất cả 97 nhà máy, xí nghiệp lớn nhỏ Nhà nước quản lí.

+ Các ngành thủ công nghiệp miền Bắc cũng được khôi phục nhanh chóng. Đến năm 1957, ngành thủ công nghiệp đã cung cấp gần 59% số hàng hoá công nghiệp trong cả nước, giải quyết phần nào việc làm cho người lao động.

+ Trong thương nghiệp, hệ thống mậu dịch quốc doanh và hợp tác xã mua bán được mở rộng, đã cung cấp ngày càng nhiều mặt hàng cho nhân dân; giao lưu hàng hoá giữa các địa phương ngày càng phát triển; hoạt động ngoại thương dần dần tập trung vào tay Nhà nước. Đến cuối năm 1957, miền Bắc đặt quan hệ buôn bán với 27 nước.

+ Giao thông vận tải được chú trọng, khôi phục gần 700 km đường sắt, sửa chữa và làm mới hàng nghìn kilômét đường ô tô, xây dựng và mở rộng thêm một số cảng như Hải Phòng, Cẩm Phả, Bến Thuỷ; đường hàng không dân dụng quốc tế được khai thông.

+ Văn hoá giáo dục được đẩy mạnh. Nền giáo dục được phát triển theo hướng xã hội chủ nghĩa. Hệ thống giáo dục phổ thông theo chương trình 10 năm đã được khẳng định, giáo dục đại học được chú ý phát triển.

+ Hệ thống y tế chăm sóc sức khoẻ cho nhân dân được Nhà nước quan tâm xây dựng. Nếp sống lành mạnh, giữ gìn vệ sinh được vận động thực hiện ở khắp mọi nơi.

- Trong giai đoạn này, chính quyền và quân đội được củng cố, tăng cường khả năng phòng thủ đất nước, mở rộng quan hệ ngoại giao.

2. Cải tạo quan hệ sản xuất, bước đầu phát triển kinh tế - văn hoá (1958 - 1960)

- Trong 3 năm tiếp theo (1958 - 1960), miền Bắc lấy cải tạo xã hội chủ nghĩa làm trọng tâm: cải tạo đối với công nhiệp, thủ công nghiệp, thương nghiệp nhỏ, công thương nghiệp tư bản tư doanh, trong đó khâu chính là hợp tác hoá nông nghiệp.

- Thực hiện chủ trương trên, khắp nơi sôi nổi phong trào thi đua xây dựng hợp tác xã. Cuộc vận động hợp tác xã nông nghiệp được tiến hành theo nguyên tắc tự nguyện, cùng có lợi và quản lí dân chủ; từng bước đưa người nông dân vào làm ăn tập thể đi từ tổ đổi công lên hợp tác xã bậc thấp, đến bậc cao, từ quy mô nhỏ đến quy mô lớn.

+ Đối với tư sản dân tộc, cải tạo bằng phương pháp hoà bình, sử dụng mặt tích cực của tư sản dân tộc, đưa họ vào làm ăn tập thể dưới hình thức công tư hợp doanh.

+ Đối với lực lượng tiểu thương, tiểu chủ, thợ thủ công, đưa vào con đường làm ăn tập thể trong các hợp tác xã thủ công nghiệp, hợp tác xã mua bán.

- Kết quả cải tạo là đã xoá bỏ cơ bản chế độ người bóc lột người, có tác dụng thúc đẩy sản xuất phát triển, nhất là trong điều kiện chiến tranh, hợp tác xã đã bảo đảm đời sống vật chất, tinh thần cho những người ra đi chiến đấu, phục vụ chiến đấu.

- Đồng thời với nhiệm vụ cải tạo xã hội chủ nghĩa, công nghiệp quốc doanh được ưu tiên đầu tư xây dựng. Đến năm 1960, miền Bắc có 172 xí nghiệp lớn do trung ương quản lí, trên 500 xí nghiệp do địa phương quản lí.

III MIỀN NAM ĐẤU TRANH CHỐNG CHẾ ĐỘ MĨ - DIỆM, GIỮ GÌN VÀ PHÁT TRIỂN LỰC LƯỢNG CÁCH MẠNG TIẾN TỚI "ĐỒNG KHỞI" (1954 - 1960)

1. Đấu tranh chống chế độ Mĩ - Diệm, giữ gìn và phát triển lực lượng cách mạng (1954 - 1959).

- Sau năm 1954, cách mạng miền Nam chuyển từ đấu tranh vũ trang sang đấu tranh chính trị chống Mĩ - Diệm, đòi thi hành Hiệp định Giơnevơ, bảo vệ hoà bình, giữ gìn và phát triển lực lượng cách mạng.

- Mở đầu là *"Phong trào hoà bình"* của trí thức và của tầng lớp nhân dân Sài Gòn - Chợ Lớn tháng 8-1954.

- Mĩ - Diệm tiến hành khủng bố, đàn áp, lùng bắt các nhà lãnh đạo phong traò. Nhưng phong trào đấu tranh vì mục tiêu hoà bình của các tầng lớp nhân dân tiếp tục dâng cao, lan rộng, lôi cuốn hàng triệu người tham gia, gồm tất cả các tầng lớp nhân dân, các đảng phái, các dân tộc ít người...hình thành nên mặt trận chống Mĩ -Diệm.

2. Phong trào "Đồng khởi" (1959 - 1960)

* Nguyên nhân bùng nổ:

- Trong những năm 1957 - 1959, cách mạng miền Nam gặp muôn vàn khó khăn. Ngô Đình Diệm ban hành đạo luật đặt cộng sản ngoài vòng pháp luật, đề ra Luật 10/59 (tháng 5 - 1959) cho phép tay sai Diệm thẳng tay giết hại bất cứ người yêu nước nào hoặc bất cứ ai có biểu hiện chống lại chúng, làm cho hàng vạn cán bộ, đảng viên bị giết hại, hàng chục vạn đồng bào yêu nước bị tù đày. Cuộc đấu tranh của nhân dân ta ở miền Nam đòi hỏi có một biện pháp quyết liệt để đưa cách mạng vượt qua khó khăn thử thách.

- Tháng 01 - 1959, Hội nghị lần thứ 15 Ban Chấp hành Trung ương quyết định để nhân dân miền Nam sử dụng bạo lực cách mạng đánh đổ chính quyền Mĩ - Diệm, và nhấn mạnh: ngoài con đường bạo lực cách mạng, nhân dân miền Nam không có con đường nào khác.

- Được Nghị quyết 15 của Trung ương soi sáng, phong trào nổi dậy từ chỗ lẻ tẻ ở từng địa phương lan rộng khắp miền Nam thành cao trào cách mạng, tiêu biểu với cuộc "Đồng khởi" ở Bến Tre.

* Diễn biến:

- Cuộc nổi dậy ở Vĩnh Thạnh (Bình Định), Bắc Ái (Ninh Thuận) tháng 02 – 1959, ở Trà Bồng (Quảng Ngãi) tháng 8 - 1959, rồi lan ra khắp miền Nam thành cao trào cách mạng, tiêu biểu với cuộc "Đồng khởi" ở Bến Tre.

- Ngày 17 - 01 - 1960, cuộc "Đồng khởi" nổ ra ở ba xã điểm là Định Thuỷ, Bình Khánh và Phước Hiệp thuộc huyện Mỏ Cày rồi nhanh chóng lan ra toàn huyện Mỏ Cày.

- Hoà nhịp với cuộc "Đồng khởi" ở Bến Tre, đến giữa năm 1960 trở đi, phong trào "Đồng khởi" lan ra các tỉnh Nam Bộ, Tây Nguyên và Trung Trung Bộ.

* Kết quả:

- Ta đã làm chủ được 600 xã ở Nam Bộ, 900 thôn ở Trung Trung Bộ, 3200 thôn ở Tây Nguyên.

* Ý nghĩa:

- Giáng một đòn nặng nề vào chính sách thực dân mới của Mĩ, làm lung lay tận gốc chính quyền tay sai Ngô Đình Diệm, đánh dấu bước ngoặt của cách mạng miền Nam, chuyển cách mạng từ thế giữ gìn lực lượng sang thế tiến công.

- Thắng lợi của phong trào "Đồng khởi" dẫn đến sự ra đời của Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam ngày 20 - 12 - 1960.

- Chấm dứt thời kì ổn định tạm thời chế độ thực dân mới của Mĩ ở miền Nam, mở ra thời kì khủng hoảng của chế độ Sài Gòn.

IV MIỀN BẮC XÂY DỰNG BƯỚC ĐẦU CƠ SỞ VẬT CHẤT – KĨ THUẬT CỦA CHỦ NGHĨA XÃ HỘI (1961 – 1965)

1. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ III của Đảng (tháng 9 - 1960)

* Hoàn cảnh:

- Giữa lúc cách mạng ở hai miền Nam - Bắc có những bước tiến quan trọng, Đảng Lao động Việt Nam tổ chức Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ III.

- Đại hội họp từ ngày 05 đến 10 - 9 - 1960 ở Hà Nội.

* Nội dung Đại hội:

- Đại hội đề ra nhiệm vụ chiến lược của cách mạng cả nước và nhiệm vụ của cách mạng từng miền; chỉ rõ vị trí, vai trò của cách mạng từng miền, mối quan hệ giữa cách mạng hai miền.

- Đại hội thông qua Báo cáo chính trị, Báo cáo sửa chữa đổi Điều lệ Đảng và thông qua kế hoạch Nhà nước 5 năm thứ nhất (1961 - 1965) nhằm xây dựng bước đầu cơ sở vật chất - kĩ thuật của chủ nghĩa xã hội, thực hiện một bước công nghiệp hoá xã hội chủ nghĩa.

- Đại hội bầu Ban Chấp hành Trung ương mới của Đảng. Hồ Chí Minh được bầu làm Chủ tịch Đảng, Lê Duẩn giữ chức Bí thư thứ nhất của Đảng.

2. Miền Bắc thực hiện kế hoạch Nhà nước 5 năm (1961 - 1965)

- Nhiệm vụ cơ bản của kế hoạch 5 năm là ra sức phát triển công nghiệp và nông nghiệp, tiếp tục công cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa, củng cố và tăng cường thành phần kinh tế quốc doanh, cải thiện một bước đời sống vật chất và văn hoá của nhân dân lao động, củng cố quốc phòng, tăng cường trật tự và an ninh xã hội.
- Trong kinh tế, ngành công nghiệp được ưu tiên đầu tư xây dựng.
- Trong nông nghiệp, sau khi đưa đại bộ phận nông dân vào các hợp tác xã nông nghiệp, từ năm 1961, các địa phương thực hiện chủ trương xây dựng hợp tác xã sản xuất nông nghiệp bậc cao.
- Thương nghiệp quốc doanh được Nhà nước ưu tiên phát triển nên đã chiếm lĩnh thị trường, góp phần phát triển kinh tế. Củng cố quan hệ sản xuất mới, ổn định và cải thiện đời sống nhân dân.
- Hệ thống giao thông đường bộ, đường sắt, đường liên tỉnh, liên huyện, đường sông, đường hàng không được củng cố. Việc đi lại trong nước và giao thông quốc tế thuận lợi hơn.
- Hệ thống giáo dục từ phổ thông đến đại học phát triển mạnh.
- Hệ thống y tế, chăm lo sức khoẻ được đầu tư phát triển. Những loại dịch bệnh ở miền Bắc cơ bản được xoá bỏ.

Những thành tựu đạt được trong việc thực hiện kế hoạch 5 năm đã làm thay đổi bộ mặt miền Bắc.

V MIỀN NAM CHIẾN ĐẤU CHỐNG CHIẾN LƯỢC "CHIẾN TRANH ĐẶC BIỆT" CỦA ĐẾ QUỐC MĨ (1961 - 1965)

1. Chiến lược "Chiến tranh đặc biệt" của đế quốc Mĩ ở miền Nam

* Chiến tranh đặc biệt:

- Từ năm 1961 đến năm 1965, Mĩ thực hiện chiến lược "Chiến tranh đặc biệt" ở miền Nam.
- "Chiến tranh đặc biệt" là hình thức chiến tranh xâm lược thực dân mới, được tiến hành bằng quân đội tay sai, dưới sự chỉ huy của hệ thống "cố vấn" Mĩ, dựa vào vũ khí, trang bị kĩ thuật, phương tiện chiến tranh của Mĩ nhằm chống lại các lực lượng cách mạng và nhân dân ta.

* Âm mưu của Mĩ:

- Âm mưu cơ bản của "Chiến tranh đặc biệt" là "dùng người Việt đánh người Việt".
- Mĩ đề ra" kế hoạch Xtalây - Taylo" với nội dung chủ yếu là bình định miền Nam trong vòng 18 tháng.

- Thực hiện kế hoạch, Mĩ tăng cường viện trợ quân sự cho Diệm, tăng nhanh lực lượng quân đội Sài Gòn, tiến hành dồn dân lập "ấp chiến lược", sử dụng phổ biến các chiến thuật mới *"trực thăng vận", "thiết xa vận"*.

- Viện trợ quân sự của Mĩ tăng gấp đôi. Bộ chỉ huy quân sự Mĩ (MACV) được thành lập tại Sài Gòn ngày 08 - 02 - 1962.

+ "Ấp chiến lược" được xem như "Xương sống" của "Chiến tranh đặc biệt" và nâng lên thành "quốc sách". Chúng coi việc lập: Ấp chiến lược" như một cuộc chiến tranh tổng lực nhằm đẩy lực lượng cách mạng ra khỏi các ấp, tách dân ra khỏi cách mạng, tiến tới nắm dân, thực hiện chương trình "bình định" miền Nam.

- Được sự hỗ trợ của Mĩ, quân đội Sài Gòn liên tiếp mở các cuộc hành quân càn quét nhằm tiêu diệt lực lượng cách mạng, tiến hành những hoạt động phá hoại miền Bắc, phong toả biên giới, vùng biển nhằm ngăn chặn sự chi viện của miền Bắc vào miền Nam.

2. Miền Nam chiến đấu chống chiến lược "Chiến tranh đặc biệt" của Mĩ

- Đáp ứng yêu cầu của cách mạng miền Nam, Trung ương Cục miền Nam Việt Nam thành lập (01 - 1961), các lực lượng vũ trang cách mạng thống nhất thành *Quân giải phóng miền Nam* (05 – 02 – 1961).

- Dưới ngọn cờ đoàn kết cứu nước của Mặt trận dân tộc giải phóng do Đảng lãnh đạo, quân giải phóng miền Nam cùng với nhân dân đẩy mạnh đấu tranh chống Mĩ và chính quyền Sài Gòn, kết hợp đấu tranh chính trị với đấu tranh vũ trang, nổi dậy với tiến công trên cả ba vùng chiến lược (rừng núi, nông thôn, đồng bằng, đô thị), tiến công địch bằng cả ba mũi chính trị, quân sự, binh vận. Cách mạng miền Nam lần lượt giành thắng lợi trên các mặt trận:

- Mặt trận chống chính sách bình định: Cuộc đấu tranh chống và phá "Ấp chiến lược" diễn ra gay go, quyết liệt giữa ta và địch, có hàng chục triệu lượt người tham gia phá "Ấp chiến lược" đi đôi với xây dựng làng chiến đấu. Với quyết tâm "một tấc không đi, một li không rời", nhân dân miền Nam kiên quyết bám đất, giữ làng, phá thế kìm kẹp của địch.

- Sau khi lên làm Tổng thống, Giônxơn đề ra kế hoạch Giônxơn - Mác Namara thay thế kế hoạch Xtalây - Taylo nhằm tăng cường viện trợ quân sự, ổn định chính quyền Sài Gòn, bình định miền Nam có trọng điểm trong 2 năm (1964 - 1965). Hệ thống "ấp chiến lược" tiếp tục bị phá vỡ từng mảng lớn. Vùng giải phóng ngày càng mở rộng.

- Mặt trận quân sự:

+ Trong những năm 1961 - 1962, quân giải phóng đã đẩy lùi nhiều cuộc chiến công, đồng thời với tiến công tiêu diệt nhiều đồn bốt lẻ của địch.

+ Chiến thắng Ấp Bắc (Mĩ Tho) ngày 02 – 01 – 1963 đã đánh bại cuộc hành quân càn quét của hơn 2000 binh lính quân đội Sài Gòn có cố vấn Mĩ chỉ huy, được pháo binh, máy bay, xe tăng, xe bọc thép yểm trợ. Sau trận Ấp Bắc, phong trào "*thi đua Ấp Bắc giết giặc lập công*" dấy lên khắp miền Nam.

+ Sau chiến thắng Ấp Bắc, Quân giải phóng nhanh chóng trưởng thành và tiến lên đánh những trận có quy mô lớn.

+ Trong đông – xuân 1964 – 1965, quân ta mở chiến dịch tiến công địch ở miền Đông Nam Bộ với trận đánh mở màn vào ấp Bình Giã ngày 02 – 12 – 1964. Trong trận này, ta đã loại khỏi vòng chiến trên 1700 tên địch, phá huỷ hàng chục máy bay và xe bọc thép, đánh thắng chiến thuật "trực thăng vận", "thiết xa vận" của địch; chiến lược "Chiến tranh đặc biệt" bị phá sản về cơ bản.

+ Thừa thắng sau chiến thắng Bình Giã, quân giải phóng và nhân dân miền Nam đẩy mạnh tiến công Xuân - Hè 1965 và giành nhiều thắng lợi trong các chiến dịch An Lão (Bình Định), Ba Gia (Quảng Ngãi), Đồng Xoài (Bình Phước).

- Phong trào đấu tranh chính trị: ở đô thị cùng với phong trào phá "ấp chiến lược" ở nông thôn và những đòn tiến công liên tiếp của các lực lượng vũ trang cách mạng đã đẩy nhanh quá trình suy sụp của chính quyền Ngô Đình Diệm.

BÀI 22

NHÂN DÂN HAI MIỀN TRỰC TIẾP CHIẾN ĐẤU CHỐNG ĐẾ QUỐC MĨ XÂM LƯỢC, NHÂN DÂN MIỀN BẮC VỪA CHIẾN ĐẤU VỪA SẢN XUẤT (1965-1968)

I CHIẾN ĐẤU CHỐNG CHIẾN LƯỢC "CHIẾN TRANH CỤC BỘ" CỦA ĐẾ QUỐC MĨ Ở MIỀN NAM (1965 - 1968)

1. Chiến lược "Chiến tranh cục bộ" của đế quốc Mĩ ở miền Nam

- Sau thất bại chiến lược "Chiến tranh đặc biệt", Mĩ đẩy mạnh chiến tranh xâm lược miền Nam, chuyển sang chiến lược "*Chiến tranh cục bộ*" và mở rộng chiến tranh phá hoại miền Bắc.

- "Chiến tranh cục bộ" là loại hình chiến tranh xâm lược thực dân mới, được tiến hành bằng lực lượng quân đội Mĩ, quân đồng minh của Mĩ và quân đội Sài Gòn nhằm chống lại cách mạng và nhân dân miền Nam.

- Để thực hiện "Chiến tranh cục bộ", vừa mới vào miền Nam, Mĩ đã cho quân mở ngay cuộc hành quân "tìm diệt" vào căn cứ của Quân giải phóng ở Vạn Tường (Quảng Ngãi). Tiếp đó, Mĩ mở liền hai cuộc phản công chiến lược mùa khô (đông - xuân) 1965 - 1966 và 1966 - 1967 bằng hàng loạt cuộc hành quân "tìm diệt" và "bình định" vào vùng: "đất thánh Việt Cộng" .

2. Chiến đấu chống chiến lược "Chiến tranh cục bộ" của Mĩ

- Mở đầu là thắng lợi ở Núi Thành (Quảng Nam), Vạn Tường (Quảng Ngãi).

- Ở Vạn Tường (Quảng Ngãi) vào ngày 18 - 8 - 1965, Mĩ huy động 9000 quân và nhiều xe tăng, máy bay, tàu chiến, mở cuộc hành quân vào thôn Vạn Tường nhằm tiêu diệt một đơn vị chủ lực của ta.

- Sau một ngày chiến đấu, một trung đoàn chủ lực của ta cùng với quân du kích và nhân dân địa phương đã đẩy lùi được cuộc hành quân của địch, loại khỏi vòng chiến đấu 900 địch, bắn cháy hàng chục xe tăng, xe bọc thép và hạ 13 máy bay.

- Vạn Tường được coi là "Ấp Bắc" đối với quân Mĩ và quân đồng minh, mở đầu cao trào *"Tìm Mĩ mà đánh lùng nguỵ mà diệt"* trên khắp miền Nam.

- Sau trận Vạn Tường khả năng chiến thắng Mĩ trong "Chiến tranh cục bộ" của quân dân ta còn tiếp tục được thể hiện trong hai mùa khô.

- Bước vào khô thứ nhất (đông - xuân 1965 - 1966) với 72 vạn quân, địch mở đợt phản công với 450 cuộc hành quân, trong đó có 5 cuộc hành quân "tìm diệt" lớn, nhằm vào hai hướng chiến lược chính ở Đông Nam Bộ và Liên Khu V, với mục tiêu đánh bại Quân giải phóng.

Quân dân ta trong thế trận chiến tranh nhân dân, với nhiều phương thức tác chiến, đã chặn đánh địch trên mọi hướng, chủ động tiến công địch trên khắp mọi nơi. Quân ta đã loại khỏi vòng chiến đấu 104 000 địch, bắn rơi 1 430 máy bay.

- Bước vào mùa khô thứ hai (đông - xuân 1966 - 1967), với lực lượng được tăng lên hơn 98 vạn quân, chúng mở đợt phản công với 895 cuộc hành quân, trong đó có 3 cuộc hành quân lớn *"tìm diệt"* và *"bình định"*, lớn nhất là cuộc hành quân Gianxơn Xiti đánh vào căn cứ Dương Minh Châu (Bắc Tây Ninh), nhằm tiêu diệt quân chủ lực và cơ quan đầu não của ta.

- Cùng với những cuộc chủ động tiến công địch trên chiến trường Trị - Thiên, Đường số 9 ... quân ta mở hàng loạt trận phản công đánh bại các cuộc hành quân "tìm diệt" và "bình định" của địch. Loại khỏi vòng chiến đấu 151 000 tên địch, bắn rơi 1 231 máy bay.

- Ở hầu khắp các vùng nông thôn, quần chúng được sự hỗ trợ của lực lượng vũ trang đã đứng lên đấu tranh chống ách kìm kẹp của địch, phá từng mảng "*Ấp chiến lược*". Trong hầu khắp các thành thị, giai cấp công nhân, các tầng lớp nhân dân lao động khác, học sinh, sinh viên, Phật tử, binh sĩ Sài Gòn... đấu tranh đòi Mĩ rút về nước, đòi tự do dân chủ. Vùng giải phóng được mở rộng, uy tín của Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam được nâng cao trên trường quốc tế.

- Đến cuối năm 1967, Mặt trận giải phóng có cơ quan thường trực ở hầu hết các nước xã hội chủ nghĩa và ở một số nước thế giới thứ ba. Cương lĩnh của Mặt trận được 41 nước, 12 tổ chức quốc tế, 5 tổ chức khu vực lên tiếng ủng hộ.

3. Cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Tết Mậu Thân năm 1968

* Hoàn cảnh:

- Bước vào mùa xuân 1968, xuất phát từ nhận định so sánh lực lượng thay đổi có lợi cho ta sau hai mùa khô.

- Năm 1968 ta lợi dụng mâu thuẫn ở Mĩ trong năm bầu cử tổng thống (1968), ta chủ trương mở một cuộc Tổng tiến công và nổi dậy trên toàn miền Nam. trọng tâm là đô thị.

* Mục đích: Nhằm tiêu diệt một bộ phận lực lượng quân Mĩ, quân đồng minh, đánh đòn mạnh vào chính quyền và quân đội Sài Gòn giành chính quyền về tay nhân dân, buộc Mĩ phải đàm phán, rút quân về nước.

* Diễn biến:

- Cuộc Tổng tiến công và nổi dậy được mở đầu bằng cuộc tập kích chiến lược của quân chủ lực vào hầu khắp các đô thị trong đêm 30 rạng sáng ngày 31 - 1 – 1968.

- Cuộc Tổng tiến công và nổi dậy diễn ra ba đợt: 30 - 01 đến 25 - 02; tháng 5 và 6; tháng 8 và 9 - 1968.

- Tại Sài Gòn, quân giải phóng tiến công vào các vị trí đầu não của địch, như Toà đại sứ Mĩ, Dinh "Độc lập", Bộ Tổng tham mưu quân Sài Gòn, Bộ Tư lệnh biệt khu Thủ đô, Tổng nha cảnh sát, Đài phát thanh, sân bay Tân Sơn Nhất.

* Kết quả: Từ trong cuộc Tổng tiến công và nổi dậy, có thêm nhiều lực lượng mới chống Mĩ, chống chính quyền Sài Gòn xuất hiện, mặt trận đoàn kết dân tộc, chống Mĩ cứu nước được mở rộng. Tổ chức *Liên minh các lực lượng dân tộc, dân chủ hoà bình ở* Sài Gòn, Huế và toàn miền Nam, đại diện cho tầng lớp trí thức, tư sản dân tộc tiến bộ ở thành thị được thành lập.

- Cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Tết Mậu Thân đã đánh đòn bất ngờ, làm cho địch choáng váng. Nhưng do lực lượng địch còn đông (hơn nửa triệu lính Mĩ và đồng minh, gần 1 triệu quân đội Sài Gòn) cơ sở ở thành thị mạnh, nên chúng đã nhanh chóng tổ chức lại lực lượng phản công quân ta gặp không ít khó khăn và tổn thất. Quân cách mạng vào chiếm giữ thành phố trong đợt 1 bị đẩy ra ngoài.

* Ý nghĩa: Mặc dù có những tổn thất và hạn chế đó, cuộc Tổng tiến công và nổi dậy có ý nghĩa hết sức to lớn:

- Làm lung lay ý chí xâm lược của quân Mĩ, buộc Mĩ phải tuyên bố "phi Mĩ hoá" chiến tranh xâm lược (tức thừa nhận thất bại của "Chiến tranh cục bộ").

- Mĩ phải tuyên bố chấm dứt không điều kiện chiến tranh phá hoại miền Bắc, chịu đến bàn đàm phán ở Pa ri để bàn về chấm dứt chiến tranh.

- Cuộc Tổng tiến công và nổi dậy đã mở ra bước ngoặt của cuộc kháng chiến chống Mĩ cứu nước của quân dân ta.

II MIỀN BẮC VỪA CHIẾN ĐẤU CHỐNG CHIẾN TRANH PHÁ HOẠI LẦN THỨ NHẤT CỦA MĨ VỪA SẢN XUẤT VÀ LÀM NGHĨA VỤ HẬU PHƯƠNG (1965 - 1968)

1. Mĩ tiến hành chiến tranh không quân và hải quân phá hoại miền Bắc

- Cuối năm 1964 đầu năm 1965, đồng thời với đẩy mạnh chiến tranh xâm lược miền Nam, Mĩ mở rộng chiến tranh không quân và hải quân phá hoại miền Bắc.

- Ngày 05 - 8 - 1964 sau khi dựng lên *"sự kiện Vịnh Bắc Bộ"*, Mĩ cho máy bay ném bom bắn phá một số nơi ở miền Bắc, như cửa sông Gianh (Quảng Bình), Vinh - Bến Thuỷ (Nghệ An), Lạch Trường (Thanh Hoá), thị xã Hòn Gai (Quảng Ninh).

- Ngày 07 - 02 - 1965, lấy cớ "trả đũa" việc Quân giải phóng miền Nam tiến công doanh trại quân Mĩ ở Plâycu, Mĩ cho máy bay ném bom bắn phá thị xã Đồng Hới, đảo Cồn Cỏ (Quảng Trị)..., chính thức gây ra cuộc chiến tranh bằng không quân và hải quân phá hoại miền Bắc (lần thứ nhất).

- Tiến hành chiến tranh phá hoại, Mĩ âm mưu phá tiềm lực kinh tế, quốc phòng, phá công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc; ngăn chặn nguồn chi viện từ bên ngoài vào miền Bắc và từ miền Bắc vào miền Nam; uy hiếp tinh thần, làm lung lay ý chí chống Mĩ của nhân dân ta ở hai miền đất nước.

2. Miền Bắc vừa sản xuất vừa chiến đấu chống chiến tranh phá hoại, vừa sản xuất và làm nghĩa vụ hậu phương

- Miền Bắc chuyển mọi hoạt động sang thời chiến, thực hiện quân sự hoá toàn dân.

- Miền Bắc vừa sẵn sàng chống lại hành động đánh phá của Mĩ vừa lao động sản xuất.

- Trong chiến đấu, miền Bắc đã bắn rơi và phá huỷ 3 243 máy bay Mĩ; bắn cháy và chìm 143 tàu chiến Mĩ. Ngày 01 - 11 - 1968, Mĩ tuyên bố ngừng hẳn chiến tranh phá hoại miền Bắc.

- Trong sản xuất, miền Bắc lập được những thành tích quan trọng:

+ Trong nông nghiệp, diện tích canh tác mở rộng, năng suất lao động không ngừng tăng lên.

+ Trong công nghiệp, năng lực sản xuất ở một số ngành được giữ vững, các cơ sở công nghiệp lớn kịp thời sơ tán. Công nghiệp địa phương và công nghiệp quốc phòng đều phát triển.

+ Giao thông vận tải, đảm bảo thường xuyên thông suốt, phục vụ kịp thời việc vận chuyển chi viện cho chiến trường miền Nam.

- Là hậu phương lớn của kháng chiến chống Mĩ cứu nước, miền Bắc luôn hướng về miền Nam. Vì miền Nam ruột thịt, miền Bắc phấn đấu "*Mỗi người làm việc bằng hai*". Vì tiền tuyến kêu gọi, hậu phương sẵn sàng đáp lại "*Thóc không thiếu một cân, quân không thiếu một người*".

- Tuyến đường vận chuyển chiến lược Bắc - Nam mang tên Hồ Chí Minh trên bộ (dọc dãy núi Trường Sơn) và trên biển (dọc theo bờ biển) bắt đầu khai thông từ tháng 5 - 1959, dài hàng nghìn cây số, đã nối liền hậu phương với tiền tuyến.

- Qua hai tuyến đường vận chuyển chiến lược đó, trong 4 năm (1965 - 1968) miền Bắc đã đưa hơn 300.000 cán bộ, bộ đội vào miền Nam tham gia chiến đấu, phục vụ chiến đấu, xây dựng kinh tế, văn hoá tại các vùng giải phóng, và cũng đã gửi vào Nam hàng chục vạn tấn vũ khí, đạn dược, quân trang, quân dụng, xăng dầu, lương thực, thực phẩm, thuốc men và nhiều vật dụng khác. Tính chung sức người, sức của từ miền Bắc chuyển vào Nam trong 4 năm đã tăng gấp 10 lần so với giai đoạn trước.

III CHIẾN ĐẤU CHỐNG CHIẾN LƯỢC "VIỆT NAM HOÁ CHIẾN TRANH" VÀ "ĐÔNG DƯƠNG HOÁ CHIẾN TRANH" CỦA ĐẾ QUỐC MĨ (1969 - 1973)

1. Chiến lược "Việt Nam hoá chiến tranh" và "Đông Dương hoá chiến tranh" của Mĩ.

- Thất bại trong chiến lược "Chiến tranh cục bộ", Mĩ chuyển sang chiến lược "Việt Nam hoá chiến tranh" và "Đông Dương hoá chiến tranh".

- Chiến lược "Việt Nam hoá chiến tranh" được tiến hành bằng lực lượng quân đội Sài Gòn là chủ yếu, có sự phối hợp về hoả lực, không quân Mĩ, và vẫn do Mĩ chỉ huy bằng hệ thống cố vấn.

- Để thực hiện chiến lược "Việt Nam hoá chiến tranh" Mĩ đã:

+ Rút dần quân Mĩ và quân đồng minh khỏi chiến tranh để giảm xương máu.

+ Tăng cường lực lượng quân đội Sài Gòn nhằm thực hiện âm mưu "dùng người Việt đánh người Việt".

- Mĩ dùng lực lượng quân đội Sài Gòn để thực hiện "Đông Dương hoá chiến tranh".

- Mĩ còn dùng thủ đoạn ngoại giao như: lợi dụng mâu thuẫn Trung – Xô, thoả hiệp với Trung Quốc, hoà hoãn với Liên Xô nhằm hạn chế sự giúp đỡ của các nước đó đối với cuộc kháng chiến của nhân dân ta.

2. Chiến đấu chống chiến lược "Việt Nam hoá chiến tranh" và "Đông Dương hoá chiến tranh" của Mĩ.

- Chiến đấu chống chiến lược "Việt Nam hoá chiến tranh" là chống lại cuộc chiến tranh xâm lược toàn diện được tăng cường và mở rộng ra toàn Đông Dương, vừa chiến đấu chống chiến dịch trên chiến trường, vừa đấu tranh với địch trên bàn đàm phán.

- Ngày 06 - 6 – 1969, Chính phủ cách mạng lâm thời Cộng hoà miền Nam Việt Nam được thành lập. Vừa ra đời, Chính phủ cách mạng lâm thời đã được 23 nước công nhận, trong đó có 21 nước đặt quan hệ ngoại giao.

- Giữa lúc cuộc chiến chống Mĩ cứu nước của nhân dân ta ở cả hai miền đang trên đà thắng lợi, thì Chủ tịch Hồ Chí Minh qua đời ngày 02 - 9 - 1969. Đó là một tổn thất lớn, không gì có thể bù đắp đối với dân tộc ta, đối với cách mạng nước ta.

- Thực hiện di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh, nhân dân ở hai miền đẩy mạnh kháng chiến chống Mĩ cứu nước.

- Trong hai năm 1970 - 1971, nhân dân ta cùng với nhân dân hai nước Campuchia và Lào giành những thắng lợi có ý nghĩa chiến lược trên mặt trận quân sự và chính trị.

+ Trong hai ngày 24 và ngày 25 - 4 - 1970, Hội nghị cấp cao ba nước Việt Nam - Lào -Campuchia họp nhằm biểu thị quyết tâm của nhân dân ba nước Đông Dương đoàn kết chiến đấu chống Mĩ.

+ Từ ngày 30 - 4 đến ngày 30 - 6 - 1970, quân đội Việt Nam có sự phối hợp của quân dân Campuchia đã đập tan cuộc hành qúân xâm lược Campuchia và quân đội Sài Gòn, loại khỏi vòng chiến đấu 17.000 địch, giải phóng nhiều vùng rộng lớn đất đai với 4,5 triệu dân.

+ Từ ngày 12 - 02 đến ngày 23 - 3 - 1971, quân đội Việt Nam có sự phối hợp của quân dân Lào đã tập tan cuộc hành quân mang tên "Lam Sơn – 719" của 4,5 vạn quân Mĩ và quân đội Sài Gòn, loại khỏi vòng chiến đấu 22.0000 tên địch, buộc quân Mĩ và quân đội Sài Gòn rút khỏi đường 9 - Nam Lào, giữ hành lang chiến lược cách mạng Đông Dương.

- Thắng lợi trên mặt trận quân sự đã hỗ trợ và thúc đẩy phong trào đấu tranh chính trị, chống "bình định".

+ Ở khắp các thành thị, phong trào của các tầng lớp nhân dân nổ ra liên tục. Đặc biệt ở Sài Gòn, Huế, Đà Nẵng, phong trào học sinh, sinh viên nổ ra rầm rộ đã thu hút đông đảo giới trẻ tham gia.

+ Tại các vùng nông thôn, đồng bằng, rừng núi, ven đô thị, khắp nơi có phong trào của quần chúng nổi dậy chống "bình định", phá ""ấp chiến lược" của địch. Đến đầu năm 1971, cách mạng giành quyền làm chủ thêm 3600 ấp với 3 triệu dân.

3. Cuộc tiến công chiến lược năm 1972

- Ngày 30 - 3 – 1972, ta mở cuộc Tiến công đánh vào Quảng Trị, lấy Quảng Trị làm hướng tiến công chủ yếu, rồi phát triển rộng ra khắp chiến trường miền Nam.

- Đến cuối tháng 6 - 1972, quân ta chọc thủng ba phòng tuyến mạnh nhất của địch là Quảng Trị, Tây Nguyên, Đông Nam Bộ, loại khỏi vòng chiến đấu hơn 20 vạn địch, giải phóng nhiều vùng đất đai rộng lớn và đông dân.

- Sau đòn mở đầu bất ngờ của quân ta, quân đội Sài Gòn có sự yểm trợ của Mĩ đã phản công lại, gây cho ta nhiều thiệt hại, Mĩ trở lại chiến tranh phá hoại miền Bắc.

Cuộc tiến công chiến lược năm 1972 đã giáng đòn nặng nề vào chiến lược "Việt Nam hoá chiến tranh", buộc Mĩ phải tuyên bố "Mĩ hoá" trở lại chiến tranh xâm lược (tức thừa nhận thất bại của "Việt Nam hoá chiến tranh").

IV MIỀN BẮC KHÔI PHỤC VÀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ -XÃ HỘI, CHIẾN ĐẤU CHỐNG CHIẾN TRANH PHÁ HOẠI LẦN THỨ HAI CỦA MĨ (1969 - 1973)

1. Miền Bắc khôi phục và phát triển kinh tế - xã hội

- Trong *nông nghiệp*, ta có một số chủ trương khuyến khích sản xuất. Chăn nuôi được đưa lên thành ngành chính. Các hợp tác xã tích cực áp dụng tiến bộ khoa học - kĩ thuật, nhiều biện pháp thâm canh tăng vụ. Nhờ đó, nhiều hợp tác xã đạt được mục tiêu 5 tấn, một số hợp tác xã đạt từ 6 đến 7 tấn. Sản lượng lương thực năm 1970 tăng hơn 60 vạn tấn so với năm 1968.

- Trong *công nghiệp*, nhiều cơ sở công nghiệp trung ương và địa phương bị tàn phá được khôi phục nhanh chóng. Nhiều công trình đang làm dang dở được ưu tiên đầu tư xây dựng tiếp, đưa vào hoạt động.

- Hệ thống giao thông vận tải, nhất là các tuyến giao thông chiến lược, bị phá hoại nặng nề được khẩn trương khôi phục.

- Văn hoá, giáo dục, y tế, cũng nhanh chóng được khôi phục và phát triển. Đời sống nhân dân ổn định. Một số khó khăn do sai lầm khuyết điểm của ta trong chỉ đạo, quản lí kinh tế - xã hội bước đầu được khắc phục.

2. Miền Bắc vừa chiến đấu chống chiến tranh phá hoại vừa sản xuất và làm nghĩa vụ hậu phương

- Ngày 06 - 4 - 1972, Mĩ cho máy bay ném bom bắn phá một số nơi thuộc khu IV cũ. Ngày 16 - 4 - 1972, Nichxơn tuyên bố chính thức gây ra cuộc chiến tranh không quân và hải quân phá hoại miền Bắc (lần thứ hai); đến ngày 09 - 5 - 1972, tuyên bố phong toả cảng Hải Phòng cùng các cửa sông, luồng lạch, vùng biển miền Bắc.

- Nhờ được chuẩn bị trước và với tư thế luôn luôn sẵn sàng chiến đấu, miền Bắc đã có thể chủ động, kịp thời chống trả địch ngay từ trận đầu.

- Ngày 14 - 12 - 1972, gần 2 tháng sau khi tuyên bố ngừng ném bom bắn phá miền Bắc từ vĩ tuyến 20 trở ra, để hỗ trợ cho mưu đồ chính trị - ngoại giao mới, Nichxơn phê chuẩn kế hoạch mở cuộc tập kích không quân bằng máy bay B52 vào Hà Nội và Hải Phòng bắt đầu từ chiều tối 18 đến hết ngày 29 - 12 - 1972.

- Quân dân ta ở miền Bắc đã đánh trả địch những đòn đích đáng từ trận đầu và đã đánh bại hoàn toàn cuộc tập kích không quân của Mĩ, làm nên trận "*Điện Biên Phủ trên không*" . Ta đã bắn rơi 81 máy bay (trong đó 34 máy bay B52, 5 máy bay F111), bắt sống 43 phi công Mĩ. Tính chung, trong cả cuộc chiến tranh phá hoại lần thứ hai (từ 06 - 4 - 1972 đến 15 - 01 - 1973), miền Bắc bắn rơi 735 máy bay Mĩ (trong đó có 61 máy bay B52, 10 máy bay F111), bắn chìm 125 tàu chiến, loại khỏi vòng chiến đấu hàng trăm phi công Mĩ.

- *"Điện Biên Phủ trên không"* là trận thắng quyết định của ta, đã buộc Mĩ phải tuyên bố ngừng hẳn các hoạt động chống phá miền Bắc (15 - 01 - 1973) và Hiệp định Pari về chấm dứt chiến tranh, lập lại hoà bình ở Việt Nam (27 - 01 - 1973)

- Trong điều kiện tương đối hoà bình, cả trong chiến tranh phá hoại, miền Bắc đã tập trung lớn khả năng về lực lượng và phương tiện để khắc phục kịp thời hậu quả của những trận đánh phá ác liệt, vượt qua những cuộc bao vây phong toả gắt gao của địch, bảo đảm tiếp nhận tốt hàng viện trợ từ bên ngoài và chi viện theo yêu cầu của tiền tuyến miền Nam, có cả chiến trường Lào và Campuchia.

V HIỆP ĐỊNH PARI NĂM 1973 VỀ CHẤM DỨT CHIẾN TRANH, LẬP LẠI HOÀ BÌNH Ở VIỆT NAM

1. Đấu tranh đòi Mĩ xuống thang chiến tranh và thương lượng ở Hội nghị Pari

- Ngày 31 - 3 - 1968, sau đòn bất ngờ của cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Tết Mậu Thân của quân ta, Giônxơn tuyên bố ngừng ném bom bắn phá miền Bắc từ vĩ tuyến 20 trở ra và bắt đầu nói đến đàm phán với Việt Nam.

- Ngày 13 - 5 - 1968, cuộc thương lượng chính thức hai bên, giữa đại diện Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hoà và đại diện Chính phủ Hoa Kì. Từ ngày 25 – 01 – 1969, diễn ra hội nghị bốn bên ở Pari.

2. Hiệp định Pari 1973 về chấm dứt chiến tranh, lập lại hoà bình ở Việt Nam

- Quan điểm của ta: đòi Mĩ rút hết quân của mình và quân đồng minh khỏi miền Nam và đòi họ tôn trọng các quyền dân tộc cơ bản của nhân dân Việt Nam và quyền tự quyết của nhân dân miền Nam Việt Nam.

- Phía Mĩ có quan điểm ngược lại, nhất là vấn đề rút quân, đòi quân đội miền Bắc cũng rút khỏi miền Nam, và từ chối ký dự thảo Hiệp định do phía Việt Nam đưa ra (10 - 1972) để mở cuộc tập kích không quân bằng máy bay B52 vào Hà Nội, Hải Phòng trong 12 ngày đêm cuối năm 1972 với ý đồ buộc phía Việt Nam kí dự thảo Hiệp định do Mĩ đưa ra.

- Nhưng Mĩ đã thất bại, Việt Nam đã đập tan cuộc tập kích không quân bằng máy bay B52 của Mĩ, làm nên trận *"Trận Điện Biên Phủ trên không"*, sau đó buộc Mĩ trở lại kí dự thảo Hiệp định Pari do ta đưa ra trước đó.

- Hiệp định Pari kí chính thức ngày 27 - 01 - 1973 giữa bốn Bộ trưởng đại diện cho các chính phủ tham dự hội nghị tại Pari.

- Nội dung Hiệp định:

+ Hoa Kì và các nước cam kết tôn trọng độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của Việt Nam.

+ Hai bên ngừng bắn ở Việt Nam vào 24 giờ ngày 27 - 01 - 1973 và Hoa Kì cam kết chấm dứt mọi hoạt động quân sự chống miền Bắc Việt Nam.

+ Hoa Kì rút hết quân đội của mình và quân đồng minh, huỷ bỏ các căn cứ quân sự Mĩ, cam kết không tiếp tục dính líu quân sự hoặc can thiệp vào công việc nội bộ của miền Nam Việt Nam.

+ Nhân dân miền Nam Việt Nam tự quyết định tương lai chính trị thông qua tổng tuyển cử tự do, không có sự can thiệp của nước ngoài.

+ Các bên thừa nhận thực tế miền Nam Việt Nam có hai chính quyền, hai quân đội, hai vùng kiểm soát và ba lực lượng chính trị (lực lượng cách mạng, lực lượng hoà bình trung lập và lực lượng chính quyền Sài Gòn).

+ Hai bên tiến hành trao trả tù binh và dân thường bị bắt.

+ Hoa Kì cam kết góp phần vào việc hàn gắn vết thương chiến tranh ở Việt Nam và Đông Dương tiến tới thiết lập quan hệ bình thường và cùng có lợi giữa hai nước.

- Ý nghĩa:

+ Hiệp định Pari về Việt Nam là thắng lợi của sự kết hợp giữa đấu tranh quân sự, đấu tranh chính trị và đấu tranh ngoại giao, là kết quả của cuộc đấu tranh kiên cường, bất khuất của quân dân ta ở hai miền đất nước, mở ra bước ngoặt mới của cuộc kháng chiến chống Mĩ cứu nước của dân tộc.

+ Với Hiệp định Pari, Mĩ phải công nhận các quyền dân tộc cơ bản của nhân dân ta, phải rút hết quân về nước. Đó là thắng lợi lịch sử quan trọng, tạo ra thời cơ thuận lợi để nhân dân ta tiến lên giải phóng hoàn toàn miền Nam.

BÀI 23

KHÔI PHỤC VÀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI Ở MIỀN BẮC, GIẢI PHÓNG HOÀN TOÀN MIỀN NAM (1973 - 1975)

I MIỀN BẮC KHÔI PHỤC VÀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI, RA SỨC CHI VIỆN CHO MIỀN NAM

- Hiệp định Pari năm 1973 về Việt Nam, quân Mĩ buộc phải rút khỏi nước ta, làm thay đổi so sánh lực lượng ở miền Nam có lợi cho cách mạng. Miền Bắc trở lại hoà bình, tiến hành khắc phục hậu quả chiến tranh, khôi phục và phát triển kinh tế - xã hội, ra sức chi viện cho tiền tuyến miền Nam.

- Đến cuối tháng 6 – 1973, miền Bắc cơ bản đi vào cuộc sống bình thường.

- Sau hai năm 1973 – 1974, về cơ bản miền Bắc khôi phục xong các cơ sở kinh tế, hệ thống thuỷ nông, mạng lưới giao thông, công trình văn hoá, giáo dục.

- Đến cuối năm 1974, sản xuất công nghiệp, nông nghiệp trên một số mặt trận quan trọng đã đạt vượt mức năm 1964 và năm 1971 là hai năm đạt mức cao nhất trong 20 năm xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc.

- Thực hiện nghĩa vụ hậu phương, trong hai năm 1973 - 1974, miền Bắc đưa vào chiến trường miền Nam, Campuchia, Lào gần 20 vạn bộ đội, hàng vạn thanh niên xung phong, cán bộ chuyên môn, nhân viên kĩ thuật, đột xuất trong hai tháng đầu năm 1975, miền Bắc gấp rút đưa vào miền Nam 57.000 bộ đội (trong tổng số 108.000 bộ đội của kế hoạch động viên 1975).

- Về vật chất - kĩ thuật, miền Bắc đã có những nổ lực phi thường, đáp ứng đầy đủ và kịp thời nhu cầu to lớn và cấp bách của cuộc Tổng tiến công chiến lược ở miền Nam.

II MIỀN NAM ĐẤU TRANH CHỐNG ĐỊCH "BÌNH ĐỊNH - LẤN CHIẾM" TẠO THẾ VÀ LỰC, TIẾN TỚI GIẢI PHÓNG HOÀN TOÀN

- Với Hiệp định Pari năm 1973, ta "*đánh cho Mĩ cút*" . Ngày 29 – 3 - 1973, toán lính Mĩ cuối cùng đã rút khỏi nước ta. Nhưng Mĩ vẫn giữ lại hơn 2 vạn cố vấn quân sự, lập ra Bộ chỉ huy quân sự, tiếp tục viện trợ quân sự, kinh tế cho chính quyền Sài Gòn.

- Được cố vấn Mĩ chỉ huy và nhận viện trợ của Mĩ, chính quyền Sài Gòn ngang nhiên phá hoại Hiệp định Pari, chúng huy động gần như toàn bộ lực lượng tiến hành chiến dịch "*tràn ngập lãnh thổ*", liên tiếp mở những cuộc hành quân "*Bình định - lấn chiếm*" vùng giải phóng. Đây thực chất là hành động tiếp tục chiến lược "Việt Nam hoá chiến tranh" của Níchxơn.

- Về phía ta, việc kí Hiệp định Pari về chấm dứt chiến tranh ở Việt Nam, việc quân đội xâm lược Mĩ rút khỏi nước ta, đã tạo nên sự thay đổi căn bản trong so sánh lực lượng giữa cách mạng và phản cách mạng có lợi cho cuộc đấu tranh của nhân dân ở miền Nam.

- Trong cuộc đấu tranh chống địch "*bình định - lấn chiếm*", chống âm mưu "*tràn ngập lãnh thổ*" của chúng vào những tháng đầu năm sau kí hiệp định, quân dân ta đã đạt được một số kết quả nhất định. Nhưng do không đánh giá hết âm mưu phá hoại Hiệp định của địch, do quá nhấn mạnh đến hoà bình, hoà hợp dân tộc ... nên trên một số địa bàn quan trọng, ta bị mất đất, mất dân.

- Tháng 7 - 1973, Ban Chấp hành Trung ương Đảng họp Hội nghị lần thứ 21. Hội nghị nêu rõ nhiệm vụ cơ bản của cách mạng miền Nam trong giai đoạn hiện tại là tiếp tục cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân. Hội nghị nhấn mạnh trong bất cứ tình hình nào cũng phải tiếp tục con đường cách mạng bạo lực, phải nắm vững chiến lược tiến công, kiên quyết đấu tranh trên cả ba mặt trận quân sự, chính trị, ngoại giao.

- Thực hiện Nghị quyết Hội nghị Trung ương lần thứ 21 của Đảng, từ cuối năm 1973 quân dân ta ở miền Nam vừa kiên quyết đánh trả, quyết đánh địch, bảo vệ vùng giải phóng, vừa chủ động mở những cuộc tiến công địch, mở rộng vùng giải phóng.

- Cuối năm 1974 đầu năm 1975, ta mở đợt hoạt động quân sự Đông - Xuân vào hướng Nam Bộ, trọng tâm là đồng bằng sông Cửu Long và Đông Nam Bộ. Quân ta đã giành thắng lợi vang dội trong chiến dịch Đường 14 - Phước Long.

- Sau chiến thắng này của ta, chính quyền Sài Gòn phản ứng mạnh và đưa quân chiếm lại, nhưng đã thất bại. Còn Mĩ chỉ phản ứng yếu ớt, chủ yếu dùng áp lực từ xa đe doạ.

- Phối hợp với đấu tranh quân sự, nhân dân ta ở miền Nam đẩy mạnh đấu tranh chính trị, ngoại giao nhằm tố cáo hành động của Mĩ và chính quyền Sài Gòn vi phạm Hiệp định, phá hoại hoà bình, hoà hợp dân tộc, nêu cao tính chất chính nghĩa cuộc chiến đấu của nhân dân ta; đòi lật đổ chính quyền Nguyễn Văn Thiệu, thực hiện các quyền tự do, dân chủ...

III GIẢI PHÓNG HOÀN TOÀN MIỀN NAM, GIÀNH TOÀN VẸN LÃNH THỔ TỔ QUỐC.

1. Chủ trương, kế hoạch giải phóng miền Nam

- Cuối năm 1974 - đầu năm 1975, trong tình hình so sánh lực lượng ở miền Nam thay đổi mau lẹ có lợi cho cách mạng, Bộ Chính trị Trung ương Đảng đề ra kế hoạch giải phóng hoàn toàn miền Nam trong hai năm 1975 và 1976.

- Nhưng Bộ Chính trị nhấn mạnh *"cả năm 1975 là thời cơ"* và chỉ rõ *"nếu thời cơ đến vào đầu hoặc cuối năm 1975 thì lập tức giải phóng miền Nam trong năm 1975"* Bộ Chính trị cũng nhấn mạnh sự cần thiết tranh thủ thời cơ đánh thắng nhanh để đỡ thiệt hại về người và của cho nhân dân, giữ gìn tốt cơ sở kinh tế, công trình văn hoá ... giảm bớt sự tàn phá của chiến tranh.

2. Cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân 1975

Cuộc tổng tiến công và nổi dậy Xuân 1975 đã diễn ra trong gần 2 tháng (từ 04 - 3 đến 02 - 5) qua 3 chiến dịch lớn: Tây Nguyên, Huế - Đà Nẵng và chiến dịch Hồ Chí Minh.

a. Chiến dịch Tây Nguyên (từ 04 - 3 đến 24 - 3)

- Tây Nguyên là địa bàn chiến lược hết sức quan trọng, cả ta và địch đều cố nắm giữ. Nhưng do nhận định sai hướng tiến công của quân dân ta, địch chốt giữ ở đây một lực lượng mỏng, bố phòng có nhiều sơ hở. Căn cứ vào đó, Bộ Chính trị Trung ương Đảng ta quyết định chọn Tây Nguyên làm hướng tiến công chủ yếu trong năm 1975.

- Thực hiện kế hoạch, ta tập trung chủ lực mạnh với vũ khí kĩ thuật hiện đại, mở chiến dịch quy mô lớn ở Tây Nguyên. Trận then chốt mở màn ở Buôn Mê Thuột ngày 10 - 3 - 1975 đã giành thắng lợi, (trước đó, ngày 04 - 3, quân ta đánh nghi binh ở Plâycu và Kon Tum nhằm thu hút quân địch vào hướng đó). Ngày 12 - 3 - 1975, địch phản công chiếm lại Buôn Mê Thuột nhưng không thành.

- Sau hai đòn ở Buôn Ma Thuột (vào các ngày 10 và 12 - 3), hệ thống phòng thủ của địch ở Tây Nguyên rung chuyển, quân địch mất tinh thần, hàng ngũ rối loạn.

- Ngày 14 - 3 - 1975, Nguyễn Văn Thiệu ra lệnh rút toàn bộ quân Tây Nguyên về giữ vững duyên hải miền Trung. Trên đường rút chạy, chúng bị quân ta truy kích tiêu diệt. Đến ngày 24 – 3 - 1975, Tây Nguyên rộng lớn với 60 vạn dân hoàn toàn giải phóng.

Chiến dịch Tây Nguyên thắng lợi đã chuyển cuộc kháng chiến chống Mĩ cứu nước sang giai đoạn mới: từ tiến công chiến lược ở Tây Nguyên phát triển thành Tổng tiến công chiến lược trên toàn chiến trường miền Nam.

b. Chiến dịch Huế - Đà Nẵng (từ 21 - 3 đến 29 - 3)

- Nhận thấy thời cơ chiến lược đến nhanh, hết sức thuận lợi, ngay khi chiến dịch Tây Nguyên đang tiếp diễn, Bộ Chính trị có quyết định kịp thời kế hoạch giải phóng Sài Gòn và toàn miền Nam, trước tiên tiến hành chiến dịch giải phóng Huế - Đà Nẵng.

- Ngày 21 - 3, quân ta đánh thẳng vào căn cứ địch, chặn các đường rút chạy của chúng, hình thành thế bao vây chúng trong thành phố Huế. Đúng 10 giờ 30 ngày 25 - 3, quân ta tiến vào cố đô Huế, đến hôm sau (26 - 3) thì giải phóng thành phố và toàn tỉnh Thừa Thiên.

- Đà Nẵng, thành phố lớn thứ hai ở miền Nam, một căn cứ quân sự liên hợp lớn nhất của Mĩ và quân đội Sài Gòn rơi vào thế cô lập. Hơn 10 vạn địch dồn ứ về đây trở nên hỗn loạn, mất khả năng chiến đấu. Sáng 29 - 3, quân ta từ ba phía Bắc, Tây, Nam tiến thẳng vào thành phố, đến 3 giờ chiều thì chiếm toàn bộ Đà Nẵng.

- Trong cùng thời gian trên, từ cuối tháng 3 đến tháng 4, nhân dân các tỉnh còn lại ở ven biển miền Trung, Nam Tây Nguyên và một số tỉnh ở Nam Bộ, có sự hỗ trợ của lực lượng vũ trang địa phương và quân chủ lực, đã nổi dậy giành quyền làm chủ.

c. Chiến dịch Hồ Chí Minh (từ 26 - 4 đến 30 - 4)

- Sau thắng lợi Chiến dịch Tây Nguyên và Huế - Đà Nẵng, Bộ Chính trị Trung ương Đảng ta nhận định "*Thời cơ chiến lược đã đến, ta có điều kiện hoàn thành sớm quyết tâm giải phóng miền Nam*"; từ đó đi đến quyết định "*Phải tập trung nhanh nhất lực lượng, binh khí, kĩ thuật và vật chất giải phóng miền Nam trước mùa mưa (trước tháng 5 - 1975)*". Chiến dịch giải phóng Sài Gòn được Bộ Chính trị quyết định mang tên *Chiến dịch Hồ Chí Minh* (14 – 4 - 1975).

- Trước khi bắt đầu chiến dịch giải phóng Sài Gòn, quân ta tiến công Xuân Lộc và Phan Rang - những căn cứ phòng thủ trọng yếu của địch bảo vệ Sài Gòn từ phía Đông.

- 17 giờ ngày 26 - 4, quân ta được lệnh tổng nổ súng mở đầu chiến dịch, 5 cánh quân vượt qua tuyến phòng thủ vòng ngoài của địch tiến vào trung tâm Sài Gòn, đánh chiếm các cơ quan đầu não của chúng.

- 10 giờ 45 phút ngày 30 - 4, xe tăng của ta tiến thẳng vào Dinh Độc Lập, bắt sống toàn bộ Chính phủ Trung ương Sài Gòn, Dương Văn Minh vừa lên chức Tổng thống Chính phủ Sài Gòn ngày 28 – 4 đã phải tuyên bố đầu hàng không điều kiện. 11 giờ 30 phút cùng ngày, lá cờ cách mạng tung bay trên nóc Dinh Độc Lập báo hiệu sự toàn thắng của Chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử.

IV NGUYÊN NHÂN THẮNG LỢI, Ý NGHĨA LỊCH SỬ CỦA CUỘC KHÁNG CHIẾN CHỐNG MĨ CỨU NƯỚC (1954 - 1975)

1. Nguyên nhân thắng lợi

- Nhờ có sự lãnh đạo sáng suốt của Đảng đứng đầu là Chủ tịch Hồ Chí Minh với đường lối chính trị, quân sự độc lập, tự chủ; đường lối tiến hành đồng thời cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc và cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở miền Nam đúng đắn, sáng tạo với phương pháp đấu tranh linh hoạt, kết hợp với đấu tranh quân sự - chính trị - ngoại giao.

- Nhân dân ta ở hai miền giàu lòng yêu nước, đoàn kết, nhất trí, lao động cần cù, chiến đấu dũng cảm vì sự nghiệp giải phóng miền Nam, xây dựng bảo vệ miền Bắc, thống nhất nước nhà.

- Nhờ có hậu phương miền Bắc không ngừng lớn mạnh, có khả năng đáp ứng kịp thời các yêu cầu của cuộc chiến đấu ở hai miền.

- Nhờ sự phối hợp chiến đấu, đoàn kết giúp đỡ nhau trong quá trình đấu tranh chống kẻ thù chung của ba dân tộc ở Đông Dương.

- Nhờ có sự đồng tình, ủng hộ và giúp đỡ to lớn của các lực lượng cách mạng, hoà bình, dân chủ trên thế giới, nhất là Liên Xô, Trung Quốc và các nước xã hội chủ nghĩa khác; phong trào của nhân dân Mĩ và nhân dân thế giới phản đối cuộc chiến tranh xâm lược Việt Nam của đế quốc Mĩ.

2. Ý nghĩa lịch sử

- Cuộc kháng chiến chống Mĩ cứu nước thắng lợi đã kết thúc 21 năm chiến đấu chống Mĩ và 30 năm chiến tranh giải phóng dân tộc, bảo vệ Tổ quốc; chấm dứt ách thống trị của chủ nghĩa đế quốc và chế độ phong kiến ở nước ta. Trên cơ sở đó, hoàn thành cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân trong cả nước, thống nhất đất nước.

- Thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mĩ cứu nước mở ra kỉ nguyên mới của lịch sử dân tộc - Kỉ nguyên đất nước độc lập, thống nhất đi lên chủ nghĩa xã hội.

- Thắng lợi của nhân dân ta, thất bại đế quốc Mĩ đã tác động mạnh đến tình hình nước Mĩ và thế giới nhất là đối với phong trào giải phóng dân tộc.

- Thắng lợi đó *"mãi mãi được ghi vào lịch sử của dân tộc ta như một trong những trang chói lọi nhất, một biểu tượng sáng ngời về sự toàn thắng của chủ nghĩa anh hùng cách mạng và trí tuệ con người và đi vào lịch sử thế giới như một chiến công vĩ đại của thế kỉ XX, một sự kiện có tầm quan trọng quốc tế to lớn và có tính thời đại sâu sắc"*

MỘT SỐ SỰ KIỆN LỊCH SỬ VIỆT NAM (1954 - 1975) ĐÁNG NHỚ

Thời gian	Sự kiện
1) Ngày 01 - 01 - 1955	Toán lính Pháp cuối cùng rút khỏi Cát Bà (Hải Phòng) miền Bắc Việt Nam hoàn toàn giải phóng.
2) Ngày 14 - 5 - 1956	Chính phủ Pháp gởi cho hai chủ tịch Hội nghị Giơnevơ 1954 về Đông Dương bản thông điệp thông báo quân viễn chinh ở Việt Nam đã rút hết về nước.
3) Ngày 19 - 5 - 1959	Đoàn vận tải quân sự 559 được thành lập, khai phá mở đường chiến lược Trường Sơn.
4) Năm 1959 - 1960	Nhân dân Việt Nam nổi dậy làm cuộc "Đồng khởi" đánh vào chính quyền Mĩ - Ngụy, chuyển cách mạng miền Nam từ thế giữ gìn lực lượng sang thế tiến công.
5) Từ 05 đến 12 - 9 - 1960	Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ III của Đảng Lao động Việt Nam.
6) Ngày 20 - 12 - 1960	Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam được thành lập.

7) Ngày 15 - 02 - 1961	Các lực lượng vũ trang cách mạng thống nhất thành quân Giải phóng miền Nam.
8) Từ 07 - 02 - 1965 đến 01 - 11 -1968	Miền Bắc chiến đấu chống chiến tranh phá hoại bằng không quân và hải quân lần thứ nhất của Mĩ, vừa chiến đấu vừa sản xuất.
9) Từ 31 - 1 đến 25 - 2 - 1968	Cuộc tập kích chiến lược Tết Mậu Thân mở đầu cuộc Tổng tiến công và nổi dậy đồng loạt năm 1968 của quân dân miền Nam chống chiến lược "Chiến tranh cục bộ" của Mĩ (hai đợt tiếp theo 05 - 5 đến 16 - 6 và 17 - 8 đến 23 - 9).
10) Từ 13 - 5 - 1968 đến 27 - 01 - 1973	Hội nghị bốn bên họp ở Pari bàn giải pháp chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Việt Nam.
11) Từ 06 đến 08 - 6 - 1969	Đại hội đại biểu quốc dân miền Nam Việt Nam họp, bầu Chính phủ cách mạng Lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam và Hội đồng cố vấn Chính phủ.
12) Ngày 2 - 9 - 1969	Chủ tịch Hồ Chí Minh qua đời.
13) Ngày 18 - 3 - 1970	Mĩ chỉ đạo bọn tay sai làm cuộc đảo chính quân sự lật đổ Chính phủ trung lập Xihanúc, thành lập Chính phủ bù nhìn tay sai London, mở rộng chiến tranh xâm lược Campuchia.
14) Từ 24 đến 25 - 4 - 1970	Hội nghị cấp cao ba nước Đông Dương họp để khẳng định quyết tâm của nhân dân ba nước đoàn kết chống Mĩ.
15) Ngày 30 - 3 - 1972	Mở đầu cuộc tiến công chiến lược năm 1972 của quân dân ở miền Nam chống chiến lược "Việt Nam hoá chiến tranh" của Mĩ.
16) Từ 06 - 4 - 1972 đến 15 - 01 - 1973	Miền Bắc chiến đấu chống chiến tranh phá hoại lần thứ hai của Mĩ.
17) Từ 18 đến 29 - 12 - 1972	Miền Bắc đánh bại cuộc tập kích chiến lược 12 ngày đêm của Mĩ làm nên "Điện Biên Phủ" trên không.
18) Ngày 27 - 01 - 1973	Hiệp định Pari về việc chấm dứt chiến tranh lập lại hòa bình ở Việt Nam.
19) Ngày 29 - 3 - 1973	Mĩ rút hết quân xâm lược khỏi Việt Nam.
20) Từ 04 - 3 đến 02 - 5 - 1975	Tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân 1975. Chiến dịch Tây Nguyên (04 - 3 đến 24 - 4) Huế - Đà Nẵng (21 - 3 đến 29 - 3) Hồ Chí Minh (26 - 4 đến 30 - 4).

Chương V

VIỆT NAM TỪ NĂM 1975 ĐẾN NĂM 2000

BÀI 24

VIỆT NAM TRONG NĂM ĐẦU SAU THẮNG LỢI CỦA CUỘC KHÁNG CHIẾN CHỐNG MĨ CỨU NƯỚC NĂM 1975

I TÌNH HÌNH HAI MIỀN BẮC - NAM SAU NĂM 1975

- Trải qua hơn hai mươi năm (1954 - 1975) tiến hành cách mạng xã hội chủ nghĩa, miền Bắc đạt được những thành tựu to lớn và toàn diện, đã xây dựng được những cơ sở vật chất - kĩ thuật ban đầu của chủ nghĩa xã hội. Nhưng cuộc chiến tranh phá hoại bằng không quân và hải quân của Mĩ hết sức ác liệt, đã tàn phá nặng nề gây hậu quả lâu dài đối với miền Bắc.

- Miền Nam đã hoàn toàn giải phóng, chế độ thực dân mới của Mĩ cùng bộ máy chính quyền Sài Gòn ở trung ương bị sụp đổ, nhưng cơ sở chính quyền này ở địa phương cùng bao di hại xã hội vẫn còn tồn tại. Cuộc chiến tranh của Mĩ gây ra hậu quả nặng nề. Nhiều làng mạc, đồng ruộng bị tàn phá. Nửa triệu hécta ruộng đất bị bỏ hoang. Một triệu hécta bị chất độc hoá học và bom đạn cày xới. Vô số bom mìn còn vùi lấp trên các cánh đồng, ruộng vườn, nơi cư trú của nhân dân. Đội ngũ thất nghiệp có tới hàng triệu người. Số người mù chữ chiếm tỉ lệ lớn trong dân cư.

- Miền Nam có nhiều nền kinh tế trong chừng mực nhất định phát triển theo hướng tư bản, song về cơ bản vẫn mang tính chất của nền kinh tế nông nghiệp lạc hậu, sản xuất nhỏ và phân tán phát triển mất cân đối, lệ thuộc nặng nề vào viện trợ từ bên ngoài.

II KHẮC PHỤC HẬU QUẢ CHIẾN TRANH, KHÔI PHỤC VÀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI Ở HAI MIỀN ĐẤT NƯỚC

- *Ở miền Bắc*, đến giữa năm 1976 mới căn bản hoàn thành nhiệm vụ và khắc phục hậu quả chiến tranh, khôi phục kinh tế.

- *Ở miền Nam,* công việc tiếp quản vùng mới giải phóng từ thành thị đến nông thôn, từ đất liền đến hải đảo, từ căn cứ quân sự đến các cơ sở sản xuất, hành chính, văn hoá được tiến hành khẩn trương.

+ Ở những vùng mới giải phóng, viêc thành lập chính quyền cách mạng và đoàn thể quần chúng các cấp nhanh chóng thực hiện.

+ Hàng triệu đồng bào ta trong thời gian chiến tranh bị dồn vào các "ấp chiến lược" hay bỏ chạy vào các thành phố không có việc làm được hồi hương, chuyển về nông thôn sản xuất hoặc đi xây dựng vùng kinh tế mới.

+ Chính quyền cách mạng tịch thu tài sản và ruộng đất của bọn phản động trốn ra nước ngoài, tuyên bố xóa bỏ hình thức bóc lột phong kiến, tiến hành điều chỉnh ruộng đất trong nội bộ nông dân, quốc hữu hoá ngân hàng, thay đồng tiền cũ bằng đồng tiền mới của cách mạng.

III HOÀN THÀNH THỐNG NHẤT ĐẤT NƯỚC VỀ MẶT NHÀ NƯỚC (1975 - 1976)

- Sau đại thắng mùa Xuân năm 1975, Tổ quốc Việt Nam về mặt lãnh thổ đã được thống nhất, song ở mỗi miền lại tồn tại một hình thức tổ chức Nhà nước khác nhau.

- Đáp lại nguyện vọng chính đáng của nhân dân cả nước, đồng thời phù hợp với thực tế lịch sử dân tộc - "Nước Việt Nam là một, dân tộc Việt Nam là một" Hội nghị lần thứ 24 Ban Chấp hành Trung ương Đảng (9 - 1975) đã đề ra nhiệm vụ hoàn thành thống nhất đất nước về mặt Nhà nước.

- Từ ngày 15 đến ngày 21 - 11 - 1975, hội nghị hiệp thương chính trị thống nhất đất nước được tổ chức tại Sài Gòn. Hai đoàn đại biểu đại diện cho hai miền tham dự. Hội nghị nhất trí hoàn toàn các vấn đề chủ trương, biện pháp nhằm thống nhất đất nước về mặt Nhà nước.

- Ngày 25 - 4 - 1976, cuộc Tổng tuyển cử bầu Quốc hội chung được tiến hành trong cả nước.

- Từ ngày 24 - 6 đến ngày 03 - 7 - 1976, Quốc hội nước Việt Nam thống nhất, họp kì đầu tiên tại Hà Nội.

+ Quốc hội thông qua chính sách đối nội và đối ngoại của nước Việt Nam thống nhất.

+ Quyết định tên nước là *Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam* (từ ngày 02 - 7 - 1976), quyết định Quốc huy, Quốc kì là cờ đỏ sao vàng, Quốc ca là *Tiến quân ca*, Thủ đô Hà Nội, thành phố Sài Gòn đổi tên là *Thành phố Hồ Chí Minh* .

+ Quốc hội bầu ra các cơ quan, chức vụ lãnh đạo cao nhất của nước cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam, bầu Ban dự thảo Hiến pháp .

- Với kết quả kì họp thứ nhất Quốc hội khoá VI, công việc thống nhất đất nước về mặt Nhà nước đã hoàn thành.

- Hoàn thành thống nhất đất nước về mặt Nhà nước đã tạo nên những điều kiện chính trị cơ bản phát huy sức mạnh toàn diện đất nước, những điều kiện thuận lợi để cả nước đi lên chủ nghĩa xã hội, những khả năng to lớn để bảo vệ Tổ quốc và mở rộng quan hệ với các nước trên thế giới.

- Nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam vừa thành lập đã có 94 nước chính thức công nhận và đặt quan hệ ngoại giao. Ngày 20 - 9 - 1977, nước ta trở thành thành viên thứ 149 của Liên hiệp quốc.

BÀI 25

VIỆT NAM XÂY DỰNG CHỦ NGHĨA XÃ HỘI VÀ ĐẤU TRANH BẢO VỆ TỔ QUỐC (1976 - 1986)

I ĐẤT NƯỚC BƯỚC ĐẦU ĐI LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI (1976 - 1986)

1. Cách mạng Việt Nam chuyển sang giai đoạn mới

- Sau thắng lợi cuộc kháng chiến chống Mĩ cứu nước và hoàn thành thống nhất đất nước về mặt Nhà nước, cách mạng nước ta chuyển sang giai đoạn *đất nước độc lập, thống nhất, đi lên chủ nghĩa xã hội.*

- Độc lập và thống nhất là điều kiện tiên quyết để đất nước tiến lên chủ nghĩa xã hội. Tiến lên chủ nghĩa xã hội sẽ đảm bảo cho độc lập dân tộc và thống nhất của đất nước thêm bền vững.

- Như vậy, độc lập và thống nhất không những gắn với nhau mà còn gắn với chủ nghĩa xã hội. Đó là con đường phát triển hợp quy luật của cách mạng nước ta.

2. Thực hiện kế hoạch Nhà nước 5 năm 1976 - 1980

- Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV của Đảng Cộng sản Việt Nam họp từ ngày 14 đến ngày 20 - 12 - 1976 đã đề ra đường lối xây dựng chủ nghĩa xã hội trong phạm vi cả nước, đường lối chung cách mạng xã hội chủ nghĩa và đường lối xây dựng kinh tế trong thời kì quá độ.

- Đại hội quyết định phương hướng, nhiệm vụ và mục tiêu của kế hoạch Nhà nước 5 năm (1976 - 1980), là xây dựng xã hội chủ nghĩa, nhằm hai mục tiêu cơ bản: *xây dựng một bước cơ sở vật chất - kĩ thuật của chủ nghĩa xã hội, bước đầu hình thành cơ cấu kinh tế mới trong cả nước mà bộ phận chủ yếu là cơ cấu công nghiệp - nông nghiệp và cải thiện một bước đời sống vật chất và văn hoá của nhân dân lao động.*

- Thực hiện kế hoạch 5 năm, nhân dân ta đạt được những thành tựu quan trọng:

+ Các cơ sở nông nghiệp, công nghiệp, giao thông vận tải về cơ bản đã được phục hồi và bước đầu phát triển. Năng lực sản xuất của các ngành kinh tế được nâng lên.

+ Công cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa được đẩy mạnh với tốc độ nhanh trong các vùng mới giải phóng ở miền Nam. Giai cấp tư sản mại bản bị xóa bỏ. Đại bộ phận nông dân miền Nam đi vào con đường làm ăn tập thể, tham gia những hình thức tổ chức sản xuất phù hợp.

+ Xoá bỏ những biểu hiện văn hoá phản động của chế độ thực dân, xây dựng nền văn hoá mới cách mạng. Hệ thống giáo dục phát triển.

Bên cạnh những thành tựu, chúng ta gặp rất nhiều khó khăn, hạn chế, nhất là trong lĩnh vực kinh tế - xã hội.

+ Kinh tế của ta mất cân đối lớn, kinh tế quốc doanh và tập thể trong sản xuất luôn bị thua lỗ, không phát huy được tác dụng.

+ Kinh tế tư nhân và cá thể bị ngăn cấm, không thể phát triển.

+ Sản xuất phát triển chậm, thu nhập quốc dân, năng suất lao động thấp, đời sống nhân dân gặp rất nhiều khó khăn.

3. Thực hiện kế hoạch Nhà nước 5 năm 1981 - 1985

- Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ V của Đảng (họp từ ngày 27 đến ngày 31 - 3 – 1982), khẳng định tiếp tục đường lối xây dựng chủ nghĩa xã hội trong phạm vi cả nước do Đại hội IV đề ra.

- Kế hoạch 5 năm có nhiệm vụ *sắp xếp lại cơ cấu và đẩy mạnh cải tạo xã hội chủ nghĩa nền kinh tế quốc dân, nhằm cơ bản ổn định tình hình kinh tế - xã hội, đáp ứng yêu cầu cấp bách thiết yếu nhất của đời sống nhân dân, giảm nhẹ sự mất cân đối nghiêm trọng của nền kinh tế.*

- Thực hiện kế hoạch, nhân dân ta đạt được những thành tựu, tiến bộ đáng kể.

+ *Trong sản xuất nông nghiệp và công nghiệp* đã chặn được đà giảm sút của những năm 1976-1980.

+ *Về xây dựng cơ sở vật chất - kĩ thuật*, hàng nghìn công trình vừa và nhỏ, trong đó có những cơ sở quan trọng về điện, đầu khí, xi măng, cơ khí giao thông, thủy lợi, dệt,... Các hoạt động khoa học - kĩ thuật được triển khai, góp phần thúc đẩy sản xuất , nhất là sản xuất nông nghiệp.

+ Các hoạt động khoa học – kĩ thuật được triển khai, góp phần thúc đẩy sản xuất phát triển.

II ĐẤU TRANH BẢO VỆ TỔ QUỐC (1975 - 1979)

1. Đấu tranh bảo vệ biên giới Tây Nam

- Do có âm mưu từ trước, tập đoàn Pôn Pốt mở những cuộc hành quân khiêu khích, xâm phạm nhiều vùng lãnh thổ nước ta dọc biên giới từ Hà Tiên đến Tây Ninh. Ngày 03 - 5 - 1975, chúng cho quân đổ bộ đánh chiếm đảo Phú Quốc, sau đó đánh chiếm đảo Thổ Chu.

- Ngày 22 - 12 - 1978, tập đoàn Pôn Pốt huy động 19 sư đoàn bộ binh, cùng nhiều đơn vị pháo binh, xe tăng tiến đánh Tây Ninh, mở đầu cuộc chiến tranh xâm lấn biên giới Tây Nam nước ta.

- Thực hiện quyền tự vệ chính đáng của mình, quân ta tổ chức phản công, tiêu diệt toàn bộ cánh quân xâm lược vào nước ta. Tiếp đó, theo yêu cầu của Mặt trận đoàn kết dân tộc cứu nước Campuchia, quân Việt Nam cùng lực lượng cách mạng Campuchia tiến công, xoá bỏ chế độ diệt chủng Pôn Pốt. Ngày 07 – 1 – 1979, Thủ đô Phnôm Pênh được giải phóng.

2. Đấu tranh bảo vệ biên giới phía Bắc

Trong khi tập đoàn Pôn Pốt có hành động thù địch Việt Nam Trung Quốc lại đồng tình ủng hộ. Trung Quốc còn có những hành động làm tổn hại đến tình cảm giữa nhân dân hai nước, như cho quân khiêu khích quân sự dọc biên giới, dựng lên sự kiện "*nạn kiều*", cắt viện trợ, rút chuyên gia nhằm gây khó khăn cho Việt Nam. Nghiêm trọng hơn, từ sáng 17 - 02 - 1979 Trung Quốc cho quân đội với lực lượng 32 sư đoàn mở cuộc tiến công dọc biên giới phía Bắc nước ta từ Móng Cái (Quảng Ninh) đến Phong Thổ (Lai Châu).

- Để bảo vệ toàn vẹn lãnh thổ Tổ quốc, quân và dân ta, trực tiếp là quân dân sáu tỉnh biên giới phía Bắc, đã đứng lên chiến đấu. Đến ngày 18 - 3 – 1979, quân Trung Quốc rút ra khỏi nước ta.

BÀI 26

ĐẤT NƯỚC TRÊN ĐƯỜNG ĐỔI MỚI ĐI LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI (1986 - 2000)

I ĐƯỜNG LỐI ĐỔI MỚI ĐẤT NƯỚC CỦA ĐẢNG

1. Hoàn cảnh lịch sử mới

- Trong thời gian thực hiện hai kế hoạch Nhà nước 5 năm (1976 - 1985), cách mạng xã hội chủ nghĩa ở nước ta đạt được những thành tựu đáng kể, song cách mạng cũng gặp không ít khó khăn, đất nước lâm vào tình trạng khủng hoảng, trước hết là khủng hoảng kinh tế - xã hội. Một trọng những nguyên nhân cơ bản của khó khăn, yếu kém là do mắc phải "*sai lầm nghiêm trọng và kéo dài về chủ trương, chính sách lớn, sai lầm về chỉ đạo chiến lược và tổ chức thực hiện*".

- Để khắc phục sai lầm, khuyết điểm, đưa đất nước vượt quan khủng hoảng và đẩy mạnh cách mạng xã hội chủ nghĩa tiến lên, Đảng và Nhà nước ta phải tiến hành đổi mới.

2. Đường lối cơ bản của Đảng

Đường lối đổi mới của Đảng được đề ra đầu tiên tại Đại hội VI (12 - 1986), được điều chỉnh, bổ sung phát triển đại hội VII (6 - 1991), Đại hội VIII (6 - 1996), Đại hội IX (4 - 2001).

a) Đổi mới kinh tế

- Xoá bỏ cơ chế quản lí kinh tế tập trung quan liêu bao cấp, hình thành cơ chế thị trường.

- Xây dựng nền kinh tế hàng hoá nhiều thành phần theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

- Mở rộng quan hệ kinh tế đối ngoại.

b) Đổi mới chính trị

- Xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, Nhà nước của nhân dân, do dân và vì dân.

- Xây dựng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, bảo đảm quyền lực thuộc về nhân dân.

- Thực hiện quyền dân chủ xã hội chủ nghĩa, đảm bảo quyền lực thuộc về nhân dân.

- Thực hiện chính sách đại đoàn kết dân tộc, chính sách đối ngoại hoà bình, hữu nghị, hợp tác.

II QUÁ TRÌNH ĐẤT NƯỚC THỰC HIỆN ĐƯỜNG LỐI ĐỔI MỚI (1986 - 2000)

1. Thực hiện kế hoạch 5 năm 1986 - 1990

a) Đại hội VI (12 - 1986) mở đầu công cuộc đổi mới

- Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI của Đảng (họp từ ngày 15 đến ngày 18 - 12 - 1986) đã đánh giá tình hình đất nước, kiểm điểm sự lãnh đạo của Đảng, vai trò quản lí của Nhà nước trong thập kỉ đầu cả nước đi lên chủ nghĩa xã hội, từ đó xác định nhiệm vụ, mục tiêu của cách mạng trong thời kì đổi mới.

- Đại hội khẳng định tiếp tục đường lối chung cách mạng xã hội chủ nghĩa và đường lối xây dựng kinh tế xã hội chủ nghĩa do các đại hội IV và V của Đảng đề ra.

- Tuy nhiên, đến đại hội VI, đường lối xây dựng chủ nghĩa xã hội trong thời kì quá độ tiếp tục được cụ thể hoá trên cơ sở nâng cao nhận thức về đặc điểm thời kì quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam là *cả một thời kì lịch sử lâu dài, khó khăn, trải qua nhiều chặng và hiện đang ở chặng đường đầu tiên.* Trước mắt, trong 5 năm từ năm 1986 đến năm 1990, cần tập trung sức người, sức của thực hiện bằng được nhiệm vụ, mục tiêu của *Ba chương trình kinh tế và lương thực, thực phẩm, hàng tiêu dùng và hàng xuất khẩu.*

- Muốn thực hiện những mục tiêu của Ba chương trình kinh tế, thì *nông nghiệp, kể cả lâm nghiệp và ngư nghiệp phải được đặt đúng vị trí là mặt trận hàng đầu* và được ưu tiên nhu cầu về vốn đầu tư, về năng lực, vật lực, lao động, kĩ thuật v.v...

b) Kết quả bước đầu của công cuộc đổi mới

- Về lương thực, thực phẩm, từ chỗ thiếu ăn triền miên, chúng ta đã vươn lên đáp ứng nhu cầu trong nước, có dự trữ và xuất khẩu, góp phần quan trọng ổn định đời sống nhân dân và thay đổi cán cân xuất - nhập khẩu.

- Hàng hoá trên thị trường, nhất là hàng tiêu dùng dồi dào, đa dạng và lưu thông tương đối thuận lợi.

- Kinh tế đối ngoại phát triển mạnh, mở rộng hơn trước về quy mô, hình thưc ... đã góp phần quan trọng vào việc thực hiện các mục tiêu kinh tế - xã hội.

- Đã kìm chế được một bước đà lạm phát.

- *Bước đầu hình thành nền kinh tế hàng hoá nhiều thành phần, vận hành theo cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước.*

- Những thành tựu, ưu điểm, tiến bộ đạt được chứng tỏ đường lối đổi mới của Đảng là đúng, bước đi của công cuộc đổi mới về cơ bản là phù hợp. Công cuộc đổi mới như một cuộc cách mạng, có thành tựu, ưu điểm, nhưng vẫn còn nhiều khó khăn.

2. Thực hiện kế hoạch 5 năm 1991 - 1995

a) Đại hội VII (6 - 1991) tiếp tục sự nghiệp đổi mới

- Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII của Đảng (họp ngày 24 đến ngày 24 - 6 - 1991) đã tổng kết, đánh giá việc thực hiện đường lối đổi mới của đại hội VI, đề ra chủ trương, nhiệm vụ nhằm kế thừa, phát huy những thành tựu, ưu điểm đã đạt được; khắc phục những khó khăn, yếu kém mắc phải trong bước đầu đổi mới; điều chỉnh, bổ sung, phát triển đường lối đổi mới để tiếp tục đưa sự nghiệp đổi mới đất nước tiến lên.

- Đại hội VII của Đảng còn quyết định một số vấn đề về chiến lược lâu dài. Đó là thông qua *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kì quá độ đi lên chủ nghĩa xã hội và Chiến lược ổn định và phát triển kinh tế - xã hội đến năm 2000.*

- Xuất phát từ đặc điểm tình hình, căn cứ vào mục tiêu của chặng đường đầu thời kì quá độ đi lên chủ nghĩa xã hội, Đại hội VII của Đảng đề ra nhiệm vụ, mục tiêu kinh tế - xã hội của kế hoach 5 năm (1991 - 1995) là: *Đẩy lùi và kiểm soát được lạm phát. Ổn định phát triển, nâng cao hiệu quả nền sản xuất xã hội.Ổn định và từng bước cải thiện nâng cao đời sống nhân dân. Bắt đầu có tích lũy nội bộ kinh tế.*

- Để thực hiện mục tiêu trên, phát huy sức mạnh của các thành phần kinh tế, đẩy mạnh *Ba chương trình kinh tế* với những nội dung cao hơn trước và từng bước xây dựng cơ cấu kinh tế theo yêu cầu công nghiệp hoá.

b) Tiến bộ và hạn chế của sự nghiệp đổi mới

* Tiến bộ:

- Nhịp độ phát triển kinh tế đẩy mạnh, nhiều mục tiêu chủ yếu của kế hoạch 5 năm hoàn thành vượt mức.

- Kinh tế đối ngoại phát triển, thị trường xuất nhập khẩu được mở rộng, nguồn vốn đầu tư của nước ngòai tăng nhanh.

- Khoa học và công nghệ có bước phát triển mới, văn hoá xã hội có những chuyển biến tích cực.

- Ổn định tình hình chính trị - xã hội được giữ vững, quốc phòng và an ninh được củng cố.

- Mở rông quan hệ đối ngoại, phá thế bao vây, tham gia tích cực vào các hoạt động của cộng đồng quốc tế.

- Sau 5 năm thực hiện kế hoạch, bên cạnh thành tựu và tiến bộ, còn nhiều khó khăn và hạn chế chưa được giải quyết.

3. Thực hiện kế hoạch 5 năm 1996 - 2000

a) Đại hội VIII (6 - 1996) đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá

- Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII của Đảng (họp từ ngày 28 - 6 đến ngày 01 - 7 - 1996) đã kiểm điểm, đánh giá việc thực hiện nghị quyết Đại hội VII, tổng kết 10 năm đất nước thực hiện đường lối đổi mới, đề ra chủ trương, nhiệm vụ trong nhiệm kì mới.

Xuất phát từ đặc điểm tình hình, từ nhận định nước ta đã ra khỏi khủng hoảng kinh tế - xã hội, căn cứ vào *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kì quá độ đi lên chủ nghĩa xã hội,* Đại hội khẳng định tiếp tục nắm vững hai nhiệm vụ chiến lược xây dựng và bảo vệ tổ quốc xã hội chủ nghĩa, nhấn mạnh "*nước ta đã chuyển sang thời kì phát triển mới, thời kì đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá*".

- Đại hội của Đảng đề ra phương hướng, nhiệm vụ, mục tiêu kế hoạch kinh tế - xã hội 5 năm 1996 - 2000 là: *Đẩy mạnh công cuộc đổi mới một cách toàn diện và đồng bộ, tiếp tục phát triển nền kinh tế hàng hoá nhiều thành phần. Phấn đấu đạt và vượt mục tiêu tăng trưởng kinh tế nhanh, hiệu quả cao và bền vững đi đôi với giải quyết những vấn đề bức xúc về xã hội. cải thiện đời sống nhân dân, nâng cao tich lũy từ nội bộ đến kinh tế.*

b) Chuyển biến tiến bộ và khó khăn hạn chế của công cuộc đổi mới

- Những thành tựu đạt được:

+ Nền kinh tế vẫn giữ được nhịp độ tăng trưởng khá, cơ cấu kinh tế có sự chuyển dịch tích cực.

+ Cán cân chủ yếu trong nền kinh tế đã được điều chỉnh thích hợp.

+ Kinh tế đối ngoại phát triển.

+ Khoa học và công nghệ có bước chuyển biến tích cực. Giáo dục và đào tạo có bước phát triển mới cả về quy mô, chất lượng. Hình thức đào tạo và cơ sở vật chất.

+ Các lĩnh vực văn hoá - xã hội có bước phát triển đáng kể.

+ Tình hình chính trị - xã hội cơ bản ổn định; quốc phòng - an ninh được tăng cường; quan hệ đối ngoại không ngừng được mở rộng.

- Bên cạnh những thành tựu và ưu điểm, chúng ta gặp không ít khó khăn và yếu kém:

+ Nếu nền kinh tế phát triển chưa vững chắc; năng suất lao động hiệu quả và sức cạnh tranh thấp.

+ Một số vấn đề về văn hoá - xã hội bức xúc và gay gắt chậm được giải quyết.

+ Tình trạng tham nhũng chưa được khắc phục triệt để.

MỘT SỐ SỰ KIỆN LỊCH SỬ VIỆT NAM (1976 – 2000) ĐÁNG NHỚ

Thời gian	Sự kiện
1) Ngày 25 - 4 - 1976	Tổng tuyển cử bầu Quốc hội lần thứ hai tổ chức trong cả nước sau lần đầu tổ chức ngày 6 - 01 - 1946.
2) Ngày 02 - 7 - 1976	Định tên nước là Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.
3) Từ 14 đến 20 - 12 - 1976	Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV của Đảng Lao động Việt Nam. Đại hội đổi tên Đảng thành Đảng Cộng sản Việt Nam.
4) Ngày 31 - 01 - 1977	Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành lập trên cơ sở thống nhất mặt trận hai miền Nam – Bắc.
5) Ngày 20 - 9 - 1977	Việt Nam gia nhập Liên hiệp quốc.
6) Ngày 22 - 12 - 1978	Quân ta chiến đấu đập tan cuộc tấn công xâm lược biên giới Tây Nam của bọn PônPốt – Iêng Xari.
7) Ngày 18 - 12 - 1980	Quốc hội khóa VI thông qua Hiến pháp của nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.

Thời gian	Sự kiện
8) Từ 15 đến 18 - 12 - 1986	Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI của Đảng Cộng sản Việt Nam, là "Đại hội mở đầu" công cuộc đổi mới đất nước đi lên chủ nghĩa xã hội".
9) Từ 24 đến 27 - 6 - 1991	Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII của Đảng Cộng Sản Việt Nam, là "Đại hội tiếp tục công cuộc đổi mới đất nước đi lên chủ nghĩa xã hội" Đại hội thông qua "Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội".
10) Ngày 28 - 7 - 1995	Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam gia nhập Hiệp hội các nước Đông Nam Á (ASEAN), là thành viên thứ 7 của ASEAN.
11) Từ ngày 28 – 6 – 1996 đến ngày 01 – 7 – 1996.	Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII của Đảng đã kiểm điểm, đánh giá việc thực hiện Nghị quyết Đại hội lần thứ VII, tổng kết 10 năm đất nước thực hiện đường lối đổi mới, đề ra chủ trương, nhiệm vụ trong thời kì mới.

BÀI 27

TỔNG KẾT LỊCH SỬ VIỆT NAM TỪ NĂM 1919 ĐẾN NĂM 2000

I CÁC THỜI KÌ PHÁT TRIỂN LỊCH SỬ DÂN TỘC

1. Thời kì từ năm 1919 đến năm 1930

- Cuộc khai thác thuộc địa lần thứ hai (1919 - 1929) của Pháp đã làm chuyển biến tình hình kinh tế - xã hội Việt Nam, tạo cơ sở xã hội (giai cấp), điều kiện chính trị (phong trào yêu nước) để tiếp thu nguồn tư tưởng cách mạng vô sản.

- Nguyễn Ái Quốc và một số nhà yêu nước khác đến với chủ nghĩa Mác - Lênin, truyền bá chủ nghĩa Mác - Lênin và bài học Cách mạng tháng 10 về nước đã làm chuyển biến phong trào yêu nước chống Pháp từ lập trường tư sản sang lập trường vô sản.

- Phong trào yêu nước chống Pháp của bộ phận lớn tiểu tư sản và tổ chức, chuyển sang lập trường vô sản, cùng với phong trào công nhân chuyển sang tự giác, đòi hỏi có Đảng của giai cấp vô sản lãnh đạo. Ba tổ chức cộng sản ra đời vào nửa sau năm 1929 từ hai tổ chức yêu nước-cách mạng (Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên và Tân Việt cách mạng đảng) rồi thống nhất thành một Đảng duy nhất. Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời năm 1930 đáp ứng yêu cầu đó.

2. Thời kì từ năm 1930 đến năm 1945

- Tác động của cuộc khủng hoảng kinh tế trên thế giới 1929 - 1933 cùng với cuộc "khủng bố trắng" của Pháp sau khởi nghĩa Yên Bái (9 - 02 - 1930), đã làm bùng bổ phong trào cách mạng của quần chúng cả nước trong những năm 1930 - 1931. Sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam đã đưa phong trào lên tới đỉnh cao với sự thành lập Xô viết ở Nghệ Tĩnh. Phong trào từ cuối năm 1931 đi vào thoái trào, cách mạng Việt Nam chuyển sang đấu tranh nhằm phục hồi phong trào (1932 - 1935).
- Trong bối cảnh lịch sử những năm 1936 - 1939, khi chủ nghĩa phát xít xuất hiện, đe dọa hoà bình thế giới và phong trào chống phát xít ở Pháp giành thắng lợi bước đầu, ở nước ta dấy lên phong trào đấu tranh công khai rộng lớn. Phong trào đã thu hút đông đảo quần chúng tham gia dưới sự lãnh đạo của Đảng, đấu tranh đòi tự do dân sinh, dân chủ, cơm áo, hoà bình. Đây là phong trào quần chúng có mục tiêu, hình thức đấu tranh mới mẻ ở nước ta và rất hiếm có ở một nước thuộc địa.
- Cuộc Chiến tranh thế giới thứ II (1939 - 1945) đã tác động đến toàn thế giới. Cuộc chiến đấu của nhân dân Liên Xô và các lực lượng dân chủ thế giới chống phát xít thắng lợi đã tạo điều kiện thuận lợi cho cách mạng nước ta và nhiều nước tiến lên giải phóng dân tộc.
- Đầu năm 1941, Nguyễn Ái Quốc về nước trực tiếp lãnh đạo cách mạng. Tại Hội nghị Trung ương 8 (5 - 1941) đã hoàn chỉnh chủ trương chuyển hướng đấu tranh đề ra tại hội nghị Trung ương 6 (11 - 1939): Giương cao hơn nữa ngọn cờ giải phóng dân tộc, giải quyết vấn đề dân tộc trong phạm vi từng nước ở Đông Dương. Từ đây, cách mạng nước ta đẩy mạnh chuẩn bị tiến tới khởi nghĩa giành chính quyền.
- Thắng lợi của Cách mạng tháng Tám 1945 là kết quả của quá trình chuẩn bị và tập dượt trong 15 năm từ khi Đảng ra đời. Đảng đã lãnh đạo cuộc đấu tranh qua nhiều thời kì, toàn diện và trực tiếp nhất là thời kì tiến tới chuẩn bị tổng khởi nghĩa 1939 - 1945. Cuộc khởi nghĩa thắng lợi, chính quyền về tay nhân dân.

3. Thời kì từ năm 1945 đến năm 1954

- Sau Cách mạng tháng Tám, đất nước gặp muôn vàng khó khăn thử thách, tình thế hết sức hiểm nghèo khác nào *"Ngàn cân treo sợi tóc"*. Nhân dân ta vừa xây dựng chính quyền cách mạng, xây dựng chế độ dân chủ nhân dân, giải quyết nạn đói, nạn dốt và những khó khăn về tài chính, vừa đấu tranh chống ngoại xâm nội phản, bảo vệ nền độc lập. Từ cuối năm 1946, toàn dân ta tiến hành cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp trên phạm vi cả nước.

- Cuộc kháng chiến chống Pháp (1945 - 1954) tiến hành trong điều kiện nước ta đã giành được độc lập và chính quyền. Vì vậy, vừa kháng chiến vừa kiến quốc :

+ Cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược, và từ năm 1950 chống cả sự can thiệp của đế quốc Mĩ, trải qua hai giai đoạn *Phòng ngự* (từ đầu đến trước chiến dịch Biên giới thu-đông 1950) và *Tiến công* (từ chiến dịch Biên giới thu - đông 1950). Điện Biên Phủ là trận thắng quyết định đi đến việc kí kết Hiệp định Giơnevơ 1954 về Đông Dương.

+ Công cuộc kiến quốc nhằm xây dựng chính quyền dân chủ nhân dân, phục vụ kháng chiến, phục vụ dân sinh tạo điều kiện tiến lên chủ nghĩa xã hội sau khi chiến tranh kết thúc.

4. Thời kì từ năm 1954 đến năm 1975

- Xuất phát từ tình hình đất nước bị tạm thời chia cắt làm hai miền, Đảng đề ra nhiệm vụ cho cách mạng hai miền, mối quan hệ giữa cách mạng khác nhau và nhiệm vụ chung cho cách mạng hai miền, mối quan hệ giữa cách mạng hai miền. Nhiệm vụ chung, đó là "*nhiệm vụ kháng chiến chống Mĩ cứu nước*".

- *Ở miền Nam*, tiến hành cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân phát triển lên *khởi nghĩa* (từ 1959 - 1960) rồi *chiến tranh giải phóng* (từ giữa 1961), kết hợp khởi nghĩa với chiến tranh qua 5 thời kì, ta lần lượt đánh bại 4 chiến lược thống trị và xâm lược thực dân mới của Mĩ", 1954 - 1960 đánh bại chiến lược "Chiến tranh đơn phương" của Ai-xen-hao; 1961-1965 đánh bại "Chiến tranh đặc biệt" của Kennơđi; 1965-1968 đánh bại chiến lược "Chiến tranh cục bộ của Giônxơn; 1969 - 1973 đánh bại hoàn toàn chiến lược "Việt Nam hoá chiến tranh" của Níchxơn và Pho, tiến lên "*Đánh cho ngụy nhào*".

- *Ở miền Bắc,* thực hiện những nhiệm vụ của cách mạng trong thời kì quá độ đi lên chủ nghĩa xã hội là sản xuất, lao động xây dựng, và khi Mĩ mở rộng chiến tranh phá hoại bằng không quân và hải quân thì miền Bắc kết hợp chiến đấu và sản xuất. Đồng thời nhân dân miền Bắc còn làm nhiệm vụ của hậu phương chi viện cho tiền tuyến miền Nam và thực hiện nhiệm vụ quốc tế đối với Lào, Campuchia. Miền Bắc đã giành thắng lợi trong cuộc chiến đấu chống cuộc chiến tranh phá hoại của đế quốc Mĩ: lần thứ nhất bắt đầu từ ngày 05 - 8 - 1964, chính thức ngày 07 - 02 - 1965 đến ngày 01 - 11 - 1968; lần thứ hai bắt đầu ngày 06 - 4 - 1972, chính thức từ ngày 16 - 4 - 1972 đến ngày 15 - 01 - 1973

5. Thời kì từ năm 1975 đến năm 2000

- Cách mạng Việt Nam chuyển sang giai đoạn cách mạng xã hội chủ nghĩa từ sau khi đất nước độc lập và thống nhất . Chủ nghĩa xã hội là con đường phát triển hợp quy luật của cách mạng Việt Nam.

- Trong 10 năm đầu (1976 - 1986), nhân dân đã thực hiện kế hoạch Nhà nước 5 năm (1976 - 1980 và 1981 - 1985) do Đại hội IV (tháng 12 - 1976) và Đại hội V (tháng 3 - 1982) của Đảng đề ra. Bên cạnh nhiều thành tựu và ưu điểm, ta gặp không ít khó khăn, yếu kém, cả sai lầm, khuyết điểm. Khó khăn của ta ngày càng lớn, sai lầm chậm được sửa chữa, đưa đến khủng hoảng về kinh tế - xã hội, đòi hỏi phải đổi mới.

- Đường lối đổi mới được đề ra từ Đại hội VI (1986) nhằm khắc phục khó khăn, sản xuất sai lầm, vượt qua khủng hoảng, đẩy mạnh sự nghiệp cách mạng xã hội chủ nghĩa tiến lên. Trải qua gần hai thập kỉ, nhân dân ta đã thực hiện thắng lợi 3 kế hoạch Nhà nước 5 năm (và kế hoạch 5 năm lần thứ tư 2001 - 2005) do đại hội VI (tháng 12 - 1986), Đại hội VII (tháng 6 - 1991), Đại hội VIII (tháng 6 - 1996) và Đại Hội IX (tháng 4 - 2001) của Đảng.

- Công cuộc đổi mới đã và giành được thắng lợi. Thắng lợi đã đem lại nhiều thành tựu quan trọng về các mặt chính trị, kinh tế - xã hội, văn hoá - giáo dục và quan hệ đối ngoại. Đồng thời từng bước thực hiện tiến trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước nhằm mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh. Thắng lợi khẳng định đường lối đổi mới của Đảng là đúng, bước đi của công cuộc đổi mới là phù hợp.

II NGUYÊN NHÂN THẮNG LỢI, BÀI HỌC KINH NGHIỆM

1. Nguyên nhân

- Nhân dân ta đoàn kết một lòng, giàu lòng yêu nước, lao động cần cù sáng tạo, chiến đấu kiên cường vì độc lập tự do. Truyền thống đó của dân tộc được phát huy cao độ trong thời kì cách mạng do Đảng lãnh đạo.

- Đảng Cộng sản Việt Nam do Chủ tịch Hồ Chí Minh sáng lập, là đội tiên phong của giai cấp công nhân, đại diện tiêu biểu cho quyền lợi của giai cấp và dân tộc. Sự lãnh đạo sáng suốt của Đảng với đường lối cách mạng đúng đắn, sáng tạo, độc lập, tự chủ là nhân tố thắng lợi hàng đầu, chi phối các nhân tố khác của cách mạng Việt Nam.

2. Bài học

- Thực tế cách mạng nước ta từ năm 1930 đã để lại cho Đảng và nhân dân ta nhiều bài học kinh nghiệm qúy báu:

  + Nắm vững ngọn cờ độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, một bài học xuyên suốt quá trình cách mạng nước ta.

  + Sự nghiệp cách mạng là của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân. Nhân dân là người làm nên thắng lợi lịch sử.

+ Không ngừng củng cố, tăng cường đoàn kết: đoàn kết toàn Đảng, đoàn kết toàn dân, đoàn kết dân tộc, đoàn kết quốc tế.

+ Kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại, sức mạnh trong nước với sức mạnh quốc tế.

+ Sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng là nhân tố hàng đầu bảo đảm thắng lợi của cách mạng Việt Nam.

O PHẦN III

THAM KHẢO ĐỀ THI TỐT NGHIỆP THPT TỪ NĂM 2006 ĐẾN NĂM 2008

KỲ THI TỐT NGHIỆP TRUNG HỌC PHỔ THÔNG NĂM 2006

MÔN THI LỊCH SỬ, TRUNG HỌC PHỔ THÔNG KHÔNG PHÂN BAN

THỜI GIAN LÀM BÀI: 90 PHÚT, KHÔNG KỂ THỜI GIAN GIAO ĐỀ

THÍ SINH CHỌN MỘT TRONG HAI ĐỀ SAU

ĐỀ I

A LỊCH SỬ VIỆT NAM (7,0 điểm)

☐ Câu 1 (4,0 điểm)

Tóm tắt hoạt động của Nguyễn Ái Quốc từ năm 1920 đến đầu năm 1930 . Công lao to lớn đầu tiên của Nguyễn Ái Quốc đối với cách mạng Việt Nam là gì?

☐ Câu 2 (2,0 điểm)

Trình bày chủ trương, biện pháp của Đảng, Chính phủ và Chủ tịch Hồ Chí Minh nhằm đối phó với quân đội tưởng Giới Thạch và tay sai từ sau khi Cách mạng tháng Tám thành công đến trước ngày 06 - 3 - 1946.

☐ Câu 3 (1,0 điểm)

Xác định mốc thời gian (ngày, tháng, năm) tương ứng với những sự kiện lịch sử được trình bày trong bảng sau:

Thời gian	Sự kiện
	Cuộc kháng chiến toàn quốc bùng nổ
	Kết thúc chiến dịch Việt Bắc
	Mở đầu chiến dịch biên giới
	Kết thúc chiến dịch lịch sử Điện Biên Phủ

B LỊCH SỬ THẾ GIỚI (3,0 điểm)

Sự kiện nào đánh dấu bước phát triển mới của phong trào giải phóng dân tộc khu vực Mỹ La tinh sau Chiến tranh thế giới thứ II? kể từ đó, phong trào đã diễn ra như thế nào?

ĐỀ II

A LỊCH SỬ VIỆT NAM (7,0 điểm)

☐ Câu 1 (4,0 điểm).

Trình bày nguyên nhân bùng nổ và diễn biến chính của phong trào cách mạng Việt Nam trong năm 1930 dưới sự lãnh đạo của Đảng.

☐ Câu 2 (2,0 điểm).

Tóm tắt hoàn cảnh lịch sử và nội dung của Hiệp định Sơ bộ được ký kết giữa đại diện chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa và đại diện chính phủ Pháp (ngày 06 - 3 - 1946).

☐ Câu 3 (1,0 điểm).

Xác định mốc thời gian (ngày, tháng, năm) tương ứng với những sự kiện lịch sử trong cuộc kháng chiến chống " Chiến tranh đặc biệt" của Mĩ theo bảng sau :

Thời gian	Sự kiện
	Chiến thắng Ấp Bắc (Mĩ Tho)
	Cuộc biểu tình của hai vạn tăng ni, phật tử Huế
	Cuộc biểu tình của 70 vạn quần chúng Sài Gòn
	Chiến thắng Bình Giã (Bà Rịa)

B LỊCH SỬ THẾ GIỚI (3,0 điểm)

Sự kiện nào đánh dấu bước phát triển mới của phong trào giải phóng dân tộc khu vực Mỹ La tinh sau Chiến tranh thế giới thứ II? kể từ đó ,phong trào đã diễn ra như thế nào?

HƯỚNG DẪN LÀM BÀI

ĐỀ I

A LỊCH SỬ VIỆT NAM (7,0 điểm)

☐ Câu 1 (4,0 điểm)

Tóm tắt hoạt động của Nguyễn Ái Quốc từ năm 1920 đến đầu năm 1930. Công lao to lớn đầu tiên của Nguyễn Ái Quốc đối với cách mạng Việt Nam là gì?

1.1. Tóm tắt những hoạt động chính của Nguyễn Ái Quốc......

- Tháng 7 năm 1920, Nguyễn Ái Quốc đọc bản *sơ thảo lần thứ nhất Luận cương về vấn đề dân tộc thuộc địa* của V.I.Lênin đăng trên báo *Nhân đạo* của Đảng Xã hội Pháp.

- Ngày 25 – 12 - 1920, Nguyễn Ái Quốc tham dự Đại hội đại biểu toàn quốc của Đảng Xã hội Pháp tại thành phố Tua. Người đã đứng về phía đa số đại biểu bỏ phiếu tán thành gia nhập Quốc tế Cộng sản và thành lập Đảng Cộng sản Pháp. Nguyễn Ái Quốc trở thành đảng viên cộng sản, đồng thời là một trong những người tham gia thành lập Đảng Cộng sản Pháp.

- Năm 1921, cùng với một số người yêu nước của Angiêri, Marốc, Tuynidi... lập ra Hội Liên hiệp thuộc địa ở Pari và viết báo Người cùng khổ.

- Người còn viết nhiều bài cho các báo Nhân đạo, Đời sống công nhân ... và đặc biệt là cuốn Bản án chế độ thực dân Pháp (1925).

- Tháng 6 - 1923, sang Liên Xô, dự Hội nghị Quốc tế Nông dân (Tháng 10 - 1923), viết bài cho báo Sự thật của Đảng Cộng sản Liên Xô, tạp chí Thư tín Quốc tế của Quốc tế Cộng sản. Dự Đại hội Quốc tế Cộng sản lần thứ V (1924).

- Ngày 11 - 11 - 1924, Nguyễn Ái Quốc đến Quảng Châu (Trung Quốc) để trực tiếp đào tạo cán bộ, xây dựng tổ chức cách mạng, truyền bá lý luận cách mạng giải phóng dân tộc vào Việt Nam.

- Tháng 6 – 1925, thành lập Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên ở Quảng Châu (Trung Quốc). Trực tiếp mở các lớp huấn luyện cho Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên. Ra báo Thanh niên và xuất bản tác phẩm Đường cách mệnh.

- Cuối năm 1929, từ Xiêm (Thái Lan) về Hương Cảng (Trung Quốc), triệu tập và chủ trì Hội nghị thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam (đầu năm 1930).

1.2. Công lao to lớn đầu tiên

Đến với chủ nghĩa Mác – Lênin, tìm ra con đường cứu nước đúng đắn, đó là con đường cách mạng vô sản. Mở đường giải quyết sự khủng hoảng về đường lối của cách mạng Việt Nam.

❑ **Câu 2 (2,0 điểm)**

Trình bày chủ trương, biện pháp của Đảng, Chính phủ và Chủ tịch Hồ Chí Minh nhằm đối phó với quân đội Tưởng Giới Thạch và tay sai từ sau khi Cách mạng tháng Tám thành công đến trước ngày 06 - 3 - 1946.

2.1. Chủ trương và biện pháp:

- Chủ trương: Hòa hoãn với Tưởng, đánh Pháp ở Nam Bộ.

- Biện pháp:

+ Nhân nhượng cho bọn tay sai của Trung Hoa Dân quốc 70 ghế trong Quốc hội và 4 ghế trong Chính phủ.

+ Cung cấp lương thực, thực phẩm cho 20 vạn quân Trung Hoa Dân quốc.

+ Dùng tiền Trung Quốc mất giá.

+ Kiên quyết trừng trị bọn phản cách mạng.

❑ **Câu 3 (1,0 điểm)**

Xác định mốc thời gian (ngày, tháng, năm) tương ứng với những sự kiện lịch sử được trình bày trong bảng sau:

Thời gian	**Sự kiện**
19 – 12 - 1946	Cuộc kháng chiến toàn quốc bùng nổ
19 – 12 - 1947	Kết thúc chiến dịch Việt Bắc
16 - 9 - 1950	Mở đầu chiến dịch biên giới
07- 5 - 1954	Kết thúc chiến dịch lịch sử Điện Biên Phủ

B LỊCH SỬ THẾ GIỚI (3,0 điểm)

Sự kiện nào đánh dấu bước phát triển mới của phong trào giải phóng dân tộc khu vực Mỹ La tinh sau Chiến tranh thế giới thứ II? kể từ đó, phong trào đã diễn ra như thế nào?

- Sự kiện đánh dấu: Thắng lợi của cách mạng Cuba năm 1959.

- Phong trào giải phóng dân tộc ở Mĩ Latinh:

+ Từ thập niên 60 - 70, phong trào đấu tranh chống Mĩ và chế độ độc tài thân Mĩ ở khu vực càng phát triển và thu nhiều thắng lợi.

+ Cùng với những hình thức bất công của công nhân, nổi dậy của nông dân đòi ruộng đất, đấu tranh nghị trường để thành lập các chính phủ tiến bộ, cao trào đấu tranh vũ trang bùng nổ mạnh mẽ ở Mĩ Latinh nên khu vực này được gọi là "lục địa bùng cháy".

+ Phong trào đấu tranh vũ trang chống chế độ độc tài ở các nước Vênêxuêla, Goatêmala, Côlômbia, Pêru, Nicaragoa, Chilê, En Xanvađo... đã diễn ra liên tục.

+ Từ cuối những năm 80 trở đi, Mĩ phản kích can thiệp vào Grênađa, Panama, Nicaragoa; bao vây, cấm vận kinh tế, cô lập chính trị Cuba.

- Nhìn chung bộ mặt khu vực Mĩ Latinh có nhiều biến đổi, có một số nước đã trở thành nước Cộng hòa mới.

ĐỀ II

A LỊCH SỬ VIỆT NAM (7,0 điểm)

☐ Câu 1 (4,0 điểm)

Trình bày nguyên nhân bùng nổ và diễn biến chính của phong trào cách mạng Việt Nam trong năm 1930 dưới sự lãnh đạo của Đảng.

1.1. Nguyên nhân:

- Thực dân Pháp tìm cách trút gánh nặng của cuộc khủng hoảng kinh tế (1929 – 1933) lên đầu nhân dân Việt Nam, làm cho đời sống của nhân dân ta vốn đã khốn khổ lại càng thêm khốn khổ.
- Đầu năm 1930, sau khi cuộc khởi nghĩa Yên Bái bị thất bại, thực dân Pháp tiến hành khủng bố trắng những người yêu nước Việt Nam, làm tăng thêm mâu thuẫn và tình trạng bất ổn định trong xã hội.
- Trong bối cảnh của cuộc khủng hoảng kinh tế và phong trào cách mạng dâng cao, ngay sau khi ra đời, Đảng Cộng sản Việt Nam đã kịp thời lãnh đạo phong trào đấu tranh của quần chúng công – nông khắp cả nước.

1.2. Diễn biến chính

- Tháng 02 – 1930: Nổ ra cuộc đấu tranh của công nhân, nông dân và các tầng lớp lao động khác. Tiêu biểu là cuộc bãi công của công nhân đồn điền cao su Phú Riềng, Dầu Tiếng.
- Tháng 3, 4 – 1930: Diễn ra cuộc đấu tranh của công nhân nhà máy sợi Nam Định, nhà máy diêm Bến Thuỷ.
- Tháng 5 đến 8 – 1930: Trên phạm vi cả nước bùng nổ nhiều cuộc đấu tranh nhân ngày Quốc tế Lao động 01- 5. Từ tháng 6 đến tháng 8 năm 1930, cả nước có 121 cuộc đấu tranh, trong đó công nhân có 22 cuộc, nông dân có 95 cuộc, các tầng lớp khác có 4 cuộc.
- Tháng 9, 10 – 1930: Phong trào đạt đến đỉnh cao, nhất là ở hai tỉnh Nghệ An và Hà Tĩnh. Nông dân đã tự vũ trang khởi nghĩa giành chính quyền ở một số địa phương. Hệ thống chính quyền thực dân, phong kiến bị tê liệt, tan rã ở nhiều huyện, xã. Chính quyền Xô viết Nghệ - Tĩnh được thành lập.

❑ **Câu 2 (2,0 điểm)**

Tóm tắt hoàn cảnh lịch sử và nội dung của Hiệp định Sơ bộ được ký kết giữa đại diện chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa và đại diện chính phủ Pháp (ngày 6 - 3 – 1946).

2.1. Hoàn cảnh

- Pháp dùng thủ đoạn điều đình với chính phủ Trung Hoa dân quốc để ra Bắc thay thế quân Trung Hoa dân quốc giải giáp quân Nhật. Trong khi đó, Trung Hoa dân quốc thấy cần phải rút về nước, tập trung đối phó với phong trào cách mạng do Đảng Cộng sản Trung Quốc lãnh đạo.

- Trung Hoa Dân quốc và Pháp đã thỏa hiệp với nhau, ký kết bản Hiệp ước Hoa - Pháp ngày 28 - 02 - 1946.

- Hiệp ước Hoa - Pháp buộc nhân dân ta phải chọn một trong hai con đường: hoặc là cầm vũ khí chống lại thực dân Pháp khi chúng ra miền Bắc; hoặc là hòa hoãn với Pháp để nhanh chóng gạt 20 vạn quân Trung Hoa dân quốc ra khỏi miền Bắc.

- Trước tình thế mà Hiệp ước đó đặt ra, Đảng và Chính phủ ta đã thực hiện sách lược hòa với Pháp bằng cách kí Hiệp định Sơ bộ 06 – 3 - 1946.

2.2. Nội dung

- Chính phủ Pháp công nhận nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa là một quốc gia tự do, có chính phủ, nghị viện, quân đội và tài chính riêng nằm trong khối Liên hiệp Pháp.

- Chính phủ Việt Nam thỏa thuận cho 15.000 quân Pháp ra miền Bắc thay quân Trung Hoa dân quốc làm nhiệm vụ giải giáp quân Nhật, số quân này sẽ rút dần trong thời hạn 5 năm.

- Hai bên thực hiện ngừng bắn, tạo không khí thuận lợi cho việc mở cuộc đàm phán chính thức.

❑ **Câu 3 (1,0 điểm)**

Xác định mốc thời gian (ngày, tháng, năm) tương ứng với những sự kiện lịch sử trong cuộc kháng chiến chống “ Chiến tranh đặc biệt” của Mĩ theo bảng sau :

Thời gian	**Sự kiện**
02 - 01 - 1963	Chiến thắng Ấp Bắc (Mĩ Tho)
08 - 5 - 1963	Cuộc biểu tình của hai vạn tăng ni, phật tử Huế
16 - 6 - 1963	Cuộc biểu tình của 70 vạn quần chúng Sài Gòn
02 - 12 - 1963	Chiến thắng Bình Giã (Bà Rịa)

B LỊCH SỬ THẾ GIỚI (3,0 điểm)

Sự kiện nào đánh dấu bước phát triển mới của phong trào giải phóng dân tộc khu vực Mỹ La Tinh sau Chiến tranh thế giới thứ II? kể từ đó, phong trào đã diễn ra như thế nào? (như đề 1)

KỲ THI TỐT NGHIỆP TRUNG HỌC PHỔ THÔNG NĂM 2006

MÔN THI LỊCH SỬ, TRUNG HỌC PHỔ THÔNG PHÂN BAN

THỜI GIAN LÀM BÀI: 90 PHÚT, KHÔNG KỂ THỜI GIAN GIAO ĐỀ

ĐỀ I

I PHẦN CHUNG CHO THÍ SINH CẢ 2 BAN (7,0 điểm)

☐ **Câu 1 (4,0 điểm)**

Âm mưu của Pháp – Mĩ trong việc chiếm đóng, xây dựng tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ.

Tại sao ta mở chiến dịch Điện Biên Phủ? Chiến dịch đã diễn ra và thắng lợi như thế nào? Ý nghĩa của thắng lợi đó.

☐ **Câu 2 (3,0 điểm)**

Trình bày những điểm giống nhau và khác nhau về âm mưu và thủ đoạn giữa hai chiến lược “Chiến tranh đặc biệt” và “Chiến tranh cục bộ” của Mĩ ở miền Nam Việt Nam

II PHẦN DÀNH CHO THÍ SINH TỪNG BAN (3,0 điểm)

A. Thí sinh ban KHTN chọn câu 3a hoặc câu 3b.

☐ **Câu 3a (3,0 điểm).**

Nội dung cơ bản của đường lối cải cách ở Trung Quốc và những thành tựu chính mà Trung Quốc đạt được trong những nắm 1978 - 2000.

☐ **Câu 3b (3,0 điểm).**

Trình bày những nét chính về Liên bang Nga trong những năm 1991 -2000

B. Thí sinh ban KHXH -NV chọn câu 4a hoặc câu 4b.

☐ **Câu 4a (3,0 điểm).**

Xu thế toàn cầu hóa ngày nay được biểu hiện chủ yếu như thế nào? Vì sao nói: Toàn cầu hóa vừa là thời cơ, vừa là thách thức đối với Việt Nam?

❑ **Câu 4b (3,0 điểm).**

Trình bày những biến đổi chính của tình hình thế giới sau khi "chiến tranh lạnh" chấm dứt. Trước tình hình đó Đảng ta đã có những chủ trương cơ bản nào trong công cuộc đổi mới?

HƯỚNG DẪN LÀM BÀI

I PHẦN CHUNG CHO THÍ SINH CẢ 2 BAN (7,0 điểm)

❑ **Câu 1(4,0 điểm)**

Âm mưu của Pháp – Mĩ trong việc chiếm đóng, xây dựng tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ.

Tại sao ta mở chiến dịch Điện Biên Phủ? Chiến dịch đã diễn ra và thắng lợi như thế nào? Ý nghĩa của thắng lợi đó.

1.1. Âm mưu của Pháp – Mĩ

- Điện Biên Phủ có một vị trí chiến lược quan trọng, là một địa bàn nằm giữa cánh đồng Mường Thanh, xung quanh có núi bao bọc.

- Với vị trí địa lý của Điện Biên Phủ, về lâu dài Pháp - Mĩ muốn biến nơi đây thành một căn cứ lục quân và không quân có tác dụng lợi hại trong âm mưu xâm lược Đông Nam Á.

- Khi kế hoạch Nava bước đầu bị phá sản, Pháp – Mĩ cho xây dựng Điện Biên Phủ thành tập đoàn cứ điểm mạnh nhất ở Đông Dương.

1.2. Tại sao ta mở chiến dịch Điện Biên Phủ

- Đánh Điện Biên Phủ để tiêu diệt lực lượng địch, giải phóng Tây Bắc và tạo điều kiện cho Lào giải phóng Bắc Lào.

- Đập tan hoàn toàn kế hoạch Nava, kết thúc cuộc chiến tranh xâm lược của Pháp ở Đông Dương.

- Vào ngày 06 - 12 - 1953, Trung ương Đảng đã họp và nhận định: Điện Biên Phủ là tập đoàn cứ điểm mạnh nhưng thế yếu của địch ở Điện Biên Phủ dễ bị cô lập, chỉ tiếp tế được bằng đường không, nếu ta cắt đứt đường hàng không, địch sẽ rơi vào thế "tử lộ" .

Trên cơ sở phân tích tình hình, Trung ương Đảng đã quyết định mở chiến dịch Điện Biên Phủ, biến Điện Biên Phủ thành điểm "quyết chiến chiến lược giữa ta và địch".

1.3. Diễn biến

+ *Đợt 1, từ ngày 13 đến ngày 17 - 3 - 1954;* quân ta tiến công tiêu diệt các cứ điểm Him Lam và toàn bộ phân khu Bắc.

+ *Đợt 2, từ ngày 30 - 3 đến ngày 26 - 4 - 1954:* quân ta đồng loạt tiến công các cứ điểm phía đông khu Trung tâm Mường Thanh như E_1, D_1, C_1, A_1... Ta chiếm phần lớn các cứ điểm của địch tạo thêm điều kiện để bao vây, chia cắt, khống chế địch.

+ *Đợt 3, từ ngày 01 - 5 đến ngày 07 - 5 - 1945:* quân ta đồng loạt tiến công phân khu Trung tâm Mường Thanh và phân khu Nam, lần lượt tiêu diệt các điểm đề kháng còn lại của địch. Ngày 07 - 5 - 1954, chiến dịch kết thúc thắng lợi..

1.4. Kết quả

- Ta lọai khỏi vòng chiến đấu 16200 tên địch, bắn rơi và phá hủy 62 máy bay, thu toàn bộ vũ khí và phương tiện chiến tranh của Pháp.
- Đập tan hoàn toàn kế hoạch Nava, phá tan âm mưu kéo dài và mở rộng chiến tranh của Mĩ.

1.5. Ý nghĩa

- Giáng một đòn quyết định vào ý chí xâm lược của thực dân Pháp và can thiệp Mĩ, làm xoay chuyển cục diện chiến tranh ở Đông Dương.
- Tạo điều kiện thuận lợi cho cuộc đấu tranh ngoại giao ở Giơnevơ giành thắng lợi..

☐ Câu 2 (3,0 điểm)

Trình bày những điểm giống nhau và khác nhau về âm mưu và thủ đoạn giữa hai chiến lược "Chiến tranh đặc biệt" và "Chiến tranh cục bộ" của Mĩ ở miền Nam Việt Nam.

2.1. Giống nhau

- Đều là chiến tranh xâm lược thực dân mới của Mĩ, nhằm biến miền Nam thành thuộc địa kiểu mới của Mĩ.
- Đều thực hiện âm mưu chống lại cách mạng và nhân dân miền Nam.
- Đều sử dụng vũ khí và phương tiện chiến tranh của Mĩ.

2.2. Khác nhau

- Về quy mô chiến tranh: "Chiến tranh đặc biệt" diễn ra ở miền Nam, còn "Chiến tranh cục bộ" mở rộng cả hai miền Nam - Bắc.
- Về tính chất ác liệt: "Chiến tranh cục bộ" ác liệt hơn, thể hiện ở mục tiêu, lực lượng tham chiến, vũ khí, hoả lực và phương tiện chiến tranh.
- Về lực lượng:

+ "Chiến tranh đặc biệt" được tiến hành bằng quân đội tay sai dưới sự chỉ huy của cố vấn Mĩ, dựa vào vũ khí, trang bị kĩ thuật, phương tiện chiến tranh của Mĩ nhằm thực hiện mưu đồ cơ bản là "Dùng người Việt đánh người Việt", "Thay màu da cho xác chết".

+ "Chiến tranh cục bộ" với mục tiêu là vừa tiêu diệt quân chủ lực vừa bình định miền Nam, phá hoại miền Bắc. Lực lượng tham chiến đông, gồm cả Mĩ, chư hầu, ngụy, trong đó quân Mĩ giữ vai trò quan trọng và không ngừng tăng lên về số lượng và trang bị.

- Về biện pháp:

+ "Chiến tranh đặc biệt" được tiến hành bằng các biện pháp xây dựng quân đội Sài Gòn, dồn dân lập "Ấp chiến lược".

+ "Chiến tranh cục bộ" được thực hiện bằng những cuộc hành quân "bình định", "tìm diệt" với hai cuộc phản công chiến lược mùa khô 1965 – 1966 và 1966 – 1967.

II PHẦN DÀNH CHO THÍ SINH TỪNG BAN (3,0 điểm)

A. Thí sinh ban KHTN chọn câu 3a hoặc câu 3b.

☐ Câu 3a (3,0 điểm).

Nội dung cơ bản của đường lối cải cách ở Trung Quốc và những thành tựu chính mà Trung Quốc đạt được trong những năm 1978 - 2000.

a.1. Nội dung cơ bản:

- Tháng 12 - 1978, Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc đề ra đường lối mới, mở đầu cho công cuộc cải cách kinh tế - xã hội. Đường lối này được nâng lên thành đường lối chung của Đại hội XII (tháng 9 - 1982), đặc biệt là Đại hội XIII (tháng 10 - 1987) của Đảng.

- Nội dung cơ bản của đường lối cải cách:

+ Lấy phát triển kinh tế làm trung tâm.

+ Tiến hành cải cách và mở cửa, chuyển nền kinh tế kế hoạch hoá tập trung sang kinh tế thị trường xã hội chủ nghĩa, nhằm hiện đại hoá và xây dựng chủ nghĩa xã hội mang màu sắc Trung Quốc.

+ Thực hiện mục tiêu biến Trung Quốc thành quốc gia giàu mạnh, dân chủ và văn minh.

a.2. Những thành tựu chính:

- Kinh tế có tốc độ phát triển cao, đời sống nhân dân được cải thiện.

- Khoa học - kĩ thuật, văn hoá và giáo dục Trung Quốc đạt nhiều thành tựu quan trọng: Năm 1964, Trung Quốc thử thành công bom nguyên tử. Từ tháng 11 - 1999 đến tháng 3 - 2003, Trung Quốc đã phóng 4 con tàu "Thần Châu" và ngày 15 - 10 - 2003, tàu "Thần Châu 5" cùng nhà du hành Dương Lợi Vĩ đã bay vào vũ trụ.

- Đối ngoại, có nhiều tiến bộ, vai trò và địa vị của Trung Quốc ngày càng được nâng cao. Bình thường hóa quan hệ ngoại giao với Liên Xô, Việt Nam, Mông Cổ...; thu hồi Hồng Công và Ma Cao.

❑ Câu 3b (3,0 điểm)

Trình bày những nét chính về Liên bang Nga trong những năm 1991 -2000.

- Là "quốc gia kế tục Liên Xô"

- Về kinh tế, từ năm 1992, Chính phủ Nga đề ra cương lĩnh tư nhân hoá nền kinh tế nước Nga, cố gắng đưa đất nước đi vào kinh tế thị trường.

- Về chính trị, sau một thời gian đấu tranh gay gắt giữa các đảng phái, tháng 12 – 1993, bản Hiến pháp của Liên bang Nga được ban hành.

- Về mặt đối ngoại, trong những năm 1992 - 1993, nước Nga theo đuổi chính sách đối ngoại "định hướng Đại Tây Dương", ngả về các cường quốc phương Tây với hi vọng giành được sự ủng hộ về chính trị và sự viện trợ về kinh tế.

- Từ đầu năm 2000, chính phủ của Tổng thống Putin cố gắng phát triển kinh tế, củng cố nhà nước pháp quyền, ổn định tình hình xã hội và nâng cao vị thế quốc tế của nước Nga.

B. Thí sinh ban KHXH -NV chọn câu 4a hoặc câu 4b.

❑ Câu 4a (3,0 điểm)

Xu thế toàn cầu hóa ngày nay được biểu hiện chủ yếu như thế nào? Vì sao nói: Toàn cầu hóa vừa là thời cơ, vừa là thách thức đối với Việt Nam?

a.1. Những biểu hiện của xu thế toàn cầu hóa

- Sự phát triển nhanh chóng của quan hệ thương mại quốc tế.

- Sự phát triển và tác động to lớn của các công ti xuyên quốc gia.

- Sự sáp nhập và hợp nhất các công ti thành những tập đoàn lớn.

- Sự ra đời của các tổ chức liên kết kinh tế, thương mại, tài chính quốc tế và khu vực.

- Toàn cầu hóa là một xu thế khách quan, là một thực tế không thể đảo ngược được.

a.2. Toàn cầu hóa vừa là thời cơ, vừa là thách thức đối với Việt Nam

- Về thời cơ:

+ Tạo điều kiện cho việc hợp tác, tham gia các lien minh kinh tế, chiếm lĩnh thị trường, tiếp thu thành tựu khoa học, công nghệ tiến tiến, tận dụng nguồn vốn, học tập kinh nghiệm về quản lí.

+ Có thể "đi tắt đón đầu" rút ngắn thời gian xây dựng và phát triển đất nước.

- Về thách thức:

+ Sự cạnh tranh quyết liệt của thị trường thế giới và các quan hệ kinh tế quốc tế còn nhiều bất bình đẳng, gây nhiều thiệt hại đối với nước ta.

+ Vấn đề sử dụng có hiệu quả các nguồn vốn vay nợ vẫn còn bất hợp lí.

+ Vấn đề giữ gìn và bảo vệ bản sắc văn hoá dân tộc, kết hợp hài hoà giữa truyền thống và hiện đại cần được lưu ý.

+ Cần phải cố gắng tận dụng thời cơ, vượt qua thách thức, phải luôn nêu cao tinh thần vì độc lập tự chủ của quốc gia, dân tộc.

❑ Câu 4b (3,0 điểm).

Trình bày những biến đổi chính của tình hình thế giới sau khi "chiến tranh lạnh" chấm dứt. Trước tình hình đó Đảng ta đã có những chủ trương cơ bản nào trong công cuộc đổi mới?

b.1. Những biến đổi chính của tình hình thế giới sau khi "chiến tranh lạnh"

- Xu thế phát triển của thế giới sau khi Chiến tranh lạnh chấm dứt.

+ Một là, trật tự thế giới "hai cực" đã sụp đổ nhưng trật tự thế giới mới lại đang trong quá trình hình thành.

+ Hai là, sau Chiến tranh lạnh, hầu hết các quốc gia đều điều chỉnh chiến lược phát triển, tập trung vào phát triển kinh tế.

+ Ba là, sự tan rã của Liên Xô đã tạo cho Mĩ một lợi thế tạm thời. Giới cầm quyền Mĩ ra sức thiết lập trật tự thế giới mới một cực để làm bá chủ thế giới.

+ Bốn là, sau Chiến tranh lạnh, hòa bình thế giới được củng cố, nhưng ở nhiều khu vực tình hình lại không ổn định với những cuộc nội chiến, xung đột quân sự đẫm máu kéo dài.

- Bước sang thế kỉ XXI, với sự tiến triển của xu thế hòa bình, hợp tác và phát triển, các dân tộc hi vọng về một tương lai tốt đẹp của lòai người.

b.2. Chủ trương của Đảng ta

- Thực hiện chính sách đại đoàn kết dân tộc, tập hợp mọi lực lượng của dân tộc; giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc; tăng cường quốc phòng an ninh; đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

- Thực hiện chính sách đối ngoại hòa bình, hữu nghị, hợp tác với tinh thần "Việt Nam muốn là bạn của tất cả các nước"; mở rộng quan hệ đối ngoại, hợp tác kinh tế quốc tế.

KỲ THI TỐT NGHIỆP TRUNG HỌC PHỔ THÔNG NĂM 2006

MÔN THI LỊCH SỬ, BỔ TÚC TRUNG HỌC PHỔ THÔNG

THỜI GIAN LÀM BÀI: 90 PHÚT, KHÔNG KỂ THỜI GIAN GIAO ĐỀ

THÍ SINH CHỌN MỘT TRONG HAI ĐỀ SAU

ĐỀ I

A LỊCH SỬ VIỆT NAM (7,0 điểm)

☐ Câu 1 (3,0 điểm)

Trình bày bối cảnh lịch sử và sự ra đời ba tổ chức cộng sản ở Việt Nam (năm 1929)

☐ Câu 2 (4,0 điểm)

Chiến dịch Biên giới thu - đông 1950:

Mục đích của ta.

Những nét diễn biến chính, kết quả và ý nghĩa lịch sử

B LỊCH SỬ THẾ GIỚI (3,0 điểm)

Nêu hoàn cảnh lịch sử, nội dung và tác động đến sự hình thành trật tự thế giới của hội nghị cấp cao Ianta (02-1945)

ĐỀ II

A LỊCH SỬ VIỆT NAM (7,0 điểm)

☐ Câu 1 (3,0 điểm)

Trình bày điều kiện bùng nổ và ý nghĩa của phong trào cách mạng 1930 -1931 với đỉnh cao là Xô Viết Nghệ - Tĩnh

☐ Câu 2 (4,0 điểm)

Cuộc chiến đấu của quân và dân ta ở miền Nam chống chiến lược "Chiến tranh cục bộ" của Mĩ (1965 -1968):

Chiến lược "Chiến tranh cục bộ": hoàn cảnh lịch sử, âm mưu và thủ đoạn của Mĩ.

Nêu những thắng lợi lớn về quân sự của quân và dân ta

B LỊCH SỬ THẾ GIỚI (3,0 điểm)

Nêu hoàn cảnh lịch sử, nội dung và tác động đến sự hình thành trật tự thế giới của hội nghị cấp cao Ianta (02 - 1945)

HƯỚNG DẪN LÀM BÀI

ĐỀ I

A LỊCH SỬ VIỆT NAM (7,0 điểm)

☐ Câu 1 (3,0 điểm)

Trình bày bối cảnh lịch sử và sự ra đời ba tổ chức cộng sản ở Việt Nam (năm1929)

1.1. Trình bày bối cảnh lịch sử

- Từ cuối năm 1928 đầu năm 1929, phong trào cách mạng theo khuynh hướng vô sản phát triển mạnh mẽ ở nước ta.
- Trước tình hình đó, Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên không còn đủ khả năng lãnh đạo phong trào.
- Một yêu cầu cấp thiết đặt ra là phải có chính đảng của giai cấp vô sản lãnh đạo nhằm đưa phong trào tiếp tục phát triển.
- Đáp ứng ứng yêu cầu lịch sử đó, ở Việt Nam lần lượt xuất hiện ba tổ chức cộng sản trong năm 1929.

1.2. Sự ra đời

- Cuối tháng 3 - 1929, một số hội viên tiên tiến của Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên ở Bắc Kì họp tại số nhà 5D phố Hàm Long (Hà Nội) lập ra Chi bộ cộng sản đầu tiên ở Việt Nam.
- Tháng 5 - 1929, Đại hội lần thứ nhất của Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên họp tại Hương Cảng.
- Ngày 17 - 6 – 1929, thành lập *Đông Dương Cộng sản đảng.*
- Tháng 8 - 1929, thành lập *An Nam Cộng sản đảng*.
- Tháng 9 - 1929, thành lập *Đông Dương Cộng sản liên đoàn*.

☐ Câu 2 (4,0 điểm)

Chiến dịch Biên giới thu - đông 1950:

Mục đích của ta.

Những nét diễn biến chính, kết quả và ý nghĩa lịch sử.

2.1. Mục đích của ta

- Tiêu diệt một bộ phận sinh lực địch.
- Khai thông biên giới Việt – Trung, mở đường liên lạc với thế giới bên ngoài.
- Củng cố và mở rộng căn cứ địa Việt Bắc.

2.2. Diễn biến chính, kết quả và ý nghĩa lịch sử:

- Diễn biến:

+ Ngày 16 – 9 – 1950, quân ta tấn công cứ điểm Đông Khê. Đến ngày 18 – 9, ta chiếm Đông Khê, Thất Khê bị uy hiếp, Cao Bằng bị cô lập.

+ Từ ngày 01 – 10 – 1950, quân ta chặn đánh các cánh quân của địch từ Cao Bằng về và Thất Khê lên.

+ Từ ngày 10 đến ngày 22 – 10 – 1950, địch rút khỏi các cứ điểm trên đường số 4. Chiến dịch toàn thắng.

- Kết quả:

+ Ta tiêu diệt và bắt sống 8.300 tên địch.

+ Thu nhiều vũ khí và phương tiện chiến tranh.

+ Giải phóng 750 km biên giới, căn cứ địa Việt Bắc được củng cố, mở rộng.

- Ý nghĩa:

+ Con đường nối nước ta với các nước XHCN được khai thông.

+ Quân đội ta đã trưởng thành, giành được thế chủ động trên chiến trường chính (Bắc Đông Dương).

+ Mở ra bước phát triển mới của cuộc kháng chiến.

B LỊCH SỬ THẾ GIỚI (3,0 điểm)

Nêu hoàn cảnh lịch sử, nội dung và tác động đến sự hình thành trật tự thế giới của hội nghị cấp cao Ianta (2-1945).

B.1. Hoàn cảnh:

- Đến năm 1945, Chiến tranh thế giới lần thứ II bước vào giai đoạn cuối. Nhiều vấn đề cấp thiết đặt ra cho các nước Đồng minh:

+ Nhanh chóng đánh bại hoàn toàn các nước phát xít.

+ Tổ chức lại thế giới mới sau chiến tranh.

+ Phân chia thành quả chiến tranh giữa các nước thắng trận.

- Trong bối cảnh đó, hội nghị quốc tế được triệu tập tại Ianta (Liên Xô) từ ngày 04 đến 11 - 02 - 1945.

B.2. Nội dung:

- Tiêu diệt tận gốc chủ nghĩa phát xít Đức và chủ nghĩa quân phiệt Nhật. Để nhanh chóng kết thúc chiến tranh.

- Thành lập tổ chức Liên hiệp quốc nhằm duy trì hoà bình và an ninh thế giới.

- Thoả thuận về việc đóng quân tại các nước nhằm giải giáp quân đội phát xít và phân chia phạm vi ảnh hưởng ở châu Âu và châu Á.

B.3. Tác động:

Những quyết định của hội nghị Ianta đã dẫn tới sự hình thành một trật tự thế giới mới, được gọi là : "Trật tự hai cực Ianta".

ĐỀ II

A LỊCH SỬ VIỆT NAM (7,0 điểm)

❑ Câu 1 (3,0 điểm)

Trình bày điều kiện bùng nổ và ý nghĩa của phong trào cách mạng 1930 -1931 với đỉnh cao là Xô Viết Nghệ - Tĩnh

1.1. Điều kiện bùng nổ:

- Thực dân Pháp tìm cách trút gánh nặng của cuộc khủng hoảng lên đầu nhân dân Việt Nam, làm cho đời sống của nhân dân ta vốn đã khốn khổ lại càng thêm khốn khổ.

- Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời kịp thời lãnh đạo phong trào đấu tranh của quần chúng công – nông khắp cả nước.

1.2. Ý nghĩa của phong trào:

- Là sự kiện trọng đại trong lịch sử nước ta.
- Giáng một đòn quyết liệt vào đế quốc và phong kiến tay sai.
- Chứng tỏ dưới sự lãnh đạo của Đảng, nhân dân ta có khả năng lật đổ nền thống trị của đế quốc và phong kiến để xây dựng cuộc sống mới.

❑ Câu 2 (4,0 điểm).

Cuộc chiến đấu của quân và dân ta ở miền Nam chống chiến lược "Chiến tranh cục bộ" của Mĩ (1965 -1968):

Chiến lược "Chiến tranh cục bộ": hoàn cảnh lịch sử, âm mưu và thủ đoạn của Mĩ.

Nêu những thắng lợi lớn về quân sự của quân và dân ta.

2.1. Hoàn cảnh lịch sử:

Thất bại trong "Chiến tranh đặc biệt", Mĩ chuyển sang chiến lược "Chiến tranh cục bộ" nhằm tiếp tục thực hiện âm mưu xâm lược nước ta.

2.2. Âm mưu và thủ đoạn:

- Đẩy mạnh chiến tranh xâm lược, chống lại các lực lượng cách mạng.

- Tăng cường quân đội viễn chinh Mĩ, quân đội các nước đồng minh của Mĩ, tăng cường vũ khí và phương tiện chiến tranh nhằm chống lại cách mạng và nhân dân miền Nam, đồng thời mở rộng chiến tranh ra miền Bắc.

- Mở cuộc phản công chiến lược mùa khô 1965 – 1966; 1966 – 1967 bằng các cuộc hành quân "tìm diệt" và "bình định".

2.2. Những thắng lợi:

- Chiến thắng Vạn Tường (8 – 1965):

+ Chiến thắng Vạn Tường chứng tỏ bộ đội chủ lực của ta đủ sức đương đầu với quân viễn chinh Mĩ, chứng tỏ cách mạng miền Nam đủ khả năng đánh bại chiến lược "Chiến tranh cục bộ " của Mĩ.

+ Chiến thắng Vạn Tường có tác dụng cổ vũ tinh thần đấu tranh chống Mĩ cứu nước của quân dân miền Nam. Từ đó dấy lên phong trào "Tìm Mĩ mà đánh, tìm ngụy mà diệt".

- Cuộc phản công chiến lược hai mùa khô (1965 – 1966), (1966 – 1967):

+ Với chiến thắng trong hai mùa khô làm cho gọng kìm "tìm diệt" của địch bị bẻ gãy hoàn toàn, buộc địch phải lùi vào thế phòng ngự.

+ Chiến thắng này góp phần làm phá sản "Chiến tranh cục bộ" của Mĩ, là điều kiện để quân dân miền Nam tiến lên Tổng tiến công và nổi dậy Tết Mâu Thân năm 1968.

- Tổng tiến công nổi dậy Tết Mậu Thân (1968):

+ Làm lung lay ý chí xâm lược của quân Mĩ, buộc Mĩ phải tuyên bố "phi Mĩ hoá" chiến tranh xâm lược (tức thừa nhận thất bại của "Chiến tranh cục bộ").

+ Mĩ phải tuyên bố chấm dứt không điều kiện chiến tranh phá hoại miền Bắc, chịu đến bàn đàm phán ở Pari để bàn về chấm dứt chiến tranh.

+ Cuộc Tổng tiến công và nổi dậy đã mở ra bước ngoặt của cuộc kháng chiến chống Mĩ cứu nước của quân dân ta.

B LỊCH SỬ THẾ GIỚI (3,0 điểm)

Nêu hoàn cảnh lịch sử, nội dung và tác động đến sự hình thành trật tự thế giới của hội nghị cấp cao Ianta (02-1945) (như phần trả lời ở đề 1)

KỲ THI TỐT NGHIỆP TRUNG HỌC PHỔ THÔNG NĂM 2007
MÔN THI LỊCH SỬ, TRUNG HỌC PHỔ THÔNG KHÔNG PHÂN BAN

THỜI GIAN LÀM BÀI: 90 PHÚT, KHÔNG KỂ THỜI GIAN GIAO ĐỀ

THÍ SINH CHỌN MỘT TRONG HAI ĐỀ SAU

ĐỀ I

A LỊCH SỬ VIỆT NAM (7,0 điểm)

☐ Câu 1 (3,0 điểm)

Trình bày nội dung Hội nghị thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam đầu năm 1930. Vì sao nói sự ra đời của Đảng là bước ngoặt vĩ đại trong lịch sử cách mạng Việt Nam?

☐ Câu 2 (4,0 điểm)

Trình bày âm mưu, thủ đoạn của đế quốc Mĩ trong chiến lược "Việt Nam hóa chiến tranh". Những thắng lợi quân sự chủ yếu trên các chiến trường miền Nam Việt Nam, Lào và Campuchia của quân dân ba nước Đông Dương đoàn kết chống Mĩ (từ năm 1969 đến năn 1972).

B LỊCH SỬ THẾ GIỚI (3,0 điểm)

Diễn biến chính của cuộc nội chiến ở Trung Quốc (1946 - 1949) sự ra đời của nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa (01 - 10 - 1949) có ý nghĩa như thế nào?

ĐỀ II

A LỊCH SỬ VIỆT NAM (7,0 điểm)

☐ Câu 1 (3,0 điểm)

Trình bày những khó khăn của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa sau ngày Cách mạng tháng Tám 1945 thành công.

☐ Câu 2 (4,0 điểm)

Khái quát diễn biến của cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân 1975 của quân và dân ta ở miền Nam.

B LỊCH SỬ THẾ GIỚI (3,0 điểm)

Diễn biến chính của cuộc nội chiến ở Trung Quốc (1946 - 1949), sự ra đời của nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa (01 - 10 - 1949) có ý nghĩa như thế nào?

HƯỚNG DẪN LÀM BÀI

ĐỀ I

A LỊCH SỬ VIỆT NAM (7,0 điểm)

☐ Câu 1 (3,0 điểm)

Trình bày nội dung Hội nghị thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam đầu năm 1930. Vì sao nói sự ra đời của Đảng là bước ngoặt vĩ đại trong lịch sử cách mạng Việt Nam?

1.1. Nội dung Hội nghị thành lập Đảng:

- Nguyễn Ái Quốc đã phê phán những quan điểm sai lầm của mỗi tổ chức cộng sản riêng rẽ và nêu rõ chương trình của Hội nghị.

- Hội nghị đã thảo luận và nhất trí thống nhất các tổ chức cộng sản thành một Đảng duy nhất lấy tên là Đảng Cộng sản Việt Nam.

- Hội nghị thông qua Chính cương vắn tắt, Sách lược vắn tắt của Đảng do Nguyễn Ái Quốc soạn thảo. Đó là Cương lĩnh cách mạng đầu tiên của Đảng.

- Hội nghị bàn kế hoạch về thống nhất ba tổ chức cộng sản

1.2. Sự ra đời của Đảng là bước ngoặt:

- Chấm dứt sự khủng hoảng về đường lối, cách mạng Việt Nam có sự lãnh đạo đúng đắn để đi đến thắng lợi.

- Là sự chuẩn bị tất yếu cho những thắng lợi về sau của cách mạng Việt Nam.

- Xây dựng được khối liên minh công - nông, tạo ra được một nhân tố cơ bản nữa, đảm bảo thắng lợi cho cách mạng Việt Nam.

- Làm cho cách mạng Việt Nam trở thành một bộ phận khăng khít của thế giới.

☐ Câu 2 (4,0 điểm)

Trình bày âm mưu, thủ đoạn của đế quốc Mĩ trong chiến lược "Việt Nam hóa" chiến tranh. Những thắng lợi quân sự chủ yếu trên các chiến trường miền Nam Việt Nam, Lào và Campu chia của quân dân ba nước Đông Dương đoàn kết chống Mĩ (từ năm 1969 đến năm 1972).

2.1. Âm mưu và thủ đoạn

- Đầu năm 1969, Níchxơn vừa lên nắm chính quyền đã đề ra chiến lược toàn cầu "*Ngăn đe thực tế*".

- Chiến lược "Việt Nam hoá chiến tranh" được tiến hành bằng lực lượng quân đội Sài Gòn là chủ yếu, có sự phối hợp về hoả lực và không quân Mĩ, và vẫn do Mĩ chỉ huy bằng hệ thống cố vấn.

- Để thực hiện chiến lược "Việt Nam hoá chiến tranh" Mĩ đã:

+ Rút dần quân Mĩ và quân đồng minh khỏi chiến tranh để giảm xương máu.

+ Tăng cường lực lượng quân đội Sài Gòn nhằm thực hiện âm mưu "Dùng người Việt đánh người Việt".

- Mĩ dùng lực lượng quân đội Sài Gòn để thực hiện "Đông Dương hoá chiến tranh".

- Mĩ còn dùng thủ đoạn ngoại giao xảo quyệt như thoả thuận với Trung Quốc, hoà hoãn với Liên Xô nhằm hạn chế sự giúp đỡ của các nước đó đối với cuộc kháng chiến của nhân dân ta.

2.2. Những thắng lợi

- Trong hai năm 1970 - 1971, nhân dân ta cùng với nhân dân hai nước Campuchia và Lào giành những thắng lợi có ý nghĩa chiến lược trên mặt trận quân sự và chính trị.

- Trong hai ngày 24 và ngày 25 - 4 - 1970, Hội nghị cấp cao ba nước Việt Nam - Lào - Campuchia họp nhằm biểu thị quyết tâm của nhân dân ba nước Đông Dương đoàn kết chiến đấu chống Mĩ.

- Từ ngày 30 - 4 đến ngày 30 - 6 - 1970, quân đội Việt Nam có sự phối hợp của quân dân Campuchia đã đập tan cuộc hành quân xâm lược Campuchia và quân đội Sài Gòn.

- Từ ngày 12 - 02 đến ngày 23 - 3 - 1971, quân đội Việt Nam có sự phối hợp của quân dân Lào đã tập tan cuộc hành quân mang tên "Lam Sơn -719" chiếm giữ đường 9 - Nam Lào.

B LỊCH SỬ THẾ GIỚI (3,0 điểm)

Diễn biến chính của cuộc nội chiến ở Trung Quốc (1946 - 1949), sự ra đời của nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa (01 - 10 - 1949) có ý nghĩa như thế nào?

B.1. Diễn biến chính:

- Cuộc nội chiến giữa Đảng Quốc dân và Đảng Cộng sản Trung Quốc kéo dài hơn 3 năm (1946- 1949).

- Ngày 20 - 7 - 1946, Tưởng Giới Thạch phát động cuộc chiến tranh chống Đảng Cộng sản.

- Từ tháng 7 - 1946 đến tháng 6 - 1947, Quân giải phóng Trung Quốc thực hiện chiến lược phòng ngự tích cực. Sau giai đoạn này, Quân giải phóng chuyển sang phản công, tiến quân vào các vùng do Đảng Quốc dân kiểm soát.

- Cuối năm 1949, cuộc nội chiến kết thúc, toàn bộ lục địa Trung Quốc được giải phóng. Tập đoàn Tưởng Giới Thạch thất bại, phải tháo chạy ra Đài Loan.

- Ngày 01 - 10 - 1949, nước Cộng hoà Nhân dân Trung Hoa chính thức thành lập, đứng đầu là Chủ tịch Mao Trạch Đông.

B.2. Ý nghĩa:

- Chấm dứt hơn 100 năm nô dịch của đế quốc, xoá bỏ tàn dư phong kiến.

- Đưa nước Trung Hoa bước vào kỉ nguyên độc lập, tự do và tiến lên chủ nghĩa xã hội.

- Ảnh hưởng sâu sắc tới phong trào giải phóng dân tộc thế giới.

ĐỀ II

A LỊCH SỬ VIỆT NAM (7,0 điểm)

❑ Câu 1 (3,0 điểm)

Trình bày những khó khăn của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa sau ngày Cách mạng tháng Tám 1945 thành công.

1.1. Về chính trị, quân sự

- Từ vĩ tuyến 16 trở ra Bắc, có 20 vạn quân Trung Hoa Dân quốc đóng ở Hà Nội và hầu hết các tỉnh phia Bắc.

- Từ vĩ tuyến 16 trở vào Nam, quân đội Anh trà trộn một số quân Pháp nhằm quay trở lại xâm lược nước ta.

- Bọn phản cách mạng trong nước ra sức chống phá cách mạng

1.2. Về kinh tế, tài chính

- Hậu quả nạn đói cuối năm 1944 đầu năm 1945 chưa được khắc phục, nông nghiệp mất mùa, sản xuất bị đình đốn.

- Ngân sách Nhà nước hầu như trống rỗng, lại phải tiêu tiền mất giá của Trung Quốc.

1.3. Về văn hóa

- Hơn 90% dân số bị mù chữ, tệ nạn xã hội còn rất phổ biến.

- Tất cả những khó khăn đó đặt nước ta trước tình thế như "ngàn cân treo sợi tóc".

❑ Câu 2 (4,0 điểm)

Khái quát diễn biến của cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân 1975 của quân và dân ta ở miền Nam.

2.1. Chiến dịch Tây Nguyên

- Ngày 04 -3 - 1975, quân ta đánh nghi binh ở Plây Cu và Kon Tum nhằm thu hút quân địch vào hướng đó.

- Ngày 10 – 3 – 1975, ta đánh ở Buôn Mê Thuột, địch phản công chiếm lại Buôn Mê Thuột nhưng không thành.

- Các ngày 10 và 12 – 3, hệ thống phòng thủ của địch ở Tây Nguyên rung chuyển, quân địch mất tinh thần, hàng ngũ rối loạn.

- Ngày 14 – 3 – 1975, Nguyễn Văn Thiệu ra lệnh rút toàn bộ quân Tây Nguyên về giữ vững duyên hải miền Trung. Đến ngày 24 - 3 - 1975, Tây Nguyên rộng lớn với 60 vạn dân hoàn toàn giải phóng.

2.2. Chiến dịch Huế - Đà Nẵng

- Ngày 21- 3, quân ta đánh thẳng vào căn cứ địch ở Huế, chặn các đường rút chạy của chúng, hình thành thế bao vây chúng trong thành phố.

- Đúng 10 giờ 30 ngày 25 - 3, quân ta tiến vào cố đô Huế, đến hôm sau (26 - 3) thì giải phóng thành phố và toàn tỉnh Thừa Thiên.

- Ở Đà Nẵng, sáng 29 - 3, quân ta từ ba phía Bắc, Tây, Nam tiến thẳng vào thành phố, đến 3 giờ chiều thì chiếm toàn bộ Đà Nẵng.

2.3. Chiến dịch Hồ Chí Minh

- Chiến dịch giải phóng Sài Gòn được Bộ Chính trị quyết định mang tên Chiến dịch Hồ Chí Minh (14 - 4 - 1975).

- Trước khi bắt đầu chiến dịch giải phóng Sài Gòn, quân ta tiến công Xuân Lộc và Phan Rang - những căn cứ phòng thủ trọng yếu của địch bảo vệ Sài Gòn từ phía Đông.

- 17 giờ ngày 26 - 4, quân ta được lệnh tổng nổ súng mở đầu chiến dịch, 5 cánh quân vượt qua tuyến phòng thủ vòng ngoài của địch tiến vào trung tâm Sài Gòn, đánh chiếm các cơ quan đầu não của chúng.

- 10 giờ 45 phút ngày 30 - 4, xe tăng của ta tiến thẳng vào Dinh Độc Lập, bắt sống toàn bộ Chính phủ Trung ương Sài Gòn, Dương Văn Minh vừa lên chức Tổng thống Chính phủ Sài Gòn ngày 28 - 4 đã phải tuyên bố đầu hàng không điều kiện. 11 giờ 30 phút cùng ngày, lá cờ cách mạng tung bay trên nóc Dinh Độc Lập báo hiệu sự toàn thắng Chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử.

B LỊCH SỬ THẾ GIỚI (3,0 điểm)

Diễn biến chính của cuộc nội chiến ở Trung Quốc (1946 -1949) sự ra đời của nước Cộng Hòa Nhân dân Trung Hoa (01-10-1949) có ý nghĩa như thế nào? (Như phần trả lời ở đề 1).

KỲ THI TỐT NGHIỆP TRUNG HỌC PHỔ THÔNG NĂM 2007
MÔN THI LỊCH SỬ, TRUNG HỌC PHỔ THÔNG PHÂN BAN

THỜI GIAN LÀM BÀI: 90 PHÚT, KHÔNG KỂ THỜI GIAN GIAO ĐỀ
THÍ SINH CHỌN MỘT TRONG HAI ĐỀ SAU

I PHẦN CHUNG CHO THÍ SINH CẢ 2 BAN (7,0 điểm)

☐ **Câu 1 (4,0 điểm)**

Chủ trương phát động Tổng khởi nghĩa giành chính quyền của Đảng và Mặt trận Việt Minh. Ý nghĩa lịch sử của Tổng khởi nghĩa tháng Tám 1945 .

☐ **Câu 2 (3,0 điểm)**

Khái quát cuộc đấu tranh của quân dân ta ở miền Nam chống chiến lược " Chiến tranh cục bộ" của đế quốc Mĩ (1965 -1968)

II PHẦN DÀNH CHO THÍ SINH TỪNG BAN (3,0 điểm)

A. Thí sinh ban KHTN chọn câu 3a hoặc 3b

☐ **Câu 3a (3,0 điểm)**

Những nhân tố thúc đẩy sự phát triển "thần kì" của nền kinh tế Nhật Bản từ năm 1952 đến năm 1973.

☐ **Câu 3b (3,0 điểm) .**

Sự ra đời và phát triển của Hiệp hội các nước Đông Nam Á (ASEAN)

B. Thí sinh ban KHXH - NV chọn câu 4a hoặc câu 4b.

☐ **Câu 4a (3,0 điểm)**

Những quyết định của Hội nghị Ianta (2- 1945) và hệ quả của nó.

☐ **Câu 4b (3,0 điểm).**

Nêu những sự kiện dẫn tới tình trạng " chiến tranh lạnh" giữa hai phe Tư bản chủ nghĩa và Xã hội chủ nghĩa sau Chiến tranh thế giới thứ II.

HƯỚNG DẪN LÀM BÀI

I PHẦN CHUNG CHO THÍ SINH CẢ 2 BAN (7,0 điểm)

☐ **Câu 1 (4,0 điểm)**

Chủ trương phát động Tổng khởi nghĩa giành chính quyền của Đảng và Mặt trận Việt Minh. Ý nghĩa lịch sử của Tổng khởi nghĩa tháng Tám 1945 .

1.1. Chủ trương phát động Tổng khởi nghĩa

- Ngày từ ngày 13 - 8 - 1945, khi nhận được những thông tin về Nhật đầu hàng, Trung ương Đảng và Tổng bộ Việt Minh lập tức thành lập *Uỷ ban khởi nghĩa toàn quốc*. 23 giờ cùng ngày, Uỷ ban khởi nghĩa toàn quốc ban bố "*Quân lệnh số 1*" chính thức phát lệnh Tổng khởi nghĩa trong cả nước.

- Từ ngày 14 đến ngày 15 - 8 – 1945, *Hội nghị toàn quốc của Đảng* họp ở Tân Trào (Tuyên Quang), quyết định phát động Tổng khởi nghĩa trong cả nước, giành chính quyền trước khi quân Đồng minh vào Đông Dương; quyết định những vấn đề quan trọng về chính sách đối nội, đối ngoại sau khi giành được chính quyền.

- Tiếp đó, từ ngày 16 đến ngày 17 - 8 – 1945, *Đại hội quốc dân* được triệu tập ở Tân Trào. Đại hội tán thành Tổng khởi nghĩa của Đảng thông qua 10 chính sách của Việt Minh, cử ra *Uỷ ban dân tộc giải phóng Việt Nam* do đồng chí Hồ Chí Minh làm Chủ tịch.

1.2. Ý nghĩa lịch sử

- Mở ra một bước ngoặt lớn trong lịch sử dân tộc ta. Nó đã phá tan xiềng xích nô lệ của thực dân Pháp hơn 80 năm, ách thống trị của phát xít Nhật gần 5 năm, lật nhào ngai vàng phong kiến ngự trị ngót chục thế kỉ ở nước ta, lập nên nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà - Nhà nước do nhân dân lao động làm chủ.

- Đánh dấu bước phát triển nhảy vọt của cách mạng Việt Nam, mở đầu kỉ nguyên mới của dân tộc: kỉ nguyên độc lập, tự do; kỉ nguyên nhân dân lao động nắm quyền, làm chủ đất nước, làm chủ vận mệnh dân tộc; kỉ nguyên giải phóng dân tộc gắn liền với giải phóng xã hội.

- Góp phần chiến thắng chủ nghĩa phát xít trong Chiến tranh thế giới thứ II, đã chọc thủng khâu yếu nhất trong hệ thống thuộc địa của chủ nghĩa đế quốc, góp phần làm suy yếu chúng, cổ vũ mạnh mẽ các dân tộc thuộc địa đấu tranh tự giải phóng, "có ảnh hưởng trực tiếp và rất to lớn đến hai dân tộc bạn là Miên và Lào".

☐ Câu 2 (3,0 điểm).

Khái quát cuộc đấu tranh của quân dân ta ở miền Nam chống chiến lược “Chiến tranh cục bộ” của đế quốc Mĩ (1965 -1968)

- Với ý chí không gì lay chuyển *"Quyết chiến quyết thắng giặc Mĩ xâm lược"*, được sự phối hợp chiến đấu và chi viện của miền Bắc, quân dân miền Nam đã anh dũng chiến đấu và liên tiếp giành thắng lợi.

- Chiến thắng Vạn Tường (Quảng Ngãi) vào ngày 18 - 8 - 1965, loại khỏi vòng chiến đấu 900 địch, bắn cháy 22 xe tăng và xe bọc thép, hạ 13 máy bay.

- Vạn Tường được coi là "Ấp Bắc" đối với quân Mĩ và quân đồng minh, mở đầu cao trào *"Tìm Mĩ mà đánh, lùng nguỵ mà diệt"* trên khắp miền Nam.

- Đánh bại cuộc phản công mùa khô thứ nhất (Đông -Xuân 1965-1966) với 720.000 quân, trong đó Mĩ và đồng minh hơn 220.000, địch mở đợt phản công với 450 cuộc hành quân, trong đó có 5 cuộc hành quân "tìm diệt" lớn, nhằm vào hai hướng chiến lược chính ở Đông Nam Bộ và Liên Khu V, với mục tiêu đánh bại chủ lực quân giải phóng.

- Đánh bại cuộc phản công mùa khô thứ hai (Đông -Xuân 1966-1967), với lực lượng được tăng lên hơn 980.000 quân, trong đó Mĩ và đồng minh hơn 440.000, chúng mở đợt phản công với 895 cuộc hành quân, trong đó có 3 cuộc hành quân lớn *"tìm diệt"* va *"bình định"*, lớn nhất là cuộc hành quân Gianxơn Xiti đánh vào căn cứ Dương Minh Châu (Bắc Tây Ninh), nhằm tiêu diệt quân chủ lực và cơ quan đầu não của ta.

- Cùng với những cuộc chủ động tiến công địch trên chiến trường Trị – Thiên, Đường số 9... quân ta mở màng hàng loạt trận phản công đánh bại các cuộc hành quân "tìm diệt" và "bình định" của địch. - Đánh bại cuộc phản công mùa khô thứ nhất (Đông -Xuân 1965-1966) và mùa khô thứ hai (Đông -Xuân 1966-1967).

- Cùng với những cuộc chủ động tiến công địch trên chiến trường Trị - Thiên, Đường số 9 ... quân ta mở hàng loạt trận phản công đánh bại các cuộc hành quân "tìm diệt" và "bình định" của địch.

- Đỉnh cao là cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Tết Mậu Thân năm 1968

+ Cuộc Tổng tiến công và nổi dậy được mở đầu bằng cuộc tập kích chiến lược của quân chủ lực vào hầu khắp các đô thị trong đêm 30 rạng sáng ngày 31 - 01 - 1968 (đêm giao thừa Tết Mậu Thân).

+ Cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Tết Mậu Thân đã đánh đòn bất ngờ, làm cho địch choáng váng.

+ Cuộc Tổng tiến công và nổi dậy đã làm lung lay ý chí xâm lược của quân Mĩ, buộc Mĩ phải tuyên bố "phi Mĩ hoá" chiến tranh xâm lược (tức thừa nhận thất bại của "Chiến tranh cục bộ"). Mĩ phải tuyên bố chấm dứt không điều kiện chiến tranh phá hoại miền Bắc, chịu đến bàn đàm phán ở Pa ri để bàn về chấm dứt chiến tranh.

II PHẦN DÀNH CHO THÍ SINH TỪNG BAN (3,0 điểm)

A. Thí sinh ban KHTN chọn câu 3a hoặc câu 3b.

☐ Câu 3a (3,0 điểm)

Những nhân tố thúc đẩy sự phát triển "thần kì" của nền kinh tế Nhật Bản từ năm 1952 đến năm 1973.

- Con người được coi là vốn quý nhất, nhân tố quyết định hàng đầu.

- Vai trò lãnh đạo, quản lí có hiệu quả của Nhà nước.

- Chế độ làm việc suốt đời, chế độ hưởng lương theo thâm niên và chủ nghĩa nghiệp đoàn xí nghiệp được coi là ba "kho báu thiêng liêng" làm cho các công ti có sức mạnh và tính cạnh tranh cao.

- Nhật Bản biết áp dụng các thành tựu khoa học - kĩ thuật hiện đại để nâng cao năng suất, chất lượng, hạ giá thành sản phẩm.

- Chi phí cho quốc phòng của Nhật Bản thấp.

- Nhật Bản đã tận dụng tốt các yếu tố bên ngoài để phát triển như tranh thủ các nguồn viện trợ của Mĩ sau chiến tranh, dựa vào Mĩ về mặt quân sự để giảm chi phí quốc phòng, lợi dụng các cuộc chiến tranh ở Triều Tiên (1950 - 1953) và Việt Nam (1954 - 1975) để làm giàu.

Câu 3b (3,0 điểm)

Sự ra đời và phát triển của Hiệp hội các nước Đông Nam Á (ASEAN)

3.1. Sự ra đời

- Sau khi giành được độc lập, các nước ở Đông Nam Á còn gặp nhiều khó khăn nên có nhu cầu hợp tác với nhau cùng phát triển. Đồng thời muốn hạn chế ảnh hưởng của các thế lực bên ngoài đối với khu vực.

- Ngày 8 - 8 - 1967, Hiệp hội các nước Đông Nam Á (viết tắt theo tiếng Anh là ASEAN) được thành lập tại Băng Cốc (Thái Lan) với sự tham gia của 5 nước: Inđônêxia, Malaixia, Xingapo, Thái Lan và Philíppin.

3.2. Quá trình phát triển

- Trong giai đoạn đầu từ năm 1967 – 1975: ASEAN là một tổ chức non yếu, sự hợp tác trong khu vực còn trong trạng thái khởi đầu, chưa có vị trí trên trường quốc tế.

- Từ năm 1976 đến năm 1999: ASEAN có những bước tiến mới. Sự phát triển này được đánh dấu bằng Hội nghị cấp cao lần thứ nhất họp tại Bali (Inđônêxia) tháng 02 - 1976 với việc kí Hiệp ước hữu nghị và hợp tác ở Đông Nam Á (gọi tắt là Hiệp ước Bali).

+ Vào thời điểm này, quan hệ giữa các nước Đông Dương và ASEAN bước đầu được cải thiện. Hai nhóm nước đã thiết lập quan hệ ngoại giao và bắt đầu có các chuyến đi thăm lẫn nhau của các nhà lãnh đạo cấp cao.

Năm 1984, sau khi giành được độc lập, Brunây gia nhập và trở thành thành viên thứ 6 của ASEAN.

+ Từ đầu những năm 90, chiến tranh lạnh chấm dứt và "vấn đề Campuchia" được giải quyết, tình hình chính trị khu vực được cải thiện căn bản, ASEAN có điều kiện mở rộng tổ chức, kết nạp thành viên mới.

+ Ngày 22 - 7 - 1992, Việt Nam và Lào tham gia Hiệp ước Bali. Tiếp đó, tháng 7 - 1995, Việt Nam trở thành thành viên thứ 7 của ASEAN. Tháng 7 - 1997, Lào và Mianma gia nhập ASEAN, và tháng 4 - 1999 Campuchia được kết nạp vào tổ chức này.

- Như vậy, từ 5 nước sáng lập ban đầu, ASEAN đã phát triển thành 10 nước thành viên. Từ đây, ASEAN đẩy mạnh hoạt động hợp tác kinh tế, xây dựng Đông Nam Á thành khu vực hoà bình, ổn định để cùng phát triển.

B. Thí sinh ban KHXH - NV chọn câu 4a hoặc câu 4b.

❑ Câu 4a (3,0 điểm)

Những quyết định của Hội nghị Ianta (2- 1945) và hệ quả của nó.

4.1. Những quyết định:

- Hội nghị Ianta diễn ra cuộc đấu tranh gay gắt giữa ba cường quốc Liên Xô, Mĩ, Anh và cuối cùng đã đi tới những quyết định quan trọng.

- Tiêu diệt tận gốc chủ nghĩa phát xít Đức và chủ nghĩa quân phiệt Nhật. Để nhanh chóng kết thúc chiến tranh, Liên Xô sẽ tham chiến chống Nhật ở châu Á sau khi chiến tranh đã kết thúc ở châu Âu.

- Thành lập tổ chức Liên hiệp quốc nhằm duy trì hoà bình và an ninh thế giới.

- Thoả thuận về việc đóng quân tại các nước nhằm giải giáp quân đội phát xít và phân chia phạm vi ảnh hưởng ở châu Âu và châu Á.

4.2. Hệ quả

Những quyết định của hội nghị Ianta đã dẫn tới sự hình thành một trật tự thế giới mới, được gọi là : "trật tự hai cực Ianta".

❑ Câu 4b (3,0 điểm)

Nêu những sự kiện dẫn tới tình trạng "Chiến tranh lạnh" giữa hai phe Tư bản chủ nghĩa và xã hội chủ nghĩa sau chiến tranh thế giới thứ II.

- Sau Chiến tranh thế giới thứ II, hai cường quốc Liên Xô và Mĩ nhanh chóng chuyển sang thế đối đầu, dần dần đi tới tình trạng chiến tranh lạnh.

- Trước hết, đó là sự đối lập nhau về mục tiêu và chiến lược giữa hai cường quốc: Liên Xô chủ trương duy trì hoà bình an ninh thế giới, bảo vệ những thành quả của chủ nghĩa xã hội và đẩy mạnh phong trào cách mạng thế giới. Ngược lại, Mĩ ra sức chống phá Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa, đẩy lùi phong trào cách mạng nhằm thực hiện mưu đồ bá chủ thế giới.

- Sự kiện được xem là khởi đầu cho chính sách chống Liên Xô gây nên tình trạng Chiến tranh lạnh của Mĩ là bản thông điệp của Tổng thống Truman gửi Quốc hội Mĩ ngày 12 – 3 -1947. Tổng thống Mĩ khẳng định: sự tồn tại của Liên Xô là nguy cơ lớn đối với nước Mĩ.

- Tiếp theo đó, vào đầu tháng 6 - 1947, Mĩ đề ra "Kế hoạch Mácsan" nhằm giúp các nước Tây Âu phục hồi nền kinh tế bị tàn phá sau chiến tranh, nhằm lôi kéo các nước này vào liên minh quân sự với Mĩ để chống Liên Xô và các nước Đông Âu.

- Sự kiện nữa là ngày 04 – 4 -1949, Mĩ thành lập khối-quân sự - tổ chức Hiệp ước Bắc Đại Tây Dương (NATO). Đây là liên minh quân sự lớn nhất của các nước tư bản phương Tây do Mĩ cầm đầu nhằm chống Liên Xô và Đông Âu.

- Trước những hoạt động đe dọa đó, nhất là việc tham gia của CHLB Đức vào NATO, tháng 5 - 1955 Liên Xô và các nước Đông Âu (Anbani, Ba Lan, Hunggari, Bungari, CHDC Đức, Tiệp Khắc, Rumani) đã thành lập tổ chức Hiệp ước Vácsava, một liên minh chính trị-quân sự mang tính chất phòng thủ của các nước xã hội chủ nghĩa châu Âu.

- Sự ra đời của NATO và tổ chức Hiệp ước Vácsava là những sự kiện cuối cùng đánh dấu sự xác lập của cục diện hai cực, hai phe. Chiến tranh lạnh đã bao trùm cả thế giới.

KỲ THI TỐT NGHIỆP TRUNG HỌC PHỔ THÔNG NĂM 2007
MÔN THI LỊCH SỬ, BỔ TÚC TRUNG HỌC PHỔ THÔNG

THỜI GIAN LÀM BÀI: 90 PHÚT, KHÔNG KỂ THỜI GIAN GIAO ĐỀ

THÍ SINH CHỌN MỘT TRONG HAI ĐỀ SAU

ĐỀ I

A LỊCH SỬ VIỆT NAM (7,0 điểm)

❑ Câu 1 (4,0 điểm)

Trình bày ngắn gọn diễn biến, kết quả chiến dịch Việt Bắc thu – đông 1947.

❑ Câu 2 (3,0 điểm)

Trình bày vắn tắt nguyên nhân thắng lợi và ý nghĩa lịch sử cuộc kháng chiến chống Mĩ cứu nước của dân tộc Việt Nam (1945 -1975).

B LỊCH SỬ THẾ GIỚI (3,0 điểm)

Nêu mục đích và nguyên tắc hoạt động của Liên Hiệp Quốc

ĐỀ II

A LỊCH SỬ VIỆT NAM (7,0 điểm)

☐ **Câu 1 (4,0 điểm)**

Nêu bối cảnh lịch sử, chủ trương của Đảng Cộng sản Đông Dương nhằm phát động phong trào dân chủ (1936 -1939). Ý nghĩa lịch sử của phong trào.

☐ **Câu 2 (3,0 điểm).**

Trình bày nội dung cơ bản và ý nghĩa lịch sử của Hiệp định Pa ri về chấm dứt chiến tranh lập lại hòa bình ở Việt Nam (01- 1973)

B LỊCH SỬ THẾ GIỚI (3,0 điểm)

Nêu mục đích và nguyên tắc hoạt động của Liên Hiệp Quốc

HƯỚNG DẪN LÀM BÀI

ĐỀ I

A LỊCH SỬ VIỆT NAM (7,0 điểm)

☐ **Câu 1 (4,0 điểm)**

Trình bày ngắn gọn diễn biến, kết quả chiến dịch Việt Bắc thu – đông 1947.

- Ngày 07 - 10 – 1947, thực dân Pháp huy động 12000 quân và hầu hết máy bay ở Đông Dương tiến công Việt Bắc: nhảy dù xuống Chợ Mới, Bắc Cạn. Quân bộ theo đường số 4 từ Lạng Sơn lên Cao Bằng. Quân thuỷ ngược sông Hồng, sông Lô đánh lên Tuyên Quang để vòng về Bắc Cạn.

- Khi vừa tiến công Việt Bắc, Đảng ta đã có chỉ thị *"Phải phá tan cuộc tiến công mùa đông của giặc Pháp"*.

Trên khắp các mặt trận, quân dân ta đã anh dũng chiến đấu, từng bước đẩy lùi cuộc tiến công của địch.

- Ở Bắc Kạn, quân ta chủ động bao vây và tiến công địch ở Chợ Mới, Chợ Đồn, Chợ Rã, Ngân Sơn, Bạch Thông...buộc Pháp phải rút lui khỏi Chợ Đồn, Chợ Rã cuối tháng 11 - 1947.

- Ở mặt trận hướng đông, quân ta phục kích chặn đánh địch trên Đường số 4, tiêu biểu là trận phục kích ở đèo Bông Lau (30 - 10 - 1947).

- Ở mặt trận hướng tây, quân ta chặn đánh địch nhiều trận trên sông Lô. Một đoàn tàu chiến địch gồm 5 chiếc, có máy bay yểm trợ, đi từ Tuyên Quang đến Đoan Hùng thì rơi vào trận địa phục kích. Ngày 10 - 11 - 1947, đoàn tàu từ Chiêm Hoá về Tuyên Quang lại bị quân ta phục kích ở Khe Lau.

- Ngày 19 - 12 – 1947, đại bộ phận quân Pháp rút khỏi Việt Bắc.

- Quân dân ta đã loại khỏi vòng chiến đấu hơn 6000 địch, bắn rơi 16 máy bay, bắn chìm 11 tàu chiến, ca nô, phá hủy nhiều phương tiện chiến tranh. Cơ quan đầu não kháng chiến của ta được bảo vệ an toàn.

- Với chiến thắng Việt Bắc, cuộc kháng chiến toàn quốc chống thực dân Pháp xâm lược chuyển sang giai đoạn mới.

☐ **Câu 2 (3,0 điểm)**

Trình bày vắn tắt nguyên nhân thắng lợi và ý nghĩa lịch sử cuộc kháng chiến chống Mĩ cứu nước của dân tộc Việt Nam (1945 -1975).

2.1. Nguyên nhân

- Sự lãnh đạo sáng suốt của Đảng với đường lối chính trị, quân sự độc lập, tự chủ; đường lối tiến hành đồng thời cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc và cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở miền Nam.

- Nhân dân ta ở hai miền giàu lòng yêu nước, đoàn kết, nhất trí, lao động cần cù, chiến đấu dũng cảm vì sự nghiệp giải phóng miền Nam, xây dựng bảo vệ miền Bắc, thống nhất nước nhà.

- Nhờ có hậu phương miền Bắc không ngừng lớn mạnh, có khả năng đáp ứng kịp thời các yêu cầu của cuộc chiến đấu ở hai miền.

- Nhờ sự phối hợp chiến đấu, đoàn kết giúp đỡ nhau trong quá trình đấu tranh chống kẻ thù chung của ba dân tộc ở Đông Dương đã tạo nên sức mạnh to lớn cho cách mạng Đông Dương và cách mạng từng nước.

- Nhờ có sự đồng tình, ủng hộ và giúp đỡ của Liên Xô, Trung Quốc và các nước xã hội chủ nghĩa khác.

2.2. Ý nghĩa

- Đã kết thúc 21 năm chiến đấu chống Mĩ và 30 năm chiến tranh giải phóng dân tộc, bảo vệ tổ quốc; chấm dứt ách thống trị của chủ nghĩa đế quốc và chế độ phong kiến ở nước ta. Trên cơ sở đó, hoàn thành cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân trong cả nước, thống nhất đất nước.

- Thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mĩ cứu nước mở ra kỉ nguyên mới của lịch sử dân tộc - Kỉ nguyên đất nước độc lập, thống nhất đi lên chủ nghĩa xã hội.

- Thắng lợi của nhân dân ta, thất bại đế quốc Mĩ đã tác động mạnh đến tình hình nước Mĩ và thế giới nhất là đối với phong trào giải phóng dân tộc.

- Thắng lợi đó "Mãi mãi được ghi vào lịch sử của dân tộc ta như một trong những trang chói lọi nhất, một biểu tượng sáng ngời về sự toàn thắng của chủ nghĩa anh hùng cách mạng và trí tuệ con người và đi vào lịch sử thế giới như một chiến công vĩ đại của thế kỉ XX, một sự kiện có tầm quan trọng quốc tế to lớn và có tính thời đại sâu sắc".

B LỊCH SỬ THẾ GIỚI (3,0 điểm)

Nêu mục đích và nguyên tắt hoạt động cuả Liên hiệp quốc

* Mục đích:

- Duy trì hoà bình và an ninh thế giới.

- Phát triển các mối quan hệ hữu nghị giữa các dân tộc và tiến hành sự hợp tác quốc tế giữa các nước trên cơ sở tôn trọng quyền nguyên tắc bình đẳng và quyền tự quyết của các dân tộc.

* Nguyên tắc:

- Bình đẳng chủ quyền giữa các quốc gia và các quyền tự quyết của các dân tộc .

- Tôn trọng toàn vẹn lãnh thổ và độc lập chính trị của tất cả các nước.

- Không được can thiệp vào công việc nội bộ của bất kì nước nào.

- Giải quyết quyết tranh chấp quốc tế bằng phương pháp hoà bình.

- Chung sống hoà bình và sự nhất trí giữa năm nước lớn (Liên Xô, Mĩ, Anh, Pháp, Trung Quốc).

ĐỀ II

A LỊCH SỬ VIỆT NAM (7,0 điểm)

☐ Câu 1 (4,0 điểm)

Nêu bối cảnh lịch sử, chủ trương của Đảng Cộng sản Đông Dương nhằm phát động phong trào dân chủ (1936 -1939). Ý nghĩa lịch sử của phong trào.

1.1. Hoàn cảnh lịch sử:

- *Thế giới:*

+ Từ đầu những năm 30 của thế kỉ XX, bọn phát xít cầm quyền một số nước như Đức, Italia, Nhật Bản ráo riết chạy đua vũ trang, chuẩn bị chiến tranh thế giới.

+ Tháng 7 - 1935, Quốc tế Cộng sản tiến hành Đại hội lần thứ VII tại Mátxcơva (Liên Xô). Đại hội xác định kẻ thù và nhiệm vụ trước mắt của giai cấp công nhân là chống chủ nghĩa phát xít nhằm mục tiêu đấu tranh giành dân chủ, bảo vệ hoà bình, thành lập mặt trận nhân dân rộng rãi.

+ Tháng 6 - 1936, Mặt trận Nhân dân lên cầm quyền ở Pháp. Chính phủ mới đã cho thi hành một số cải cách tiến bộ ở thuộc địa.

- *Trong nước:*

+ Chính phủ Pháp cử phái đoàn sang điều tra tình hình Đông Dương, thay Toàn quyền mới, sửa đổi luật bầu cử vào Viện dân biểu, ân xá một số tù chính trị, nới rộng quyền tự do báo chí v.v...

+ Lúc này ở Việt Nam, nhiều đảng phái chính trị ra hoạt động, nhưng chỉ có Đảng Cộng sản Đông Dương là đảng mạnh nhất, có tổ chức chặt chẽ và có chủ trương rõ ràng.

+ Thực dân Pháp ở Đông Dương tập trung đầu tư, khai thác thuộc địa để bù đắp sự thiếu hụt cho kinh tế "chính quốc". Đời sống các tầng lớp nhân dân vẫn gặp nhiều khó khăn do chính sách tăng thuế của chính quyền thuộc địa. Chính vì thế, họ hăng hái tham gia phong trào đấu tranh đòi tự do, cơm áo dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Đông Dương.

1.2. Chủ trương của Đảng:

- Xác định: nhiệm vụ chiến lược của cách mạng tư sản dân quyền Đông Dương là chống đế quốc và phong kiến; nhiệm vụ trực tiếp, trước mắt là đấu tranh chống chế độ phản động thuộc địa, chống phát xít, chống nguy cơ chiến tranh, đòi tự do, dân sinh, dân chủ, cơm áo và hoà bình.

- Phương pháp đấu tranh là kết hợp các hình thức công khai và bí mật, hợp pháp và bất hợp pháp.

- Thành lập Mặt trận thống nhất nhân dân phản đế Đông Dương. Tháng 3 - 1938, Mặt trận thống nhất nhân dân phản đế Đông Dương đổi thành *Mặt trận thống nhất dân chủ Đông Dương*, gọi tất là *Mặt trận dân chủ Đông Dương.*

❑ Câu 2 (3,0 điểm)

Trình bày nội dung cơ bản và ý nghĩa lịch sử của Hiệp định Pari về chấm dứt chiến tranh lập lại hòa bình ở Việt Nam (01- 1973)

2.1. Nội dung cơ bản:

- Hoa Kì và các nước cam kết tôn trọng độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của Việt Nam.

- Hoa Kì rút hết quân đội của mình và quân đồng minh, huỷ bỏ các căn cứ quân sự Mĩ, cam kết không tiếp tục dính líu quân sự hoặc can thiệp vào công việc nội bộ của miền Nam Việt Nam.

- Nhân dân miền Nam Việt Nam tự quyết định tương lai chính trị thông qua tổng tuyển cử tự do, không có sự can thiệp của nước ngoài.

- Các bên thừa nhận thực tế miền Nam Việt Nam có hai chính quyền, hai quân đội, hai vùng kiểm soát và ba lực lượng chính trị.

- Hai bên tiến hành trao trả tù binh và dân thường bị bắt.

- Hoa Kì cam kết góp phần vào việc hàn gắn vết thương chiến tranh ở Việt Nam và Đông Dương tiến tới thiết lập quan hệ bình thường và cùng có lợi giữa hai nước.

2.2. Ý nghĩa

- Là kết quả của cuộc đấu tranh kiên cường, bất khuất của quân dân ta ở hai miền đất nước, mở ra bước ngoặt mới của cuộc kháng chiến chống Mĩ cứu nước của dân tộc.

- Là thắng lợi lịch sử quan trọng, tạo ra thời cơ thuận lợi để nhân dân ta tiến lên giải phóng toàn miền Nam.

B LỊCH SỬ THẾ GIỚI (3,0 điểm)

Nêu mục đích và nguyên tắt hoạt động cuả Liên hiệp quốc (như đề 1)

KỲ THI TỐT NGHIỆP TRUNG HỌC PHỔ THÔNG NĂM 2008
MÔN THI LỊCH SỬ, TRUNG HỌC PHỔ THÔNG PHÂN BAN

THỜI GIAN LÀM BÀI: 90 PHÚT, KHÔNG KỂ THỜI GIAN GIAO ĐỀ

I PHẦN CHUNG CHO THÍ SINH CẢ 2 BAN (7,0 điểm)

☐ Câu 1 (3,0 điểm).

Sau Chiến tranh thế giới lần thứ I, các giai cấp trong xã hội Việt Nam có những chuyển biến như thế nào?

☐ Câu 2 (4,0 điểm).

Trình bày điều kiện bùng nổ, diễn biến, kết quả và ý nghĩa của phong trào “Đồng khởi” (1959 -1960) ở miền Nam Việt Nam .

II PHẦN DÀNH CHO THÍ SINH TỪNG BAN (3,0 điểm)

A. Thí sinh ban KHTN chon câu 3a hoặc 3b

☐ Câu 3a (3,0 điểm)

Trình bày sự phát triển kinh tế và khoa học - kĩ thuật của Mĩ từ năm 1945 đến năm 1973

☐ Câu 3b (3,0 điểm)

Trong 10 năm đầu xây dựng chế độ mới (1949 -1959), nhân dân Trung Quốc đã đạt được những thành tựu như thế nào?

B. Thí sinh ban KHXH – NV chọn câu 4a hoặc câu 4b

☐ Câu 4a (3,0 điểm)

Nêu nội dung chủ yếu trong chính sách đối ngoại của Mĩ từ sau Chiến tranh thế giới lần thứ II đến giữa những năm 70 của thế kỉ XX

☐ Câu 4b (3,0 điểm)

Trình bày cuộc đấu tranh giành độc lập của nhân dân Ấn Độ sau Chiến tranh thế giới thứ II (1945-1950).

HƯỚNG DẪN LÀM BÀI

I PHẦN CHUNG CHO THÍ SINH CẢ 2 BAN (7,0 điểm)

☐ Câu 1 (3,0 điểm)

Sau Chiến tranh thế giới lần thứ I, các giai cấp trong xã hội Việt Nam có những chuyển biến như thế nào?

- Giai cấp địa chủ bị phân hoá thành ba bộ phận khá rõ rệt: tiểu địa chủ, trung địa chủ và đại địa chủ. Một bộ phận không ít tiểu và trung địa chủ có tinh thần dân tộc chống thực dân Pháp và tay sai.

- Giai cấp nông dân, bị thống trị, bị tước đoạt ruộng đất, bần cùng hoá, phá sản, không có lối thoát. Mâu thuẫn giữa nông dân Việt Nam - với đế quốc Pháp và tay sai hết sức gay gắt. Đó là cơ sở của sự bùng nổ các cuộc đấu tranh của nông dân trong sự nghiệp giải phóng dân tộc.

- Giai cấp tiểu tư sản thành thị, có tinh thần dân tộc, chống thực dân Pháp và tay sai. Đặc biệt bộ phận học sinh, sinh viên, trí thức rất nhạy cảm với thời cuộc và tha thiết canh tân đất nước nên rất hăng hái tham gia vào các cuộc đấu tranh vì độc lập, tự do của dân tộc.

- Giai cấp tư sản, ra đời sau Chiến tranh thế giới thứ I đã đi vào con đường phát triển kinh tế tư bản dân tộc. Địa vị kinh tế của tư bản Việt Nam rất nhỏ bé. Nhìn chung, tư sản dân tộc Việt Nam là một giai cấp có khuynh hướng dân tộc và dân chủ. Họ là một lực lượng đóng vai trò đáng kể, một thành phần trong mặt trận đoàn kết dân tộc.

- Giai cấp công nhân Việt Nam ngày càng đông đảo. Giai cấp công nhân Việt Nam bị ba tầng áp bức bóc lột của đế quốc thực dân, phong kiến và tư sản bản xứ, chủ yếu là bọn đế quốc thực dân. Họ có quan hệ gắn bó với giai cấp nông dân, phát huy truyền thống yêu nước bất khuất của dân tộc, sớm chịu ảnh hưởng của trào lưu cách mạng vô sản trên thế giới nên đã nhanh chóng vươn lên để trở thành một động lực mạnh mẽ của phong trào dân tộc theo khuynh hướng cách mạng tiên tiến của thời đại.

❑ Câu 2 (4,0 điểm)

Trình bày điều kiện bùng nổ, diễn biến, kết quả và ý nghĩa của phong trào "Đồng khởi" (1959 -1960) ở miền Nam Việt Nam .

2.1. Điều kiện bùng nổ

- Trong những năm 1957 - 1959, Ngô Đình Diệm ban hành đạo luật đặt cộng sản ngoài vòng pháp luật. Luật 10/59 (tháng 5 - 1959) cho phép tay sai Diệm thẳng tay giết hại bất cứ người yêu nước nào hoặc bất cứ ai có biểu hiện chống lại chúng, làm cho hàng vạn cán bộ, đảng viên bị giết hại, hàng chục vạn đồng bào yêu nước bị tù đày. Cuộc đấu tranh của nhân dân ta ở miền Nam đòi hỏi có một biện pháp quyết liệt để đưa cách mạng vượt qua khó khăn thử thách.

- Tháng 01 - 1959, Hội nghị lần thứ 15 Ban Chấp hành Trung ương quyết định để nhân dân miền Nam sử dụng bạo lực cách mạng đánh đổ chính quyền Mĩ - Diệm, và nhấn mạnh; ngoài con đường dùng bạo lực cách mạng, nhân dân miền Nam không có con đường nào khác.

2.2. Diễn biến

- Cuộc nổi dậy ở Vĩnh Thạnh (Bình Định), Bắc Ái (Ninh Thuận) tháng 02 - 1959. Ở Trà Bồng (Quảng Ngãi) tháng 8 - 1959, rồi lan ra khắp miền Nam thành cao trào cách mạng, tiêu biểu với cuộc "Đồng khởi" ở Bến Tre.

- Tại Bến Tre, ngày 17 - 1 - 1960, cuộc "Đồng khởi" nổ ra ở ba xã điểm là Định Thuỷ, Bình Khánh và Phước Hiệp thuộc huyện Mỏ Cày rồi nhanh chóng lan ra các huyện lân cận.

- Hoà nhịp với cuộc "Đồng khởi" ở Bến Tre, nhân dân các tỉnh Tây Ninh, Mĩ Tho, Tân An, Trà Vinh, Bạc Liêu, Rạch Giá, Cà Mau, Châu Đốc, Long Xuyên, Sóc Trăng, Cần Thơ, Kiến Phong, Kiến Tường... đồng loạt nổi dậy, làm chủ 2/3 xã ấp. Từ giữa năm 1960 trở đi, phong trào "Đồng khởi" lan ra khắp các tỉnh từ Cà Mau các tỉnh ven biển miền Trung và Tây Nguyên.

2.3. Kết quả

- Thắng lợi của phong trào "Đồng khởi" mở ra vùng giải phóng rộng lớn, liên hoàn.

- Thắng lợi của phong trào "Đồng khởi" dẫn đến sự ra đời của Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam ngày 20 - 12 - 1960.

2.4. Ý nghĩa

- Phong trào "Đồng khởi" thắng lợi đánh dấu bước ngoặt của cách mạng miền Nam, chuyển cách mạng từ thế giữ gìn lực lượng sang thế tiến công.

- Chấm dứt thời kì ổn định tạm thời chế độ thực dân mới của Mĩ ở miền Nam, mở ra thời kì khủng hoảng của chế độ Sài Gòn.

II PHẦN DÀNH CHO THÍ SINH TỪNG BAN (3,0 điểm)

A. Thí sinh ban KHTN chọn câu 3a hoặc câu 3b.

☐ **Câu 3a (3,0 điểm)**

Trình bày sự phát triển kinh tế và khoa học - kĩ thuật của Mĩ từ năm 1945 đến năm 1973

a) Sự phát triển kinh tế:

- Sau Chiến tranh thế giới thứ II, nền kinh tế Mĩ phát triển mạnh mẽ:

+ Tổng sản phẩm quốc dân tăng bình quân hàng năm là 9%.

+ Sản lượng công nghiệp chiếm hơn một nửa sản lượng toàn thế giới.

+ Sản lượng nông nghiệp tăng 27% so với trước chiến tranh.

+ Mĩ có hơn 50% tàu bè đi lại trên biển, chiếm 3/4 trữ lượng vàng thế giới...

- Trong khoảng 20 năm sau chiến tranh, Mĩ trở thành trung tâm kinh tế - tài chính lớn nhất thế giới.

b) Khoa học - kĩ thuật

- Mĩ là một trong những nước đi đầu trong các lĩnh vực chế tạo công cụ sản xuất mới, vật liệu mới; năng lượng mới; sản xuất vũ khí; chinh phục vũ trụ và đi đầu cuộc "cách mạng xanh" trong nông nghiệp v.v...

- Những thành tựu đó không chỉ thúc đẩy kinh tế Mĩ phát triển, mà còn có ảnh hưởng lớn trên toàn thế giới.

☐ **Câu 3b (3,0 điểm).**

Trong 10 năm đầu xây dựng chế độ mới (1949 -1959), nhân dân Trung Quốc đã đạt được những thành tựu như thế nào?

- Từ năm 1950, nhân dân Trung Quốc bước vào giai đoạn khôi phục kinh tế, tiến hành những cải cách quan trọng: cải cách ruộng đất và hợp tác hoá nông nghiệp, cải tạo công thương nghiệp tư bản tư doanh, tiến hành công nghiệp hoá, xã hội chủ nghĩa, phát triển văn hoá, giáo dục...

- Từ năm 1953, Trung Quốc thực hiện kế hoạch 5 năm đầu tiên (1953 - 1957). Nhờ nỗ lực lao động của toàn dân và sự giúp đỡ của Liên Xô, kế hoạch 5 năm đã thu được những thành tựu to lớn. Bộ mặt đất nước Trung Quốc có nhiều thay đổi rõ rệt.

- Trong những năm 1949 - 1959, Trung Quốc thi hành chính sách ngoại giao tích cực nhằm củng cố hoà bình và thúc đẩy sự phát triển của phong trào cách mạng thế giới.

+ Ngày 14 - 02 - 1950, Trung Quốc kí với Liên Xô "Hiệp ước hữu nghị, đồng minh và tương trợ Trung - Xô ".

+ Ngày 18 - 01 - 1950, Trung Quốc thiết lập quan hệ ngoại giao với Việt Nam.

B. Thí sinh ban KHXH - NV chọn câu 4a hoặc câu 4b.

❑ Câu 4a (3,0 điểm)

Nêu nội dung chủ yếu trong chính sách đối ngoại của Mĩ từ sau Chiến tranh thế giới lần thứ II đến giữa những năm 70 của thế kỉ XX

- Với tiềm lực về kinh tế, và quân sự to lớn, từ sau Chiến tranh thế giới thứ II, Mĩ đã triển khai chiến lược toàn cầu với tham vọng bá chủ thế giới. Tháng 3-1947 trong diễn văn đọc trước Quốc hội Mĩ, Tổng thống H.Truman đã công khai nêu lên "Sứ mệnh lãnh đạo thế giới tự do chống lại sự bành trướng của chủ nghĩa cộng sản".

- Mặc dù các chiến lược cụ thể mang những tên gọi khác nhau, nhưng chiến lược toàn cầu của Mĩ nhằm thực hiện 3 mục tiêu chủ yếu:

+ Ngăn chặn, đẩy lùi và tiến tới tiêu diệt hoàn toàn chủ nghĩa xã hội trên thế giới.

+ Đàn áp phong trào chống chiến tranh, vì hoà bình, dân chủ trên thế giới.

+ Khống chế, chi phối các nước tư bản đồng minh phụ thuộc vào Mĩ. Để thực hiện các mục tiêu chiến lược trên đây, chính sách cơ bản của Mĩ là dựa vào sức mạnh, trước hết là sức mạnh quân sự và kinh tế.

- Mĩ khởi xướng cuộc Chiến tranh lạnh trên phạm vi thế giới, dẫn đến tình trạng đối đầu căng thẳng với Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa. Mĩ trực tiếp hoặc tiếp tay cho nhiều cuộc chiến tranh và bạo loạn, lật đổ ở nhiều nơi trên thế giới, tiêu biểu là việc tiến hành chiến tranh xâm lược Việt Nam và dính líu vào cuộc chiến tranh ở Trung Đông.

❑ **Câu 4b (3,0 điểm)**

Trình bày cuộc đấu tranh giành độc lập của nhân dân Ấn Độ sau Chiến tranh thế giới thứ II (1945-1950).

- Trong những năm 1945 - 1947, cuộc đấu tranh đòi độc lập của nhân dân Ấn Độ dưới sự lãnh đạo của Đảng Quốc đại bùng lên mạnh mẽ.

- Quy mô rộng lớn và khí thế của phong trào đấu tranh đã làm cho chính quyền thực dân Anh phải nhượng bộ, hứa sẽ trao quyền tự trị cho Ấn Độ và người Anh sẽ rời khỏi Ấn Độ trước tháng 7 - 1948.

- Ngày 15 - 8 - 1947, Ấn Độ đã tách thành hai quốc gia: Ấn Độ và Pakixtan.

- Trước sức ép của phong trào quần chúng, thực dân Anh buộc phải công nhân độc lập hoàn toàn của Ấn Độ. Ngày 26 - 01 - 1950, Ấn Độ tuyên bố độc lập và thành lập nước cộng hoà.

KỲ THI TỐT NGHIỆP TRUNG HỌC PHỔ THÔNG NĂM 2008

MÔN THI LỊCH SỬ, TRUNG HỌC PHỔ THÔNG KHÔNG PHÂN BAN

THỜI GIAN LÀM BÀI: 90 PHÚT, KHÔNG KỂ THỜI GIAN GIAO ĐỀ

THÍ SINH CHỌN MỘT TRONG HAI ĐỀ SAU

ĐỀ I

A LỊCH SỬ VIỆT NAM (7,0 điểm)

❑ **Câu 1 (4,0 điểm)**

Tóm tắt hoạt động cách mạng của Nguyễn Ái Quốc trong những năm 1921-1927.

❑ **Câu 2 (3,0 điểm)**

Trình bày khái quát diễn biến và kết qủa của chiến dịch Điện Biên Phủ năm 1945

B LỊCH SỬ THẾ GIỚI (3,0 điểm)

Nêu những thành tựu chủ yếu của kinh tế Mĩ trong hai thập kỉ sau Chiến tranh thế giới thứ II.

ĐỀ II

A LỊCH SỬ VIỆT NAM (7,0 điểm)

❑ **Câu 1 (4,0 điểm)**

Tóm tắt hoàn cảnh lịch sử, kết quả và ý nghĩa của chiến dịch Biên giới thu - đông 1950.

☐ Câu 2 (3,0 điểm)

Trình bày thành tựu trong những năm đầu (1986-1990) của sự nghiệp đổi mới đất nước và ý nghĩa của những thành tựu đó.

B LỊCH SỬ THẾ GIỚI (3,0 điểm)

Nêu những thành tựu chủ yếu của kinh tế Mĩ trong hai thập kỉ sau Chiến tranh thế giới thứ II.

HƯỚNG DẪN LÀM BÀI

ĐỀ I

A LỊCH SỬ VIỆT NAM (7,0 điểm)

☐ Câu 1 (4,0 điểm)

Tóm tắt hoạt động cách mạng của Nguyễn Ái Quốc trong những năm 1921-1927.

- Năm 1921, cùng với một số người yêu nước của Angiêri, Marốc, Tuynidi... Nguyễn Ái Quốc lập ra *Hội Liên hiệp* các dân tộc thuộc địa ở Pari và viết *Người cùng khổ.*

- Người còn viết nhiều bài cho các báo *Nhân đạo* (của Đảng Cộng sản Pháp), *Đời sống công nhân* (của Tổng Liên đoàn lao động Pháp)...và đặc biệt là cuốn *Bản án chế độ thực dân Pháp.* Các sách báo nói trên được bí mật chuyển về Việt Nam đã góp phần thúc đẩy phong trào dân tộc trong nước phát triển mạnh mẽ hơn.

- Tháng 6 - 1923, Nguyễn Ái Quốc bí mật rời nước Pháp sang Liên Xô dự *Hội nghị Quốc tế nông dân.* Người ở lại Liên Xô, vừa nghiên cứu, học tập, viết bài cho báo *Sự thật* của Đảng Cộng sản Liên Xô, tạp chí *Thư tín Quốc tế của* Quốc tế Cộng sản. Tại Đại hội Quốc tế cộng sản lần thứ V (1924), Nguyễn Ái Quốc trình bày lập trường quan điểm của mình về vị trí chiến lược của cách mạng các nước thuộc địa, về mối quan hệ giữa phong trào công nhân ở các nước đế quốc với phong trào cách mạng ở các nước thuộc địa.

- Ngày 11 - 11 - 1924, Nguyễn Ái Quốc đến Quảng Châu (Trung Quốc) để trực tiếp đào tạo cán bộ, xây dựng tổ chức cách mạng, truyền bá lý luận cách mạng giải phóng dân tộc vào Việt Nam. Sự chuyển biến về kinh tế, xã hội và giai cấp ở Việt Nam dưới ách thống trị của thực dân Pháp đã tạo sẵn điều kiện để *"Chủ nghĩa xã hội chỉ còn phải làm cái việc là gieo hạt giống của công cuộc giải phóng nữa thôi".*

- Tháng 6 - 1925, Nguyễn Ái Quốc thành lập Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên để trang bị chủ nghĩa Mác - Lênin cho họ.

- Năm 1927, xuất bản tác phẩm Đường cách mệnh.

☐ Câu 2 (3,0 điểm)

Trình bày khái quát diễn biến và kết qủa của chiến dịch Điện Biên Phủ năm 1945.

2.1. Diễn biến

- Đợt 1, từ ngày 13 đến ngày 17 - 3 - 1954; quân ta tiến công tiêu diệt các cứ điểm Him Lạm và toàn bộ phân khu Bắc.

- Đợt 2, từ ngày 30 - 3 đến ngày 26 - 4 - 1954: quân ta đồng loạt tiến công các cứ điểm phía đông khu Trung tâm Mường Thanh như E_1, D_1, C_1, A_1...Ta chiếm phần lớn các cứ điểm của địch tạo thêm điều kiện để bao vây, chia cắt, khống chế địch.

- Đợt 3, từ ngày 01 - 5 đến ngày 07 - 5 - 1945: quân ta đồng loạt tiến công phân khu Trung tâm Mường Thanh và phân khu Nam. Ngày 07 - 5, tập đoàn cứ điểm ở Điện Biên Phủ bị tiêu diệt.

2.2. Kết quả

Ta đã loại khỏi vòng chiến đấu 16200 địch trong đó có 1 thiếu tướng, bắn rơi và phá hủy 62 máy bay các loại, thu toàn bộ vũ khí, phương tiện chiến tranh.

B LỊCH SỬ THẾ GIỚI (3,0 điểm)

Nêu những thành tựu chủ yếu của kinh tế Mĩ trong hai thập kỉ sau Chiến tranh thế giới thứ II.

- Sau Chiến tranh thế giới thứ II, nền kinh tế Mĩ phát triển mạnh mẽ:

+ Tổng sản phẩm quốc dân tăng bình quân hàng năm là 9%.

+ Sản lượng công nghiệp chiếm hơn một nửa sản lượng toàn thế giới.

+ Sản lượng nông nghiệp tăng 27% so với trước chiến tranh.

+ Mĩ có hơn 50% tàu bè đi lại trên biển, chiếm 3/4 trữ lượng vàng thế giới...

- Trong khoảng 20 năm sau chiến tranh, Mĩ trở thành trung tâm kinh tế - tài chính lớn nhất thế giới.

ĐỀ II

A LỊCH SỬ VIỆT NAM (7,0 điểm)

☐ Câu 1 (4,0 điểm)

Tóm tắt hoàn cảnh lịch sử, kết quả và ý nghĩa của chiến dịch Biên giới thu - đông 1950.

1.1. Hoàn cảnh lịch sử

- Ngày 01 - 10 - 1949, cách mạng Trung Quốc thành công, nước Cộng hoà Nhân dân Trung Hoa ra đời.

- Ngày 18 - 01 - 1950, Chính phủ nước Cộng hoà Nhân dân Trung Hoa, ngày 30 - 01 - 1950 Chính phủ Liên Xô và trong vòng một tháng sau, các nước trong phe XHCN lần lượt công nhận và đặt quan hệ ngoại giao với nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà.

- Ngày 13 - 5 - 1949, có sự đồng ý của Mĩ, Chính phủ Pháp đề ra kế hoạch Rơve. Với kế hoạch Rơve, Mĩ từng bước can thiệp sâu và *"dính líu trực tiếp"* vào cuộc chiến tranh Đông Dương.

- Ngày 07 - 02 - 1950, Mĩ công nhận Chính phủ bù nhìn Bảo Đại; ngày 08 - 5 - 1950, Mĩ đồng ý viện trợ kinh tế và quân sự cho Pháp, nhằm từng bước nắm quyền điều khiển chiến tranh ở Đông Dương.

- Thực hiện kế hoạch Rơve, từ tháng 6 - 1949 Pháp đưa nhiều vũ khí mới vào Việt Nam, tập trung quân ở Nam Bộ, Trung Bộ ra Bắc, tăng cường hệ thống phòng ngự trên đường số 4, thiết lập *"Hành lanh Đông - Tây"*. Trên cơ sở đó, Pháp chuẩn bị một kế hoạch quy mô lớn với tiến công Việt Bắc lần thứ hai, mong giành thắng lợi, nhanh chóng kết thúc chiến tranh.

- Thu – đông 1950, ta chủ trương mở chiến dịch Biên giới nhằm: Tiêu diệt một bộ phận quan trọng sinh lực địch. Mở đường liên lạc với Trung Quốc và thế giới dân chủ. Mở rộng và củng có căn cứ địa Việt Bắc.

1.2. Kết quả

- Chiến dịch Biên giới kết thúc, ta đã loại khỏi vòng chiến đấu hơn 8000 địch, thu trên 3000 tấn vũ khí và phương tiện chiến tranh.

- Giải phóng tuyến biên giới Việt - Trung từ Cao Bằng đến Đình Lập dài 750 km với 35 vạn dân; chọc thủng *"hành lang Đông - Tây"* của Pháp. Kế hoạch Rơve bị phá sản.

1.3. Ý nghĩa

- Con đường nối nước ta với các nước XHCN được khai thông.

- Quân đội ta đã trưởng thành, giành được thế chủ động trên chiến trường chính (Bắc Đông Dương), mở bước phát triển mới của cuộc kháng chiến.

☐ Câu 2 (3,0 điểm)

Trình bày thành tựu trong những năm đầu (1986 - 1990) của sự nghiệp đổi mới đất nước và ý nghĩa của những thành tựu đó.

2.1. Thành tựu

- Về lương thực, thực phẩm, từ chỗ thiếu ăn triền miên, chúng ta đã vươn lên đáp ứng nhu cầu trong nước, có dự trữ và xuất khẩu, góp phần quan trọng ổn định đời sống nhân dân và thay đổi cán cân xuất - nhập khẩu.

- Hàng hoá trên thị trường, nhất là hàng tiêu dùng, dồi dào, đa dạng và lưu thông tương đối thuận lợi.

- Kinh tế đối ngoại phát triển mạnh, mở rộng hơn trước về quy mô, hình thức ... đã góp phần quan trọng vào việc thực hiện các mục tiêu kinh tế - xã hội.

- Đã kìm chế được một bước đà lạm phát.

- Bước đầu hình thành nền kinh tế hàng hoá nhiều thành phần, vận hành theo cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước.

- Những thành tựu, ưu điểm, tiến bộ đạt được chứng tỏ đường lối đổi mới của Đảng là đúng, bước đi của công cuộc đổi mới về cơ bản là phù hợp. Công cuộc đổi mới như một cuộc cách mạng, có thành tựu, ưu điểm, nhưng vẫn còn nhiều khó khăn.

2.2. Ý nghĩa

- Thể hiện chính sách phát triển kinh tế hàng hoá nhiều thành phần được đề ra tại Đại hội VI của Đảng đã đi vào cuộc sống thực tiễn và mang lại kết quả tích cực.

- Khẳng định đường lối đổi mới của Đảng là đúng, bước đi của công cuộc đổi mới cơ bản là phù hợp.

B LỊCH SỬ THẾ GIỚI (3,0 điểm)

Nêu những thành tựu chủ yếu của kinh tế Mĩ trong hai thập kỉ sau Chiến tranh thế giới thứ II. (trả lời như đề I).

KỲ THI TỐT NGHIỆP TRUNG HỌC PHỔ THÔNG NĂM 2008
MÔN THI LỊCH SỬ, BỔ TÚC TRUNG HỌC PHỔ THÔNG

THỜI GIAN LÀM BÀI: 90 PHÚT, KHÔNG KỂ THỜI GIAN GIAO ĐỀ
THÍ SINH CHỌN MỘT TRONG HAI ĐỀ SAU

ĐỀ I

A LỊCH SỬ VIỆT NAM (7,0 điểm)

☐ Câu 1 (3,0 điểm)

Trình bày mục đích và nội dung chương trình khai thác thuộc địa lần thứ hai của thực dân Pháp ở Đông Dương.

☐ Câu 2 (4,0 điểm)

Tóm tắt hoàn cảnh lịch sử, diễn biến kết quả và ý nghĩa của cuộc tiến công chiến lược năm 1972 của quân và dân ta ở miền Nam.

B LỊCH SỬ THẾ GIỚI (3,0 điểm)

Nêu chính sách đối ngoại của Nhật Bản sau Chiến tranh thế giới thứ II.

ĐỀ II

A LỊCH SỬ VIỆT NAM (7,0 điểm)

☐ Câu 1 (3,0 điểm)

Trình bày nhiệm vụ chiến lược của cách mạng ở miền Bắc, Nam trong thời kỳ năm 1954 -1975 và mối quan hệ cách mạng giữa hai miền.

☐ Câu 2 (4,0 điểm)

Tóm tắt hoàn cảnh lịch sử và diễn biến chiến dịch Hồ Chí Minh 1975.

B LỊCH SỬ THẾ GIỚI (3,0 điểm)

Nêu chính sách đối ngoại của Nhật Bản sau Chiến tranh thế giới thứ II.

HƯỚNG DẪN LÀM BÀI

ĐỀ I

A LỊCH SỬ VIỆT NAM (7,0 điểm)

☐ Câu 1 (3,0điểm)

Trình bày mục đích và nội dung chương trình khai thác thuộc địa lần thứ hai của thực dân Pháp ở Đông Dương.

1.1. Mục đích

- Chiến tranh thế giới đã làm cho nền kinh tế của Pháp bị tổn thất nặng nề.

- Để hàn gắn và khôi phục nền kinh tế sau chiến tranh, nhà cầm quyền Pháp vừa tìm cách thúc đẩy sản xuất trong nước, vừa tăng cường đầu tư khai thác thuộc địa, trước hết là các nước ở Đông Dương.

1.2. Nội dung khai thác

- Vốn đầu tư: trong vòng 6 năm (1924 - 1929), số vốn đầu tư vào Đông Dương, chủ yếu là Việt Nam lên đến 4 tỉ phrăng.

- Các lĩnh vực khai thác:

+ Nông nghiệp, đầu tư vốn nhiều nhất vào nông nghiệp, chủ yếu là lập các đồn điền trồng cây công nghiệp và thành lập các công ti: Đất Đỏ, Misơlanh...

+ Công nghiệp, chú trọng đầu tư vào khai thác mỏ, trước hết là mỏ than. Nhiều công ti khai thác mỏ than được thành lập như công ti than Hạ Long - Đồng Đăng, Tuyên Quang, Đông Triều.

- Thương nghiệp, trước hết là ngoại thương có sự tăng tiến hơn trước. Quan hệ giao lưu buôn bán nội địa cũng được đẩy mạnh.

- Giao thông vận tải phát triển nhằm phục vụ công cuộc khai thác và vận chuyển nguyên vật liệu, lưu thông hàng hoá trong và ngoài nước. Ngân hàng Đông Dương nắm trọn quyền chỉ huy kinh tế Đông Dương, phát hành giấy bạc và cho vay lãi.

- Cùng với chính sách khai thác nông, công, thương nghiệp...thực dân Pháp còn thi hành các biện pháp tăng thuế nặng nên ngân sách Đông Dương, thu được năm 1930 tăng gấp 3 lần so với năm 1912.

❑ Câu 2 (4,0 điểm)

Tóm tắt hoàn cảnh lịch sử, diễn biến, kết quả và ý nghĩa của cuộc tiến công chiến lược năm 1972 của quân và dân ta ở miền Nam.

2.1. Hoàn cảnh lịch sử:

- Trong hai năm 1970 – 1971, ta giành nhiều thắng lợi trên các mặt trận quân sự, chính trị, ngoại giao.

- Cách mạng miền Nam đã có những điều kiện và thời cơ thuận lợi cho một cuộc tiến công chiến lược mới.

2.2. Diễn biến:

- Bước vào năm 1972, quân ta mở cuộc tiến công chiến lược từ ngày 30 - 3 đánh vào Quảng Trị, lấy Quảng Trị làm hướng tiến công chủ yếu, rồi phát triển rộng ra khắp chiến trường miền Nam, kéo dài trong năm 1972.

- Quân ta tiến công địch với cường độ mạnh, quy mô lớn, trên hầu khắp các địa bàn chiến lược quan trọng.

2.3. Kết quả

- Sau gần 3 tháng (đến cuối tháng 6 - 1972), quân ta chọc thủng ba phòng tuyến mạnh nhất của địch, là Quảng Trị, Tây Nguyên, Đông Nam Bộ.

- Loại khỏi vòng chiến đấu hơn 20 vạn địch, giải phóng nhiều vùng đất đai rộng lớn và đông dân.

- Sau đòn mở đầu bất ngờ của quân ta, quân đội Sài Gòn có sự yểm trợ của Mĩ đã phản công lại, gây cho ta nhiều thiệt hại; còn Mĩ trở lại chiến tranh phá phá hoại miền Bắc.

2.4. Ý nghĩa

- Mở ra bước ngoặt trong cuộc kháng chiến chống Mĩ cứu nước.

- Giáng đòn nặng nề vào chiến lược "Việt Nam hoá chiến tranh", buộc Mĩ phải tuyên bố "Mĩ hoá" trở lại chiến tranh xâm lược (tức thừa nhận thất bại của "Việt Nam hoá chiến tranh").

B LỊCH SỬ THẾ GIỚI (3,0 điểm)

Nêu chính sách đối ngoại của Nhật Bản sau Chiến tranh thế giới thứ II.

a. Về chính trị và quân sự:

- Nhật Bản dựa vào Mĩ và cấu kết chặt chẽ với Mĩ: tháng 9 – 1951, Nhật kí với Mĩ "Hiệp ước an ninh Mĩ - Nhật", sau hai lần gia hạn, Hiệp ước kéo dài vô hạn.

- Liên minh với Mĩ để chống lại các nước xã hội chủ nghĩa và phong trào giải phóng dân tộc ở Viễn Đông.

- Trở thành "căn cứ chiến lược" của Mĩ trong âm mưu thực hiện "chiến lược toàn cầu".

b. Về kinh tế:

- Tìm cách xâm nhập, giành giật thị trường ở mọi khu vực trên thế giới.

- Bành trướng, xâm nhập và mở rộng phạm vi thế lực bằng kinh tế trên khắp mọi nơi, đặc biệt là Đông Nam Á.

ĐỀ II

A LỊCH SỬ VIỆT NAM (7,0 điểm)

☐ Câu 1 (3,0 điểm)

Trình bày nhiệm vụ chiến lược của cách mạng ở miền Bắc, Nam trong thời kỳ năm 1954 -1975 và mối quan hệ cách mạng giữa hai miền.

- Trong tình hình đất nước tạm thời bị chia cắt làm hai miền, mỗi miền có một nhiệm vụ chiến lược khác nhau.

+ Miền Bắc vừa hàn gắn vết thương chiến tranh, khôi phục kinh tế để đưa miền Bắc tiến lên xây dựng chủ nghĩa xã hội, làm hậu phương lớn cho tiền tuyến lớn ở miền Nam.

+ Miền Nam tiếp tục thực hiện cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân để chống Mĩ - Diệm, giải phóng miền Nam, bảo vệ miền Bắc, đi đến hoà bình, độc lập thống nhất đất nước.

- Quan hệ cách mạng giữa hai miền: mỗi miền thực hiện một chiến lược cách mạng khác nhau, nhưng có quan hệ mật thiết với nhau.

+ Đều thực hiện một nhiệm vụ chiến lược chung là đánh Mĩ và tay sai, nhằm giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước, tạo điều kiện cho cả nước đi lên chủ nghĩa xã hội.

+ Là quan hệ giữa hậu phương và tiền tuyến; phối hợp, tác động thúc đẩy lẫn nhau, tạo điều kiện cho nhau. Thắng lợi của cách mạng ở mỗi miền đều là thắng lợi chung.

❑ Câu 2 (4,0 điểm)

Tóm tắt hoàn cảnh lịch sử và diễn biến chiến dịch Hồ Chí Minh 1975.

2.1. Hoàn cảnh

- Sau thắng lợi Chiến dịch Tây Nguyên và Huế - Đà Nẵng, ta đã giải phóng hơn nửa đất đai và dân số miền Nam. Lực lượng của địch bị giảm sút nghiêm trọng về mọi mặt.

- Cuối tháng 3 – 1975, Bộ Chính trị Trung ương Đảng ta nhận định *"Thời cơ chiến lược đã đến, ta có điều kiện hoàn thành sớm quyết tâm giải phóng miền Nam";* từ đó đi đến quyết định *"Phải tập trung nhanh nhất lực lượng, binh khí kĩ thuật và vật chất giải phóng miền Nam trước mùa mưa (trước tháng 5 - 1975)".* Chiến dịch giải phóng Sài Gòn được Bộ Chính trị quyết định mang tên *Chiến dịch Hồ Chí Minh* (14 – 4 - 1975).

- Trước khi bắt đầu chiến dịch giải phóng Sài Gòn, quân ta tiến công Xuân Lộc và Phan Rang - những căn cứ phòng thủ trọng yếu của địch bảo vệ Sài Gòn từ phía Đông.

2.2. Diễn biến

- Ngày 26 - 4, quân ta được lệnh tổng nổ súng mở đầu chiến dịch, 5 cánh quân vượt qua tuyến phòng thủ vòng ngoài của địch tiến vào trung tâm Sài Gòn, đánh chiếm các cơ quan đầu não của chúng.

- Ngày 28 – 4, ta tấn công sân bay Tân Sơn Nhất.

- 10 giờ 45 phút ngày 30 - 4, xe tăng của ta tiến thẳng vào Dinh Độc Lập, bắt sống toàn bộ Chính phủ Trung ương Sài Gòn, Dương Văn Minh vừa lên chức Tổng thống Chính phủ Sài Gòn ngày 28 – 4 đã phải tuyên bố đầu hàng không điều kiện. 11 giờ 30 phút cùng ngày, lá cờ cách mạng tung bay trên nóc Dinh Độc Lập báo hiệu sự toàn thắng Chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử.

B LỊCH SỬ THẾ GIỚI (3,0 điểm)

Nêu chính sách đối ngoại của Nhật Bản sau Chiến tranh thế giới thứ hai. (như trả lời ở đề I)

MỤC LỤC

Lời nói đầu 3
CẤU TRÚC CHƯƠNG TRÌNH THI TỐT NGHIỆP THPT 5
Bài 1 9
Bài 2 11
Bài 3 15
Bài 4 17
Bài 5 22
Bài 6 23
Bài 7 25
Bài 8 28
Bài 9 32
Bài 10 35
Bài 11 37
Bài 12 39
Bài 13 44
Bài 14 50
Bài 15 54
Bài 16 58
Bài 17 71
Bài 18 76
Bài 19 81
Bài 20 84
Bài 21 91
Bài 22 98
Bài 23 107
Bài 24 114
Bài 25 116
Bài 26 118
Tham khảo đề thi Tốt nghiệp THPT từ năm 2006 đến năm 2008 127

SÁCH PHÁT HÀNH TẠI

TP. HỒ CHÍ MINH:
NS HỒNG ÂN - 18D Nguyễn Thị Minh Khai – Quận I

ĐÀ NẴNG:
CÔNG TY CP SÁCH - TBTH – 78 Bạch Đằng
THANH HÓA:
NS VĂN HÓA – 27 – 29 Đại lộ Lê Lợi
NGHỆ AN:
NS VĂN HÓA – 343 Lê Duẩn – TP. Vinh
QUẢNG BÌNH:
CÔNG TY SÁCH TBTH – 03 Mẹ Suốt và 257 Trần Hưng Đạo
QUẢNG TRỊ:
CỬA HÀNG SÁCH GIÁO DỤC – 283 Trần Hưng Đạo
HUẾ:
NS HỒNG ĐỨC – 59 Trần Phú
QUẢNG NAM:
CÔNG TY SÁCH TBTH – 190 Phan Chu Trinh
NS SIÊU THỊ VĂN HÓA ĐIỆN ẢNH TAM KỲ – 24 Trần Cao Vân
QUẢNG NGÃI:
NS VĂN HÓA – 204 Nguyễn Nghiêm
NS TRẦN QUỐC TUẤN – 526 Quang Trung
BÌNH ĐỊNH:
NS VĂN HÓA – 120 Lê Lợi – Quy Nhơn
PHÚ YÊN:
NS VĂN HÓA – Ô phố B8 khu dân dụng DUY TÂN – Tuy Hòa
KHÁNH HÒA:
CÔNG TY CP PHS – 34 – 36 Thống Nhất – Nha Trang
SIÊU THỊ TÂN TIẾN – 11 Lê Thành Phương
BÌNH THUẬN:
NS HƯNG ĐẠO – 328 Trần Hưng Đạo – TP. Phan Thiết
ĐỒNG NAI:
NS KIM NGÂN – 88 Cách Mạng Tháng Tám – TP. Biên Hòa
VŨNG TÀU:
NS ĐÔNG HẢI – 38 Lý Thường Kiệt
NS ABC – 204 Bình Giã
GIA LAI:
NS NHÂN DÂN – 06 Lê Lợi – Pleiku
CÔNG TY SÁCH TBTH – 40B Hùng Vương
DAKLAK:
NS GIÁO DỤC – 19 Trường Chinh
NS LÝ THƯỜNG KIỆT – 55 – 57 Lý Thường Kiệt
CÔNG TY CP VĂN HÓA DAKLAK – 01 Hai Bà Trưng

NS. **HỒNG ÂN**

www.nhasachhongan.com.vn
Email: baolongco_ha@vnn.vn
18D Nguyễn Thị Minh Khai - Q.1 - TP.HCM
ĐT: 38246706 - 08083021 - 39107095 ◆ Fax: 08083017

Điểm đến của tri thức

Mời bạn tìm đọc:

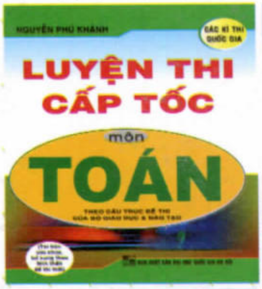
NGUYỄN PHÚ KHÁNH
LUYỆN THI CẤP TỐC môn TOÁN

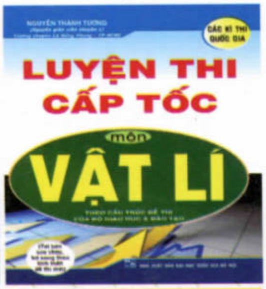
LUYỆN THI CẤP TỐC môn VẬT LÍ

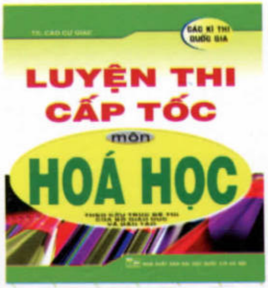
LUYỆN THI CẤP TỐC môn HOÁ HỌC

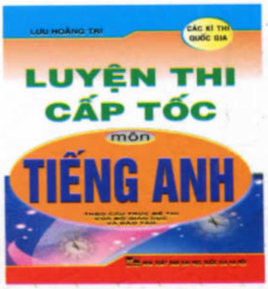
LƯU HOẰNG TRÍ
LUYỆN THI CẤP TỐC môn TIẾNG ANH

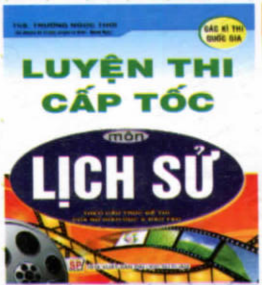
LUYỆN THI CẤP TỐC môn LỊCH SỬ

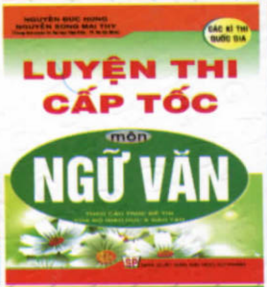
LUYỆN THI CẤP TỐC môn NGỮ VĂN

ÔN LUYỆN THI ĐẠI HỌC KHỐI C Văn Sử Địa

những Bài Văn Đạt Giải QUỐC GIA

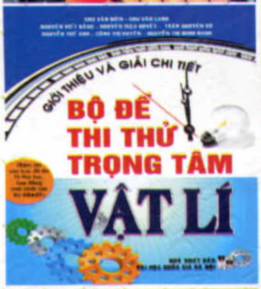
GIỚI THIỆU VÀ GIẢI CHI TIẾT BỘ ĐỀ THI THỬ TRỌNG TÂM VẬT LÍ

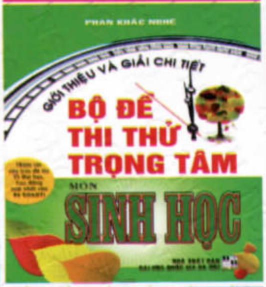
PHAN KHẮC NGHỆ
GIỚI THIỆU VÀ GIẢI CHI TIẾT BỘ ĐỀ THI THỬ TRỌNG TÂM MÔN SINH HỌC

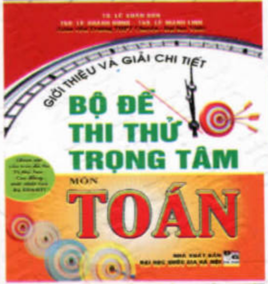
GIỚI THIỆU VÀ GIẢI CHI TIẾT BỘ ĐỀ THI THỬ TRỌNG TÂM MÔN TOÁN

NGUYỄN TẤN TRUNG
HƯỚNG DẪN GIẢI đề thi TRẮC NGHIỆM HOÁ HỌC

BỘ ĐỀ LUYỆN THI THỬ theo chuyên đề HOÁ HỮU CƠ

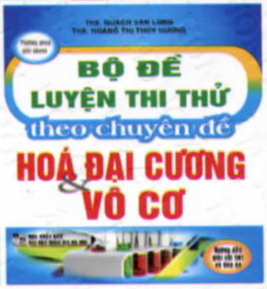
BỘ ĐỀ LUYỆN THI THỬ theo chuyên đề HOÁ ĐẠI CƯƠNG & VÔ CƠ

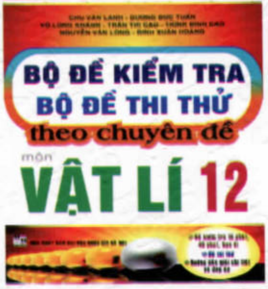
BỘ ĐỀ KIỂM TRA BỘ ĐỀ THI THỬ theo chuyên đề môn VẬT LÍ 12

BỘ ĐỀ THI THỬ theo chuyên đề môn TOÁN

DV
128

Bán tại

- NS MINH TÂM, 245 Trần Nguyên Hãn - HP * ĐT: (0313) 858699
- 29&31 Phan Bội Châu - Hải Phòng *ĐT: (0313) 839599
- 04 Lý Thái Tổ - TP. Đà Nẵng *ĐT: 0511.3823421
- 259 Lê Duẩn - TP. Vinh - ĐT: 0383.554777
- 94 Xô Viết Nghệ Tĩnh - Cần Thơ - ĐT: (0710) 3818891
- 51 Lý Thường Kiệt - TP Đồng Hới - QB * ĐT: (0523) 857868

8 935092 750385

Giá: 37.000đ